

VỚI LỜI GIỚI THIỆU CỦA
NHÀ TOÁN HỌC NGŨ BẢO CHÂU
VÀ NHÀ VĂN PHAN VIỆT

PHILIP ROTH

CẢNH CỬA MỞ RỘNG

Hà Nguyễn, Sao Mai dịch

BAO ỨNG

tiểu thuyết



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Báo ỨNG

Philip Roth

Chia sẻ ebook: <http://www.downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

THÔNG TIN EBOOK

DỰ ÁN HẠNH PHÚC

MỘT KIỆT TÁC THỰC SỰ

TÁC GIẢ

LỜI BẠT

Tủ sách CÁNH CỬA MỞ RỘNG

LỜI GIỚI THIỆU CỦA NHÀ TOÁN HỌC NGÔ BẢO CHÂU VÀ NHÀ
VĂN PHAN VIỆT

LỜI CẢM ƠN

NEWARK

INDIAN HILL

GẶP LẠI

CHÚ THÍCH

MỘT KIỆT TÁC THỰC SỰ

Dựng lên một biểu tượng anh hùng rồi lạnh lùng kéo sập nó ngay trước mắt độc giả chính xác là điều mà Philip Roth đã làm trong cuốn tiểu thuyết "*Báo ứng*" - cuốn tiểu thuyết cuối cùng trong văn nghiệp của ông, Roth muốn bạn đọc có thể chiêm nghiệm thông điệp sâu sắc: *không phải thành công tạo nên giá trị con người mà chính những lựa chọn của anh ta sẽ tạo nên điều đó.*

Ông đưa chúng ta quay về mùa hè oi ả năm 1944, tại thành phố Newark thuộc tiểu bang Illinois - nước Mỹ chính nơi đây ông đã khắc họa nên hình tượng Bucky Cantor - một giáo viên dạy thể dục, được biết đến như một siêu nhân tốt bụng, chính trực luôn sống có trách nhiệm, anh chính là tượng đài trong lòng của những cô cậu học trò bé nhỏ.

"Chạy đà cùng cây lao giơ trên cao, cánh tay cầm lao đưa sâu ra đằng sau, rồi vung mạnh ra phía trước và buông cho ngọn lao bay đi tạo nên một đòn tấn công sấm sét - trong mắt chúng tôi thầy dường như bất khả chiến bại."

Rồi "cơn ác mộng" mang tên sốt bại liệt ập đến, nó đã cướp đi khả năng vận động và sinh mạng của những đứa học trò anh yêu thương. Thế rồi tác giả đã thối bùng lên trong anh nỗi đau thương mất mát, sự sợ hãi đến tuyệt vọng và đặt anh trước sự "đánh đổi" lớn nhất của cuộc đời. Vậy mà, đứng trước cuộc chiến thật sự của cuộc đời mình anh lại trở nên yếu đuối, anh đã không đủ mạnh mẽ để bảo vệ những điều tốt đẹp trong con người mình. Bằng những giá trị tốt đẹp mà anh được dạy để trở thành anh đã đấu tranh tư tưởng rất dữ dội, vậy mà cuối cùng anh lại thua cuộc, thua chính mình, thua thâm. Bucky đã từng rất thất vọng về bản thân và ghen tỵ với hai người bạn thân vì họ được ra chiến trường chiến đấu như những người hùng còn anh bị loại chỉ bởi thị lực kém, vậy mà giờ đây anh đã chọn trở thành kẻ "đào ngũ" ngay trên "chiến trường" riêng của cuộc đời mình. Anh bỏ đi

vì không muốn đối mặt với những đứa trẻ anh yêu thương đang bị bại liệt tàn phá, anh sợ hãi căn bệnh sẽ huỷ hoại tương lai tươi đẹp của chính anh, nhưng Bucky đâu ngờ chính quyết định này sẽ là mồ chôn số phận con người chính trực và sống đầy trách nhiệm - con người mà anh đã từng là.

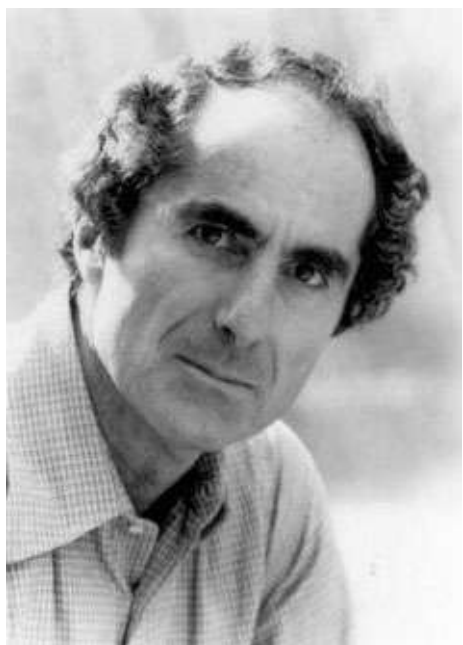
Cuộc đời luôn cho chúng ta nhiều hơn một cơ hội nhưng hết lần này đến lần khác anh đã từ chối chiến đấu để tạo dựng lại giá trị cho bản thân. Tự hỏi rằng con người ta phải tỉnh táo và mạnh mẽ đến mức nào mới có thể đứng vững trước những bóng ma cám dỗ của số phận..? Tôi thật sự cảm thấy đau lòng và tiếc nuối cho Bucky. Anh sụp đổ, anh bắt đầu đổ lỗi cho Chúa trời, cho chính mình, anh không nhận ra rằng chỉ trong những thử thách nghiệt ngã nhất của số phận, những con người thật sự cao quý và mạnh mẽ mới được sinh ra.

Có lẽ ai trong chúng ta cũng phải ít nhất một lần trong đời đứng trước những khúc quanh số phận như thế. Xem ra chẳng ngẫu nhiên mà GS. Ngô Bảo Châu và nhà văn Phan Việt lại chọn "*Báo ứng*" đưa vào tủ sách CCMR để giới thiệu đến độc giả trẻ Việt Nam - những người đang từng bước tạo dựng giá trị bản thân, tạo dựng tương lai. Họ muốn nhắc nhở chúng ta rằng hãy luôn tỉnh táo, mạnh mẽ và hãy sống chính trực có trách nhiệm. Hãy can đảm trước khó khăn của mình và tử tế khi người khác gặp hoạn nạn. Chỉ con đường đó mới hiển lộ chân giá trị đẹp đẽ trong mỗi chúng ta.

@Trangle - Happiness Project

TÁC GIẢ

Philip Milton Roth sinh năm 1933 tại thành phố Newark, bang New Jersey, Mỹ trong một gia đình Do Thái nhập cư. Ông tốt nghiệp ngành Ngữ văn tại Đại học Bucknell, sau đó học cao học Văn chương Anh tại Đại học Chicago. Roth dạy sáng tác tại Đại học Iowa và Princeton, dạy văn học so sánh tại Đại học Pennsylvania cho tới khi về hưu vào năm 1992.



Philip Roth là nhà văn đương đại lớn của Mỹ với hai lần được tặng giải thưởng Sách Toàn Quốc (National Book Award), giải thưởng của giới phê bình sách toàn quốc (National Book Critics Circle Award) và ba lần đạt được giải thưởng PEN/Faulkner. Năm 2005, tiểu thuyết "*The Plot Against America*" (Âm mưu chống lại nước Mỹ) của ông nhận được giải của Hiệp hội Sử gia Hoa Kỳ (Society of American Historians) vì tác phẩm này "là cuốn tiểu thuyết lịch sử xuất chúng viết về đề tài nước Mỹ trong những năm 2003 - 2004." Ông cũng giành được hai giải thưởng cao quý nhất thuộc hệ thống giải Văn học PEN (PEN Literary Award): PEN/Nabokov và PEN/Bellow. Philip Roth là tiểu thuyết gia người Mỹ duy nhất ngay từ khi còn sống đã được thư viện Hoa Kỳ (Library of America) phát hành toàn tập

tác phẩm. Tập cuối cùng - tập thứ chín được lên kế hoạch phát hành trong năm 2013.

LỜI BẠT

Một tiểu thuyết về sự đau thương và mạnh mẽ. Như cách ta phản ứng lại cuộc đời này: một là gục ngã, và một là tạo ra giá trị của chính mình.

NHẬT BÁO USA TODAY

Chiều ấy thầy thực hiện nhiều lần các màn phóng lao, lần nào cũng gọn gàng và đầy uy lực, mỗi cú phóng đều kèm theo một tiếng hét và tiếng gừ trong họng; và lần nào, điều khiến chúng tôi phấn khích là, lần ném sau đều tiếp đất xa hơn lần ném trước vài mét. Chạy đà cùng cây lao giơ trên cao, cánh tay cầm lao đưa sâu ra đằng sau, rồi vung mạnh ra phía trước và buông cho ngọn lao bay đi tạo nên một đòn tấn công sấm sét - trong mắt chúng tôi thầy dường như bất khả chiến bại.

Tủ sách CÁNH CỬA MỞ RỘNG

Tủ sách hợp tác giữa nhà toán học Ngô Bảo Châu, nhà văn Phan Việt với Nhà xuất bản Trẻ

Tủ sách CÁNH CỬA MỞ RỘNG được thực hiện nhằm mục đích giới thiệu những đầu sách có giá trị của thế giới và trong nước đến bạn đọc Việt Nam, đặc biệt là bạn đọc trẻ, góp phần thúc đẩy việc đọc sách, tinh thần hiếu học, coi trọng tri thức và những giá trị sống. Các tựa sách trong tủ do nhà toán học Ngô Bảo Châu và nhà văn Phan Việt tuyển chọn và giới thiệu.

Tủ sách được phân thành ba mảng: văn học, khoa học xã hội - kinh tế, và khoa học tự nhiên; trước mắt cấu tạo tủ sách gồm 80% các sách có khả năng tiếp cận đông đảo bạn đọc và 20% cho các sách chuyên ngành.

NEMESIS

Copyright © 2010 by Philip Roth. All rights reserved. Bản tiếng Việt © NXB Trẻ, 2013

Báo ứng: tiểu thuyết / Philip Roth; Hà Nguyễn, Sao Mai dịch. - T.p. Hồ Chí Minh: Trẻ, 2013.

Nguyên bản: Nemesis.

LỜI GIỚI THIỆU CỦA NHÀ TOÁN HỌC NGÔ BẢO CHÂU VÀ NHÀ VĂN PHAN VIỆT

Bucky Cantor trong *Báo ứng* sống với ông bà từ nhỏ vì mẹ anh mất sớm, cha anh là kẻ trộm. Vì mắt kém, Bucky không thể gia nhập quân ngũ trong thế chiến thứ hai; trái lại anh trở thành một giáo viên dạy thể dục mà các học sinh rất yêu mến và chuẩn bị kết hôn với một đồng nghiệp. Nhưng mùa hè năm 1944, tất cả thay đổi khi những ca bại liệt lần lượt xảy ra với học sinh của anh. Khi chính Bucky cũng bị bại liệt, anh tin rằng mình là nguồn gốc lây bệnh bại liệt và cái chết của những đứa trẻ...

Là cuốn sách thứ 31 và cuốn sách cuối cùng trong sự nghiệp cầm bút đồ sộ của Philip Roth, một trong những nhà văn đương đại lớn nhất của Mỹ, *Báo ứng* cũng như nhiều tiểu thuyết khác của Roth khai thác những vấn đề quan trọng nhưng không mấy vui vẻ với con người: sự bất lực, sự già nua, cái ác, cảm giác tội lỗi, sự sợ hãi, và cái chết. *Báo ứng* hỏi một câu hỏi có thể dễ trả lời về mặt nguyên tắc đạo đức tập thể, nhưng lại rất khó trả lời với mỗi cá nhân: làm người tốt để làm gì khi mà dù bạn tốt đến mấy, cuộc đời dường như luôn dành cho bạn toàn những đau khổ? Quan trọng hơn, rút cục thì cuộc sống này là thế nào nếu mọi thứ đến và đi một cách vô tình, gần như kì dị, như thế?

NGÔ BẢO CHÂU và PHAN VIỆT

LỜI CẢM ƠN

Những tư liệu gốc mà tôi dùng để tham khảo gồm có: "*The Throws Manual*" (Cẩm nang phóng lao) của George D. Dunn, Jr., và Kevin McGill; "*The Encyclopedia of Religion*" (Bách khoa toàn thư về tôn giáo), do Mircea Eliade biên soạn; "*Teaching Springboard Diving*" (Hướng dẫn môn nhảy cầu) của Anne Ross Fairbanks; "*Camp Management and Recreational Programs for Summer Camps*" (Quản lý trại hè và những chương trình giải trí dành cho trại hè) của H. w. Gibson; "*Dirt and Disease*" (Dơ bẩn và bệnh tật) của Naomi Rogers; "*Polio's Legacy*" (Di chứng bệnh bại liệt) của Edmund J. Sass; "*A Paralyzing Fear*" (Nỗi kinh hoàng tàn tật) của Nina Gilden Seavey, Jane s. Smith và Paul Wagner; "*Polio Voices*" (Các thể bại liệt) của Julie Silver và Daniel Wilson; và "*A Manufactured Wilderness*" (Vùng hoang dã nhân tạo) của Abigail Van Slyck. Đặc biệt hữu dụng là tác phẩm "*The Book of Woodcraft*" (Cẩm nang về rừng) của Ernest Thompson Seton, tôi đã thoải mái dẫn thông tin lấy từ đó, và "*Manual of the Woodcraft Indians*" (Sổ tay đi rừng của người da đỏ) cũng của Seton, tôi đã trích dẫn nguyên văn trong đó.

NEWARK

CA BẠI LIỆT ĐẦU tiên của mùa hè năm đó xuất hiện vào những ngày đầu tháng Sáu, ngay sau Ngày Tưởng niệm [1](#), tại một khu phố nơi những người Ý nghèo khó cư ngụ, ở tận phía đầu kia của thành phố. Còn ở góc tây nam thành phố, tại khu Weequahic của người Do Thái, chúng tôi không nghe thấy ai nói gì về căn bệnh, cũng như không ghi nhận được bất cứ thông tin gì về hơn một chục ca nhiễm bệnh tiếp theo lần lượt xuất hiện rải rác khắp Newark tại tất cả các khu dân cư lân cận, ngoại trừ khu Weequahic của chúng tôi. Mãi tới ngày Bốn tháng Bảy, khi số ca mắc bệnh trong thành phố được báo cáo đã lên đến con số bốn mươi, mới có một bài báo nhan đề "Chủ tịch ủy ban Y tế báo động các bậc phụ huynh về căn bệnh bại liệt" đăng trên trang nhất tờ tin buổi chiều, trong đó dẫn lời của bác sĩ William Kittell, giám sát viên của ủy ban Y tế rằng các bậc phụ huynh cần theo dõi sát sao con cái mình và liên hệ ngay với bác sĩ trong trường hợp trẻ có các biểu hiện nhưc đầu, đau họng, buồn nôn, cứng cổ, đau khớp hay sốt. Mặc dù bác sĩ Kittell thừa nhận rằng số lượng bốn mươi ca là nhiều gấp đôi số ca bệnh thường được báo cáo ở đầu mùa bại liệt hằng năm, nhưng ông muốn mọi người hiểu rõ rằng với một thành phố có số dân 429.000 người thì chưa thể coi đó là một trận dịch bại liệt. Mùa hè năm nay cũng giống như mùa hè mọi năm, thành phố có cơ sở để phải quan tâm và phòng ngừa đúng cách những vấn đề về vệ sinh, song vẫn chưa có cơ sở gì cho cái gọi là báo động mà các bậc phụ huynh đã lo lắng là "đủ chính đáng" cả, hai mươi tám năm trước, trong quãng thời gian bùng nổ dịch bại liệt lớn nhất từng được ghi nhận - nạn dịch ở vùng đồng bắc nước Mỹ vào năm 1916 - đã có hơn 27.000 ca nhiễm, với 6.000 người chết. Lúc đó ở Newark có 1.360 ca và 363 người tử vong.

Giờ đây, ngay cả trong một năm có số ca nhiễm bệnh ở mức trung bình thì khả năng mắc bệnh bại liệt đã giảm thiểu rất nhiều so với hồi năm 1916. Đây là căn bệnh liệt bại để lại cho trẻ nhỏ di chứng tàn tật, cơ thể bị biến dạng hay suốt đời phải nằm trong một thiết bị trợ thở làm bằng ống trụ kim

loại mà ta thường gọi là phổi nhân tạo - hoặc có thể dẫn tới liệt các cơ hô hấp gây tử vong - đã khiến các bậc phụ huynh trong cộng đồng dân cư của chúng tôi vô cùng e ngại và làm cho lũ trẻ mất thói mái trong những tháng hè được nghỉ học và vui chơi bên ngoài suốt ngày tới tận đêm khuya. Nỗi lo về những di chứng khủng khiếp của bại liệt càng thêm trầm trọng bởi thực tế rằng đến giờ vẫn không có thuốc đặc trị cũng như vắc-xin phòng dịch. Căn bệnh bại liệt - hay còn được gọi là chứng bệnh "liệt bại ở trẻ nhỏ" khi người ta còn tưởng nó chủ yếu gây bệnh cho trẻ ở lứa tuổi chập chững biết đi - có thể xảy ra với bất kỳ ai và không vì lý do cụ thể nào. Mặc dù bệnh nhân thường là trẻ em dưới mười sáu tuổi, nhưng người lớn cũng có thể bị lây nhiễm nặng, như trường hợp tổng thống Mỹ đương nhiệm.

Tổng thống Franklin Delano Roosevelt, nạn nhân nổi tiếng nhất của chứng bại liệt, đã mắc phải căn bệnh này khi ông ở độ tuổi ba mươi chín. Đang từ một con người mạnh khỏe, cường tráng, sau khi mắc bệnh, ông phải có người đỡ mỗi khi đi lại, thậm chí về sau để có thể đứng được, ông còn phải mang thiết bị chỉnh hình nặng trĩu, được chế tạo từ thép-và-da-thuộc, kéo dài từ hông xuống đến chân. Tổ chức từ thiện March of Dimes do tổng thống FDR thành lập khi ông ở Nhà Trắng, quyên góp tiền cho công tác nghiên cứu và hỗ trợ tài chính cho những gia đình người bệnh; bởi việc phục hồi một phần hoặc hoàn toàn sức khỏe là khả thi nhưng thường phải mất nhiều tháng hoặc nhiều năm áp dụng vật lý trị liệu và phục hồi chức năng rất tốn kém trong bệnh viện. Trong cuộc vận động quyên góp quỹ hằng năm, ở các trường học, trẻ nhỏ Mỹ tặng những đồng xu chúng có để trợ giúp để chống lại căn bệnh, người ta bỏ tiền của mình vào các hộp quyên góp bằng kim loại mà nhân viên hướng dẫn chỗ ngồi trong các rạp chiếu phim chuyển tới từng người, những tấm áp-phích với dòng chữ "Bạn cũng có thể giúp đỡ!" và "Hãy chung tay chống lại căn bệnh bại liệt!" xuất hiện trên tường các cửa hiệu, công sở và những hành lang trường học trên khắp đất nước, những tấm áp-phích in hình các đứa trẻ ngồi trên xe lăn, mang nẹp chỉnh hình ở chân - một bé gái xinh xắn đang bẽn lẽn mút ngón tay cái, một bé trai với nụ cười hy vọng đầy quả cảm trên gương mặt sáng

sủa - những tấm áp-phích này gây cảm giác cho tất cả những đứa bé còn khỏe mạnh về một thực tế bị nhiễm bệnh còn đáng sợ hơn rất nhiều.

Vào mùa hè, không khí ẩm ướt tràn lan khắp vùng đất trung Newark, do một phần thành phố bị vây quanh bởi những miền đầm lầy rộng lớn - đây cũng là nguồn cơn chủ yếu khiến bệnh sốt rét, cũng là một căn bệnh không thể tiêu diệt nổi cứ đến hè là quay trở lại - buổi tối, trong lúc ngồi trên ghế bố để ở những con ngõ và các lối đi hòng trốn khỏi những căn phòng hầm hập không có gì giúp giải bớt cái nóng thiêu đốt ngoại trừ nước lạnh để tắm và nước đá để uống, chúng tôi phải luôn tay đập và khua đuôi muỗi. Thời ấy chưa có máy lạnh gia dụng, chỉ có mỗi một cái quạt điện đen nhỏ xíu để ở trên bàn, phả thoang thoang chút gió mát trong phòng, chỉ làm dịu được tí đỉnh cái nóng mỗi khi nhiệt độ lên tới hơn ba mươi hai độ, mà mùa hè năm ấy, mức nhiệt độ cao như vậy thường kéo dài cả tuần hay mười ngày. Ngoài trời, người ta thả những ngọn nến hương sả và phun hàng can thuốc diệt côn trùng Flit để chống muỗi và ruồi - những vật chủ trung gian truyền bệnh sốt rét, sốt vàng da, sốt thương hàn và nhiều người còn cho là cả bại liệt nữa - trong số đó, đầu tiên phải kể đến ông Drummond, thị trưởng Newark, người đã phát động chiến dịch "Đập ruồi" trên toàn thành phố. Ngay khi một con ruồi hay muỗi chui qua được tấm lưới chắn hay bay lọt qua một cánh cửa vào nhà, nó sẽ bị lùng diệt bằng vi đập ruồi và thuốc Flit vì người ta lo ngại đứa trẻ đang ngủ sẽ bị lây nhiễm vi-rút bại liệt từ những cái chân đầy bệnh tật của con côn trùng. Khi không ai rõ nguồn gốc lây nhiễm, người ta trở nên nghi ngờ mọi thứ, từ lũ mèo hoang gây trớ xương lục lợi các thùng rác phía sau nhà, lũ chó vô chủ đói khát, bơ phờ lượn lờ kiếm ăn quanh các khu nhà rồi phóng uế trên những ngõ vắng và các con phố rồi cả lũ bồ câu đậu trên mái hiên xả phân trắng xuống các bậc tam cấp trước cửa. Trong tháng đầu bùng phát dịch - trước khi ủy ban Y tế công bố dịch - phòng vệ sinh môi trường đã bắt đầu tiêu diệt một cách có hệ thống đàn mèo hoang đông đúc trong thành phố, dù chẳng ai biết chúng có thực sự liên đới đến bại liệt hơn so với lũ mèo nuôi trong nhà hay không.

Mọi người đã biết căn bệnh này rất dễ lây lan và có thể truyền sang những người khỏe mạnh chỉ qua những tiếp xúc thông thường với người đã mắc bệnh. Vì lẽ đó, khi số ca nhiễm trong thành phố tăng lên đều đặn, cộng đồng đã vô cùng lo lắng - nhiều trẻ nhỏ trong vùng đã bị bố mẹ cấm đi bể bơi công cộng ở công viên Olympic gần thị trấn Irvington, cấm đến các rạp chiếu phim có hệ thống điều hòa không khí, rồi cấm đi xe buýt vào khu trung tâm hay từ Down Neck tới đại lộ Wilson để xem đội bóng hạng xoàng của thành phố - đội Các chú gấu Newark - chơi bóng chày trên sân vận động Ruppert. Chúng tôi được cảnh báo là không được dùng các nhà vệ sinh công cộng, uống nước thẳng từ vòi hay uống chung nước ngọt với người khác, cũng như chúng tôi phải tránh để bị cảm lạnh, tránh giao tiếp với người lạ hay mượn sách ở thư viện, tránh gọi điện thoại công cộng hay mua thức ăn từ hàng quán ven đường, rồi thì nào là phải rửa tay thật sạch bằng xà-phòng và rửa rau quả trước khi ăn, phải tránh xa ai đó trông có vẻ đang ốm hay có các triệu chứng của bệnh bại liệt.

Cách biệt hẳn cái nóng nực của thành phố và tới một trại hè nơi miền núi hay vùng đồng quê được coi là cách tốt nhất để bảo vệ một đứa trẻ khỏi mắc bệnh bại liệt. Chọn bờ biển Jersey cách đó chừng sáu mươi dặm để nghỉ qua mùa hè cũng là một cách hay. Một gia đình có thể thuê riêng một phòng ngủ và sử dụng bếp chung trong một căn nhà cho thuê thuộc Bradley Beach - khu nghỉ mát được dân Do Thái ở miền Bắc Jersey ưa chuộng cả mấy thập kỷ nay - nơi có một dải cát vàng, lối đi lát gỗ dọc bờ, và những mái nhà tranh chạy dài cả dặm dọc theo bờ biển. Ở đây, mấy mẹ con có thể ra bãi hít thở không khí đại dương trong lành, mát mẻ suốt cả tuần và rồi đến cuối tuần hay kỳ nghỉ phép, ông bố sẽ ra cùng. Tất nhiên vẫn có những ca bại liệt xuất hiện ở các khu trại hè cũng như ở các thị trấn ven biển, nhưng bởi số lượng không đáng kể so với số ca được ghi nhận ở Newark, nên hầu hết mọi người đều tin rằng, khi mà thành phố còn nhan nhản các vỉa hè bẩn thỉu và không khí tù hãm là điều kiện thuận lợi cho bệnh tật lây lan thì được sống gần biển, ở nơi thôn quê hay trên vùng núi cao sẽ là một đảm bảo chắc chắn rằng không mắc bệnh.

Vậy là một số đứa may mắn được đặc ân rời khỏi thành phố vào mùa hè trong khi đám chúng tôi ở lại vì phạm tất cả những gì không được phép, tin tưởng rằng "chơi quá sức" không phải là một nguyên nhân khả dĩ dẫn đến bệnh bại liệt: chúng tôi chơi bóng mềm hết trận này đến trận khác, chơi bóng chày hết hiệp này đến hiệp kia trên sân thể thao trải nhựa nóng giãy chốn trường học, chạy nhảy suốt ngày trong cái nóng khôn tả, uống ừng ực từ những vòi nước không đảm bảo vệ sinh; giữa các hiệp, cả đám lại ngồi chen chúc trên ghế băng, dùng những cái găng tay bắt bóng đã cũ sờn, dính đầy bụi đất lau trán không cho mồ hôi chảy vào mắt rồi lại tiếp tục cuộc chơi với những chiếc áo pô-lô ướt đẫm và những đôi giày thể thao đã nặng mùi, mà chẳng quản gì tới chuyện việc khinh suất ấy có thể đầy đọa bất cứ ai trong số chúng tôi vào cảnh cả đời sẽ phải sống trong một cái máy trợ thở và sẽ hiểu rõ được thế nào là cơn ác mộng tồi tệ nhất đối một cơ thể con người.

Người ta thường xuyên thấy chỉ có chừng hơn một chục cô bé là hay có mặt trong sân chơi, phần lớn vào khoảng tám, chín tuổi, đang chơi nhảy dây ở khu vực xa trung tâm, thoải mái dốc về phía con đường nhỏ dẫn vào trường, sát lối xe cộ đi lại tấp nập. Khi những cô bé không nhảy dây, chúng sử dụng con đường thành nơi nhảy lò cò, thi chạy, chơi trò nhặt xương cừu hoặc vui đùa tung một quả bóng cao su màu hồng suốt cả ngày. Thịnh thoảng, vào lúc mấy đứa con gái nhảy dây đôi, chúng quay hai sợi dây về hai hướng ngược nhau, có một thằng nhóc không biết từ đâu chạy tới, huých cô bé đang chuẩn bị nhảy sang một bên, lao vào và bắt đầu hét rống lên bài hát nhảy dây yêu thích của bọn con gái một cách giễu cợt rồi để cả người mắc vào dây nhảy. "H, tên tôi là Hà mã..." Đám con gái sẽ nhao nhao la lớn "Dừng lại! Dừng lại!" và cầu cứu người quản lý sân chơi giúp đỡ, anh này đứng nguyên tại chỗ và quát đứa trẻ phá đám (hầu như ngày nào cũng chỉ là thằng nhóc ấy), "Thôi đi, Myron! Để cho mấy bạn gái yên còn không là em phải đi về đây!" Huyền náo nhờ vậy mà giảm bớt. Chẳng mấy chốc, mấy sợi dây lại một lần nữa quay nhanh và bài hát lại được từng bé lần lượt cất lời trầm bổng:

A, tên tôi là Agnes

Còn tên chồng tôi là Alphonse,

Chúng tôi đến từ Alabama

Và chúng tôi mang theo nhiều áo!

B, tên tôi là Bev

Còn tên chồng tôi là Bill,

Chúng tôi đến từ Bermuda

Và chúng tôi mang về những quả bóng!

C, tên tôi là...

Bằng những giọng ca non nớt, đám con gái đóng đô ở mé xa của sân chơi ứng tác lời hát theo kiểu của chúng từ A tới Z và rồi bắt đầu lại từ đầu, các danh từ cuối mỗi câu hát có âm trùng với chữ cái trong đoạn, đôi khi lời hát rất ngớ ngẩn, vô nghĩa, mỗi lần một khác. Nhảy vào giữa các sợi dây rồi phấn khích lao ra ngoài - ngoại trừ những lúc bị Myron Kopferman và mấy thằng nhóc như nó quấy phá - chúng hoạt động không biết mệt; trừ phi bị người quản lý sân chơi gọi cả bọn di chuyển vào trong bóng mát của ngôi trường để tránh nóng, đám trẻ không hề rời xa con đường từ thứ Sáu của tháng Sáu, khi học kì mùa xuân kết thúc cho đến thứ Ba sau Lễ Lao động, khi bắt đầu học kì mùa thu, còn lại thì chúng chỉ có thể chơi nhảy dây sau giờ học ở trường hay vào lúc ra chơi.

Người quản lý sân chơi năm đó là thầy Bucky Cantor, vì có thị lực kém nên phải đeo một cặp mắt kính dày cộp, là một trong số rất ít thanh niên quanh khu đó không phải nhập ngũ. Trong năm học trước, thầy Cantor là giáo viên mới dạy môn thể dục tại trường Chancellor Avenue nên thầy biết nhiều đứa trong đám trẻ chúng tôi hay tụ tập ở sân chơi. Mùa hè năm ấy thầy hai mươi ba tuổi, đã học xong trường South Side - trường trung học đa

sắc tộc, đa tôn giáo ở Newark và tốt nghiệp trường Cao đẳng Panzer chuyên ngành Giáo dục thể chất và Vệ sinh thành phố East Orange. Thầy cao mập mé một mét sáu mươi lăm, mặc dù là một vận động viên điền kinh siêu hạng và là một đấu thủ mạnh, song chiều cao cùng thị lực kém đã khiến thầy không được thi đấu bóng bầu dục, bóng chày hay bóng rổ ở giải các trường cao đẳng mà chỉ giới hạn ở môn ném lao và cử tạ. Trên cơ thể chắc nịch của thầy là chiếc đầu lớn với những đường nét gồ ghề, vát cạnh: gò má rộng, trán cao, quai hàm vát, một cái mũi thẳng và cao khiến thầy không khác nào một chân dung dập nổi in trên các đồng xu. Thầy Cantor có cặp môi đầy đặn, sắc cạnh hết như cơ bắp, một nước da ngăm ngăm quanh năm. Từ thuở thiếu thời, thầy đã để đầu đinh - kiểu tóc của lính. Kiểu tóc này khiến hai tai thầy trông nổi bật, không phải vì kích cỡ, chúng không lớn - không thật sự lớn vì chúng ép sát vào đầu, mà bởi khi nhìn nghiêng, tai của thầy trông giống hình con ách bích, hay giống những đôi cánh nhỏ gắn dưới chân của những nhân vật thần thoại, với chóp tai không lượn tròn như hầu hết những đôi tai thông thường, mà gần như nhọn hoắt. Trước khi ông ngoại của thầy đặt cho thầy cái tên Bucky, đám bạn đường phố chơi chung với thầy thời thơ ấu thường gọi thầy với cái tên ngắn gọn là Ách, một biệt danh bắt nguồn không đơn thuần bởi tài năng thể thao sớm phát triển của thầy mà còn bởi hình dạng dị thường của đôi tai.

Tất cả những đường nét góc cạnh trên khuôn mặt thầy Cantor đã tạo cho cặp mắt màu khói xám sau gọng kính - đôi mắt dài và hẹp như người Á châu - một cái nhìn sâu thẳm, dù hốc mắt thầy không thật sâu. Giọng nói phát ra từ khuôn mặt cá tính ấy, thật kinh ngạc, lại hơi chói tai, nhưng điều này không hề làm giảm đi vẻ ấn tượng trong diện mạo của thầy. Đó chính là khuôn mặt cứng cỏi, cam chịu, sắc sảo của một thanh niên cường tráng, khỏe mạnh mà người ta hoàn toàn có thể trông cậy.

MỘT BUỔI CHIỀU ĐẦU THÁNG BẢY, hai ô-tô chở đầy học sinh gốc Ý tuổi từ mười lăm đến mười tám của trường East Side tới đỗ ở đầu phố phía sau trường, nơi có sân chơi. Trường East Side nằm trong khu

Ironbound. Tính đến thời điểm đó, khu ổ chuột của thợ thuyền này được ghi nhận là có số ca mắc bại liệt cao nhất thành phố. Ngay khi thấy chiếc xe dừng lại, thầy Cantor tháo bỏ găng bóng chày để xuống sân - thầy đang chơi ở vị trí chốt ba trong một hiệp đấu thử của chúng tôi - rồi hối hả đi ra chỗ hơn một chục thanh niên vừa xuống xe. Dáng người thể thao, kiểu chạy găng bước của thầy đã được lũ trẻ ở sân chơi bắt chước, cũng như cách thầy hơi rướn người khi di chuyển nhón gót và cả cái lối lắc lư đôi vai chắc nịch nữa. Vài cậu chàng còn sao lại y chang dáng đi đứng của thầy cả trong sân tập cũng như ở ngoài.

"Mấy cậu cần gì?" Thầy Cantor lên tiếng.

"Bọn này đang phát tán vi-rút bại liệt đây," một gã người Ý đáp. Gã chính là kẻ đầu tiên nghênh ngang bước ra khỏi xe. "Đúng không chúng mày?" Gã hỏi, quay người lại để tìm kiếm sự hỗ trợ của đồng bọn, cả bọn liền tiến về phía thầy Cantor tỏ rõ thái độ muốn gây sự.

"Trông cậu đang phát tán rắc rối thì có," thầy Cantor bảo gã. "Cậu rời khỏi đây đi."

"Không, không được," gã người Ý khăng khăng, "chờ tới khi bọn này phát tán ít vi-rút bại liệt đã. Đây mắc rồi mà các người lại chưa, nên bọn này lái xe tới và làm lây lan một ít ra xung quanh." Gã vừa nói vừa lắc lư người tới lui ra vẻ ta đây. Đôi ngón tay cái màu đồng thau ngoắc vào hai con đĩa nằm phía trước trên chiếc quần đi kèm với cái nhìn chăm chăm biểu lộ vẻ khinh mạn.

"Tôi là người quản lý sân chơi này," thầy Cantor nói, chỉ tay qua vai về phía lũ chúng tôi. "Tôi yêu cầu các cậu đi khỏi đây. Các cậu không có việc gì ở đây cả và tôi đang yêu cầu các cậu rời đi một cách lịch sự. Sao nào?"

"Có luật cấm phát tán bệnh bại liệt từ khi nào thế hả ông quản lý?"

"Này, bại liệt không phải chuyện đùa. Và có luật cấm gây thiệt hại cho cộng đồng. Tôi không muốn phải gọi cảnh sát. Thế nào, có chịu đi không

hay để tôi gọi cảnh sát đến lôi cô đi?"

Lúc này, tên cầm đầu, cao hơn thầy Cantor cả nửa cái đầu, tiến lên một bước và phun nước bọt xuống hè đường. Một bãi đờm tung tóe cách mũi giày thể thao của thầy chỉ vài phân.

"Thế nghĩa là sao?" thầy Cantor hỏi gã. Giọng thầy vẫn bình tĩnh, với hai tay khoanh trước ngực, thầy là hiện thân của sự vững chãi. Không có một tên du côn nào ở Ironbound có thể thắng được thầy hay tới được gần đám trẻ thầy bảo vệ.

"Tao đã bảo mày rồi đấy thôi. Chúng tao đang phát tán vi-rút bại liệt. Bọn tao không muốn để tụi mày thoát." "Này, đừng có ăn nói hỗn láo nhé," thầy Cantor bảo và giận dữ dẫn tới một bước, chỉ còn cách gã người Ý có vài phân. "Tôi cho cậu mười giây để quay đầu lại và lôi cả đám khỏi đây."

Gã người Ý mím cười. Gã thực ra không ngừng cười mím từ lúc rời khỏi xe. "Nếu không thì sao?" Gã hỏi ngược lại.

"Tôi đã nói rồi đấy. Tôi sẽ gọi cảnh sát đến lôi cô các cậu đi và không cho quay lại nữa."

Kẻ đối diện lại nhổ nước bọt, lần này trúng vào cạnh giày thầy Cantor, thầy bèn gọi cậu bé từ nãy giờ vẫn đang chờ lần giao bóng kế tiếp và cũng như lũ chúng tôi, đang lảng lạng dõi theo cuộc đối đầu của thầy trước cả chục tên người Ý. "Jerry, vào phòng thầy. Gọi điện cho cảnh sát. Nói là em thay thầy điện thoại mời họ đến."

"Cảnh sát sẽ làm gì, tổng giam tao chắc?" Gã cầm đầu sảng giọng. "Họ bỏ tù tao vì tội nhổ nước bọt xuống vỉa hè khu Weequahic cao quý của mày à? Mày cũng sở hữu luôn cái hè đường này chắc, hả bốn mắt?"

Thầy Cantor không trả lời mà chỉ vững chãi đứng chắn giữa đám trẻ đang chơi bóng ở sau lưng và hai chiếc xe đầy ắp mấy gã Ý, lũ này vẫn đang đứng phì phèo thuốc lá trên đường bên rìa sân chơi như thể mỗi gã

đều sắp sửa quăng điếu thuốc đang hút xuống và bất thành linh rút hung khí ra. Nhưng khi Jerry từ trong văn phòng dưới tầng hầm quay trở ra - ở đó, theo hướng dẫn của thầy, nó đã gọi điện thoại cho cảnh sát - thì hai chiếc xe cùng với đám người mang theo điềm chẳng lành ấy đã mất dạng. Chỉ vài phút sau, khi chiếc xe tuần tra đến nơi, thầy Cantor cung cấp cho cảnh sát biển số đăng ký của cả hai xe mà thầy đã ghi nhớ trong lúc đứng kề bên. Sau khi cảnh sát đi rồi, đám trẻ bên trong hàng rào mới bắt đầu chế nhạo bọn người Ý.

Hóa ra cả một khu vực vỉa hè rộng chừng sáu mét vuông, nơi mấy gã Ý đứng tụ thành đám lúc trước, đầy đờm dãi nhớp nháp, dơ bẩn, rõ là một nơi lý tưởng để phát sinh bệnh tật. Thầy Cantor sai hai cậu bé xuống tầng hầm nhà trường tìm hai cái xô hứng đầy nước nóng pha với dung dịch a-mô-ni-ắc lấy trong phòng bảo vệ, rồi tạt mạnh hỗn hợp ấy lên vỉa hè cho tới khi nó sạch bóng. Nhìn đám trẻ đang gội rửa bãi nhầy nhựa khiến thầy Cantor nhớ lại hồi lên mười, thầy cũng đã phải làm vệ sinh sạch sẽ sau khi giết một con chuột phía sau cửa hàng tạp hóa của ông ngoại.

"Không có gì đáng lo cả," thầy Cantor bảo đám con trai. "Chúng sẽ không quay trở lại nữa đâu. Ngoài đời vẫn có những chuyện như thế đấy," thầy nói, nhắc lại một câu nói ưa thích của ông ngoại mình, "lúc nào mà chả có chuyện khôi hài," và thầy trở lại với bóng chày và hiệp đấu lại tiếp diễn. Mấy thằng con trai mục kích toàn bộ sự việc từ phía bên kia hàng rào mắt xích cao ngang hai tầng nhà, sát bên sân chơi, hết sức ấn tượng với cách thầy Cantor đối phó với mấy gã người Ý. Phong thái tự tin, thái độ kiên quyết, sức khỏe của một vận động viên cử tạ và việc thầy hằng ngày tham gia chơi bóng nhiệt tình cùng chúng tôi - tất cả những điều này khiến trong số các nhân viên chính thức nơi sân chơi, thầy là người được yêu thích ngay từ khi tới nhận nhiệm vụ quản lý; và sau vụ việc với mấy gã người Ý, thầy ngay lập tức trở thành một anh hùng, một thần tượng, một người anh lớn quả cảm, chở che, nhất là đối với những đứa có anh trai đang ở ngoài chiến trường.

Cuối tuần ấy, có hai cậu bé nằm trong số trẻ có mặt tại sân chơi lúc mấy gã người Ý xuất hiện, không đến chơi bóng. Buổi sáng hôm đầu tiên, khi tỉnh dậy, cả hai đều bị sốt cao, cứng cơ cổ, đến buổi tối ngày thứ hai - bắt đầu có triệu chứng khó thở và các chi trở nên yếu ớt phải cần đến sự trợ giúp của người khác - cả hai liền được tức tốc đưa tới bệnh viện cấp cứu. Một trong hai cậu, Herbie Steinmark, tròn trĩnh, vụng về, đáng yêu, học lớp tám, vì thiếu năng khiếu thể thao nên thường được chỉ định chơi ở vị trí cánh phải và quạt cú bóng cuối cùng, còn cậu kia, Alan Michaels, cũng học lớp tám, nằm trong số hai hay ba vận động viên cừ khôi nhất sân chơi và là đứa gần gũi với thầy Cantor nhất. Herbie và Alan là hai nạn nhân mắc bệnh bại liệt đầu tiên ở cộng đồng này. Trong vòng bốn mươi tám tiếng đồng hồ, có thêm mười một ca bệnh nữa và mặc dù trong số này không có đứa nào có mặt trong sân chơi ngày hôm ấy, thế nhưng lời đồn rằng căn bệnh là do mấy tên người Ý mang tới khu Weequahic được lan truyền khắp cộng đồng. Vì cho tới lúc này, khu dân cư người Ý được ghi nhận là nơi có nhiều ca mắc bệnh bại liệt nhất trong thành phố trong khi ở chỗ chúng tôi chưa có ca nào, điều ấy khiến người ta tin những lời đồn là đúng đắn, rằng đám người Ý lái xe ngang qua thành phố chiều hôm ấy có ý định lây nhiễm cho người Do Thái bệnh bại liệt và chúng đã thành công.

MẸ CỦA BUCKY CANTOR mất khi sinh nở, và cậu bé xấu số được ông bà ngoại nuôi nấng trong một chung cư có mười hai gia đình sinh sống trên phố Barclay, phía dưới đại lộ Avon, đây là một trong những khu dân cư nghèo nhất thành phố. Cha của Bucky Cantor, người cậu thừa hưởng được thị lực kém, là nhân viên kế toán ở một cửa hàng lớn trong nội đô và rất mê cá cược ngựa. Ngay sau khi vợ chết và con trai ra đời - ông bị buộc tội ăn cắp của chủ để trả những món nợ cá cược - hóa ra ông đã bắt đầu biến thủ ngay từ những ngày đầu đi làm. Ông bị giam hai năm và sau khi được tha, không bao giờ trở lại Newark nữa. Thế chỗ cho người cha đó, cậu bé, lúc ấy được gọi là Eugene, được dạy dỗ bởi ông ngoại. Đó là một người to lớn, dáng hình như gấu, làm luôn chân luôn tay, là chủ một tiệm tạp hóa trên đại lộ Avon, nơi cậu tới làm việc sau giờ học và suốt cả những ngày thứ bảy.

Khi Eugene lên năm, cha cậu tục huyền, ông thuê một luật sư để giành đứa trẻ về sống với mình và người vợ mới ở thành phố cảng Perth Amboy, nơi ông có việc làm trong một xưởng sửa chữa tàu. Ông ngoại, thay vì mượn một luật sư cho mình, đã lái thẳng xe tới Perth Amboy. Ở đó, trong cuộc xung đột, nghe nói cụ đã đe bẻ gãy cổ ông con rể một thời nếu hắn còn dám gây phiền nhiễu tới cuộc đời của Eugene. Kể từ đó, không ai còn nghe gì về cha của Eugene nữa.

Vì phải cùng ông ngoại khuôn nhắc các sọt hàng trong cửa hiệu mà ngực và cơ tay Eugene bắt đầu phát triển, và cũng do phải chạy lên, chạy xuống ba tầng nhà vô số lần trong ngày mà cậu đã luyện rèn được đôi chân. Cũng từ tính gan dạ, dũng cảm của ông ngoại mà cậu học được cách chiến đấu với bất cứ trở ngại nào, kể cả việc sinh ra là con trai của kẻ mà ông ngoại đã gọi trong suốt cả đời mình là "một kẻ ám muội." Eugene muốn trở thành một chàng trai cường tráng, giống hệt như ông ngoại cậu, và không phải mang cặp kính dày cộp. Nhưng đôi mắt cậu kém quá nên buổi tối, khi bỏ kính ra để lên giường đi ngủ, cậu chỉ thấy mờ mờ hình dáng vài món đồ vật trong phòng. Ông ngoại cậu, người chả hề bận tâm đến nhược điểm này đã bảo thẳng cháu đang đau khổ - lúc ấy lên tám và bắt đầu phải đeo kính - rằng mắt cậu bây giờ nhìn rõ chẳng kém ai. Sau đó, chẳng còn ai đề cập đến chuyện ấy nữa.

Bà ngoại Eugene, một người nhỏ bé và tốt bụng, xởi lởi và chu đáo, là một bậc sinh thành hoàn toàn tương xứng với ông cậu. Bà can đảm chịu đựng chuyện buồn, dù vẫn khóc mỗi khi nghe nhắc đến người con gái mới hai mươi tuổi đã chết khi sinh nở của mình. Bà được khách đến cửa hàng rất yêu mến, còn ở nhà bà vừa làm không ngơi tay vừa lắng nghe *Life can be beautiful* (Đời đôi khi vẫn đẹp) hay những vở kịch nhiều kỳ khác trên đài phát thanh mà bà rất thích; chúng luôn làm thính giả run bắn người, âu lo với viễn cảnh của tai họa kế tiếp. Hằng ngày, trong vài giờ rảnh rang không phải lo việc cửa hàng, bà toàn tâm toàn ý lo cho Eugene, chăm sóc thẳng cháu khi nó bị sởi, khi nó dỗi hờn, và khi nó bị thủy đậu, giữ cho quần áo

nó mặc luôn sạch sẽ và những chỗ rách được khâu vá, kiểm tra bài vở của nó xem đã hoàn tất chưa, ký sổ liên lạc của nó, đưa nó đến bác sĩ nha khoa để khám định kỳ (những ngày ấy, một số ít trẻ nghèo phải đến đó), nấu cho nó những bữa ăn ngon, đủ chất và đóng học phí cho nó theo học giáo lý ở Giáo đường Do Thái để chuẩn bị cho Lễ Trưởng thành. Để chống chọi với mấy căn bệnh lây nhiễm phổ biến nơi trẻ nhỏ, Eugene đã có được một nền tảng sức khỏe tốt, bộ răng khỏe đều tăm tắp và một thể chất mạnh mẽ. Chúng là kết quả của những chăm sóc mà bà ngoại dành cho cậu, bà đã làm tất cả những gì mà thuở ấy người ta có thể biết được, để giúp một đứa trẻ đang tuổi ăn tuổi lớn. Ông bà ngoại hiếm khi cãi cọ - mỗi người đều biết cần làm gì và làm cách nào là tốt nhất, mỗi người đều mong muốn làm sao để bé Eugene không quên những điều họ dạy.

Ông ngoại luôn quan tâm đến sự phát triển cơ bắp của đứa cháu, lúc nào ông cũng trong tư thế sẵn sàng trừ diệt bất cứ biểu hiện yếu ớt nào mà cậu thừa hưởng - cùng với thị lực kém - từ người cha và dạy cháu rằng mọi nỗ lực quyết tâm nơi con người đều thấm đẫm tinh thần trách nhiệm. Lời dặn dò của ông ngoại không phải lúc nào cũng dễ tuân theo, nhưng mỗi khi thấy Eugene đạt được những kỳ vọng của mình, ông không bao giờ dè xẻn những lời khen ngợi. Một lần, khi mới mười tuổi, Eugene bắt gặp một con chuột lông xám to tướng trong phòng kho mồi tối phía sau cửa hàng. Lúc thấy con chuột thập thò trong đống thùng các-tông bỏ không mà cậu vừa giúp ông dỡ ra thì ngoài trời đã tối đen. Phản xạ tức thời của cậu nhóc khi ấy dĩ nhiên là bỏ chạy. Nhưng rồi, biết chắc ông ngoại đang ở đằng trước tiếp chuyện một khách hàng, cậu rón rén tới góc phòng lấy cái xẻng sâu lòng, nặng trĩch vẫn dùng để học cách xúc than cho vào cái lò sưởi trong cửa hàng.

Nín thở, Eugene nhón chân tiến tới cho đến khi dồn được con chuột đang hoảng hốt vào một góc. Khi cậu nhóc giơ cao chiếc xẻng, con chuột ngóc thẳng người trên hai chân sau, hai hàm răng ghê sợ của nó nghiến chặt lại, đang chuẩn bị nhảy lên. Nhưng trước khi con vật có thể bật lên khỏi

sàn, cậu đã nhanh chóng phang mặt dưới cái xẻng vào thẳng đầu con vật thuộc loài gặm nhấm, khiến đầu nó vỡ toác. Máu lẫn vụn xương và dịch não chảy xuống những kẽ ván sàn phòng kho - Eugene không sao nén nổi cơn nôn ọe chọt đến - rồi cậu lấy lưỡi xẻng xúc con chuột chết lên. Nó nặng, nặng hơn là cậu hình dung và khi nằm thượt trên xẻng trông to hơn và dài hơn lúc đứng trên hai chân sau. Lạ thay không một bộ phận cơ thể nào - kể cả cái đuôi vô tri và bốn chân bất động - lại khiến Eugene biết chắc con vật đã chết như những cọng rìa mảnh như cây kim dính máu. Với vũ khí giơ cao trên đầu, cậu không hề để ý tới những cọng rìa nhỏ nhoi ấy; cậu không hề để ý tới bất cứ điều gì khác ngoài hai từ "Giết nó!" như thể ông ngoại đã lập sẵn công thức ấy vào trong đầu cậu. Chờ tới khi người khách cầm túi đồ rời khỏi cửa hàng, Eugene giơ chiếc xẻng ra phía trước - với vẻ lạnh tanh để chứng tỏ mình không hề sợ sệt - cậu cứ thế đi xuyên qua cửa hàng cho ông ngoại xem rồi bước tiếp ra ngoài. Tới góc đường, cậu nhóc rung rung cho xác con vật rơi khỏi xẻng, đẩy nó qua khung lưới sắt xuống cống. Trở lại cửa hàng, cậu lấy một cái bàn chải mòn, cục xà-phòng màu nâu, mớ giẻ lau và một xô nước cọ sạch bãi nôn cùng những dấu vết mà con chuột để lại trên sàn nhà rồi rửa sạch sẽ cái xẻng.

Sau thắng lợi này, ông ngoại chuyển sang gọi thẳng cháu bằng biệt danh Bucky-mười-tuổi-đeo-kính - với hàm ý ghi nhớ sự việc thể hiện bản tính kiên cường và gan góc, có nghị lực, có sức chịu đựng hơn người này của cậu.

Từ một ngôi làng Do Thái ở Polish Galicia thuộc châu Âu, ông ngoại Sam Cantor đã một mình di cư tới Mỹ vào thập niên 1880 khi mới chỉ là một đứa trẻ. Ông đã học được lòng can đảm trên những con phố Newark, nơi ông đã bị vỡ mũi không chỉ một lần vì đánh nhau với những kẻ bài Do Thái. Những vụ bạo lực gây hấn như cơm bữa-chống người Do Thái ở Newark trong suốt quãng đời niên thiếu sống ở khu ổ chuột đã ảnh hưởng rất nhiều đến việc hình thành nên quan điểm sống của ông Cantor và tiếp đó là của đứa cháu ngoại ông. Ông khuyến khích cháu biết đấu tranh bảo vệ

bản thân với tư cách là một con người và là một người Do Thái, thấu hiểu rằng tranh đấu không bao giờ kết thúc, rằng cuộc sống là một chuỗi đụng độ khắc nghiệt, "một khi ta buộc phải trả giá thì ta trả." Cái mũi gãy nằm giữa mặt ông luôn là bằng chứng cho cậu bé thấy rằng cuộc đời này đã hoài công mà không sao đẽ bẹp ông cho được. Ông lão đã qua đời vì một cơn đau tim vào tháng Bảy năm 1941. Khi mười gã người Ý lái xe tới sân chơi, và chỉ mình Bucky đơn thương độc mã buộc chúng thoái lui, nhưng điều ấy không có nghĩa là ông ngoại không có mặt ở đó, trong suốt cuộc chạm trán ấy.

Một cậu bé mất mẹ từ lúc mới chào đời và cha thì ngồi tù, một cậu bé mà trong ký ức tuổi thơ không hề có bóng dáng mẹ cha, không thể nào tốt số hơn khi có được ông bà ngoại - những người thay thế cha mẹ - đã nuôi dạy cậu trở nên mạnh mẽ về mọi mặt - cậu rất ít khi để cho ý nghĩ mờ côi cả cha lẫn mẹ dày vò mình, mặc dù điều ấy được ghi rõ trong lý lịch của cậu.

LÚC BUCKY hai mươi tuổi và đang theo học năm đầu ở trường cao đẳng thì hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ bị quân Nhật bất ngờ ném bom và gần như bị tiêu diệt hoàn toàn tại Trân Châu Cảng vào Chủ nhật, ngày 7 tháng 12 năm 1941. Thứ Hai ngày mùng tám, anh đến ban tuyển quân phía ngoài trụ sở Ủy ban thành phố để đăng lính.

Nhưng bởi mắt kém, cả lục quân, hải quân, cũng như lực lượng phòng vệ bờ biển hay thủy quân lục chiến, không đâu nhận anh cả. Anh bị xếp hạng 4-F và bị trả lại trường Panzer để tiếp tục học thành giáo viên thể dục. Ông ngoại mới vừa mất, Bucky có một ý nghĩ kỳ quặc rằng anh đã khiến ông thất vọng và đã không đạt được những kỳ vọng từ người dạy dỗ kiên định của mình. Các cơ bắp cường tráng và thể hình lực sĩ phòng có ích gì nếu anh không dùng chúng phục vụ quân đội? Bucky tập tậ từ tuổi thiếu niên đâu để chỉ ném lao - mà để trở thành một lính thủy đánh bộ.

Sau khi Mỹ bắt đầu tham chiến, Bucky vẫn dạo bước trên các con phố trong khi tất cả những chàng trai đủ điều kiện sức khỏe cùng độ tuổi đã kết thúc khóa huấn luyện để lên đường chiến đấu với quân Nhật và quân Đức,

trong số đó có cả hai người bạn thân nhất của anh ở trường Panzer, cả ba đã cùng nhau xếp hàng ở ban tuyển quân sáng ngày mùng 8 tháng Mười Hai. Anh vẫn sống cùng bà, hằng ngày đi học ở trường Panzer, và bà đã nghe thấy anh khóc trong phòng ngủ khi được tin hai cậu bạn thân Dave và Jake đã tới Fort Dix để bắt đầu khóa huấn luyện mà không có mình, bà đã nghe thấy đứa cháu khóc dù trước đây bà biết Eugene chưa bao giờ khóc cả. Anh thấy hổ thẹn vì bộ đồ dân phục, hổ thẹn khi xem tin chiến sự trong rạp, hổ thẹn khi trên chuyến xe buýt tan học từ East Orange về nhà ở Newark lại ngồi cạnh ai đó đang đọc trên nhật báo buổi chiều những bản tin chiến sự nóng hổi trong ngày:

"Bataan thất thủ", "Corregidor bại trận", "Chiến bại nơi đảo Wake". Cảm giác xấu hổ nơi anh là của một người có thể tạo nên những thay đổi cho cục diện cuộc chiến vào lúc quân đội Mỹ ở Thái Bình Dương đang liên tiếp hứng chịu những thất bại to lớn.

Bởi chiến tranh và lệnh gọi nhập ngũ, các trường cần một số lượng lớn nam giáo viên thể dục nên trước khi tốt nghiệp trường Panzer vào tháng Sáu năm 1943, Bucky đã nhận một chỗ ở trường Chancellor Avenue dành cho trẻ mười tuổi và ký hợp đồng làm người quản lý sân chơi trong dịp hè. Mục đích của anh là được dạy thể dục và làm huấn luyện viên ở Weequahic, trường trung học có cửa mở thông ra đại lộ Chancellor. Điều thu hút Bucky là ở cả hai trường, học sinh Do Thái đều chiếm số đông và đều có thành tích học tập tuyệt vời. Anh mong muốn được dạy những học trò xuất sắc trong thể thao cũng như trong học tập, biết coi trọng tinh thần thể thao cũng như những gì học được qua các cuộc thi đấu trên sân. Anh muốn dạy chúng những điều ông ngoại đã dạy mình: ngoan cường và kiên định, có một thể hình đẹp, cân đối và không bao giờ cho phép kẻ khác lăng mạ mình hay chỉ bởi vì học giỏi mà lại bị phỉ báng là đồ Do Thái yếu ớt, éo lá.

TIN LAN KHẮP sân chơi sau khi Herbie Steinmark và Alan Michaels được đưa lên xe cứu thương vào khoa lâm của bệnh viện Beth Israel, là cả hai đều bị tê liệt hoàn toàn, không còn khả năng tự thở và đang sống lay lắt

trong máy trợ thở. Cho dù không phải tất cả lũ trẻ đều đến sân chơi sáng hôm ấy, nhưng vẫn có đủ số để lập thành bốn đội bóng chày đấu 5-hiệp vòng tròn luân phiên trong suốt cả ngày. Bucky ước lượng rằng nếu tính cả Herbie và Alan thì trong số chín mươi trẻ thường tới sân chơi có khoảng mười lăm hay hai mươi em vắng mặt - anh đoán chừng chúng bị cha mẹ giữ ở nhà vì sợ mắc phải bệnh bại liệt. Nghĩ vậy vì anh rất hiểu sự bao bọc của các bậc cha mẹ người Do Thái trong cộng đồng và nỗi e ngại nơi những người mẹ đầy thận trọng, nhưng thực tế anh lại ngạc nhiên bởi số đông trẻ không vì khiếp sợ mà lánh xa sân. Có lẽ bởi những lời anh giảng giải với bọn trẻ ngày hôm trước.

"Này các em," anh nói sau khi tập hợp lũ trẻ trên sân bóng trước khi cả bọn giải tán về nhà ăn tối, "thầy không muốn các em hoảng loạn. Bại liệt là một căn bệnh xuất hiện mỗi khi hè về. Đó là một căn bệnh không thể coi thường, nó quẩn quanh chúng ta suốt cả đời. Cách tốt nhất để đối phó với mối đe dọa từ bệnh này là giữ cho mình luôn mạnh khỏe và tráng kiện. Hãy cố gắng tắm rửa kỹ lưỡng mỗi ngày, ăn đầy đủ và ngủ tám tiếng, hãy uống tám cốc nước một ngày và không được lo lắng hay hoảng sợ. Tất cả chúng ta đều muốn Herbie và Alan mau chóng khỏe lại. Tất cả chúng ta đều mong ước chuyện này đã không xảy ra với hai bạn. Đó là hai cậu bé tuyệt vời và là bạn thân của nhiều em ở đây. Tuy nhiên, trong lúc Herbie và Alan đang bình phục tại bệnh viện, chúng ta đây phải tiếp tục sống cuộc sống của mình. Nghĩa là hằng ngày đến đây, đến sân chơi này và tập thể thao giống như các em vẫn từng làm. Nếu ai trong số các em cảm thấy không khỏe, tất nhiên là phải nói ngay với cha mẹ và ở nhà để theo dõi cho tới khi được bác sĩ thăm khám và chữa trị. Nhưng nếu như các em cảm thấy sung sức thì không có lý do nào trên đời có thể khiến các em không được chạy nhảy như các em thích trong suốt cả mấy tháng hè."

Tối ấy, Bucky năm lần bảy lượt dùng điện thoại trong bếp gọi đến nhà Steinmark và Michaels để bày tỏ sự quan tâm của mình và của đám trẻ trong sân chơi cũng như hỏi thăm về tình hình của hai cậu bé bị bệnh.

Nhưng cả hai nhà đều không ai trả lời điện thoại. Thật không phải là một tín hiệu tốt lành. Cả hai gia đình chắc hẳn còn đang trong bệnh viện lúc chín giờ mười lăm phút tối.

Thế rồi có tiếng chuông điện thoại. Chính là Marcia, gọi từ vùng núi Pocono. Nàng đã nghe tin về hai đứa trẻ nơi sân chơi của anh. "Em nói chuyện với người nhà. Mọi người kể cho em. Anh ổn chứ?"

"Anh ổn," vừa nói anh vừa kéo dài dây điện thoại để có thể đứng ở chỗ mát hơn, kể bên khung cửa sổ đang mở. "Tất cả những đứa khác đều khỏe. Anh đang cố gắng liên lạc với gia đình hai cậu bé phải nằm viện xem chúng thế nào." "Em nhớ anh," Marcia nói, "và em lo cho anh."

"Anh cũng nhớ em," anh trả lời, "nhưng không việc gì phải lo cho anh cả."

"Giờ em thấy hối hận là đã lên đây." Nàng đã là tổng phụ trách được hai mùa hè tại Indian Hill, một trại hè dành cho trẻ Do Thái ở vùng núi Pocono thuộc bang Pennsylvania, cách thành phố bảy mươi dặm; nàng là giáo viên tiểu học tại trường Chancellor - hai người đã gặp nhau trong buổi họp mặt toàn thể các giáo viên mới vào mùa thu trước. "Tình hình nghe ra tệ anh nhỉ," nàng nói.

"Thật đáng lo cho hai cậu bé và gia đình chúng," anh nói, "nhưng tình hình vẫn trong tầm kiểm soát. Em không nên suy nghĩ thế."

"Mẹ em có nói gì đó về đám choai choai người Ý tới sân chơi để làm lây lan căn bệnh."

"Mấy anh chàng người Ý ấy không làm lây lan gì đâu. Lúc ấy anh ở đó. Anh biết rõ mà. Chỉ là một đám hỗn hào thôi. Chúng khạc nhổ khắp con phố và bọn anh đã cọ sạch rồi. Bại liệt là bại liệt - không một ai biết nó được lây lan như thế nào. Cứ hè tới là nó xuất hiện mà mình chả làm được gì."

"Em yêu anh, Bucky. Em luôn nghĩ tới anh."

Hạ giọng để lắng giềng không nghe thấy tiếng mình bên ô cửa sổ mở, anh đáp, "anh cũng yêu em." Thật khó khăn để thốt ra những lời này bởi lẽ anh đã tự đặt cho mình nguyên tắc của - khối óc, anh nghĩ - là không được quá mong nhớ khi nàng ở xa. Nói thế này cũng còn không dễ bởi anh chưa bao giờ thổ lộ thành lời với một cô gái nào và anh vẫn thấy lúng túng khi tìm từ ngữ để diễn tả.

"Em phải gác máy đây," Marcia nói. "Có người đang đứng chờ đằng sau. Anh nhớ giữ gìn nhé."

"Ừ. Nhưng em đừng lo. Không phải sợ. Không có gì phải hoảng sợ cả."

Ngày hôm sau, khắp khu phố ai cũng bàn tán về sự kiện trong khu vực trường học tại Weequahic đã có thêm mười một ca mắc bệnh bại liệt - bằng số ca mắc bệnh theo báo cáo của ba năm trước cộng lại mà lúc này mới chỉ là tháng bảy, vẫn còn hai tháng dài nữa mùa bại liệt mới kết thúc. Mười một ca mới, và trong đêm đó, Alan Michaels, cậu bé yêu quý của Bucky, đã chết. Căn bệnh đã hủy hoại cuộc đời cậu bé trong bảy mươi hai giờ.

Ngày kế tiếp là thứ bảy, sân chơi chỉ mở cửa phục vụ các hoạt động có tổ chức đúng đến trưa, vào lúc tiếng còi báo động của hệ thống phòng không đặt trên đỉnh các cột điện trong thành phố rú lên rồi rền rĩ kéo dài trong lần thử định kỳ hằng tuần. Sau khi đóng cửa sân chơi, thay vì trở về phố Barclay phụ giúp bà ngoại mua hàng tạp phẩm cho tuần tới - hàng tồn kho trong cửa hàng tạp hóa của gia đình Cantor đã bị bán tống bán tháo sau khi ông ngoại mất - Bucky tắm trong phòng thay đồ của bọn con trai và mặc một bộ đồ quần dài áo sơ-mi, chân đi một đôi giày bóng lộn mà hồi sáng anh đã bỏ vào cái túi giấy mang đến đây, Rồi anh thả bộ dọc đại lộ Chancellor, xuôi theo dốc tới phố Fabyan Place, nơi gia đình Alan Michaels cư ngụ. Bất chấp căn bệnh bại liệt đang hoành hành trong cộng đồng nơi đây, trên con phố chính san sát của hiệu vẫn đầy người mua sắm đồ tạp hóa ngày thứ bảy, đi lấy đồ gửi giặt khô, mua thuốc theo toa hoặc bất cứ thứ gì

họ cần trong cửa hàng điện gia dụng, cửa hàng quần áo nữ hoặc cửa hàng mắt kính và cửa hàng dụng cụ, đồ dùng gia dụng. Trong cửa hàng cắt tóc của Frenchy, tất cả ghế đều có người ngồi, họ là những người trong khu phố đang chờ cắt tóc hoặc cạo râu; ở cửa hàng sửa chữa giày dép kế bên, ông chủ người Ý - ông chủ cửa hàng duy nhất trên phố không phải là người Do Thái, bao gồm cả Frenchy - đang loay hoay kiểm mấy đôi giày đã sửa xong cho khách trong đồng giày chất lộn xộn trên quầy; còn đài truyền thanh bằng tiếng Ý thì đang nói ồn ào qua cánh cửa để ngỏ của cửa hàng. Các cửa hàng đã hạ thấp tấm bạt đằng trước để che ánh nắng chói chang xuyên qua khung cửa sổ nhìn ra phố.

Đó là một ngày quang đấng, không mây và nhiệt độ tăng từng giờ. Các cậu trai học Bucky môn thể dục và những cậu từ sân chơi trở nên phấn khích khi phát hiện ra anh ngoài đại lộ Chancellor - bởi nhà anh không gần đây mà ở tận dưới mạn phía nam nên họ đã quen chỉ thấy anh trong văn phòng với vai trò giáo viên thể dục và người quản lý sân chơi. Anh vẫy tay khi nghe cả đám gọi "Thầy Cantor!" và anh mỉm cười gật đầu với phụ huynh, anh nhận ra vài người đã gặp trong các buổi họp phụ huynh. Một ông bố dừng chân để bắt chuyện. "Tôi muốn bắt tay cậu, chàng thanh niên," ông nói với anh. "Cậu đã tổng cổ lũ Ý ấy đi. Lũ chó chết. Một chọi mười. Cậu quả là chàng trai can đảm." "Cảm ơn ông." "Tôi là Murray Rosenfield. Bố của Joey." "Xin cảm ơn ông Rosenfield." Kế đến, một bà vừa bước ra khỏi cửa hàng cũng dừng chân nói chuyện.

Bà mỉm cười lịch thiệp và bảo "Tôi là Lewy. Tôi là mẹ của cháu Bernie. Con trai tôi tôn sùng thầy, thầy Cantor ạ. Nhưng tôi có điều muốn hỏi thầy. Với tình hình hiện nay ở thành phố chúng ta, thầy có nghĩ là lũ trẻ bắt buộc phải vận động trong cái nóng như thế này không? Bernie về đến nhà là đầm đìa mồ hôi. Liệu có nên không thầy? Hãy xem chuyện thằng bé Alan đấy. Làm sao mà một gia đình có thể khuấy khỏa được sau chuyện như thế chứ? Hai anh của nó đang trong quân ngũ, và giờ lại thế này." "Dạ, tôi không để tụi nhỏ chơi đến kiệt sức đâu, thưa bà Lewy. Tôi vẫn canh chừng chúng đấy

ạ." "Bernie," bà nói, "nó không biết khi nào phải dừng lại. Nó có thể chạy cả ngày và cả đêm nếu không ai bảo nó thôi." "Tôi đảm bảo sẽ bắt em Bernie ngừng chơi nếu thấy em ấy nóng bức quá, tôi sẽ trông chừng cậu bé." "Vâng, cảm ơn, cảm ơn thầy. Mọi người vui lắm vì có thầy trông nom bọn trẻ." "Vâng, tôi mong mình giúp được phần nào," Bucky đáp. Một nhóm nhỏ vây quanh khi anh nói chuyện với mẹ của Bernie, giờ thì một bà nữa lại gần và giật tay áo anh để gọi. "Mà Ủy ban Y tế làm được gì hả cậu?" "Bà hỏi tôi ạ?" Bucky đáp lời. "ừ, cậu đấy. Qua một đêm mà có tới mười một ca mắc trong khu Weequahic! Một trẻ chết! Tôi muốn biết ủy ban Y tế đang làm gì để bảo vệ lũ trẻ của chúng ta." Tôi không làm ở ủy ban Y tế," Bucky đáp. "Tôi là người quản lý sân chơi ở Chancellor." "Ai đó nói anh làm ở ủy ban Y tế mà," bà truy anh. "Không, không phải tôi. Ước gì tôi giúp được bà nhưng tôi ở bên trường học ạ." "Cậu mà điện thoại cho ủy ban Y tế," bà nói, "là thấy máy bận. Tôi đồn rằng họ cố ý bỏ ống nghe ra." "Ủy ban Y tế trước vẫn làm việc mà," một bà khác xen vào "Họ treo biển cách ly lên một ngôi nhà trong phố tôi." Giọng bà này buồn bã thấy rõ, bà tiếp, "Đã có ca nhiễm bại liệt ở phố tôi!" "Mà chả thấy ủy ban Y tế làm gì hết!" Ai đó giậm dừ hét lên. "Thành phố đang làm gì để ngăn chặn dịch? Không hề làm gì!" "Phải làm gì đó đi chứ - mà họ có làm đâu!" "Họ phải kiểm tra sữa lũ trẻ uống chứ nhỉ - bại liệt là từ mấy con bò bắn thiu và nó nhiễm vào sữa." "Không," người khác lại nói "Không phải tại bò đâu - bởi chai lọ đấy. Người ta không chịu tiết trùng cẩn thận các chai lọ đựng sữa." "Sao họ không xông khói nhỉ?" Một giọng khác cất lên. "Sao họ không dùng chất tẩy uế cơ chứ? Nó sẽ thanh trùng tất cả mọi thứ." "Sao họ không làm giống hồi trước, khi tôi còn bé? Khi ấy người ta buộc long não vào cổ bọn tôi. Các cụ hồi ấy có thứ gì mùi thảo dược kinh lắm gọi là *asafetida* - có khi cách đây giờ có tác dụng cũng nên." "Sao họ không phun hóa chất gì đấy trên các con phố để diệt bệnh nhỉ?" "Hóa chất thì quên đi," người khác lại bảo. "Quan trọng nhất là bảo lũ trẻ rửa tay. Rửa tay liên tục. Sạch sẽ! Sạch sẽ là cách duy nhất!" "Còn một thứ quan trọng nữa," Bucky xen lời, "đó là mọi người phải bình tĩnh, không mất tự chủ cũng như hoảng hốt. Và đừng có khiến lũ trẻ sợ. Điều quan trọng là làm sao để bọn trẻ sinh hoạt như bình

thường, còn mọi người, trong lời ăn tiếng nói với chúng, hãy cố tỏ ra vừa phải và bình tĩnh." "Liệu có nên chẳng cho chúng nó ở nhà cho đến khi hết dịch?" Một bà khác hỏi anh. "Nhà chả phải là nơi an toàn nhất trong lúc này sao? Tôi là mẹ của Richie Tulin. Richie nó tôn thờ thầy, thầy Cantor ạ. Cả lũ đều thế. Nhưng chả phải Richie sẽ ổn hơn, chả phải tất cả các cậu bé sẽ ổn hơn nếu thầy đóng cửa sân chơi và chúng ở trong nhà?" "Mình tôi không quyết định được việc đóng cửa sân chơi, bà Tulin ạ. Chuyện này tùy thuộc vào thầy hiệu trưởng nhà trường." "Đừng nghĩ tôi trách cứ thầy về những chuyện đang xảy ra," bà bảo. "Không, không ạ, tôi biết bà không có ý ấy. Bà là một người mẹ. Bà lo lắng. Tôi thông cảm với nỗi lo âu của mọi người." "Bọn trẻ Do Thái là gia sản của chúng ta," ai đó nói. "Sao dịch bệnh lại nhắm vào lũ trẻ Do Thái xinh xắn cơ chứ?" "Tôi không phải là bác sĩ. Tôi cũng không phải nhà khoa học. Tôi không biết tại sao nó lại lây lan, nó tấn công ai. Tôi không tin có người tạo ra nó. Vì thế ai cũng cố tìm xem người nào hay cái gì là nguyên nhân. Mọi người cố tìm xem nguyên cớ từ đâu để có thể thanh trừ nó." "Nhưng còn lũ người Ý thì sao? Đúng là do bọn Ý rồi!" "Không, không phải thế đâu. Tôi ở đó lúc mấy cậu người Ý đến. Chúng chẳng chạm vào bọn trẻ nữa cơ. Không phải là bọn Ý đâu. Bà ơi, rõ là bà lo lắng quá rồi và bà đừng có sợ hãi quá thế. Quan trọng là đừng gieo rắc nỗi sợ hãi cho lũ nhỏ. Chúng ta sẽ vượt qua dịch bệnh này, tin tôi đi. Tất cả chúng ta hãy làm tròn bổn phận của mình, giữ bình tĩnh cũng như làm tất thảy những gì có thể để bảo vệ lũ trẻ, và tất cả chúng ta sẽ cùng nhau vượt qua trận dịch này," anh nói. "ừ, cảm ơn thầy, chàng trai. Thầy là một thanh niên tuyệt vời." "Tôi phải đi, xin mọi người thứ lỗi," anh nói với tất cả bọn họ, nhìn lần cuối vào những con mắt lo âu, cầu khẩn anh như thể anh có quyền năng gì khác lớn hơn cái cương vị là một người quản lý sân chơi hai mươi ba tuổi.

FABYAN PLACE là con phố tận cùng Newark, kể đến là đường ray xe lửa, mấy cái kho chứa gỗ và ranh giới với thị trấn Irvington. Giống như những con phố dân cư khác ăn thông với đại lộ Chancellor, hai bên đường là những ngôi nhà bằng gỗ hai tầng có gác mái, phía trước là bậc thềm lát

gạch đỏ cùng khoanh sân nhỏ xíu được rào quanh, nhà này ngăn cách với nhà bên cạnh bằng lối chạy ô-tô hẹp tráng xi-măng dẫn vào một ga-ra nhỏ. Trên lề đường phía trước bậc thềm mỗi ngôi nhà là một cây non che bóng mát được thành phố trồng từ thập niên trước, giờ trông khô héo bởi vài tuần qua trời nóng như thiêu như đốt mà không có lấy một giọt mưa. Không có biểu hiện nào của sự đau ốm hay truyền nhiễm trên con phố sạch sẽ và yên ắng này. Màn hình cùng các bức rèm cửa sổ ở tất cả các nhà, các tầng đều được kéo xuống để ngăn hơi nóng dữ dội từ ngoài đường lọt vào. Không một bóng người, Bucky tự hỏi liệu có phải vì nóng hay vì hàng xóm, láng giềng đang giữ rịt con cái ở trong nhà do tôn trọng - hay có lẽ bởi khiếp sợ gia đình nhà Michaels.

Một bóng người ló dạng ở góc quanh đại lộ Lyons, một mình một lối, băng qua ánh nắng chói chang đang thiêu đốt Fabyan Place và làm mềm cả lớp nhựa rải đường. Bucky nhận ra người ấy từ đằng xa nhờ dáng đi đặc biệt. Horace. Tất cả mọi người, từ đàn ông, đàn bà đến con trẻ ở khu Weequahic đều nhận ra Horace, phần lớn bởi cảm giác rất bất an khi thấy ông ta đang hướng về lối đi của mình. Khi những đứa trẻ nhìn thấy ông, chúng chạy sang bên kia đường; khi người lớn nhìn thấy ông, họ cụp mắt xuống. Horace là "ông khờ" trong khu dân cư này, một người đàn ông gầy nhom trạc tuổi ba mươi mấy bốn mươi - không ai biết chắc ông ta bao nhiêu tuổi - có trí não đã ngừng phát triển từ hồi lên sáu và bác sĩ tâm lý chắc sẽ xếp vào loại đần độn hoặc thậm chí là dở hơi thay vì cái tên "ông khờ" mà đám thanh niên trong khu phố đã gán cho ông ta bấy lâu mà không hề dựa trên kết quả thăm khám nào. Horace kéo lê hai bàn chân, đầu để nhô ra đằng trước giống như đầu rùa, lấy bảy bước từng bước, nhìn tổng thể ông ta không phải là đang bước đi mà trong tư thế loạng choạng tiến về phía trước. Nước dãi tụ lại nơi khóe miệng mỗi dịp hiếm hoi Horace cất tiếng, còn khi lặng thinh, chốc chốc ông ta cũng chảy nước dãi. Khuôn mặt bệt, dị dạng như thể khi chào đời đã bị mỏ kẹp đè nghiêng và vặn xoắn lúc được lôi ra khỏi tử cung của người mẹ, ngoại trừ cái mũi to - làm cho khuôn mặt ông ta trở nên chật chội - có hình dạng củ hành kỳ quặc và lối bịch khiến một vài

đứa trẻ hét lên "Này, mũi kèn!" để trêu chọc mỗi khi thấy Horace lê bước ngang qua nơi chúng tụ tập trước bậc thềm hay lối vào ga-ra bên hông nhà. Quanh năm suốt tháng, quần áo Horace bốc ra một thứ mùi chua loét và trên khuôn mặt lấm tấm những nốt đỏ cùng những vết cắt trên da mặt chứng tỏ dù có thể có trí não của một đứa bé thì Horace cũng mọc râu như người trưởng thành và tuy khá mạo hiểm, ông ta đã tự cạo hoặc nhờ một trong hai đấng sinh thành của mình cạo hộ trước khi ra đường mỗi ngày. Mấy phút trước, hẳn là ông ta đã rời căn phòng nhỏ phía sau cửa hàng cắt tóc ngay góc lượn của con phố, nơi đó ông sống cùng cha mẹ, là một cặp vợ chồng đứng tuổi nói với nhau bằng tiếng Do Thái cổ Yiddish còn với các khách hàng thì bằng thứ tiếng Anh rất nặng và nghe đâu họ cũng có những đứa con bình thường đã lớn và sinh sống ở nơi khác - ngạc nhiên một điều là, hai người anh của Horace nghe nói một là bác sĩ còn một là một doanh nhân thành đạt. Horace là con út và ngày nào ông ta cũng lê bước trên các con phố trong khu, ngày oi bức nhất mùa hè cũng như ngày lạnh cắt da cắt thịt mùa đông, với một áo khoác len quá khổ, cái mũ liền áo được kéo lên trùm bên ngoài mũ len che tai, chân đi đôi ủng cao su màu đen không cài móc, hai cái găng tay dành cho đôi bàn tay to bè được dính lưng lẫn vào hai ống tay áo bằng kim băng mà chẳng bao giờ dùng tới bất luận nhiệt độ thấp đến cỡ nào. Mặc bộ trang phục này khi lê bước trên đường càng khiến Horace trông kỳ quặc hơn.

Bucky tìm thấy nhà của Michaels ở cuối phố, qua các bậc thềm, vào trong gian tiền sảnh có gắn mấy hòm thư, anh nhấn chuông căn hộ của họ trên tầng hai và nghe thấy tiếng chuông reo trên gác. Có ai đó chậm chạp bước xuống các bậc thang bên trong rồi mở cánh cửa lắp kính mờ dưới chân cầu thang. Đó là một người đàn ông to lớn, trông rất vững chãi, mặc áo sơ-mi ngắn tay có hàng nút chặt căng trên bụng. Bên dưới cặp mắt là hai quầng thâm sẫm, dù đã trông thấy Bucky, ông vẫn lặng thinh như thể nỗi đau buồn đã khiến cho chủ nhân trở nên quá u mê không thể thốt nên lời.

"Tôi là Bucky Cantor. Tôi là quản lý sân chơi ở trường Chancellor và là giáo viên thể dục ở đó. Alan học lớp tôi. Cậu bé cũng chơi bóng ở chỗ sân chơi. Tôi đã nghe chuyện và đến đây để xin chia buồn."

Mãi sau người đàn ông mới trả lời. "Alan có nhắc đến thầy," cuối cùng ông cũng thốt ra.

"Alan là một vận động viên bẩm sinh. Một cậu bé chu đáo. Thật là một tin đau xót, bàng hoàng. Thật không sao hiểu nổi. Tôi đến đây vì muốn bày tỏ nỗi đau buồn của mình với gia đình ta."

Gian tiền sảnh rất nóng, và cả hai đầm đìa mồ hôi.

"Lên nhà đi," ông Michaels nói. "Chúng tôi xin được mời thầy chút nước lạnh."

"Tôi không dám phiền ông đâu," Bucky đáp. "Tôi chỉ muốn chia buồn và nói rằng ông bà đã có một cậu con trai tuyệt vời. Cậu ấy thật trưởng thành về mọi mặt."

"Nhà có trà đá. Em vợ tôi pha. Nhà đã mời bác sĩ khám cho vợ tôi. Bà ấy nằm bẹp từ lúc ấy đến giờ. Bác sĩ phải cho uống thuốc an thần. Thầy lên nhà uống trà đã." "Thật tình tôi không dám làm phiền ạ."

"Không sao đâu. Alan đã kể cho chúng tôi về thầy Cantor cùng sức khỏe của thầy. Nó yêu thích sân chơi lắm." Và rồi, giọng ông nghẹn lại, "Nó yêu đời lắm."

Bucky theo chân người đàn ông cao to, phờ phạc bởi đau buồn ấy lên gác và bước vào căn hộ. Tất cả rèm cửa đều được thả xuống và không một ngọn đèn nào được bật sáng. Trong phòng có một cái ra-đi-ô để phía sau ghế sô-pha và đối diện là hai ghế bành lớn. Bucky ngồi trên sô-pha còn ông Michaels đi vào bếp rồi quay ra cầm trên tay một cốc trà đá cho khách. Ông mời Bucky ngồi vào một chiếc ghế bành rồi với vẻ đau khổ và thờ dài sườn sượt, ông ngồi xuống chiếc ghế bành còn lại, phía trước ghế này kê một cái

kệ gác chân nhỏ. Sau khi ngả người trong ghế và gác chân lên cái kệ nhỏ, trông ông chắc cũng giống như bà vợ, đang nằm trong giường, vừa được cho uống thuốc và không sao gượng dậy nổi. Tin dữ đã khiến khuôn mặt người đàn ông trở nên vô cảm. Trong bóng tối nhờ nhờ, quầng thâm dưới cặp mắt ông trông thẫm đen, như thể ai đó đã đóng hai con dấu mực tang thương lên đó. Thay vì tự xé quần áo của mình khi nghe tin người thân qua đời như phong tục cổ xưa của người Do Thái - ông Michaels đã gắn trên khuôn mặt nhợt nhạt của mình hai quầng tối ấy.

"Mấy thằng con tôi đang trong quân ngũ," ông nói, vẻ yếu ớt đến mức nếu có ai đó ở ngay phòng kế bên chắc cũng không sao nghe thấy nổi, đồng thời chậm rãi như thể đã quá kiệt sức. "Từ khi chúng phải đóng quân ở nước ngoài, không có ngày nào là tôi không lo sẽ nhận được tin dữ. Cho tới giờ chúng vẫn sống sót sau những trận đánh ác liệt nhất, vậy mà chỉ vài buổi sáng trước, thằng em tình dậy thấy cứng cổ và sốt cao, để rồi ba ngày sau nó chết. Chúng tôi biết kể với mấy đứa anh của nó ra sao bây giờ? Chúng tôi biết viết thư cho lũ anh đang chiến đấu của nó như thế nào bây giờ? Một đứa trẻ mới mười hai tuổi đầu, một thằng bé không thể có ai ngoan hơn, vậy mà nó đã đi rồi. Tối đầu nó thảm lắm nên sáng hôm sau tôi cứ nghĩ là đỉnh điểm đã qua và con nguy kịch đã hết. Nhưng hóa ra thảm kịch mới chỉ bắt đầu. Ôi đây là một ngày khốn khổ của thằng bé. Nó nóng như hòn than. Thầy xem nhiệt kế và sẽ không tin đâu - hơn bốn mươi một độ! Ngay khi bác sĩ đến nơi, ông ấy đã lập tức gọi xe cấp cứu, rồi ở bệnh viện họ mang ngay thằng bé đi mất - thế đấy. Chúng tôi không bao giờ còn thấy lại đứa con trai của mình nữa. Nó chết cô đơn một mình. Không có cả lời chào từ biệt. Tất cả những gì còn lại của nó là tủ quần áo, sách vở, dụng cụ thể thao, và kia, ở đằng kia kia, là bầy cá nó nuôi."

Lần đầu tiên, Bucky để ý thấy một bể cá lớn treo trên vách tường cuối phòng, chỗ đó không những tối bởi mấy tấm màn mà còn do rèm bị kéo xuống che phủ ô cửa sổ chắc hẳn trông xuống lối chạy xe và căn nhà kế bên. Một bóng đèn nê-ông rọi xuống bể cá, và trong đó anh thấy lũ cá bé

xíu, sặc sỡ, cả thảy mười mấy con, con thì trốn vào trong một cái hang giả, được trang trí bằng những bụi cây xanh, hoặc sục sạo lớp cát dưới đáy tìm mồi, con thì đang ngoi lên mặt nước đớp đớp, hay chỉ bất động gần một ống sục khí màu bạc ở góc bể. Hẳn là công trình do Alan tự làm, Bucky thầm nghĩ, một bể cá đúng nghĩa đã được cậu bé chăm sóc kỹ lưỡng và cẩn thận.

"Sáng nay," Ông Michaels tiếp, nhún vai ra dấu về phía cái bể, "tôi mới nhớ cho chúng ăn. Tôi bật dậy và sực nhớ ra."

"Đó là cậu bé tuyệt vời nhất," Bucky nói, rướn người qua ghế để ông Michaels có thể nghe rõ mà không cần nói to.

"Luôn luôn làm bài tập ở trường," ông Michaels tiếp lời. "Luôn giúp mẹ. Không hề có chút ích kỷ nào trong con người nó. Tháng chín tới đây nó sẽ bắt đầu chuẩn bị cho Lễ Trưởng thành. Lễ phép. Gọn gàng ngăn nắp. Hằng tuần đều viết cho các anh nó những bức thư, nó đọc cho chúng tôi nghe bên bàn ăn tối, thư nào cũng đầy ắp tin tức. Luôn khích lệ động viên mẹ mỗi khi bà ấy lo lắng buồn phiền về hai thằng anh. Luôn làm mẹ nó bật cười. Ngay khi nó còn bé, cả nhà cũng có những khoảng thời gian vô cùng vui vẻ với nó. Nhà chúng tôi là nơi tất cả bạn bè của chúng nó tới chơi vui vẻ, nơi lúc nào cũng nhộn nhịp lũ bạn trai. Tại sao Alan lại mắc bệnh bại liệt? Tại sao nó lại bị ốm và chết cơ chứ?"

Bucky bóp chặt cốc trà đá lạnh trong tay, không uống, anh thậm chí không biết là mình đang cầm nó nữa.

"Tất cả các bạn của nó đều kinh hãi," ông Michaels nói. "Chúng sợ đã nhiễm bệnh từ Alan và giờ đây chúng cũng sắp bị mắc bại liệt. Cha mẹ chúng hoảng loạn. Không ai biết phải làm gì. Làm gì chứ? Chúng tôi lẽ ra cần phải làm những gì? Tôi nặn óc nghĩ mãi. Có gia đình nào sạch sẽ hơn gia đình này? Có người phụ nữ nào giữ cho nhà cửa sạch sẽ tinh tươm hơn vợ tôi? Có người mẹ nào chăm chút sức khỏe cho con cái chu đáo hơn người mẹ của các con tôi nữa? Có đứa bé nào chăm nom phòng mình, quần áo và chính bản thân tốt hơn Alan? Mọi thứ nó làm, nó đều làm hoàn hảo

ngay từ lần đầu tiên. Và lúc nào cũng vui tươi. Luôn luôn đùa cười. Vậy tại sao nó lại chết? Sự công bằng ở đâu?"

"Không có," Bucky đáp.

"Anh chỉ làm điều đúng đắn, điều đúng đắn, điều đúng đắn và điều đúng đắn, trước giờ đều thế. Anh cố gắng làm người chu đáo, người biết điều, người luôn sẵn lòng giúp đỡ người khác, và rồi chuyện này xảy đến. Lẽ đời ở đâu?" "Dường như không có," Bucky trả lời.

"Cán cân công lý ở đâu chứ?" Người đàn ông đáng thương hỏi.

"Tôi không biết, ông Michaels ạ."

"Tại sao bi kịch luôn giáng xuống đầu những người không đáng phải nhận nhất?"

"Tôi không biết câu trả lời," Bucky đáp.

"Tại sao không phải là tôi mà lại là nó chứ?"

Bucky không có bất cứ câu trả lời nào cho một câu hỏi như thế. Anh chỉ có thể nhún vai tỏ ý lấy làm tiếc.

"Một cậu bé - bi kịch nhằm đánh vào một cậu bé. Thật tàn nhẫn!" Ông Michaels thốt lên, đập mạnh lòng bàn tay xuống thành ghế. "Vô lý quá! Căn bệnh khủng khiếp từ trên trời rơi xuống và một người bị chết chỉ sau có một đêm. Một đứa trẻ, không hơn không kém!"

Bucky ước gì mình có thể nghĩ ra được một từ để thốt lên và giúp làm dịu bớt, dù chỉ trong khoảnh khắc, nỗi thống khổ của người cha này. Nhưng tất cả những gì anh có thể làm là gật đầu mà thôi.

"Cái buổi tối hôm ấy, chúng tôi ngồi ngoài đường," Ông Michaels nói. "Alan ngồi cùng với chúng tôi. Nó đã về nhà sau khi chăm nom xong mảnh đất nhỏ của nó trong khu vườn tăng gia. Nó làm việc ấy một cách chăm chỉ.

Năm ngoái, thực tình chúng tôi ăn rau Alan trồng trong suốt cả mùa hè đấy. Lúc đó một cơn gió nhẹ thổi tới. Bất thành lình trời có gió. Thầy có nhớ đêm hôm ấy không? Khoảng chừng tám giờ gì đó, trời mát hẳn."

"Vâng, có ạ," Bucky nói, nhưng không còn lắng nghe nữa. Anh đang nhìn qua căn phòng chỗ những con cá nhiệt đới bơi lội trong bể và thầm nghĩ nếu không có Alan chăm sóc, chúng sẽ bị bỏ đói đến chết hoặc bị mang đi cho, hoặc, do buồn chán mà bị ai đó lúc đang nước mắt đầm đìa đem bỏ vào bồn cầu xối nước cho trôi đi.

"Nó giống như cơn gió lành sau một ngày nóng như thiêu. Anh chờ và chờ mãi một làn gió nhẹ. Anh nghĩ làn gió sẽ mang đến sự thư thái. Nhưng anh có biết tôi nghĩ nó mang đến gì không?" Ông Michaels hỏi. "Tôi cho rằng làn gió ấy gieo rắc mầm bệnh bại liệt vào trong không khí, khắp nơi, khắp chốn, anh cứ nhìn lớp lá bị cuốn đi theo ngọn gió mà xem. Tôi nghĩ Alan lúc ấy ngồi kia và hít phải mầm bệnh trong cơn gió đó..." Ông không sao nói tiếp được, ông bật khóc, lúng túng, vụng về. Đó là kiểu khóc của đàn ông, những người thường thích cho rằng bản thân có thể đương đầu với bất cứ điều gì.

Lúc này, một người đàn bà bước ra khỏi phòng ngủ; đó là cô em dâu đang săn sóc cho bà Michaels. Cô bước đi gượng nhẹ trên đôi giày của mình, như thể lúc ấy ở phòng trong có một đứa trẻ hiếu động rất cuộc cũng đã lăn ra ngủ.

Cô thì thầm, "Chị muốn biết anh đang nói chuyện với ai."

"Đây là thầy Cantor," ông Michaels vừa nói vừa lau mắt. "Thầy ấy là giáo viên của trường thẳng Alan học. Chị sao rồi?" Ông hỏi em dâu.

"Không khỏe," cô hạ giọng. "Cứ nói đi nói lại. 'Không phải con tôi, không phải con tôi.'"

"Anh sẽ vào ngay." Ông trả lời.

"Tôi cũng nên đi thôi," Bucky nói và đứng dậy, để cốc trà chưa uống xuống mép bàn. "Tôi chỉ muốn bày tỏ lòng thương tiếc của mình. Xin hỏi khi nào gia đình tổ chức tang lễ ạ?"

"Ngày mai, vào lúc mười giờ. Ở giáo đường phố Schley. Alan là học trò yêu của thầy dạy giáo lý Do Thái Slavin. Ai cũng yêu thích nó. Cha Slavin đã đến đây và ngay khi biết chuyện đã nói sẽ làm lễ cầu nguyện. Đây là một đặc ân cho Alan. Trên đời này ai cũng yêu quý thằng bé. Nó là đứa mà cả triệu người mới gặp một."

"Thầy dạy cháu nó môn gì thế ạ?" Người em dâu hỏi Bucky.

"Thế dục ạ."

"Alan thích bất cứ thứ gì dính đến thể thao," cô bảo. "Thật là một học trò mẫu mực. Thằng bé mà ai ai cũng yêu." "Tôi biết," Bucky nói. "Tôi thấy đúng vậy. Thật không sao bày tỏ hết được lòng thương tiếc của tôi."

Dưới nhà, khi anh bước xuống bậc thềm, một phụ nữ từ trong căn hộ tầng một chạy vội ra, phần nộ kéo tay anh lại hỏi, "Bảng hiệu cảnh báo cách ly đâu? Ở tầng trên ấy, mọi người cứ đi lên, đi xuống, vào ra, ra vào mà chả có cảnh báo cách ly gì cả? Nhà tôi có trẻ con. Tại sao không có một bảng cách ly để bảo vệ lũ trẻ nhà tôi? Anh có phải là tuần tra viên của đội vệ sinh dịch tễ không?"

"Tôi không biết gì chuyện của đội vệ sinh dịch tễ cả. Tôi làm ở sân chơi. Tôi dạy ở trường học."

"Thế ai phụ trách việc này?" Một bà da đen, người nhỏ thó, vẻ đầy lo âu, mặt bà nhăn nhó đầy kích động, trông như thể bại liệt đã hủy hoại xong cuộc đời của bà rồi chứ không phải lũ trẻ nhà bà đang chỉ tạm thời phải sống trong khu vực lây nhiễm của nó.

"Tôi cho là ủy ban Y tế chịu trách nhiệm chuyện này," Bucky đáp.

"Họ ở đang đâu?" bà căn vặn. "Mấy người có trách nhiệm đâu rồi? Mọi người sống trong khu phố thậm chí không bước đến cửa nhà chúng tôi - họ cố ý đi tránh sang bên kia đường. Thằng bé thì chết rồi," bà nói thêm, giọng dứt quăng về tuyệt vọng, "mà tôi vẫn đang chờ một bản cảnh báo cách ly!" Nói đến đây bà thét lên. Trước đây, Bucky chưa bao giờ nghe thấy một tiếng thét như thế, ngoại trừ trong phim kinh dị. Nó khác với tiếng la hét. Nó giống như được tạo ra bởi một dòng điện. Nó là một âm thanh có âm vực cao, kéo dài không giống bất kỳ âm thanh nào của con người mà anh biết, và tác động kỳ quái của nó khiến anh sồn gai ốc.

VÌ CÒN CHƯA ĂN TRƯA, nên Bucky rảo bước đến cửa hàng bán đồ ăn nhanh Syd's để mua một cái hot-dog. Anh cẩn trọng bước trên lề đường phía có bóng mát, băng nhanh qua những chỗ không gì che chắn ánh mặt trời chói chang và những chỗ anh có thể thấy lờ mờ hơi nóng lung linh bốc lên trên hè phố. Hầu hết người đi mua sắm đã mất dạng. Đó là một trong những ngày nóng nực nhất mùa hè ấy, nhiệt kế chỉ tới vạch ba mươi tám độ, và nếu như sân chơi mở cửa, anh hẳn sẽ cắt giảm các hiệp của môn bóng mềm, khuyến khích đám trẻ chơi cờ vua, cờ đam và chơi bóng bàn trong bóng mát của ngôi trường. Rất nhiều đứa trẻ uống những viên thuốc muối mẹ chúng đưa để chống chọi với cái nóng, và muốn tiếp tục chơi bất luận nhiệt độ lên cao đến cỡ nào, thậm chí ngay cả khi mặt sân trải nhựa bắt đầu có cảm giác như mềm ra và tỏa hơi nóng bên dưới những đôi giày thể thao; và nắng nóng đến mức thay vì làm đen sạm làn da, nó có thể tẩy trắng thân người trước khi thiêu rụi người ta tại chỗ. Ký ức về những lời than khóc của bố Alan vẫn còn nguyên, Bucky phân vân không biết có buộc phải ngừng mọi hoạt động thể thao trong những ngày còn lại của mùa hè khi nhiệt độ lên tới ba mươi hai độ hay không. Như thế, ít nhất, anh cũng đã cố làm gì đó, mặc dù không rõ nó có tạo ra được tí gì khác biệt đối với sự lây lan của căn bệnh bại liệt không nữa.

Ở Syd's vắng hoe. Ai đó đang rửa cái máy chơi đánh bi trong thứ ánh sáng lờ mờ phía sâu trong cửa hàng, hai cậu học sinh trung học anh không

quen mặt đang nghịch ngợm bên cạnh máy hát đang phát bài "I'll be seeing you" (*Rồi em sẽ gặp lại anh*), một trong những bài hát yêu thích của mùa hè này. Đó là bài hát mà Marcia thích nghe trên đài và được ưa thích bởi tất cả những người vợ và những cô gái ở hậu phương trong khi chồng và người yêu của họ đang hiện diện ở chiến trường. Giờ đây anh nhớ lại lúc cùng Marcia nhảy theo điệu nhạc của bài hát này ở hàng hiên phía sau nhà nàng một tuần trước khi nàng lên đường tới Indian Hill. Dìu bước chậm chậm, ôm nhau xoay vòng trong tiếng bài hát "I'll be seeing you" khiến họ bắt đầu cảm thấy nhớ nhau ngay cả trước khi Marcia rời thành phố đi xa.

Lúc Bucky ngồi xuống ghế kế cánh cửa có lưới ngăn côn trùng và ô cửa sổ dài dùng để giao nhận thông ra đại lộ Chancellor nhằm hứng chút gió thổi từ ngoài phố thì không có ai trong các ô bàn ăn cũng như trên dãy ghế đặt quanh quầy phục vụ cả. Một cái quạt máy to tướng đang thổi gió từ đầu này đến đầu kia quầy phục vụ nhưng xem ra không có mấy tác dụng. Cửa hàng vẫn nóng và nồng nặc mùi khoai tây xắt miếng rán giòn ngập mỡ.

Anh mua một cái bánh hot-dog và một chai nước ngọt có ga làm từ rễ cây còn đọng chút sương lạnh bên ngoài, và bắt đầu nhấm nháp. Ngoài cửa sổ, đang băng ngang qua đường, chậm chạp lê bước lên dốc trong cái nóng như thiêu như đốt của thành phố vùng xích đạo Newark lại là Horace, rõ ràng đang hướng về phía sân chơi, không nhận thức được rằng hôm nay là thứ bảy và đang độ hè, sân chơi đóng cửa từ trưa thứ bảy. (Cũng không rõ liệu ông ta có hiểu được thế nào là "mùa hè", "sân chơi", "đóng cửa" hay "buổi trưa" không nữa, chỉ nội việc ông ta sai lầm khi đi qua lề đường bên kia là đã đủ thấy con người này không thể nhận thức được một cách sơ đẳng khái niệm bóng râm" hay thậm chí chỉ để tìm đến nó một cách bản năng, giống như bất cứ một con chó nào cũng làm trong một ngày như thế này.) Khi Horace thấy không có đứa trẻ nào ở phía sau trường học, ông ta sẽ làm gì tiếp theo? Ngồi hàng giờ trên khán đài không mái che chờ cho chúng quay trở lại, hay tiếp tục lang thang giữa các khu phố khiến ông ta trông giống như một kẻ mộng du giữa ban ngày? Phải, Alan đã chết và căn bệnh

bại liệt đang là mối đe dọa đối với cuộc sống của tất cả trẻ em trong thành phố, Bucky không thể làm được gì nhưng cảm thấy ngán ngẩm khi quan sát Horace lê bước trên các con phố dưới ánh mặt trời gay gắt, đơn độc và vô tri trong một thế giới chói chang thiêu đốt.

Trong lúc bọn trẻ chơi bóng, Horace thường hoặc là ngồi lặng lẽ ở đầu băng ghế nơi đội phát bóng thường ngồi hoặc đứng lên đi vòng vòng quanh sân bóng, dùng chân cách một người chơi chừng một hay hai bước và đứng yên ở đó không nhúc nhích. Chuyện này luôn xảy ra, và ai cũng biết cách duy nhất để tống khứ Horace - và để tập trung thi đấu - là nắm lấy bàn tay vô hồn của ông khờ mà lắc rồi hỏi "Ông khỏe không, Horace?" Thế là Horace sẽ tỏ vẻ hài lòng và đi đến đứng cạnh một người chơi khác. Những gì ông ta cần từ cuộc đời chỉ có vậy - nắm tay ông và lắc. Không cậu trai nào ở sân chơi cười cợt hay chòng ghẹo ông ta - ít nhất là khi có Bucky ở đó - trừ cặp anh em hiếu động bất trị nhà Kopferman, Myron và Danny. Chúng là những cậu bé to khỏe, giỏi thể thao, Myron là đứa quá hiếu động và hiếu chiến còn Danny thì ma mãnh và ám muội. Cậu anh, Myron, mười một tuổi, có tất cả tính cách của một tay đấu gấu và cần phải được kiềm chế khi có chuyện tranh cãi giữa các cậu bé trên sân đấu hay khi cậu này quấy phá bọn con gái đang nhảy dây. Bucky đã dành không ít thời gian để cố dạy cho Myron bất trị về tinh thần thượng võ trong thi đấu cũng như cảnh cáo cậu không được trêu chọc Horace.

"Nhìn này," Myron sẽ bảo; "Nhìn này Horace. Xem cháu làm gì này." Khi Horace thấy mũi giày thể thao của Myron gõ nhịp trên các bậc khán đài, các ngón tay của ông ta sẽ bắt đầu co quắp và khuôn mặt con người ấy sẽ ửng đỏ, rồi ngay sau đó ông ta sẽ khua tay trong không khí như đang chiến đấu với một đàn ong. Trong mùa hè đó, Bucky đã vài lần phải bảo Myron Kopferman dừng trò đó lại và đừng có tái diễn nữa. "Trò gì cơ ạ? Làm trò gì cơ ạ?" Myron hỏi, toét miệng cười làm ra vẻ mình không làm gì hỗn láo cả. "Em chỉ nhịp nhịp chân, thầy Cantor - em không có quyền nhịp chân à?" "Thôi ngay đi, Myron," Bucky nạt ngang. Cậu em mười tuổi nhà

Kopferman, Danny, có một khẩu súng đồ chơi bằng sắt trông giống như súng lục ổ quay mà cậu vẫn thường bỏ trong túi quần, cả khi đang chơi ở vị trí chốt hai. Mỗi khi bóp cò, khẩu súng phát ra một tiếng nổ nhỏ và chút khói giống như thật. Danny thích tới sau những đứa khác và dùng súng dọa đám bạn. Bucky từng khoan thứ cho trò nghịch ngợm này chỉ bởi nó thật ra chẳng bao giờ khiến các cậu bé sợ. Nhưng một hôm Danny lấy khẩu súng đồ chơi ra và vung vẩy nó về phía Horace rồi ra lệnh cho ông ta giơ tay lên, khi Horace không chịu làm theo, Danny liền khoái chí xả liền năm viên đạn. Tiếng nổ và khói bốc ra khiến Horace kinh hãi, ông vung về lạch bạch chạy trốn khỏi kẻ chòng ghẹo mình. Bucky đã tịch thu khẩu súng, cất vào ngăn kéo phòng làm việc, cùng với món đồ chơi còng tay mà hồi đầu hè Danny đã dùng để dọa các bé nhỏ hơn ở sân chơi. Đây không phải là lần đầu tiên anh đuổi Danny về nhà với một thông báo gửi cho bà mẹ về hành vi của cậu con trai út. Tuy nhiên anh ngờ là bà chưa bao giờ nhận được nó cả.

Yushy, anh chàng đã làm lâu năm tại cửa hàng Syd's, mặc chiếc tạp-dề lấm lem vết mù tạt, nói với Bucky, "Quanh đây không có ma nào cả."

"Trời nóng quá," Bucky đáp. "Đang là mùa hè. Lại là cuối tuần. Ai cũng đi ra biển hoặc ở trong nhà."

"Không, không ai đến vì chuyện thằng bé đấy."

"Alan Michaels ấy hả?"

"Ừ," Yushy trả lời. "Nó đã ăn một cái bánh hot-dog ở đây, về nhà và nhiễm bại liệt rồi chết, nên giờ ai cũng sợ đến đây. Thật nhảm nhí. Anh không thể mắc bại liệt từ một cái hot-dog. Chúng tôi bán cả ngàn cái hot-dog mà chả ai mắc bại liệt cả. Rồi một đứa trẻ mắc bại liệt và ai ai cũng nói, 'Đó là do hot-dog ở quán Syd's, đó là do hot-dog ở quán Syd's!' Một cái hot-dog đã luộc chín rồi. Làm sao mà lây bại liệt từ một cái hot-dog đã luộc chín hả?"

"Mọi người hoảng sợ ấy mà," Bucky nói. "Họ sợ chết khiếp, nên cái gì họ cũng lo."

"Chính là lũ chó người Ý mang đến đấy," Yushy khẳng định.

"Không phải đâu," Bucky bảo.

"Đúng mà, chúng nó đấy. Chúng khạc nhổ khắp nơi."

"Lúc ấy tôi ở đó mà. Bọn tôi cọ rửa sạch đờm dãi bằng a-mô-ni-ắc rồi."

"Anh cọ sạch đờm dãi nhưng không cọ được hết mầm bại liệt. Anh không thể cọ sạch mầm bệnh được. Anh có nhìn thấy đâu. Nó bay trong không khí và anh mở mồm rồi hít vào, hậu quả là anh mắc bại liệt. Chả có liên quan gì đến những cái hot-dog."

Bucky không muốn đáp lời và trong khi nghe đến đoạn cuối của bài hát quen thuộc trên máy hát tự động - bắt giắc nhớ đến Marcia - anh ăn nốt suất ăn của mình.

*Rồi em sẽ gặp lại anh
Trong mọi ngày hè nắng đẹp
Trong khung cảnh tất cả đều tươi sáng và rực rỡ
Em luôn nghĩ về anh như thế...*

"Giả sử thằng bé đã ăn một cốc kem nước quả ở cửa hàng Halem's," Yushy nói tiếp. "Sẽ không có ai ăn kem nước quả ở cửa hàng Halem's nữa à? Giả sử thằng bé ăn mì xào trên phố chỗ mấy tay Tàu - thì sẽ không có ai đến đó ăn mì xào nữa à?"

"Có lẽ vậy," Bucky đáp.

"Thế còn thằng nhóc cũng bị chết kia thì sao?" Yushy hỏi. "Thằng nhóc nào?"

"Thằng nhóc chết sáng nay này."

"Thằng bé nào chết? Herbie Steinmark chết rồi sao" "Ừ. Nó không ăn hot-dog ở đây."

"Cậu chắc chắn là nó chết rồi hả? Ai nói với cậu là Herbie Steinmark đã chết?"

"Có người nói. Người vừa mới đến trước anh bảo tôi thế. Hai cậu thanh niên bảo tôi."

Bucky trả tiền cho Yushy và rồi, bất kể cái nóng khủng khiếp - và thậm chí không để ý đến cái sự nóng nực nữa - từ cửa hàng Syd's, anh chạy băng qua đại lộ Chancellor và quay trở lại sân chơi, băng qua các bậc thang tới cửa tầng hầm, mở khóa và rảo bước tới phòng làm việc của mình. Tới nơi, anh nhắc điện thoại, quay số bệnh viện Beth Israel, một trong những số điện thoại khẩn cấp được ghi trên tấm thẻ mà anh đã dùng đinh mũ đính lên tấm bảng thông báo treo phía bên trên điện thoại. Ngay phía trên tấm thẻ đó là một tấm thẻ khác, trên thẻ có một câu trích dẫn anh viết bằng bút máy lời của nhà hoạt động xã hội Joseph Lee, người khởi phát nên trào lưu sân chơi, câu này anh đọc được ở trường Panzer; anh đã treo nó lên bảng ngay từ ngày đầu tiên tới nhận việc. "Vui chơi, đối với người lớn, là giải trí, là tái tạo sự sống; vui chơi, đối với trẻ em, là phát triển, là giành lấy sự sống." Đính bên cạnh tấm thẻ này là một thông báo anh mới nhận ngày hôm qua, theo đường thư tín, của trưởng ban giải trí gửi quản lý các sân chơi:

Xét thấy tính chất nguy hiểm đối với trẻ em ở thành phố Newark trong tình hình bùng phát bệnh bại liệt thời gian qua, xin hãy hết sức lưu ý những vấn đề sau đây. Nếu quý vị chưa có đủ vật tư sử dụng trong nhà vệ sinh, hãy yêu cầu ngay lập tức. Khử trùng toàn bộ các bồn rửa tay, bồn cầu, sàn nhà và tường nhà vệ sinh mỗi ngày, tất cả mọi thứ đều phải sạch sẽ một cách hoàn hảo. Mọi thiết bị vệ sinh phải được cọ rửa kỹ lưỡng dưới sự giám sát của quý vị. Hãy tự mình giám sát và không ngừng lưu ý tới những vấn đề này trong lúc sự bùng phát bệnh vẫn còn đe dọa cộng đồng dân cư.

Khi nổi được đường dây với bệnh viện, anh yêu cầu nhân viên trực tổng đài cung cấp thông tin về bệnh nhân và sau đó hỏi tình hình của Herbert Steinmark. Câu trả lời là bệnh nhân này không còn nằm tại bệnh viện nữa. "Nhưng cậu bé đang nằm trong máy trợ thở cơ mà," Bucky căn vặn. "Bệnh nhân đã tử vong," nhân viên trực tổng đài trả lời.

Tử vong? Hai chữ ấy có thể nào lại gắn với Herbie tròn trĩnh, phúng phính và luôn tươi cười? Ở sân chơi, cậu là đứa phối hợp kém nhất trong đám và là cậu bé chiếm được nhiều tình cảm nhất. Đầu giờ buổi sáng, Herbie luôn nằm trong số các bé giúp Bucky bày biện trang thiết bị ra. Trong giờ thể dục ở trường Chancellor, cậu không có chút khả năng nào ở môn nhảy ngựa, xà kép, vòng treo và leo dây, nhưng bởi luôn gắng hết sức và với bản tính bền bỉ, Bucky không bao giờ cho cậu điểm dưới B. Alan là một vận động viên thiên phú và Herbie là cậu bé không có năng khiếu trở thành vận động viên, cậu thiếu hoàn toàn sự nhanh nhạy về thể chất - cả hai đều chơi trên sân trong cái ngày mà mấy gã người Ý tới quấy nhiễu, và cả hai đều đã chết, chết vì bệnh bại liệt ở tuổi mười hai.

Bucky hồi hả chạy xuống tầng hầm tới nhà vệ sinh dành cho các cậu bé trong sân chơi, lòng tràn đầy đau đớn và không biết phải làm gì với nỗi đớn đau ấy, anh chộp lấy cây lau sàn của người gác cửa, xách một xô nước và một bình hơn ba lít rượu thuốc khử trùng rồi lau chùi nền nhà lát gạch, mồ hôi toát ra như tắm. Kế đến, anh qua nhà vệ sinh của các bé gái, vẫn còn dư sức và trong cơn cuồng điên, lại lau sạch sàn bên đó. Rồi, với quần áo và hai tay nồng nặc mùi thuốc khử trùng, anh bắt xe buýt về nhà.

SÁNG HÔM TIẾP THEO, sau khi đã cạo râu, tắm gội, và ăn sáng, Bucky đánh bóng lại đôi giày, mặc bộ com-lê, áo sơ-mi trắng, anh chọn cái cà-vạt có màu sẫm hơn trong hai cái cà-vạt mình có, rồi đón xe buýt xuống phố Schley. Giáo đường là một ngôi nhà gạch, hình hộp có màu vàng, thấp lè tè, âm đạm, phía đối diện bên kia phố là một lô đất lớn đã được cải tạo thành vườn tăng gia của cả khu, ở đó có lẽ Alan đã từng siêng năng chăm sóc cho luống rau của mình. Bucky thấy vài người đàn bà đội mũ rơm rộng

vành để tránh nắng, đang cúi người làm cỏ trên những khoảnh đất nhỏ cạnh một tấm bảng thông cáo. Trước giáo đường đậu một dãy ô-tô, trong đó có một chiếc xe tang đen, người lái xe đứng trên hè, đang cầm khăn lau cản trước. Trong xe tang, Bucky nhìn thấy cỗ quan tài. Thật không sao tin nổi Alan đang nằm trong cái hòm gỗ thông đơn sơ xám xịt ấy chỉ bởi bị mắc một căn bệnh mùa hè. Cái hòm mà người ta không thể thoát ra được. Cái hòm mà trong đó một cậu bé mười hai tuổi sẽ mãi mãi ở tuổi mười hai. Mọi người khác sống và già theo năm tháng. Nhưng cậu sẽ mãi mười hai. Một triệu năm qua đi, và cậu vẫn chỉ mười hai tuổi.

Bucky lấy cái mũ chòm đã được gập gọn từ trong túi quần ra, chụp vội lên đầu và bước vào, anh thấy một cái ghế trống gần hàng cuối. Anh dò trong cuốn kinh cầu theo những người đang nguyện và tụng cùng họ. Giữa chừng, có một giọng phụ nữ hét lên, "Chị ấy ngất! Cứu với!" Cha Slavin tạm ngừng buổi lễ trong khi ai đó, chắc là một bác sĩ, chạy một cách vội vàng dọc theo lối đi giữa các hàng ghế và lên cầu thang ra ban công, để tới chỗ người đã bất tỉnh trong khu vực dành cho phụ nữ. Nhiệt độ trong giáo đường lúc ấy ít nhất cũng phải ba mươi hai độ, nóng nhất có lẽ ở ban công. Có người bị ngất xỉu chẳng có gì đáng phải ngạc nhiên. Nếu buổi lễ không nhanh chóng kết thúc, mọi người sẽ bắt đầu đua nhau ngất. Ngay cả Bucky cũng cảm thấy chóng mặt trong bộ lễ phục của mình, một bộ com-lê len mặc cho mùa đông.

Ghế bên cạnh không ai ngồi. Bucky mãi mong Alan sẽ bước vào và ngồi xuống đó. Anh muốn Alan bước vào với đôi găng bóng chày của cậu và ngồi xuống cạnh anh, như cậu vẫn thường làm vào buổi trưa trên khán đài ở sân chơi, ngồi cạnh Bucky và ăn bánh xăng-uych trong túi đựng đồ ăn trưa cậu mang theo.

Người đảm trách bài tụng ca là bác của Alan, Isadore Michaels, chủ hiệu thuốc tây lâu năm ở góc phố Wainwright cắt Chancellor mà khách hàng nào cũng gọi là bác sĩ. Ông trông vui tính, vạm vỡ và ngăm ngăm giống bố Alan, ông cũng có quầng đen nơi cặp mắt. Chỉ một mình ông nói bởi không thành viên nào trong gia đình còn cảm thấy làm chủ được cảm xúc nữa. Có rất nhiều người sùt sùi, không chỉ ở khu vực dành cho phụ nữ.

"Chúa ban ân cho chúng ta có Alan Avram Michaels trong mười hai năm," ông bác Isadore nói, mỉm cười với vẻ can đảm. "Và Chúa đã ban ân cho tôi có một đứa cháu mà tôi yêu quý như chính con ruột mình từ ngày nó lọt lòng. Hằng ngày, trên đường đi học về, Alan thường ghé vào cửa hiệu của tôi, ngồi ở quầy và xin một cốc sữa mạch nha pha sô-cô-la. Trong ngày khai giảng hồi mới đi học, Alan là cậu bé gầy gò nhất hạng và ước mong lúc ấy của tôi là chăm cho cháu béo lên. Nếu tôi mà rảnh rỗi, tôi sẽ đi tới máy bán nước ngọt và đích thân làm một cốc mạch nha cho cháu rồi sẽ thêm nhiều mạch nha hòng giúp cháu tăng cân. Chuyện này từ đó tới giờ, diễn ra năm này qua năm khác. Thật vui biết bao những lần ghé qua sau giờ học của đứa cháu trai tuyệt vời ấy!"

Đến đây ông phải dừng lời để trấn tĩnh lại.

"Alan," ông tiếp, "là một tay lão luyện về cá miền nhiệt đới. Cháu có thể nói như một chuyên gia về mọi thứ các vị cần để chăm sóc tất cả các loại cá nhiệt đới khác nhau. Không có gì thú vị hơn là đến chơi và ngồi với Alan cạnh bể cá của cháu, nghe cháu giải thích mọi thứ về từng con cá, rằng chúng sinh sản ra sao, vân vân. Các vị có thể ngồi với cháu một giờ mà cháu vẫn còn chưa nói xong những gì cháu biết. Các vị chia tay Alan ra về

với một nụ cười, tâm hồn thư thái, và đã học được điều gì đó. Làm sao cháu làm được thế? Làm sao đứa trẻ này lại làm được những điều mà cháu đã làm với những người lớn chúng ta? Điều bí mật của Alan là gì? Đó là sống hết mình, nhìn thấy được những điều kỳ diệu trong từng sự vật và yêu thích mọi thứ, dù đó là cốc sữa mạch nha sau giờ tan học, những con cá nhiệt đới, những môn thể thao mà cháu luôn nổi trội, góp sức mình vào cuộc chiến nơi vườn tằng gia, hay những điều cháu học được hôm ấy ở trường. Alan đã sở hữu niềm vui sống trong mười hai năm nhiều hơn hầu hết những người khác gom góp cả đời. Và rồi Alan mang tới niềm vui cho mọi người nhiều hơn hầu hết những người khác trao tặng trong cả một đời. Cuộc đời của Alan đã kết thúc rồi..."

Đến đây ông phải dừng lại một lần nữa và khi ông tiếp tục, giọng của ông khàn đặc và nước mắt như chực trào khỏi khóe mắt.

"Cuộc đời của Alan đã kết thúc," ông nhắc lại, "tuy nhiên, trong nỗi buồn đau, chúng ta nên nhớ rằng khoảng thời gian cháu bé sống, đó là một cuộc đời không bao giờ kết thúc. Mỗi ngày, đối với Alan, không bao giờ là kết thúc bởi cháu rất ham học hỏi. Mỗi ngày, đối với Alan, không kết thúc bởi bản tính vui tươi nơi cháu. Mãi là một đứa trẻ hạnh phúc trong suốt cuộc đời và tất cả những điều cháu làm, cháu đều dâng hiến tất thảy. Trên đời này, có những số phận còn tồi tệ hơn thế rất nhiều."

Sau buổi lễ, Bucky đứng bên ngoài trên bậc tam cấp của giáo đường tỏ lòng tiếc nuối của mình với gia đình Alan và cảm ơn ông bác của Alan về tất cả những lời ông nói. Ai đã từng quan sát ông khoác trên người chiếc áo choàng màu trắng ở hiệu thuốc, lấy thuốc theo toa cho khách hàng, lại hình dung ra được nhà hùng biện Bác sĩ Michaels có thể diễn thuyết hùng hồn đến thế, nhất là khi mọi người từ khắp nơi trong giáo xứ, dù đứng ở trên hay dưới các bậc cầu thang, dưới tác động của những lời ông nói, đều sụt sùi thương xót? Bucky trông thấy bốn chú bé thường tới sân chơi đang cùng nhau bước ra khỏi giáo đường: Spector, Sobelsohn, Taback và Finkelstein. Cả đám mặc bộ lễ phục đen may vừa vặn, áo sơ-mi trắng, đeo cà-vạt và đi

giày tây, mặt mũi đưa nào đưa nấy nhể nhại mồ hôi. Cũng không phải không có khả năng rằng, nỗi khổ cực nhất hôm đó với chúng là bị giam hãm trong không khí nóng nực với cổ cồn trắng và cà-vạt hơn là lần đầu đối mặt với cái chết. Vậy mà, chúng đã mặc những trang phục thích hợp nhất để tới giáo đường bất kể thời tiết, Bucky bước lại gần chúng, đặt tay lên vai từng đưa một và rồi vỗ nhẹ vào lưng chúng an ủi. "Alan sẽ rất vui khi thấy các em ở đây," anh nói khẽ. "Các em thật chu đáo."

Rồi có ai đó chạm vào lưng anh. "Thầy sẽ đi cùng với ai?"

"Sao cơ ạ?"

"Đó -" Người này chỉ một chiếc xe ô-tô trông như xe tang. "Đó, đi cùng với nhà Beckerman," và anh bị đẩy ; về phía chiếc xe ô-tô bốn chỗ hiệu Plymouth đậu dưới lề đường.

Bucky không dự định đi ra nghĩa trang. Sau buổi lễ ở giáo đường, anh đã tính quay về giúp bà làm nốt những việc vặt cuối tuần. Nhưng rồi anh cũng chui vào xe khi có người đã mở và giữ cửa chờ mình, ngồi vào ghế sau cạnh một người phụ nữ đội mũ có mạng che màu đen, đang phất phất chiếc khăn tay trước mặt để tạo chút gió nhẹ, trên gương mặt trang điểm của bà có nhiều sọc phấn dài bởi mồ hôi toát ra. Trên ghế trước, cạnh người lái là một người đàn ông nhỏ và béo lùn, mặc một bộ đồ com-lê sẫm màu, mũi của ông cũng bị gãy như của ông ngoại anh và có lẽ cũng cùng một lý do: tị bài Do Thái. Ngồi cạnh ông là một cô gái trạc mười lăm hay mười sáu tuổi, không trang điểm, tóc đen, được giới thiệu là chị họ Meryl của Alan. Gia đình Beckerman là dì, dượng của Alan. Bucky tự giới thiệu mình là một trong những thầy giáo của Alan.

Họ phải ngồi trong chiếc xe nóng bức ấy chừng mười phút, chờ cho những người đi theo sau xe tang xếp thành hàng xong xuôi. Bucky cố gắng nhớ lại những lời Isadore Michaels đã nói trong bài tụng ca về cuộc đời của Alan; khi cậu bé còn sống, cuộc đời đối với cậu dường như kéo dài vô tận,

nhưng rồi anh lại hình dung ra Alan đang bị nướng như miếng thịt trong quan tài của cậu.

Họ đổ dốc theo phố Schley xuống đại lộ Chancellor rồi rẽ trái và bắt đầu theo đại lộ Chancellor di chuyển một cách chậm chạp, ngang qua hiệu thuốc của ông bác Alan và hướng về trường tiểu học, trung học trên đỉnh đồi. Thảng hoặc mới thấy ai đó - hầu hết các cửa hàng đều đóng cửa, ngoại trừ cửa hàng thực phẩm Tabatchnick's kinh doanh cá hun khói sáng chủ nhật, các cửa hàng bánh kẹo ở góc phố còn bán báo ra ngày Chủ Nhật, bánh mì, bánh vị cà-phê và bánh mì vòng phục vụ điểm tâm sáng Chủ Nhật. Trong mười hai năm của đời mình, Alan hẳn đã ra con phố này hàng nghìn lần, tới trường và về nhà, đến sân chơi, ra ngoài mua giúp cho mẹ thứ gì đó, gặp gỡ bạn bè ở cửa hàng Halem's, dạo bước trên tất cả các con đường dốc lên, dốc xuống để tới công viên Weequahic câu cá, trượt băng và bơi thuyền trên hồ. Giờ đây cậu bé đang nằm trong áo quan trên chiếc xe tang dẫn đầu đám diễu hành, xuôi dọc theo đại lộ Chancellor lần cuối. Nếu như chiếc ô-tô là một cái lò nướng, Bucky nghĩ thầm, thử hình dung bên trong chiếc áo quan đó sẽ như thế nào.

Mọi người trên xe đã ngưng nói chuyện cho tới khi lên tới đỉnh đồi và đi ngang qua cửa hàng Syd's bán hot-dog.

"Tại sao Alan phải ăn uống trong cái nơi tồi tàn, dơ dáy bẩn thỉu ấy?" bà Beckerman thốt lên. "Tại sao nó không thể chờ đến khi về nhà rồi lấy thứ gì đó trong tủ lạnh ra mà ăn? Tại sao họ lại cho phép một nơi như vậy mở cửa đối diện trường học thế? Lại còn đúng vào mùa hè nữa chứ." "Edith," ông Beckerman lên tiếng, "bình tĩnh đi em." "Kìa mẹ," Meryl em họ của Alan cũng góp lời, "Tất cả đám trẻ đều ăn ở đó. Đây là nơi trẻ em thường lui tới mà." "Một nơi như nhóp," bà Beckerman bảo. "Khi đang có dịch bại liệt, lại để một đứa trẻ non nớt như Alan tới một nơi như thế, trời thì nóng thế này

"Đủ rồi, Edith. Trời nóng. Chúng ta đều biết trời rất nóng."

"Trường thẳng bé kìa," bà Beckerman bảo khi họ lên đến đỉnh đồi và chạy ngang qua mặt tiền lát đá xám của trường tiểu học nơi Bucky dạy. "Có được mấy đứa yêu thích ngôi trường giống như Alan? Ngay từ khi nhập học, nó đã yêu ngôi trường này."

Có lẽ lời nhận xét là dành cho Bucky, đại diện của trường. Anh đáp, "Cậu bé là một học sinh nổi trội." "Còn kia là Weequahic. Cháu nó sẽ là một học sinh ưu tú ở Weequahic. Nó đã có dự định học tiếng La-tinh. Tiếng La-tinh đấy! Tôi đã đặt biệt hiệu cho nó. Tôi gọi nó là Tài năng."

"Cậu bé là thế," Bucky nói, nghĩ tới cha Alan lúc ở nhà, bác cậu nơi giáo đường và giờ là dì cậu trên xe - tất thấy những điều họ thổ lộ đều vì cùng một lý do thích đáng: bởi Alan thực đáng khen. Họ xót xa biết dường nào vì đã mất cậu bé tuyệt vời này.

"Ở cao đẳng," bà Beckerman bảo, "cháu nó đã dự định học khoa tự nhiên. Nó muốn trở thành một nhà khoa học và chữa bệnh. Nó đọc một cuốn sách về Louis Pasteur và biết rõ Louis Pasteur đã phát hiện ra những mầm bệnh mà mắt thường không thể nhìn thấy như thế nào. Nó muốn làm một Louis Pasteur thứ hai," bà nói, vẽ nên toàn bộ viễn cảnh không bao giờ xảy ra. "Thay vào đó," bà kết luận, "nó lại phải đến ăn ở chỗ nhúc mầm bệnh." "Edith, đủ rồi đấy," ông Beckerman bảo. "Chúng ta không rõ vì sao cháu nó ốm và bị lây từ đâu. Bại liệt xuất hiện ở khắp nơi trong thành phố. Đã là cả một trận dịch rồi. Ở đâu em cũng nhìn thấy người mắc. Ca của cháu nó bị nặng và rồi tử vong, chúng ta chỉ biết thế thôi. Mọi thứ khác bây giờ có nói cũng chẳng để làm gì. Chúng ta cũng không rõ tương lai cháu nó sẽ trở thành người ra sao." "Chúng ta biết chứ!" bà nổi nóng vạch lại. "Thẳng bé có thể làm được bất cứ thứ gì!"

"Thôi được rồi, bà đúng. Tôi sẽ không tranh cãi nữa. Cứ tới nghĩa trang và làm cho cháu nó một đám tang đàng hoàng đi. Bây giờ đó là tất cả những gì chúng ta có thể làm cho nó."

"Còn hai đứa cháu trai nữa," bà Beckerman nói. "Chúa sẽ che chở chúng khỏi bất cứ tai ương nào."

"Bọn nó đã chiến đấu bấy lâu nay," ông Beckerman nói, "Chúng sẽ vượt qua quãng thời gian còn lại. Chiến tranh sẽ chóng kết thúc và Larry cùng Lenny sẽ an toàn trở về." "Rồi chúng sẽ không bao giờ còn gặp đứa em bé bỏng nữa. Alan đằng nào cũng đã ra đi," bà tiếp. "Không gì có thể mang nó trở về."

"Edith," ông bảo. "Chúng ta biết thế. Edith, bà cứ nói mãi mà bà có nói gì mới đâu cơ chứ."

"Cứ để mẹ nói, bố ạ," Meryl can.

"Nhưng mà ích lợi gì đâu," ông Beckerman than thở. "Cứ nói đi, nói lại à?"

"Thế cũng có lợi," cô gái nói. "Nó làm mẹ dễ chịu." "Cảm ơn con yêu," bà Beckerman nói.

Tất cả cửa sổ đều đã hạ xuống, nhưng Bucky cảm thấy như bị quấn kín không phải trong bộ com-lê mà là trong một cái chăn. Đoàn xe đã tới công viên và rẽ phải vào đại lộ Elizabeth rồi chạy qua Hillside và cắt ngang qua đường ray chạy trên cao vào Elizabeth, anh mong sao nhanh đến nghĩa trang. Anh hình dung nếu Alan phải nằm lâu thêm trong cái hòm nóng nực ấy, cái hòm bỗng nhiên bắt lửa và nổ tung, giống như bên trong có một quả lựu đạn bị nổ, thân thể cậu bé sẽ bắn tung tóe trong cỗ xe tang và khắp trên phố.

TẠI SAO BỆNH BẠI LIỆT chỉ tấn công người ta vào mùa hè? Đứng trong nghĩa trang, mặc dù đội mũ chỏm mà cảm thấy như đang để đầu trần, Bucky tự hỏi phải chăng căn nguyên bệnh bại liệt không chỉ bởi ánh mặt trời mùa hè? Đang giữa trưa, đâu đâu cũng nắng, nắng như đổ lửa trên đầu, nắng dường như thừa sức mạnh để gây tàn phế và giết chóc, điều này khả thi hơn là bởi một con vi trùng trong cái hot-dog.

Một huyệt mộ đã được đào sẵn. Đó là cái huyệt mở thứ hai mà Bucky trông thấy từ trước tới giờ, cái đầu tiên là của ông ngoại, cách đây ba năm, ngay trước khi chiến tranh bùng nổ. Lúc ấy bà ngoại tựa vào người anh nặng trĩu còn anh thì giữ cho bà lúc nào cũng ở sát bên mình trong suốt buổi tang lễ để bà khỏi ngã quỵ. Sau đó, anh dồn hết thời gian để chăm sóc bà, ở bên cạnh bà hằng đêm và thậm chí mỗi tuần còn đưa bà ra ngoài xem phim và thưởng thức một cốc kem hoa quả, được một độ trước khi anh có thời gian để tự suy ngẫm về mọi điều mất mát. Nhưng khi áo quan của Alan được hạ xuống dưới lòng đất, khi bà Michaels lăn xả tới cái huyệt, miệng gào khóc

"Không! Không phải là con trai tôi!" thì cái chết tự để lộ cho anh thấy rằng nó có quyền năng không thua gì ngọn roi nắng mặt trời đang liên tục quất xuống chiếc mũ chòm trên đầu anh.

Tất cả mọi người cùng hòa giọng với Cha Slavin trong bài kinh cầu, ngợi ca quyền năng tối cao của Chúa, ngợi ca một cách thái quá, quá hào phóng, với chính Đức Chúa, người đã cho phép cái chết hủy diệt mọi thứ, kể cả con trẻ. Giữa cái chết của Alan Michaels và bài kinh Kaddish ca tụng Chúa trời, gia đình Alan đã có một khoảng thời gian chừng hai mươi bốn giờ để cảm ghét và ghê tởm Đức Chúa vì những gì Người đã giáng xuống đầu họ - không, đương nhiên rồi, họ đâu thể phản ứng như thế trước cái chết của Alan, bởi họ không thể không sợ hãi trước viễn cảnh phải hứng chịu cơn thịnh nộ của Chúa khi Người sẽ tước đoạt nốt Larry và Lenny Michaels từ vòng tay họ.

Nhưng những gì không thể xảy ra với gia đình Michaels lại không biến mất trong suy nghĩ của Bucky. Phải thừa nhận rằng, chính anh đã không dám quay ra đối đầu với Chúa vì đã lấy đi mất ông ngoại mình khi ông lão đã tới tuổi trời. Nhưng nếu vì giết chết Alan bằng bệnh bại liệt ở tuổi mười hai thì sao? Vì chính sự tồn tại của căn bệnh bại liệt thì sao? Làm sao có thể có lòng dung thứ - huống hồ là vinh danh Chúa - và bất chấp sự tàn nhẫn điên rồ tới chừng này? Với Bucky, anh thấy dường như còn xa mới gọi là si

nhục khi cả đám người mặc đồ tang tụ tập để tự nhận mình là những kẻ ca tụng quyền năng của thần mặt trời, là những con dân của một vị chúa tể hăng chiếu sáng và với cung cách nhiệt thành của nền văn minh sơ khai thời cổ đại nơi bán cầu của chúng ta, cùng đắm mình trong vũ điệu tôn vinh thần mặt trời quanh năm mộ của một cậu bé - thà như thế, thà cứ thần thánh hóa và xoa dịu những tia chiếu của Mặt Trời Cha vĩ đại còn hơn là tôn vinh một đấng chí tôn cùng bất kể tội ác ghê rợn nào mà kẻ đó gây ra chỉ cốt để làm vừa lòng Người. Đúng vậy, thà cứ ca tụng cỗ máy phát nhiệt không thể thay thế ấy, cái nguồn năng lượng duy trì sự tồn tại của chúng ta kể từ khi loài người ra đời ấy - thà rằng trong bài nguyện của mình cứ tôn vinh cái hiển hiện ngày nào cũng gặp ấy, vật thể như con mắt bằng vàng rờng ở đâu cũng nhìn thấy ấy, con mắt duy nhất trên bầu trời cao xanh cùng nguồn năng lượng nội tại thiêu đốt trái đất - thà như thế còn tốt hơn rất nhiều so với việc cam chịu chấp nhận điều dối trá rằng Chúa trời là tốt đẹp và quy lụy trước một tên giết trẻ con máu lạnh. Vì phẩm giá con người, vì nhân tính của loài người, vì tất cả giá trị cao đẹp của con người, tốt nhất hãy đừng đề cập đến suy nghĩ thường ngày của con người về điều quái đản đang diễn ra tại nơi này.

... Y'hei sh'mei raboh m'vorakh l'olam ul'olmei ol'mayoh.

Cầu cho danh xưng vĩ đại của Người che chở chúng ta mãi mãi.

Yis'borakh v'yish'tabach v'yis'po'ar v'yis'romam v'yis'nasei

Thánh ân tôn kính tôn vinh cao quý được tụng ca, *v'yis'hadar v'yis'aleh v'yis'halal sh'mei d'kud'shoh*

danh xưng vĩ đại của Người là nguồn khích lệ, ngợi ca.

B'rikk hu...

Người là nguồn ân sủng.

Bốn lần trong bài nguyện nơi năm mộ cậu bé, mọi người đều đồng thanh "Omein"

Chỉ đến lúc đoàn người đã rời khu mộ phần và đi qua cổng để vào phố McClellan, Bucky mới sực nhớ tới những lần viếng nghĩa trang của người Do Thái trên phố Grove từ khi còn là một chú bé, nơi ấy mẹ anh, giờ là ông ngoại, đã được an táng và cũng sẽ là nơi đến lượt bà ngoại và anh được chôn. Lúc nhỏ, năm nào ông bà cũng dẫn anh đến đó để tưởng nhớ mẹ nhân dịp sinh nhật bà vào tháng Năm, dù ngay từ lần viếng đầu tiên lúc còn bé tí, Bucky đã không sao tin nổi việc bà đã thực sự được mai táng ở đó. Đứng giữa ông và bà đang khóc nức nở, anh luôn cảm thấy mình đang tham dự vào một trò chơi giả vờ có mẹ không đâu hơn ở nghĩa trang anh cảm thấy việc mình có mẹ là một câu chuyện được dựng lên ngay từ đầu. Và mặc dù, nghĩ rằng những lần viếng mộ hằng năm là một trò kỳ quái phải làm, anh không bao giờ từ chối. Anh làm thế như là một phần của bốn phận làm đứa con ngoan đối với một bà mẹ được theo dõi nên mà không hề tồn tại trong ký ức, dù rằng nó giống như một buổi trình diễn rỗng tuếch.

Bên năm mộ, mỗi khi anh tập trung để có một ý nghĩ phù hợp với dịp đó, anh sẽ nhớ tới câu chuyện mà bà ngoại đã kể cho anh nghe về mẹ và mấy con cá. Trong tất cả các câu chuyện của bà - nguồn cảm hứng cố hữu là chuyện Doris thông minh nhường nào hồi học ở trường và giỏi phụ giúp cha mẹ ra sao lúc ở nhà, rồi hồi bé, mẹ đáng yêu đến đâu khi ngồi tính tiền nơi cửa hàng, cũng giống như anh đã làm khi còn nhỏ - đó là những ý nghĩ in dấu trong tâm trí anh. Sự kiện không thể quên là vào chiều xuân xa vời trước khi mẹ anh mất và anh chào đời, khi ấy, để chuẩn bị cho lễ Passover - Lễ quá hải của người Do Thái rời bỏ Ai Cập, bà ngoại đã đi bộ lên đại lộ Avon tới cửa hàng bán cá, chọn trong bể của người bán hai con cá chép còn sống, bỏ vào cái xô, mang về nhà, rồi thả cho chúng bơi lội trong chiếc chậu sắt tây cả nhà vẫn dùng để tắm. Bà đổ đầy nước vào chậu và để cá ở đấy cho đến tận lúc cắt đầu và đuôi, lóc vây, và nấu món cá kho gefilte. Lúc ấy mẹ của Bucky mới năm tuổi, cô bé từ trường mẫu giáo về, chạy lên gác,

thấy lũ cá đang bơi trong chậu, và sau khi lẹ làng cởi quần áo, đã nhảy vào chậu chơi với chúng. Bà bắt gặp cô bé khi từ cửa hàng đi lên gác để đưa cho cô chút đồ ăn dặm. Cả hai mẹ con đã không kể cho ông ngoại nghe chuyện vì sợ ông sẽ bắt phạt cô. Ngay cả khi chú bé Bucky được bà kể cho nghe chuyện mẹ và mấy con cá - chú cũng đang học mẫu giáo - chú cũng cẩn trọng giữ bí mật để không làm ông ngoại đau khổ; ông chú, trong những năm đầu sau khi cô con gái rượt qua đời, chỉ có thể làm dịu bớt nỗi đau bằng cách không nói bao giờ nhắc đến cô con gái.

Có vẻ kỳ quái khi Bucky nghĩ đến câu chuyện ấy lúc đứng bên mộ mẹ, nhưng liệu có còn điều đáng nhớ nào khác để mà nghĩ lúc ấy?

ĐẾN CUỐI TUẦN kế tiếp, Weequahic được ghi nhận là nơi có số ca mắc bệnh bại liệt cao nhất trong tất cả các quận có trường học ở thành phố. Riêng sân chơi, vì vị trí đặc thù của nó được cảnh báo có những ca bệnh mới. Đối diện sân chơi, bên mặt phố Hobson, cô bé mười tuổi, Lillian Sussman, đã mắc bệnh; bên mặt đại lộ Bayview là cô bé sáu tuổi, Barbara Friedman - cả hai cô bé này đều không nằm trong số những bé gái thường xuyên tới nhảy dây tại sân chơi cả, tuy thế lúc này chỉ còn chưa tới phân nửa đám trẻ quần quanh ở đó kể từ ngày căn bệnh bại liệt khiến mọi người khiếp sợ. Và xuôi theo sân chơi nơi đại lộ Vassar, hai anh em nhà Kopferman, Danny và Myron, cũng đã bị mắc bệnh. Buổi tối hôm nghe tin về hai cậu bé, anh điện thoại tới nhà Kopferman gặp mẹ của chúng. Anh giới thiệu mình là ai và lý do anh điện thoại tới.

"Thầy!" Bà Kopferman quát lớn. "Thầy có gan điện thoại cơ à?"

"Xin lỗi," Bucky ôn tồn đáp. "Tôi không hiểu ý bà ạ."

"Thầy không hiểu gì chứ? Thầy không hiểu rằng đang hè mà thầy bắt bọn trẻ chạy lòng vòng quanh trong cái nóng hầm hập à? Rằng thầy không được để chúng uống nước từ vòi nước công cộng? Rằng thầy phải trông chừng chúng khi chúng đổ mồ hôi? Thầy có biết dùng hai con mắt mà Chúa

trời đã ban cho để trông chừng tội nhỏ trong mùa bại liệt không? Không! Không có lấy đến một phút nữa!"

"Thưa bà Kopferman, tôi đảm bảo với bà, tôi rất chu đáo với các cậu bé."

"Vậy tại sao tôi có hai đứa con bị liệt bại? Cả hai thằng con tôi! Là tất cả những gì tôi có! Hãy giải thích cho tôi đi! Thầy để chúng nó chạy nhảy như những con vật ở đẳng đó - và giờ thì thầy thắc mắc vì sao chúng mắc bệnh! Bởi vì thầy! Bởi vì một kẻ ngu ngốc, khinh suất, vô trách nhiệm như thầy đấy!" Và bà ngắt máy.

Bucky đã dùng điện thoại trong bếp để gọi tới nhà Kopferman sau khi đưa bà ngoại xuống dưới sân ngồi cùng với những người hàng xóm và sau khi anh dọn dẹp sạch sẽ bàn ăn tối. Cái nóng ban ngày vẫn còn rơi rớt, trong nhà thật nóng bức và ngột ngạt. Khi chuông ống nghe, người anh đắm mồ hôi, cho dù trước khi ăn tối anh đã tắm và thay đồ mới. Anh mong muốn được có ông ngoại bên mình để trò chuyện biết mấy. Anh biết bà Kopferman bị kích động; anh biết bà mất tự chủ vì nỗi thống khổ mà điên cuồng chửi mắng như tát nước vào mặt anh, nhưng anh vẫn mong có ông ngoại ở đây để trấn an rằng anh không hề đáng trách như những gì bà ta nói. Đây là lần đầu tiên Bucky phải đối mặt với một lời buộc tội gồm guốc và một sự thù ghét tột độ, nó khiến tâm trạng anh chùng hẳn xuống, tệ hơn rất nhiều so với lần phải đối mặt với mười gã người Ý đầy uy hiếp nơi sân chơi.

Qua ba tầng cầu thang gỗ mòn vẹt bên ngoài tòa nhà, anh xuống sân nói chuyện với láng giềng trong chốc lát rồi bước ra ngoài đi dạo, đã bảy giờ tối rồi mà bên ngoài trời vẫn sáng. Bà ngoại đang ngồi cùng với mọi người ở trước nhà, cạnh đó có một cây nến hương sả để đuổi muỗi. Họ ngồi trên những cái ghế bố dựng thẳng lưng và đang bàn chuyện bại liệt. Những người có tuổi, giống như bà ngoại" anh, đã sống qua dịch bệnh hồi năm 1916 ở thành phố thì than thở rằng vì sao trong suốt gần ấy năm khoa học

vẫn không tìm ra được phương thuốc trị bệnh hoặc đưa ra được cách ngăn ngừa bệnh. Hãy nhìn khu Weequahic mà xem, họ nói, sạch sẽ và vệ sinh như tất cả các khu dân cư khác trong thành phố, thế mà lại là nơi mắc bệnh nhiều nhất. Nghe đồn, ai đó nói, người ta không cho những người phụ nữ da màu làm nghề tạp vụ đến làm việc trong khu dân cư vì sợ rằng họ mang mầm bệnh bại liệt từ những khu ổ chuột tới. Một người khác thì nói rằng theo suy đoán của anh ta, căn bệnh này được lan truyền bởi tiền, vì những tờ tiền giấy được truyền từ tay người này sang tay người khác. Điều quan trọng là, anh ta nói, phải luôn rửa tay sau khi cầm hay mó vào tiền, cả tiền giấy lẫn tiền xu. Thế thư từ thì sao, một giọng khác hỏi, anh có cho rằng nó được lan truyền qua thư tín không? Cô định làm gì, có người bắt bẻ, đình chỉ việc đưa thư à? Cả thành phố sẽ ngưng trệ hết.

Nếu là sáu hay bảy tuần trước, họ hẳn sẽ bàn luận về những tin chiến sự.

Bucky nghe thấy tiếng chuông điện thoại reo và nhận ra nó vang lên từ trong căn hộ của hai bà cháu, ắt là Marcia từ trại hè gọi về. Trong năm học vừa qua, ngày nào hai người cũng trông thấy nhau ít nhất là một hoặc hai lần ở ngoài hành lang trường trong giờ học, và cuối tuần lại ở bên nhau. Đây là lần đầu họ phải xa nhau lâu đến như vậy kể từ ngày gặp mặt. Anh nhớ nàng và anh nhớ gia đình Steinberg, họ, ngay từ đầu, đã vô cùng tử tế và ân cần với anh. Cha nàng là bác sĩ và mẹ nàng từng là giáo viên tiếng Anh tại một trường trung học, cả nhà - thêm hai cô em sinh đôi của Marcia, học lớp sáu tại trường Maple Avenue - sống trong một ngôi nhà rộng rãi, tiện nghi trên đại lộ Goldsmith, cách phòng mạch của bác sĩ Steinberg ở đại lộ Elizabeth chỉ một khu nhà. Sau khi bị bà Kopferman kết tội cấu thả, Bucky đã nghĩ tới việc đến chỗ bác sĩ Steinberg để nói chuyện với ông về bệnh dịch và tìm hiểu nhiều hơn về căn bệnh. Bác sĩ Steinberg là một người có học (không giống như ông ngoại anh, chưa bao giờ đọc sách), và khi ông nói, Bucky luôn thấy tin tưởng rằng ông hiểu rõ những điều mình đang nói. Ông Steinberg không thay thế được ông ngoại anh - và dĩ nhiên cũng không thay thế được người cha của anh - nhưng lúc này, ông là người mà anh

ngưỡng mộ và tin tưởng nhất. Trong buổi hẹn hò đầu tiên với Marcia, khi anh hỏi nàng về gia đình, nàng đã nói về cha mình rằng ông không những tuyệt vời đối với bệnh nhân mà còn có tài giữ cho mọi người trong nhà chung sống hòa thuận và hạnh phúc cũng như giải quyết mọi cuộc cãi nhau vặt vãnh của hai cô em nhỏ hết sức hợp lý. Ông là vị trọng tài giỏi nhất mà nàng từng biết. "Mẹ em," nàng nói, "gọi cha là 'cái nhiệt kế hoàn hảo đo nhiệt độ cảm xúc của gia đình.' Không có bác sĩ nào mà em biết," nàng kể với anh, "lại nhân từ hơn cha cả."

"Em đây rồi!" Bucky reo lên sau khi chạy vội lên gác và nhấc điện thoại, "ở đây như cái lò than. Hơn bảy giờ tối mà trời vẫn nóng như giữa trưa. Nhiệt kế như bị mắc kẹt. Em khỏe không?"

"Em có điều muốn nói với anh. Một tin hấp dẫn lắm anh ạ," Marcia nói. "Irv Schlanger nhận được lệnh nhập ngũ. Anh ấy sắp rời khỏi trại. Họ cần người thay. Đang rất cần một người quản lý bến tắm từ giờ đến hết hè. Em đã nói với ông Blomback về anh, em đã đưa ông ấy tất cả bằng cấp anh có, và ông ấy muốn thuê anh, không cần gặp trước." Ông Blomback là chủ sở hữu kiêm giám đốc Indian Hill và là bạn của gia đình Steinberg bấy lâu nay. Trước khi kinh doanh trại hè, ông là hiệu phó một trường tiểu học ở Newark và là cấp trên của bà Steinberg khi bà mới đi dạy.

"Marcia," Bucky nói với nàng, "Anh đã có việc làm rồi mà."

"Nhưng giờ anh có thể lánh xa vùng dịch đó. Em lo cho anh lắm, Bucky ạ. Ở trong thành phố nóng nực đó cùng với bầy trẻ. Lại tiếp xúc gần gũi đường ấy với lũ trẻ nữa chứ - rồi còn ngay giữa ổ dịch. Và cả cái nóng nữa, nóng liên tục hết ngày này sang ngày khác."

"Anh có khoảng chín mươi đứa nhỏ ở sân chơi này, mà cho tới giờ, mới chỉ có bốn đứa mắc bại liệt."

"Vâng, và có hai ca tử vong."

"Ở sân chơi, thế vẫn không phải là dịch, Marcia ạ." "Em muốn nói là ở khu Weequahic nói chung cơ. Đây là vùng nhiễm bệnh nặng nhất thành phố. Mà hiện thời còn chưa tới tháng Tám, tháng tệ nhất. Lúc ấy Weequahic có thể có số ca nhiễm gấp mười lần. Bucky ơi, xin anh bỏ việc đi. Anh có thể làm quản lý bến tắm ở Indian Hill. Lũ trẻ thì ngoan ngoãn, nhân viên thì giỏi, ông Blomback lại tử tế - anh sẽ yêu thích công việc ở đây. Anh có thể làm quản lý bến tắm hết năm này qua năm khác. Chúng ta có thể hè nào cũng đến đây làm việc. Chúng ta có thể ở cùng nhau như một đôi uyên ương và anh sẽ an toàn."

"ở đây anh an toàn mà, Marcia."

"Không có đâu."

"Anh không thể bỏ việc. Đây là năm đầu tiên. Làm sao anh có thể bỏ rơi đám trẻ được. Anh không thể rời bỏ chúng. Chúng đang cần anh hơn bao giờ hết. Đây chính là việc anh phải làm."

"Anh yêu, anh là một giáo viên tốt và tận tụy, nhưng điều đó không có nghĩa là không thể vắng anh trong chương trình sinh hoạt hè nơi sân chơi. Em đang cần anh hơn lúc nào hết. Em yêu anh rất nhiều. Em nhớ anh lắm. Mỗi khi nghĩ có chuyện gì đang xảy đến với anh, em sợ chết đi được. Anh tự đưa mình vào vòng nguy hiểm đâu có lợi gì cho tương lai hai đứa mình?"

"Bố em thường xuyên tiếp xúc với người bệnh. Ông cũng thường xuyên ở trong vòng nguy hiểm đấy thôi. Em có lo lắng cho bố em nhiều đến thế không?"

"Hè này á? Có chứ. Tạ ơn Chúa, hai đứa em nhà em cũng ở đây trong trại hè. Vâng, em lo lắng cho bố em, mẹ em cùng tất cả những người em yêu thương."

"Và rồi em cũng trông mong bố mình sẽ cuốn gói và bỏ lại bệnh nhân của ông vì bệnh bại liệt à?"

"Bố em là một bác sĩ. Ông lựa chọn trở thành bác sĩ. Tiếp xúc với người bệnh là nghề của ông. Nó không phải là nghề của anh. Nghề của anh là làm việc với những con người khỏe mạnh, với lũ trẻ khỏe khoắn, có thể chạy nhảy và chơi thể thao cho vui. Anh sẽ là một người quản lý bến tắm giỏi giang. Mọi người nơi đây sẽ yêu mến anh. Anh là một tay bơi cừ khôi, anh là một vận động viên nhảy cầu cự phách, anh là một thầy giáo tuyệt vời. Ôi Bucky, đây là cơ hội ngàn năm mới có một. Và," nàng hạ giọng, "mình sẽ được riêng tư ở trên này. Giữa hồ có một hòn đảo. Mình sẽ bơi thuyền ra đó khi trời tối. Sẽ không phải lo lắng rằng bà anh, bố mẹ em hay các em gái em rình rập quanh nhà. Chúng mình rất cuộc, rất cuộc sẽ được riêng tư anh à."

Bucky có thể cởi hết quần áo trên người nàng, anh nghĩ, và hình dung cảnh nàng khỏa thân. Sẽ chỉ có một mình họ trên đảo khi trời tối và không mặc áo quần. Và rồi, sẽ không phải phập phồng vì lo ngại có người ở gần đó, anh có thể vuốt ve nàng chậm rãi hay khát khao tùy thích. Và anh sẽ được giải phóng khỏi gia đình Kopferman. Anh sẽ không còn phải nhận sự chỉ trích điên cuồng của bà Kopferman là đã khiến các con bà nhiễm bại liệt. Rồi anh có thể ngừng căm ghét Chúa bởi việc này làm xáo trộn cảm xúc và khiến anh cảm thấy vô cùng choáng váng. Trên hòn đảo của riêng hai người, anh có thể tránh xa mọi điều đang dần trở nên khó chịu và ngày càng khó chịu hơn.

"Anh không thể bỏ bà ngoại ở lại được," Bucky nói. "Làm sao bà leo được lên ba tầng cầu thang để lấy mớ đồ tạp hóa? Nếu phải khuân đồ lên gác là bà thấy tức ngực. Anh phải ở lại đây. Anh còn phải giặt giũ. Anh phải chợ búa. Anh còn phải chăm sóc bà."

"Gia đình Einneman có thể trông nom bà cho đến hết hè. Họ sẽ đi mua đồ tạp hóa hộ bà. Họ sẽ giặt hộ bà vài ba món quần áo. Họ sẽ rất sẵn lòng giúp đỡ mà anh. Bà đã trông nom họ khi còn nhỏ. Họ mê bà như điều đồ ấy chứ." "Nhà Einneman là những người hàng xóm tuyệt vời, nhưng đó không phải là việc của họ. Đó là việc của anh. Anh không thể rời bỏ Newark."

"Thế em sẽ nói gì với ông Blomback?"

"Nói là cảm ơn ông nhưng anh không thể rời Newark, vào thời điểm như thế này lại càng không thể được."

"Em sẽ không nói gì với ông ấy đâu," Marcia đáp. "Em sẽ đợi. Em cho anh một ngày để suy nghĩ. Tối mai em sẽ gọi lại. Bucky, anh tuyệt nhiên không hề lần trốn trách nhiệm của người thầy. Rời bỏ Newark lúc này không phải là một việc hèn nhát. Em hiểu anh mà. Em biết anh đang nghĩ gì. Anh quả là can đảm, nhất là trong tình hình như thế này, anh yêu ạ. Em cảm thấy bủn rủn chân tay khi nghĩ về việc anh can đảm như thế nào. Nếu anh tới Indian Hill, thực ra chỉ là anh sẽ làm một công việc khác chứ không hề bớt chút tận tâm nào. Và anh sẽ thực thi một nghĩa vụ khác mà anh phải tự đáp ứng với chính mình - ấy là thấy hạnh phúc. Bucky, đây chỉ đơn thuần là một sự khôn ngoan khi đối diện với hiểm họa - ai cũng thế mà!"

"Anh sẽ không đổi ý đâu. Anh muốn ở cùng em, ngày nào anh cũng mong nhớ em, nhưng anh không thể rời bỏ nơi đây lúc này."

"Nhưng anh phải nghĩ đến sức khỏe của bản thân mình chứ. Để chuyện này đến mai nhé, anh yêu, nhé, xin anh đấy."

Bà ngoại đang ngồi ngoài trời với hai gia đình nhà Einneman và nhà Fisher. Ông Fisher là thợ điện, hai vợ chồng tuổi đều đã gần năm mươi, có một cậu con trai mười tám tuổi là lính thủy đánh bộ, đang chờ tàu khởi hành từ California đến vùng Thái Bình Dương, và một cô con gái là nhân viên bán hàng trong cửa hàng bách hóa trên phố, đó cũng là cửa hàng nơi ngày xưa bố của anh thụt két - một sự thật không thể rũ bỏ luôn hiện diện trong tâm trí Bucky mỗi khi họ tình cờ gặp nhau lúc rời nhà đi làm mỗi sáng. Cặp vợ chồng trẻ nhà Einneman mới sinh em bé, sống trong căn hộ ngay phía dưới tầng nhà Bucky. Đứa nhỏ ở ngoài cùng với bố mẹ, đang ngủ trong nôi; kể từ lúc nó chào đời, bà ngoại của Bucky phụ giúp chăm bẵm thằng bé.

Mấy người họ vẫn đang bàn tán về bệnh bại liệt, giờ đang nhắc lại những chuyện hồi xưa đáng sợ về nó. Bà đang hồi tưởng những nạn nhân mắc bệnh ho gà được yêu cầu phải đeo băng tay và trước khi vắc-xin ra đời thì bệnh bạch hầu là căn bệnh kinh hoàng nhất trong thành phố ra sao. Bà nhớ lần được tiêm một trong những mũi vắc-xin đầu tiên phòng bệnh đậu mùa. Vết tiêm bị nhiễm trùng nghiêm trọng và kết quả là trên bắp tay phải của bà có một vết sẹo lớn, tròn tròn. Bà vén cao ống tay áo lưng mặc ở nhà và chìa cho mọi người xem vết sẹo ấy.

Góp mặt được một lúc, Bucky nói anh sẽ đi dạo, và rời gót. Đầu tiên, anh ghé hiệu thuốc trên đại lộ Avon mua một cây kem ốc quế tại máy bán nước ngọt. Anh chọn một chiếc ghế đẩu bên dưới cái quạt máy và ngồi đó vừa ăn kem vừa suy nghĩ. Mỗi khi có nhiệm vụ được đặt ra trước mắt anh đều thấy có trách nhiệm phải hoàn thành, và giờ đây, việc đó là trông nom những đứa trẻ đang lâm nguy nơi sân chơi. Và nhiệm vụ của anh không chỉ đơn thuần vì lũ trẻ mà còn bởi lòng trân trọng mớ ký ức về người chủ cửa hiệu tạp hóa ngoan cường, người bất chấp tính khí nóng nảy và những hạn chế của bản thân, đã vượt qua mọi khó khăn mà ông phải đối mặt. Marcia đã hoàn toàn sai lầm - với anh, sẽ chẳng có gì đáng khinh hơn việc chuồn đến vùng núi Pocono cùng với nàng để lẩn tránh trách nhiệm đối với công việc được giao phó.

Anh nghe thấy tiếng còi văng vẳng đằng xa. Giờ đây, tiếng còi chốc chốc lại vang lên bất kể ngày hay đêm. Đó không phải là những tiếng còi báo động của hệ thống phòng không - còi này chỉ cất lên mỗi tuần một lần vào trưa thứ Bảy, và chúng mang lại niềm an ủi rằng thành phố luôn sẵn sàng cho bất cứ tình huống nào nhiều hơn là tạo ra tâm lý sợ hãi. Những tiếng còi báo động kia đến từ những chiếc xe cứu thương tới đón các nạn nhân mắc bệnh bại liệt và đưa họ tới bệnh viện, những tiếng còi rú lên đình tai nhức óc, "Tránh đường nào - có một cuộc đời đang lâm nguy đây!" Gần đây mấy bệnh viện trong thành phố đã hết nhân máy trợ thở, và những bệnh nhân cần dùng đến thiết bị ấy được đưa đến những bệnh viện ở các thành

phố Belleville, Kearny và Elizabeth cho tới khi chuyển hàng chuyên chở các máy trợ thở mới tới được Newark. Bucky chỉ mong sao chiếc xe cứu thương kia không hướng về khu phố Weequahic để đón đi một trong những đứa trẻ của mình.

Anh đã bắt đầu nghe thấy những lời đồn thổi rằng nếu như dịch bệnh lan rộng thêm, tất cả các sân chơi trong thành phố có thể sẽ bị đóng cửa nhằm ngăn không cho trẻ em tiếp xúc thường xuyên với nhau ở đây. Thông thường, một quyết định kiểu như thế sẽ được ban hành bởi Ủy ban Y tế, nhưng với những trường hợp gây ra sự đảo lộn quá mức cuộc sống của các cậu bé, cô bé ở Newark trong mùa hè, thị trưởng có quyền phản đối và đích thân đưa ra quyết định cuối cùng. Ông đang làm tất cả mọi việc trong khả năng của mình để trấn an các bậc cha mẹ trong thành phố và theo báo chí đưa tin, ông đã đến từng tiểu khu để thông báo với những người dân đang âu lo về tất cả các biện pháp mà thành phố đang làm nhằm đảm bảo mọi rác rưởi, bụi bặm, đồ bẩn thỉu phải được thường xuyên dọn dẹp khỏi những nơi công cộng cũng như nhà riêng. Ông nhắc nhở mọi người dứt khoát phải dùng thùng rác có nắp đậy và tham gia chiến dịch "Đập ruồi" bằng cách sửa các tấm lưới chắn côn trùng trên cửa, đập và diệt ruồi - vật trung gian truyền bệnh luôn sinh sôi nảy nở trong điều kiện mất vệ sinh - khi thấy chúng bay vào nhà qua những cánh cửa mở hay qua những ô cửa sổ không lắp lưới. Rác thải sẽ được tăng cường lấy cách nhật và để đẩy mạnh chiến dịch diệt ruồi, vì đập ruồi sẽ được các "thanh tra vệ sinh dịch tễ" phát miễn phí khi đến thăm các cộng đồng dân cư để chắc chắn rằng tất cả các đường phố sạch bóng rác thải. Nhằm đảm bảo cho các bậc cha mẹ rằng mọi thứ đều trong tầm kiểm soát và nói chung vẫn an toàn, ngài thị trưởng đã đặc biệt nhấn mạnh rằng: "Các sân chơi sẽ tiếp tục mở cửa. Trẻ em trong thành phố chúng ta cần có những sân chơi trong mùa hè. Cả hai công ty bảo hiểm nhân thọ Prudential ở Newark và Metropolitan ở New York đều nói rằng không khí trong lành và ánh nắng mặt trời là những thứ vũ khí chủ yếu để tiêu trừ bệnh tật. Hãy cho con cái chúng ta tắm nắng và hít thở không khí trong lành ở các sân chơi và không một loại vi trùng nào có thể trụ lại được

lâu dưới tác động của những thứ vũ khí ấy. Sau hết," ông nói với các thánh giả của mình, "hãy giữ cho các khoảnh sân và các tầng hầm của quý vị luôn sạch sẽ, đừng mất bình tĩnh, rồi chúng ta sẽ sớm thấy mức độ lây lan của tai họa này giảm bớt. Và hãy đập chết ruồi không thương tiếc. Ta không thể đánh giá được hết hiểm họa mà lũ ruồi mang lại."

Bucky bắt đầu đi ngược đại lộ Avon lên khu trung tâm Belmont, không khí nóng hầm hập và mùi hôi thối nghẹt thở quẩn quanh anh. Trong những ngày có gió nam, từ trên phía nhà máy lọc dầu Rahway và Linden tỏa xuống mùi khét nồng, nhưng tối nay, luồng gió lại thổi về từ phía bắc, mang theo trong không khí thứ mùi hôi thối khủng khiếp, chắc chắn bốc ra từ trại nuôi lợn Secaucus nằm trên thượng lưu sông Hackensack, cách thành phố dặm cây số. Bucky không thấy có con phố nào hôi hám đến thế. Vào mỗi đợt nắng nóng, khi Newark dường như bị vấp đến cạn kiệt đến từng ngậm không khí trong lành, có những lúc, mùi hôi ấy trở nên kinh tởm đến mức chỉ cần hít phải một hơi thôi sẽ khiến người ta buồn nôn và chạy vội vào nhà. Mọi người đang đổ lỗi cho trại nuôi lợn Secaucus, được gọi một cách khinh miệt là "Thủ phủ lợn thối của hạt Hudson", vì nằm kề thành phố, và vì những đặc tính truyền nhiễm bệnh tật - tới những khu vực theo hướng gió - với thứ chương khí bao phủ, một hỗn hợp độc hại, truyền nhiễm có mùi kinh tởm mà chỉ có Chúa mới biết là do những thành phần thối rữa, mục nát nào tạo nên. Nếu như điều mọi người nghi ngờ là đúng thì việc hô hấp luôn cần thiết cho sự sống sẽ là một hành vi nguy hiểm ở Newark - hít một hơi thật sâu là người ta có thể tiêu đời.

Mặc tất cả những điều khó chịu trong tối ấy, vẫn có một đoàn con trai vừa đạp những chiếc xe cũ mòn hết tốc lực trên mặt đường rải đá gồ ghề giữa những đường ray tàu điện trên đại lộ Avon vừa gào vờ hòng "Húuu!" Vẫn có các cậu bé chơi đuổi bắt trước các cửa hàng bánh kẹo. Vẫn có những thanh niên ngồi chơi nơi bậc thềm trước nhà, vừa hút thuốc vừa tán gẫu. Giữa phố vẫn có những cậu trai thông dong tung bóng cho nhau dưới ánh đèn đường, ở một lô đất trống nơi góc đường, trên tường của tòa nhà bỏ

hoang có một vành rổ được treo lên và một vài thanh niên đang luyện cú "ném bóng dưới vai" nhờ vào ánh đèn hắt từ quán rượu bên kia đường, chỗ những người vô gia cư đang loạng choạng vào ra. Anh đi ngang qua một góc phố khác, nơi vài cậu tụ tập quanh một thùng thư, chễm chệ trên nóc thùng là một cậu bé đang hát giọng kim để mua vui cho cả đám. Có những gia đình chuyển ra sống ở các lối thoát hiểm, dây điện của những đài thu thanh cắm lòng thông nối vào đến trong nhà, và nhiều gia đình tụ họp trên những lối đi tối tăm giữa các khối nhà. Ngang qua những khu tập thể, anh thấy phụ nữ đang phe phẩy những cái quạt giấy của một hiệu giặt khô tặng khách hàng, rồi anh thấy những người công nhân, mới về nhà sau giờ tan ca, mặc áo may-ô đang ngồi nói chuyện. Từ mà anh được nghe đi nghe lại ở những cuộc trò chuyện ấy, dĩ nhiên là "bại liệt". Chỉ có đám trẻ là dường như còn có thể nghĩ về thứ nào đó khác. Chỉ có trẻ nhỏ (ôi lũ trẻ!) là sinh hoạt như thế, ít nhất bên ngoài khu Weequahic, kỳ nghỉ hè vẫn là một cuộc vui chơi vô tư lự.

Dù là ở những phố trong khu dân cư hay phía sau hiệu thuốc tây chỗ quầy bán kem, anh không gặp bất kỳ chàng thanh niên nào đã từng cùng lớn lên, cùng chơi bóng và cùng đi học với mình. Lúc này, ngoại trừ vài người cũng bị loại vì xếp hạng sức khỏe loại 4-F giống anh - họ đang làm việc tại các quân xưởng do có bệnh van tim, dẫn dây chằng bàn chân hay mắt cũng kém như anh - còn tất cả đều đã nhận được lệnh gọi nhập ngũ.

Ở Belmont, Bucky băng ngang đại lộ Hawthorne, chỗ vài quầy kẹo bánh vẫn còn sáng đèn và nơi ấy anh còn nghe thấy tiếng lũ trẻ đi chơi ngoài phố gọi nhau í ới. Từ đây anh đi về hướng phố Bergen và vào khu vực những con phố phân cách Weequahic với các khu dân cư khác, nơi những người giàu có hơn cư ngụ bên triền dốc đổ xuống công viên Weequahic. Cuối cùng anh tới đại lộ Goldsmith. Chỉ khi thực sự đến đây, anh mới nhận thấy mình ra ngoài tản bộ đến cả nửa thành phố trong một tối hè oi ả không phải là vô định mà rõ ràng là anh đang hướng bước chân mình về phía nhà của Marcia. Có lẽ ý định của anh chỉ đơn giản là nhìn ngôi nhà gạch to đứng

sừng sững giữa những ngôi nhà gạch to lớn khác và nghĩ về nàng rồi quay trở về nơi chốn của mình. Nhưng sau khi đi một vòng quanh dãy nhà, anh chợt nhận ra mình vừa bước qua cửa nhà ông Steinberg, anh bèn đi theo lối đi lát đá tới bấm chuông. Gian phòng phụ với cửa trượt mở ra bãi cỏ nơi Marcia và anh vẫn ngồi ôm ấp nhau khi đi xem phim về, cho đến tận khi mẹ nàng nói vọng từ tầng trên xuống nhắc khéo rằng bây giờ chẳng phải là lúc Bucky phải đi về sao.

Chính bác sĩ Steinberg ra mở cửa. Giờ thì anh đã hiểu vì sao mình lại lang thang xa tuốt từ khu tập thể trên phố Barclay, hít thở bầu không khí hôi hám của thành phố để đến tận nơi này.

"Bucky, anh bạn của tôi," Bác sĩ Steinberg vừa nói vừa dang đôi tay và mỉm cười. "Thật là một sự ngạc nhiên lý thú. Vào đi, vào đi cháu."

"Cháu đi mua ít kem rồi đi bộ đến đây ạ," Bucky phân bua.

"Cháu đang nhớ người yêu đấy," Bác sĩ Steinberg cười, nói. "Bác cũng thế. Bác nhớ cả ba chị em nó."

Họ đi dọc suốt ngôi nhà ra tới gian phòng phụ ở phía sau, nơi mở cửa nhìn ra khu vườn của bà Steinberg. Bà Steinberg đang ở nhà nghỉ mát của gia đình bên bờ biển, ở đó, bác sĩ nói, ông sẽ về với bà vào cuối tuần. Bucky uống chút nước lạnh nhé, bác sĩ Steinberg mời anh. Trong tủ lạnh có nước chanh tươi. Ông liền mang cho anh một cốc.

Khi còn nhỏ, sống cùng với ông bà trong căn hộ ba buồng ở tầng ba thì ngôi nhà của gia đình Steinberg là ước mơ của Bucky: một ngôi nhà lớn có những hành lang rộng rãi, một cầu thang ở giữa nhà với rất nhiều phòng ngủ, vài phòng tắm cùng hai gian phòng phụ trước và sau, rồi lớp thảm trải kín tất cả các phòng, những tấm chớp lật làm bằng gỗ che phủ các cửa sổ thay vì những bức rèm của hãng Woolworth. Phía sau nhà có cả một vườn hoa. Trước đây anh chưa bao giờ thực sự nhìn thấy một khu vườn hoa nở rộ, trừ khu vườn hồng nổi tiếng ở công viên Weequahic, chỗ bà anh đã đưa

anh tới chơi hồi còn bé. Đây là khu vườn do sở công trình đô thị quản lý; theo anh biết thì tất cả các khu vườn đều là tài sản công cộng. Một khu vườn tư nhân xum xuê hoa trái ngay sau nhà tại Newark khiến anh sững sờ. Cái sân sau tráng xi-măng của khu nhà anh ở đã nứt nẻ, và ven rìa nơi ấy vút đầy các mẫu gỗ vụn mà nhiều thập niên qua lũ trẻ trong khu đã chẻ ra làm tên để phóng giết lũ mèo hoang hay trêu chọc những chiếc xe đi ngang qua hoặc chọc tức lẫn nhau. Ở đó, bọn con gái trong khu nhà chơi trò nhảy lò cò cho đến lúc lũ con trai đuổi cả đám đi để lấy chỗ chơi bài; có một đồng lộn xộn các vỏ thùng kim loại méo mó; ngang dọc trên đầu là mớ dây phơi quần áo, một mớ bùng nhùng những dây thừng có gắn ròng rọc nối từ cửa sổ sau của mỗi căn hộ đến một trụ điện thoại đã bị phong hóa nứt nẻ ở phía xa nơi bãi hoang. Lúc còn bé tí, mỗi khi bà ngoại vịn vào cửa sổ để phơi quần áo, Bucky lại đứng kế bên đưa cho bà những cái kẹp. Đôi khi nửa đêm anh chợt hét lên và bùng tỉnh vì trong cơn ác mộng thấy bà nhào người ra ngoài quá xa để treo một tấm vải trải giường nên bị ngã lộn khỏi cửa sổ tầng ba. Trước khi ông bà nghĩ ra thời điểm và cách thức để giải thích cho anh là mẹ anh chết trong khi sinh nở, anh đã luôn cho rằng mẹ chết vì tự ngã lộn ra ngoài. Mảnh sân sau nhà có ý nghĩa với anh như thế cho đến khi anh đủ lớn để hiểu và đối diện với thực tế - một nơi của cái chết, một ngôi mộ nhỏ, hình chữ nhật dành cho người phụ nữ đã yêu thương anh.

Nhưng lúc này, chỉ nội việc nghĩ về khu vườn của bà Steinberg thôi đã khiến Bucky ngập tràn niềm vui thích, nó nhắc nhở anh tới tất cả những gì anh coi trọng nhất về nhà Steinberg, về cách sống của họ, và về mọi thứ anh luôn luôn thầm khao khát, những thứ mà ông bà không thể mang lại cho anh. Do vậy, với một kẻ học không cao như anh, là cả một sự kỳ quái khi xuất hiện trong căn nhà có nhiều phòng tắm như chuẩn mực của cuộc sống xa hoa này. Anh luôn bị ám ảnh bởi khát khao mãnh liệt được có gia đình vì bản thân không có được một gia đình như mọi người bình thường; thỉnh thoảng, khi chỉ có anh và Marcia ở nhà - những lúc như thế hiếm hoi lắm bởi sự hiện diện của hai cô em sinh đôi đầy hiếu động của nàng - anh tưởng

tượng rằng anh và nàng đã kết hôn và căn nhà, khu vườn cùng nội thất trong nhà, cộng với số phòng tắm thừa mứa này là của họ. Anh thấy dễ chịu biết bao khi ở trong căn nhà ấy - mặc cho điều này quá là kỳ lạ bởi anh vẫn còn chưa tới nơi đó.

Bác sĩ Steinberg quay trở lại gian phòng phụ, cầm trong tay cốc nước chanh. Gian phòng tối thẫm, chỉ có ánh sáng phát ra từ chiếc đèn bàn bên cạnh chiếc ghế bành nơi bác sĩ Steinberg vừa ngồi đọc tờ tin buổi tối, vừa hút tẩu. Ông cầm tẩu thuốc lên, quẹt diêm, rít cho tới khi thuốc bắt lửa. Mùi thuốc lá ngọt và nồng làm dịu đi phần nào mùi hôi thối từ trại lợn Secaucus tỏa khắp thành phố.

Bác sĩ Steinberg người mảnh dẻ, nhanh nhẹn, hơi thấp. Ông rảnh rỗi, mang kính - cũng dày nhưng không bằng kính của Bucky. Nét đặc biệt nhất của ông chính là cái mũi: gồ lên ở phía trên nhưng trở nên phẳng ở chóp mũi và sống mũi cao, sắc nét - nói tóm lại, là cái mũi trong câu chuyện dân gian, khá to, sống mũi phình, đầu mũi thông, kiểu mũi đã trở thành đặc điểm trong suốt nhiều thế kỷ khiến người Do Thái phải chịu biết bao cam go, nhưng họ vẫn không ngừng tạo ra nó. Nét đặc trưng nơi mũi rõ nhất khi ông cười, mà ông lại rất hay cười. Ông luôn thân thiện và thuộc số các bác sĩ tư đăt khách, những người khi họ cầm trong tay hồ sơ bệnh án của ai đó và bước vào phòng chờ sẽ khiến cho các khuôn mặt bệnh nhân trở nên tươi tỉnh - mỗi khi ông tới gần bệnh nhân với ống nghe trong tay, họ thấy bản thân mình thư thái vì được quan tâm. Marcia thích cách cha nàng, một người đàn ông có dáng vẻ tự nhiên, không kiểu cách, nhắc tới bệnh nhân của mình một cách đùa giỡn nhưng cũng rất chân thành rằng họ chính là "những người thầy" của ông.

"Marcia nói với bác rằng có vài bé trong số trẻ cháu phụ trách bị chết. Bác rất buồn khi nghe tin ấy, Bucky ạ. Ở bệnh bại liệt, tử vong không quá phổ biến đến thế đâu."

"Cho đến lúc này, bốn đứa nhiễm bệnh và hai đứa đã chết. Hai cậu bé. Hai cậu bé đang học tiểu học. Cả hai mới mười hai tuổi bác ạ."

"Trách nhiệm của cháu nặng nề quá," bác sĩ Steinberg nói, "chăm nom tất cả các cậu bé, đặc biệt vào thời điểm như thế này. Bác đã hành nghề y hơn hai mươi lăm năm, vậy mà mỗi khi bị mất đi một bệnh nhân, dù đó là bởi tuổi già, bác vẫn bị sốc. Dịch bệnh lần này hẳn là một gánh nặng lớn đè lên vai cháu."

"Vấn đề ở chỗ cháu không biết liệu việc cháu để cho đám trẻ chơi bóng là đúng hay sai nữa."

"Có ai bảo là cháu đang làm sai à?"

"Vâng, mẹ của hai cậu bé, hai anh em, đều đã mắc bệnh bại liệt. Cháu biết bà ấy bị kích động. Cháu biết bà ấy chửi mắng cháu té tát trong khi thất vọng, song dường như biết thế cũng không ích gì."

"Bác sĩ cũng gặp trường hợp như thế thôi. Cháu nói đúng - con người trong nỗi đau đớn khôn cùng sẽ trở nên kích động và khi phải đối mặt với bất công của bệnh tật, họ sẽ chỉ trích, đổ tội cho bất cứ ai. Nhưng việc các cậu bé chơi bóng không khiến chúng bị bại liệt. Đó là do một loại vi-rút. Chúng ta có thể không biết nhiều về bệnh bại liệt nhưng chúng ta biết điều này. Trẻ con ở khắp mọi nơi đều vui chơi thỏa thích ngoài trời trong suốt mùa hè, và ngay cả trong vùng dịch, cũng chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ bị nhiễm bệnh. Và một tỷ lệ rất nhỏ trong số những đứa trẻ ấy là bị bệnh nặng. Và chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ trong số những đứa trẻ bệnh nặng ấy là tử vong - chết vì tê liệt hệ hô hấp tương đối hiếm gặp. Vì vậy đừng thổi phồng sự nguy hiểm của căn bệnh mà cần tiếp tục sinh hoạt như bình thường, việc ấy rất quan trọng. Cháu không việc gì phải cảm thấy có lỗi về chuyện ấy cả. Đôi lúc, đó là phản ứng tự nhiên, nhưng trong trường hợp của cháu, nó không thích đáng." Chỉ ống tẩu về phía anh đầy ngụ ý, ông nhắc nhở chàng trai trẻ, "chúng ta nên phán xét bản thân khắt khe khi không gì có thể biện hộ cho

điều ta làm. Một ý thức trách nhiệm đặt không đúng chỗ có thể làm suy yếu chính chúng ta đây."

"Thưa bác sĩ Steinberg, liệu bác có nghĩ tình hình sẽ còn tệ hơn không ạ?"

"Dịch bệnh luôn có khuynh hướng diễn biến không theo quy luật. Ngay lúc này có nhiều điều dồn dập xảy ra. Ngay lúc này chúng ta phải ứng phó với những diễn biến mới trong lúc chờ đợi và xem liệu chuyện này có qua nhanh hay không. Thông thường, những ca mắc bệnh chủ yếu tập trung ở các trẻ dưới năm tuổi. Đó là hồi năm 1916. Kiểu bùng nổ bệnh mà chúng ta đang chứng kiến, ít nhất là tại Newark đây, có phần hơi khác. Nhưng điều đó không có nghĩa rằng ở thành phố này, căn bệnh sẽ không bao giờ được kiểm soát. Cho đến lúc này, bác có thể nói rằng vẫn chưa có gì đáng để báo động cả."

Đã nhiều tuần nay, Bucky chưa bao giờ thấy nhẹ nhõm như bây giờ, khi anh được bác sĩ Steinberg khuyên nhủ. Không ở đâu nơi thành phố Newark này, kể cả căn hộ hai bà cháu anh đang cư ngụ - thậm chí phòng tập nơi anh dạy thể dục tại trường Chancellor Avenue - anh lại có cảm giác yên lòng như khi ở trong gian phòng phụ sau nhà Steinberg, cùng trò chuyện với bác sĩ Steinberg giờ đang ngồi trong chiếc ghế bành đan bằng sợi liễu gai có nệm và rít những hơi thuốc nhồi trong chiếc tẩu đã cũ mòn.

"Sao ở Weequahic nạn dịch lại bùng phát nhanh nhất hả bác?" Bucky hỏi. "Sao lại thế ạ?"

"Bác không biết," bác sĩ Steinberg trả lời. "Không một ai biết cả. Bệnh bại liệt vẫn còn là một căn bệnh bí ẩn. Lần này nó khởi đầu chậm. Thoạt tiên xuất hiện chủ yếu ở khu Ironbound, rồi nảy sinh đây đó trong thành phố và đột ngột dừng ở khu Weequahic rồi lại đi."

Bucky kể cho bác sĩ Steinberg nghe về chuyện rầy rà với đám choai choai dân Ý trường East Side lúc chúng lái xe từ Ironbound đến và khắc

nhổ đẩy ra via hè chỗ cống vào sân chơi.

"Cháu đã làm đúng," bác sĩ Steinberg bảo anh. "Cháu đã rửa sạch bằng nước và a-mô-ni-ắc. Đây là cách tốt nhất rồi."

"Nhưng liệu có phải cháu đã diệt được mầm bệnh bại liệt, nếu quả có mầm bệnh ở đó không ạ?"

"Chúng ta không biết cái gì diệt được mầm bệnh bại liệt," bác sĩ Steinberg nói. "Chúng ta không rõ ai hay cái gì mang tới bệnh bại liệt, và người ta vẫn còn tranh luận chuyện nó xâm nhập vào cơ thể như thế nào. Nhưng điều quan trọng là cháu đã cọ rửa sạch bãi mất vệ sinh đó và khiến lũ trẻ cháu đang trông nom an tâm trở lại. Cháu đã chứng tỏ năng lực của mình, đã thể hiện một thái độ bình tĩnh - đó là điều lũ trẻ cần được chứng kiến. Bucky, cháu chấn động vì điều đang diễn ra, nhưng ngay cả những người đàn ông mạnh mẽ cũng chấn động. Cháu phải hiểu là trong ngành y rất nhiều người già hơn và đã tiếp xúc với bệnh tật nhiều hơn cháu cũng bị chấn động vì nó. Phải làm bốn phận một bác sĩ điều trị mà không thể ra tay ngăn chặn sự lan rộng của căn bệnh khủng khiếp này là nỗi đau của cánh bác sĩ chúng tôi. Một căn bệnh tấn công chủ yếu vào lũ trẻ khiến chúng bị tàn phế và làm một số tử vong -điều này khiến bất cứ người lớn nào cũng khó có thể chấp nhận. Cháu có lương tâm, và lương tâm là một phẩm chất rất đáng quý, nhưng sẽ không còn có giá trị nữa nếu nó bắt đầu làm cháu tự trách cứ mình về một việc nằm ngoài xa phạm vi trách nhiệm của cháu."

Anh định hỏi: Chúa có lương tâm không? Trách nhiệm của Người ở đâu? Có phải trí tuệ của Người là vô hạn? Nhưng thay vào đó anh lại hỏi: "Liệu có nên đóng cửa sân chơi không hả bác?"

"Cháu là người quản lý cơ mà. Thế theo cháu có nên đóng cửa không nào?" Bác sĩ Steinberg hỏi ngược trở lại. "Cháu cũng không biết phải nghĩ sao nữa."

"Trẻ con sẽ làm gì nếu chúng không thể đến sân chơi nữa? Ở nhà à? Không, chúng sẽ chơi bóng ở một chỗ khác - trên đường phố, trong các khu đất trống, chúng sẽ đi xuống công viên để chơi bóng, cháu không thể cấm chúng tụ tập bằng cách đuổi chúng khỏi sân chơi được. Chúng sẽ không ở nhà - chúng sẽ lang thang tụ tập ở góc phố nơi cửa hàng bán bánh kẹo, chơi máy đánh bi, đùa nghịch xô đẩy lẫn nhau. Chúng sẽ uống nước từ các chai nhựa của nhau, mà không bận tâm đến chuyện đã bao lần cháu nói rằng không được làm như thế. Một vài đứa sẽ quá rảnh rỗi và buồn chán để rồi sẽ vượt giới hạn và dính vào rắc rối. Chúng không phải là thiên thần - chúng là lũ trẻ. Bucky, cháu không làm điều gì tệ hại khiến tình hình xấu đi. Ngược lại, cháu đang cải thiện tình hình. Cháu đang làm những việc có ích. Cháu đang góp phần giữ gìn sức khỏe của cộng đồng. Điều quan trọng là để hoạt động của sân chơi diễn ra như bình thường - nếu không, nó sẽ không chỉ là một đòn giáng vào các gia đình, mà bản thân Weequahic cũng sẽ là một nạn nhân. Ở khu vui chơi, cháu khiến sự sợ hãi phải lùi xa bằng việc trông coi để lũ trẻ của cháu chơi những trò chúng thích. Giải pháp thay thế không phải là đưa bọn trẻ đi đến nơi nào khác mà ở đó chúng không được cháu trông coi. Giải pháp thay thế không phải là nhốt chúng trong nhà và khiến chúng hoảng sợ. Bác phản đối việc gây cho bọn trẻ Do Thái sợ hãi. Bác phản đối việc khiến người Do Thái hoảng sợ, đã qua thời ấy rồi. Đó là ở châu Âu, chính vì thế mà người Do Thái đã rời khỏi nơi đó. Đây là nước Mỹ. Càng ít sự sợ hãi càng tốt. Sự sợ hãi khiến chúng ta nhu nhược, ủng hộ việc giảm sự sợ hãi - đó chính là công việc của cháu và của bác."

Có tiếng còi văng vẳng từ hướng tây, phía bệnh viện. Trong khu vườn chỉ có lũ đế kêu inh ỏi và đám côn trùng lập lòe cùng vô số loài hoa thơm phức, những cánh hoa che lấp một bên gian phòng phụ và chắc hẳn, trong khi bà Steinberg văng nhà để ra bờ biển, bác sĩ Steinberg đã tưới cho hoa sau mỗi bữa tối. Trên mặt kính của chiếc bàn cà-phê đan bằng thân liễu gai đặt trước chiếc ghế sofa cũng làm bằng liễu gai mà Bucky đang ngồi có một cái tô đựng hoa quả. Bác sĩ Steinberg với lấy một quả và bảo anh cùng lấy ăn.

Anh cắn một miếng đào ngon ngọt, quả đào to và đẹp giống quả bác sĩ Steinberg lấy từ tô, với sự có mặt của người đàn ông hết sức am tường này cũng như cách ông giúp xoa dịu cảm giác bất an, anh ăn chậm rãi, thưởng thức từng miếng đào ngọt ngào cho đến khi chỉ còn cái hạt. Và rồi, hoàn toàn không chuẩn bị trước nhưng không sao kìm nén được bản thân, anh để cái hạt đào vào gạt tàn thuốc lá, và rướn người về trước, hai tay nhóp nhép mồ hôi nắm chặt vào nhau, kẹp giữa hai đầu gối, nói, "Cháu muốn xin phép bác, thưa bác, được hỏi đính hôn với Marcia."

Bác sĩ Steinberg cười phá lên, giơ cao cái tẩu như một cái cúp, rồi ông đứng lên và khẽ nhún nhảy. "Cháu được phép!" ông nói. "Không gì làm bác xúc động hơn chuyện này. Mà bà vợ bác sẽ cảm động lắm đây. Để bác gọi cho bà ấy ngay. Còn cháu thì bắt tay vào việc ngay đi và báo với nó tin này. Ở Bucky, chuyện này thật tuyệt vời! Tất nhiên là các bác cho phép. Marcia không thể tìm đâu ra một anh chàng tốt hơn. Nhà này thật có phúc!"

Giật mình khi nghe bác sĩ Steinberg mô tả gia đình ông là một gia đình may mắn, Bucky cảm thấy tràn ngập niềm phấn kích. Anh nhảy bật lên, nồng nhiệt lắc tay bác sĩ Steinberg. Cho đến giờ phút ấy, anh vẫn chưa có kế hoạch sẽ đề cập chuyện đính hôn với bất kỳ ai ít nhất là đến sang năm, khi chuyện tiền nong của anh dư dả thêm chút nữa. Anh vẫn đang tiết kiệm tiền mua một cái bếp ga cho bà ngoại, để thay cái bếp than bà dùng để nấu nướng trong bếp, và anh đã tính toán sẽ đủ tiền vào tháng Mười Hai, nếu trước đấy anh không phải mua nhẫn đính hôn. Nhưng rồi với tất thảy những lời an ủi cảm thông mà anh nhận được từ người cha tốt bụng của nàng, kể cả việc họ cùng thưởng thức những quả đào ngon tuyệt nơi gian phòng phụ sau nhà, đã thúc đẩy anh xin phép ngay tại đó, vào thời điểm đó. Nguyên cớ là từ trong tiềm thức của anh, bác sĩ Steinberg, chỉ đơn thuần bằng sự có mặt của ông, dường như có thể trả lời cho câu hỏi mà không ai khác có thể giải đáp: chuyện tệ hại đang diễn ra là gì, làm sao họ có thể thoát khỏi nó? Và còn một điều cũng khiến anh bất an: tiếng còi xe cứu thương đang vang khắp Newark lúc đêm khuya.

SÁNG HÔM SAU là đỉnh điểm của tấn thảm kịch. Có thêm ba cậu bé nữa bị mắc bệnh bại liệt - Leo Feinswog, Paul Lippman và tôi, Arnie Mesnikoff. Số ca trẻ em bị nhiễm bệnh ở sân chơi nhảy từ bốn lên bảy chỉ sau một đêm. Tiếng còi hú mà thầy Cantor và bác sĩ Steinberg nghe thấy tối hôm trước rất có thể là từ những chiếc xe cứu thương mang ba đứa trẻ ấy tới bệnh viện. Thầy nghe được tin về ba ca bệnh mới từ lũ trẻ, chúng mang găng tay chơi bóng đến sân chơi vào sáng đó và vẫn sẵn sàng cho một ngày thi đấu. Thông thường vào những ngày trong tuần, thầy sẽ cho chơi hai trận, mỗi trận trên một sân bóng chày nơi góc của sân chơi, nhưng sáng nay, bọn trẻ đến sân không đủ số lượng cho bốn đội. Ngoài những đứa bị bệnh, khoảng sáu mươi đứa hình như bị các bậc phụ huynh sợ hãi giữ rịt không cho tới sân chơi. Số còn lại, thầy cho tập trung hết trên khán đài làm bằng gỗ tựa vào vách tường phía sau của trường học để trò chuyện.

"Các cậu bé, thầy rất vui khi thấy các em ở đây. Hôm nay sẽ tiếp tục là một ngày nóng như thiêu nữa - các em thấy trời đã nóng lắm rồi đấy. Nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta sẽ không ra sân chơi bóng mà có nghĩa là chúng ta cần phải đề phòng để không một em nào được chơi quá sức. Cứ hai hiệp rưỡi chúng ta sẽ nghỉ giải lao trong bóng mát, ngay tại đây, trên khán đài này, chừng mười lăm phút. Trong quãng thời gian ấy, không được chạy lung tung. Với tất cả mọi người đấy nhé. Từ giữa trưa cho tới hai giờ chiều, khi trời nóng nhất, không được chơi bóng. Không một ai được lai vãng trên các sân bóng. Các em muốn chơi cờ ca-rô, cờ vua, bóng bàn, muốn ngồi nói chuyện trên khán đài, hay các em muốn mang sách, tạp chí theo để đọc trong thời gian nghỉ giải lao... Tất cả đều được cả. Đây là thời gian biểu mới của chúng ta. Chúng ta sẽ có một mùa hè vui vẻ như mong đợi, nhưng chúng ta sẽ thực hiện mọi việc một cách vừa phải trong những ngày như thế này. Không để một ai ở đây bị say nắng ngoài kia trong cái nóng khắc nghiệt ấy hết." Thầy chèn hai chữ "say nắng" vào phút cuối, thay vì nói hai chữ "bại liệt." Không có một lời than phiền nào. Cũng không có một lời bình luận nào cả. Bọn trẻ nghiêm trang lắng nghe và gật đầu đồng ý. Đó là lần đầu tiên kể từ khi có dịch bệnh, thầy nhận thấy nỗi lo sợ của

chúng. Một cách ngẫu nhiên, trong đám trẻ, đứa nào cũng quen không đứa này thì đứa khác trong ba đứa mới bị nhiễm bệnh hôm trước, và nắm được bản chất của mối đe dọa theo một cách mà bọn chúng chưa từng trải qua từ trước tới giờ, cuối cùng, chúng nhận ra nguy cơ chính mình cũng có thể bị mắc bại liệt.

Thầy Cantor chọn ra hai đội, mỗi đội mười cầu thủ và bắt đầu chơi cho trận đầu tiên. Còn lại mười đứa, thầy chia ra mỗi đội năm đứa và nói tụi nó sẽ được chơi thay sau đợt nghỉ giải lao mười lăm phút thứ nhất. Đó là cách mấy thầy trò hoạt động đến hết ngày.

"Được chưa nào?" Thầy Cantor vừa nói vừa vỗ tay một cách phấn khởi. "Sẽ là một ngày hè như bất kỳ ngày nào khác, thầy muốn các em ra ngoài sân và chơi bóng."

Thay vì cùng chơi với đám trẻ, thầy quyết định khởi đầu buổi sáng của mình bằng việc ngồi chung với mười cậu bé đang chờ tới lượt chơi và là những đứa có vẻ ít khi bị đánh bại. Quay nhìn lại về phía giữa sân, nơi đám con gái thường hay tụ tập trên con đường dẫn vào trường, thầy Cantor thấy trong số mười hai cô bé sáng nào cũng có mặt ở đó hồi đầu mùa hè, hôm nay chỉ còn ba - chỉ có ba bé hình như được bố mẹ cho phép rời khỏi nhà của mình ở khu lân cận vì e sợ chúng tiếp xúc với những đứa trẻ ở sân chơi. Những cô bé vắng mặt có thể nằm trong số những trẻ trong chính khu này, anh nghe nói là đã được gửi tới nhà bà con cách xa thành phố, ở những khu vực an toàn, và một vài bé nữa nằm trong số những trẻ được lôi nhanh ra khỏi mỗi hiểm họa để tắm mình và để ngừa bệnh dưới bầu không khí hợp vệ sinh ở bãi biển Jersey.

Lúc này, hai đứa quay dây cho một đứa nhảy - và chả còn đứa nào vỗ nhẹ vào hai chân gầy nhom của cô bé hồi nó nhảy cho xong để còn tới lượt mình nữa. Có thể nghe thấy giọng non nớt cao vút của cô bé đang nhảy sáng hôm ấy từ xa vọng đến tận khán đài, nơi mấy cậu bé vẫn thường tếu

táo và đùa những câu tục tĩu, ngay cả những cậu hay nói ba hoa suốt ngày dài giờ cũng chẳng nói chẳng rằng.

K, tên tôi là Kay

Còn chồng tôi tên Karl,

Chúng tôi tới từ Kansas

Và chúng tôi mang về những cây kẹo!

Cuối cùng, thầy Cantor cũng phá vỡ sự yên lặng kéo dài. "Có em nào trong số mấy em có bạn bị ốm không?" Thầy hỏi.

Bọn chúng, đưa thì gật đầu, đưa thì khẽ nói có.

"Thầy biết, với các em, điều ấy thật là nặng nề. Vô cùng nặng nề. Chúng ta phải hy vọng các bạn ấy sẽ khỏe và sẽ sớm quay trở lại sân chơi."

"Ta có thể sẽ phải nằm trong máy trợ thở mãi mãi," Bobby Finkelstein nói. Đó là một cậu bé nhút nhát, là một trong những đứa trẻ ít lời nhất trong đám, cũng là một trong mấy cậu bé mặc lễ phục mà thầy Cantor đã gặp trên bậc tam cấp giáo đường sau lễ tang của Alan Michaels.

"Ừ," thầy Cantor nói. "Nhưng đó là trường hợp đường thở bị tê liệt mà chuyện ấy thì vô cùng hiếm. Khả năng hồi phục sẽ nhiều hơn rất nhiều. Đây là một căn bệnh không thể coi thường, nó có thể gây ra nhiều tổn thương to lớn, nhưng có nhiều ca phục hồi. Có khi là phục hồi một phần, nhưng rất nhiều người phục hồi hoàn toàn. Hầu hết các ca bệnh đều khá là nhẹ." Thầy nói rất chắc chắn, dựa trên nguồn kiến thức của bác sĩ Steinberg.

"Ta có thể chết," Bobby khẳng định, tiếp tục chủ đề theo cách mà lúc trước cậu đã truy vấn mấy đứa khác. Hầu hết mọi lần, cậu có vẻ thích nhường cho những bạn hướng ngoại khác phát biểu, song lần này cậu không thể ngăn mình không tiếp tục nói về những gì đã xảy ra với các bạn. "Alan và Herbie đã chết."

"ừ, ta có thể chết," thầy Cantor thừa nhận, "nhưng khả năng ấy là không đáng kể."

"Đáng kể với Alan và Herbie," Bobby đáp.

"Ý thầy là tính trong cả cộng đồng, trong toàn thành phố thì khả năng tử vong là không đáng kể."

"Điều ấy không giúp được Alan và Herbie," Bobby vẫn khẳng khái, giọng cậu bé run run.

"Em nói đúng, Bobby. Em nói đúng. Điều ấy không giúp gì được. Chuyện xảy ra với hai bạn ấy thật là tồi tệ. Chuyện xảy ra với tất cả các cậu bé ấy thật là tồi tệ."

Giờ thì một cậu bé khác cũng đang ngồi trên khán đài lên tiếng, Kenny Blumenfeld, dù những gì cậu nói không dễ hiểu lắm bởi giọng địa phương của cậu. Cậu cao ráo, khỏe mạnh, thông minh, ăn nói lưu loát, đã mười bốn tuổi, đang học năm thứ hai ở trường trung học Weequahic và không như phần đông các cậu trai khác, cậu đã trưởng thành vì cậu có khả năng không dễ cảm xúc lẫn lộn trong chuyện thắng thua. Cậu ta, cùng Alan, đã từng là hai thủ lĩnh ở sân chơi, người luôn được chọn làm đội trưởng của một đội, người có đôi cánh tay, đôi chân dài nhất và đánh được bóng đi xa nhất - và đó lại là Kenny, anh chàng lớn nhất, cao to nhất và trưởng thành nhất cả bọn, tinh thần cậu ta cũng vững chãi như thể lực vậy, giờ đây con người ấy đang đấm nắm tay đeo găng xuống hai đùi trong khi những dòng nước mắt chảy dài trên mặt.

Thầy Cantor đi đến bên cạnh Kenny và ngồi xuống.

Giọng khản đặc, Kenny nói qua hàng nước mắt: "Tất cả các bạn của em đang mắc bại liệt! Tất cả các bạn của em hoặc sẽ tàn tật hoặc sẽ chết!"

Đáp lại, thầy Cantor chỉ đặt tay lên vai Kenny mà không nói gì. Thầy nhìn xuống sân đấu nơi hai đội bóng đang mài mê đua tranh chẳng hề để ý

đến những gì đang diễn ra ngoài đường biên. Thầy nhớ tới lời cảnh báo của bác sĩ Steinberg rằng không được phóng đại mỗi nguy hiểm, nhưng rồi thầy lại nghĩ: Kenny nói phải. Từng đứa trong bọn chúng. Những cậu trai ở trên sân và những cậu trai ngồi nơi khán đài. Lũ con gái đang nhảy dây. Tất cả chúng đều còn trẻ con, mà bại liệt thì đang săn đuổi bọn trẻ, nó sẽ quét qua nơi này và hủy diệt hết thầy chúng. Mỗi sáng khi đến sân, lại có một vài đứa nữa ra đi. Không có gì ngăn chặn được chuyện ấy trừ khi người ta đóng cửa sân chơi. Và ngay cả việc đóng cửa cũng không giúp ích gì - cuối cùng nó sẽ lùng bắt cho đến đứa trẻ cuối cùng. Cộng đồng này đã đến ngày tận số. Cho dù có đứa nào sống sót thì cũng không còn nguyên vẹn nữa.

Và rồi, bỗng dưng, thầy Cantor nghĩ đến quả đào đã ăn nơi gian phòng phụ phía sau nhà bác sĩ Steinberg tối hôm trước. Thầy hầu như có thể cảm thấy nước đào đang nhỏ vào tay mình, và lần đầu tiên thấy lo sợ cho bản thân. Thật là đáng ngạc nhiên khi thầy đã có thể kìm nén nỗi sợ bị nhiễm bệnh được lâu đến thế.

Thầy nhìn Kenny Blumenfeld đang khóc thương cho những người bạn của cậu bị bại liệt búa vây, và đột nhiên muốn chạy trốn chỗ làm giữa đám trẻ này - trốn khỏi nỗi lo sợ không dứt về thứ nguy cơ dai dẳng này. Bỏ đi, như Marcia đã muốn thầy làm thế.

Nhưng thay vào đó thầy chỉ ngồi im lặng cạnh Kenny cho đến khi cơn nước nở qua đi, rồi nói với cậu: "Thầy sẽ quay lại - giờ phải ra chơi một lát đã." Rồi khỏi khu khán đài vào sân, ở đó thầy nói với Barry Mittelman, hậu vệ chơi ở vị trí chốt ba: "Tránh nắng đi, vào chỗ mát, lấy nước uống đi," rồi lấy găng tay của Barry, thầy đứng vào vị trí thứ ba, hăng hái chỉnh găng để tạo túi bắt bóng.

Đến cuối ngày hôm ấy, thầy Cantor đã chơi ở tất cả các vị trí trên sân, tạo điều kiện để các cậu bé ở cả hai phe đều được ngồi nghỉ một hiệp trong bóng râm cho khỏi bị quá nóng. Thầy không biết làm gì khác để ngăn ngừa bại liệt lây lan. Chơi bóng ngoài chỗ nắng, thầy phải giơ găng tay lên chớp

mũ để còn nhìn được dưới ánh mặt trời, lúc bốn giờ chiều mà mặt trời vẫn chói chang như giữa trưa. Thầy thật ngạc nhiên, khi nghe ngay phía sau mình, trên con đường dẫn vào trường, ba cô bé cháy nắng, vẫn đang say mê hát, vẫn gây thích thú bằng những giai điệu nhịp nhàng.

S, tên tôi là Sally

Còn chồng tôi tên Sam...

Vào khoảng năm giờ, khi các cậu bé bước vào lượt đấu cuối cùng trong ngày - các cầu thủ phe phòng ngự quăng bỏ những áo phông pô-lô ướt đầm ra ngoài sân đấu tráng nhựa còn các chàng trai đứng trong khu phát bóng cũng cởi trần - thì thầy Cantor nghe thấy tiếng hét to từ khu giữa sân. Đó là tiếng Kenny Blumenfeld, cậu đang nổi khùng với Horace. Lúc đầu giờ chiều thầy Cantor đã thấy Horace ở phía dưới khu khán đài nhưng ngay sau đó không thấy đâu nữa. Có lẽ ông vừa đi vơ vẩn trong khu gần đó và chỉ mới quay lại sân chơi để rồi, quyết định như vẫn từng làm là đi vào trong sân và đứng yên lặng cạnh một ai đó trong số cầu thủ, lần này ông đã chọn tiến lại phía Kenny và đứng cạnh chàng trai cao to nhất trong cả hai đội. Lúc đầu buổi, Kenny, trái với bản tính của mình, đã đau khổ khóc nức nở vì mất mát những người bạn, thì giờ đây, một lần nữa trái với bản tính, lại đang la hét Horace và khua găng tay xua đuổi ông với vẻ hăm dọa. Kenny không chỉ là cậu bé cao lớn nhất, mà với tấm thân trần còn cho thấy cũng là người khỏe nhất. Ngược lại, Horace, trong bộ đồ mùa hè quen thuộc, áo sơ-mi tay lửng rộng thùng thình cùng quần dài, cặp bó nhả nhúm và một đôi giày đục lỗ li ti như rây bột hai màu nâu-trắng mà kiểu dáng đã lỗi một từ lâu, trông ông ta có vẻ gầy gò thiếu ăn. Ngược ông hồm vào, đôi chân khẳng khiu, còn đôi cánh tay gầy nhảnh, lẳng ngoảnh yếu ớt như có thể bẻ làm đôi dễ như người ta tì que lên đầu gối để bẻ. Một cơn sợ hãi cũng có thể giết chết ông ta chứ đừng nói đến một cú đấm của anh chàng lực lưỡng như Kenny.

Ngay lập tức, thầy Cantor nhảy khỏi băng ghế đang ngồi và chạy hết tốc lực vào sân trong khi tất cả các cậu bé đang thi đấu cũng như đang ngồi trên khán đài chạy theo anh và cả ba bé gái trên con phố dẫn vào trường cũng đã ngừng nhảy dây - hình như đây là lần đầu tiên kể từ hè.

"Đưa ông ta tránh xa tôi đi!" Kenny - tấm gương về sự trưởng thành của đám trẻ, người mà thầy Cantor không bao giờ thấy có một lý do nào để trách mắng vì đánh mất tự chủ - thì cũng chính là Kenny ấy giờ đang tru tréo, "Đưa ông ta tránh xa tôi ra, không thì tôi giết ông ta đấy!" "Chuyện gì thế? Sao thế?" Thầy Cantor hỏi. Horace đứng đó đầu lắc lư và nước mắt chảy dài trên mặt, rên rỉ từ sâu trong cổ họng - một âm thanh yếu ớt, ngắt quãng.

"Người người ông ta mà xem!" Kenny gào lên. "Ông ta hôi thối như phân ấy! Lôi cổ ông ta ra khỏi đây đi! Chính ông ta đó! Ông ta là kẻ mang đến bại liệt!"

"Bình tĩnh nào Ken," thầy Cantor lấy giọng ôn tồn, cố gắng giữ cậu bé cách xa Horace trong lúc cậu ta có thể dễ dàng đánh bay ông khờ. Cầu thủ của cả hai đội chơi lúc này đã vây quanh hai thầy trò, và khi có vài ba cậu bé chạy ào tới nắm chặt hai cánh tay của Kenny và kéo cậu lui về sau, cách xa khỏi nơi cậu đứng chỉ trích Horace thì Kenny quay ra vung nắm đấm về phía mấy đứa trẻ khiến tất cả chúng nhảy dạt ra xa.

"Tôi sẽ không bình tĩnh!" Kenny gào to. "Đồ lót ống ta vấy đầy phân! Hai tay ông ta cũng dính đầy phân! Ông ta không rửa ráy, ông ta dơ bẩn và rồi ông ta muốn chúng ta nắm tay ông ta, lắc tay ông ta, và đó là cách mà ông ta truyền bệnh bại liệt! Ông ta là kẻ làm tàn phế mọi người! Ông ta là kẻ giết người! Cút khỏi đây, ông kia! Cút! Cút mau!" Và một lần nữa Kenny khua loạn cái găng tay hở ngón của mình như thể đang tránh cuộc tấn công của một con chó dại."

Trong khi đó, không chế được hai cánh tay huơ đập của Kenny, thầy Cantor liền chen vào giữa cậu bé bị kích động và sinh vật đang khiếp sợ bởi

cơ giận cậu đang trút lên đầu kia.

"Ông phải về nhà đi Horace," thầy Cantor khẽ nói. "Về nhà với bố mẹ đi. Đến bữa xế rồi. Đến giờ ăn rồi đấy."

Horace đúng là bốc mùi - một mùi phát gớm. Và dù thầy Cantor lặp lại lời mình lần thứ hai nhưng Horace vẫn tiếp tục khóc ròng, quỳ dưới đất, không nói năng gì.

"Đây này, Horace," thầy Cantor nói và đưa tay cho ông. Không ngẩng mặt lên, Horace đặt bàn tay yếu ớt của mình vào tay thầy, Cantor lắc nhẹ tay ông ta chân thành như lúc đã lắc tay bác sĩ Steinberg sau khi được phép đính hôn với Marcia vào đêm hôm trước.

"Ông sao rồi, Horace?" Thầy Cantor vừa thì thầm vừa lắc tay của Horace. "Cậu bé, cậu bé sao rồi?" Mất một lúc lâu hơn thường lệ, nhưng rồi, cũng như bao lần trước đây mỗi khi Horace ra ngoài la cà đến đứng bên cạnh một cầu thủ, cái lắc nhẹ tay ấy như một phép thuật, và Horace được an ủi quay đầu, rời gót, về nhà hay đến nơi nào đó khác không ai biết, có khi ngay cả Horace cũng không biết nữa. Tất cả những đứa trẻ đã nghe những lời nói khùng điên của Kenny lùi lại sau lưng Horace và quan sát ông ta đơn độc, lắc la lắc lư bước ra lối đi nóng bức sát tường nhà trên hè phố, trong khi ba đứa con gái, vừa hét the thé: "Ông ta đi theo chúng ta đấy! Ông khờ đang đuổi theo chúng ta!" vừa cầm mấy sợi dây chạy về phía đám đông trên đại lộ Chancellor chiều muộn ấy, chúng chạy hết tốc lực để khỏi phải thấy hiện thân sự tàn lụi của con người.

Để Kenny trấn tĩnh lại, khi các bạn khác đã ra về, thầy Cantor bảo cậu bé ở lại giúp mình mang các thiết bị sân chơi cất vào phòng kho dưới tầng hầm. Sau đó, khi hai thầy trò thả bộ trên đường về, thầy nhỏ nhẹ trò chuyện với Kenny đến khi cả hai tới nhà cậu, dưới chân dốc trên đại lộ Hansbury.

"Tình hình hiện thời khiến ai cũng thấy nặng nề, Ken ạ. Ở đây không phải chỉ có em," thầy bảo cậu, "chịu áp lực chuyện bại liệt. Phải chịu đựng

cả bại liệt và thời tiết như thế này thì không ai mà không bị căng thẳng tới đỉnh điểm cả."

"Nhưng ông ta đang khiến bệnh lan truyền, thưa thầy. Em dám đảm bảo điều ấy. Em không nên điên khùng như thế, em biết ông ta là một kẻ khờ, nhưng ông ta bán thiu và ông ta đang làm lây lan bệnh. Ông ta la cà khắp mọi chốn, nhỏ nước dãi lên đủ mọi thứ, bắt tay tất cả mọi người và đó là cách ông ta lây lan mầm bệnh ra khắp nơi."

"Trước hết, Ken ạ, chúng ta không biết thứ gì làm lây lan bệnh."

"Chúng ta biết mà thầy. Rác rưởi, bụi bẩn và phân," Kenny nói, cậu lại nổi cáu. "Và ông ta tanh tưởi, bán thiu, kinh tởm, chính ông ta làm lây lan bệnh. Em biết chắc là thế."

Trên hè phố, trước cửa nhà Kenny, thầy Cantor nắm hai vai cậu và Kenny rùng mình khiếp sợ, không ngừng vẫy vùng và la hét. "Đừng động vào em! Thầy vừa mới động vào người ông ta!"

"Vào nhà đi!" thầy Cantor nói, giọng vẫn bình tĩnh nhưng lùi lại một bước. "Hãy tắm nước lạnh, uống một cốc nước lạnh. Hãy hạ hỏa đi Ken, và thầy mong sẽ gặp lại em vào sáng ngày mai ở sân chơi."

"Nhưng thầy đang nhắm mắt làm ngơ với kẻ đang làm lây lan bệnh chỉ bởi ông ta tàn tật và cần được giúp đỡ! Ông ta không chỉ tật nguyền - ông ta còn nguy hiểm nữa! Thầy có hiểu không, thầy Cantor? Ông ta không biết cách chùi sạch phân vì vậy ông ta làm tất cả những người khác cũng bị dính phải!"

TỐI HÔM ẤY, quan sát bà ngoại đang làm bữa tối cho mình, Bucky bỗng tự hỏi phải chăng đó là hình ảnh của mẹ mình nếu bà may mắn sống thêm năm mươi năm nữa - người yếu ớt, lưng còng xuống, xương loãng, mái tóc đã bạc từ vài thập niên trước và rụng đi nhiều giờ chỉ còn thưa thớt, khuỷu tay nhăn nhúm và cằm chảy xệ, các khớp xương đau nhức mỗi sáng, mắt cá chân căng phồng và ê ẩm khi tối trời cùng lớp da mỏng mờ đục của

đôi bàn tay hằn lên vô số đường vân vận, đôi mắt kém với cặp thủy tinh thể bị đục và đã phai màu. Trên cái cổ tàn tạ, gương mặt bà giờ là một mạng lưới chi chít các nếp nhăn và đường hằn nhỏ li ti tới mức chúng giống như một bức họa tỉ mỉ hơn là dấu ấn của tuổi tác - có lẽ là một dụng cụ điêu khắc bằng a-xít, hay một dụng cụ thô thừa đã được một bàn tay nghệ nhân thủ công bậc thầy dùng để tạo tác mặt bà sao trông cho giống với bất kỳ người bà cao tuổi nào trên trái đất.

Hẳn khi lớn lên trông mẹ anh sẽ rất giống bà ngoại. Anh thấy vậy khi nhìn những bức ảnh, trong đó, đương nhiên, anh nhận ngay ra mình cũng rất giống mẹ, đặc biệt bức chân dung mẹ chụp ở hiệu ảnh hiện được đóng khung để trên bàn trong phòng ngủ của ông bà ngoại. Bức ảnh chụp vào năm mẹ tốt nghiệp trung học khi mẹ mười tám tuổi, trong cuốn kỷ yếu niên khóa 1919 của trường South Side mà Bucky thường lật giở từ khi còn là cậu học sinh tiểu học bắt đầu nhận ra các cậu bé khác trong lớp mình không phải là cháu sống với ông bà mà là con sống với mẹ cha, điều này đã khiến anh nghĩ rằng như thế mới là "những gia đình đúng nghĩa". Anh hiểu rõ sự hiện diện bấp bênh của mình trên thế giới này từ khi người lớn dành cho anh kiểu nhìn mà anh ghét cay ghét đắng, cái nhìn thương hại mà anh rất tỏ tường, hồi ấy anh thỉnh thoảng cũng nhận được cái nhìn ấy từ những giáo viên. Cái nhìn nói lên quá rõ rằng sự chăm nom từ bậc sinh thành đã luống tuổi của mẹ anh là tất cả những gì chặn giữa anh và tòa nhà lạnh lẽo bốn tầng bằng gạch đỏ gần đại lộ Clinton, nơi có hàng rào sắt sơn đen và những cửa sổ kính sần có khung sắt che ngoài cùng cánh cửa gỗ nặng nề được trang trí một ngôi sao Do Thái màu trắng, và khoảng trống lớn phía trên khung cửa được khắc những từ cô độc nhất mà anh từng đọc: **TRẠI TRÉ MỒ CÔI DO THÁI**.

Dù cho bà ngoại có nói rằng tấm ảnh tốt nghiệp trên bàn trong phòng ngủ đã nắm bắt được cái hồn thánh thiện của mẹ một cách hoàn hảo, làm cho bức ảnh vô cùng sống động thì đó cũng không phải là tấm ảnh mẹ mà anh yêu thích, bởi tấm áo choàng cử nhân sẫm màu mà mẹ mặc bên ngoài,

cái dấu hiệu luôn khiến anh thấy buồn, bởi tấm áo choàng trong ảnh đó là một điềm gở, một cảnh báo về tấm vải liệm của bà. Tuy nhiên, khi ở nhà một mình, lúc ông bà làm việc nơi cửa hàng, có đôi lần anh lên vào phòng ông bà để sờ tay lên tấm kính trên bức ảnh, lần theo khuôn mặt mẹ như thể tấm kính đã được bỏ ra và khuôn mặt ấy bằng xương bằng thịt. Anh làm thế bất chấp điều đó khiến anh cảm thấy thêm khát khao không phải chỉ sự hiện diện của người mẹ anh đang kiếm tìm mà còn bởi sự thiếu vắng một người anh chưa bao giờ gặp, trừ ở trong ảnh, người anh chưa bao giờ được nghe gọi tên mình, người có hơi ấm mẹ mà anh chưa bao giờ được đắm chìm trong đó, một người mẹ chưa bao giờ chăm nom, cho anh ăn, bế anh lên giường, đánh thức anh dậy đi học hay nhìn anh lớn lên và trở thành người đầu tiên trong nhà học cao hơn bậc phổ thông. Thật lòng anh có thể bảo rằng vẫn chưa nhận được sự chăm nom đầy đủ như vẫn dành cho một đứa trẻ? Tại sao vòng tay âu yếm thân thiết của một người bà yêu quý lại ít tạo sự mãn nguyện hơn vòng tay mẹ? Đúng ra không thể mới phải, và anh cảm thấy điều đó vẫn thật bí ẩn - cũng bí ẩn như cảm giác hổ thẹn thầm kín vì che giấu suy nghĩ ấy.

Tối đó, Bucky đột nhiên hiểu rằng lần này Chúa không chỉ đơn thuần để cho bại liệt hoành hành khắp khu Weequahic mà rằng hai mươi ba năm trước, Chúa cũng đã để cho mẹ anh, chỉ mới tốt nghiệp phổ thông được hai năm và còn trẻ hơn anh bây giờ phải chết khi sinh nở. Khi trước anh chưa bao giờ nghĩ về cái chết của mẹ theo cách này. Hồi trước, vì nhận được sự chăm sóc yêu thương của ông bà, anh luôn chỉ cảm thấy rằng việc mất mẹ ngay từ khi lọt lòng là số mệnh của mình và rằng việc ông bà chăm sóc anh chỉ là kết quả đương nhiên sau cái chết của mẹ. Cũng vậy, việc cha anh là một kẻ cờ bạc và một tên ăn cắp cũng chỉ là việc đã được định trước rồi và nó không thể khác đi được. Nhưng giờ đây khi không còn là đứa trẻ, anh đã có thể thấu hiểu rằng vì sao mọi sự không khác đi là bởi Chúa. Nếu không bởi Chúa trời, nếu không bởi bản chất cố hữu của Chúa, mọi sự chắc hẳn sẽ khác.

Anh không thể nói lại với bà loại ý nghĩ như thế, bởi cũng như ông ngoại, bà không nghĩ ngợi gì nhiều, và anh cũng không cảm thấy sẵn sàng trò chuyện về đề tài này với bác sĩ Steinberg. Mặc dù là một người rất duy lý, bác sĩ Steinberg cũng là một tín đồ Do Thái giáo và có thể sẽ phật ý với chiều hướng suy nghĩ về nạn dịch bại liệt đang túc trực trong đầu anh. Anh không muốn bất hòa với bất kỳ ai trong nhà Steinberg, chí ít là với Marcia; với nàng, mùa lễ Rosh Hashanah (hai ngày nghỉ đầu năm mới) và Yom Kippur (ngày chuộc tội) là cội nguồn của lòng sùng kính và là thời gian dành cho người cầu nguyện khi nàng thành kính dự lễ ở giáo đường cùng gia đình suốt cả ba ngày. Anh muốn tỏ rõ sự tôn trọng tất cả những gì gia đình Steinberg trân trọng, bao gồm, đương nhiên, tôn giáo mà anh cũng theo như họ, thậm chí, giống như ông ngoại - với anh bốn phần là một tín ngưỡng, chứ không phải ngược lại - anh không phải là người tích cực hành lễ. Và trước giờ với anh, thật là dễ dàng để toàn tâm thờ phụng rồi đến cái khoảnh khắc khi anh nhận thấy cơn giận của mình đang trỗi dậy bởi tất cả lũ trẻ anh bị mất vì bại liệt, kể cả cặp anh em bướng bỉnh nhà Kopferman. Cơn giận dữ nơi anh không nhắm vào đám choai choai người Ý, lũ ruồi, thư từ, bơ sữa, tiền giấy, thị trấn Secaucus hôi hám, cái nóng tàn tệ hay Horace, không nhắm vào bất kỳ nguyên nhân nào, tuy nhiên ít khi, loài người, trong cơn giận hay lúc rối trí của mình, có thể trở nên tiến bộ trong nhận thức về bệnh dịch, thậm chí không phải để kết án vi-rút bại liệt, mà là để chống lại ngọn nguồn, kẻ gây ra nó - chống lại Chúa, người tạo ra vi-rút.

"CỨ THẾ NÀY THÌ cháu phát ốm mất thôi, Eugene." Bữa tối đã xong, anh đang lau dọn còn bà ngoại thì ngồi bên bàn ăn nhấp từng ngụm nước trong bình đá. "Cháu chạy ào ào tới sân chơi," bà nói, "cháu vội vã tới thăm gia đình lũ nhỏ, Chủ Nhật cháu lại hối hả chạy tới dự lễ tang, rồi gấp rút chạy về giúp bà vào buổi tối - có lẽ cuối tuần này, trong tiết trời nóng nực thế này, cháu phải bớt công bớt việc, bắt chuyến tàu lửa xuôi xuống bờ biển và kiếm lấy một cái giường mà nghỉ cuối tuần đi cháu ạ. Nghỉ ngơi hoàn toàn. Rồi bỏ nóng nực. Rồi xa sân chơi. Đi bơi. Làm thế sẽ có vô khối cái tốt cho cháu đấy."

"Đấy cũng là một cách không tồi bà nhỉ."

"Vợ chồng nhà Einneman có thể phụ giúp bà mà, rồi đêm Chủ Nhật cháu sẽ trở về tươi tắn, khỏe khoắn. Dịch bệnh bại liệt nó làm cháu phát ốm mất. Cháu mà ốm thì chả có gì hay ho hết."

Trong bữa tối, anh đã kể cho bà về ba ca lây nhiễm mới ở sân chơi và rằng anh sẽ điện thoại tới nhà mấy cậu bé ấy khi gia đình họ từ bệnh viện trở về.

Trong lúc ấy, tiếng còi lại vang lên, nghe rất gần khu nhà, điều này thật khác thường, bởi cho đến lúc này chỉ có cùng lắm ba hay bốn ca bệnh trong tam giác dân cư được tạo bởi ba đại lộ Springfield, Clinton và Belmont. Số ca bệnh ở khu dân cư này là thấp nhất trong toàn thành phố. Ở đỉnh phía nam của tam giác, nơi anh sống cùng với bà ngoại và là nơi số người thuê nhà bằng một nửa so với ở khu Weequahic, mới chỉ có một ca nhiễm bệnh bại liệt - nạn nhân là một người lớn, ba mươi tuổi, một công nhân bốc vác làm việc ở cảng - trong khi ở khu Weequahic, nơi có năm trường tiểu học, chỉ tính riêng trong tuần đầu tháng Bảy đã có hơn một trăm bốn mươi ca bệnh, tất cả đều là trẻ em dưới mười bốn tuổi.

Đúng rồi, dĩ nhiên là thế - bờ biển, nơi có một vài đứa trẻ trong sân chơi của anh đã thoát ly thành phố cùng với cha mẹ đến sống những ngày hè còn lại. Anh biết một căn nhà có phòng cho thuê khá gần bãi biển trên phố Bradley, ở đó có thể kiếm được một phòng dưới hầm với giá một đô-la. Anh có thể nhảy cầu mức cao ở hồ bơi nước mặn lớn gần đó, nhảy suốt cả ngày và khi đêm tới, anh sẽ đi dạo trên lối đi lát ván dọc bờ biển tới công viên Asbury kiếm một mớ sò rán và một chai nước ngọt có ga làm từ rễ cây tại khu mái vòm, rồi anh sẽ ngồi trên băng ghế nhìn ra biển và thưởng thức bữa tiệc trong lúc ngắm những con sóng xô bờ. Có chỗ nào tránh trú khỏi dịch bệnh bại liệt ở Newark tốt hơn, có thứ gì bổ dưỡng với anh hơn là màn đêm Đại Tây Dương thăm thẳm, âm vang tiếng sóng? Kể từ lúc chiến tranh nổ ra, đây là mùa hè đầu tiên mà sự nguy hiểm đến từ những chiếc tàu

ngầm Đức xuất hiện ở những vùng biển gần đó hay lũ người nhái Đức xâm nhập vào bờ lúc đêm tối đã được coi là không còn nữa, lệnh cắt điện tạm thời đã được bãi bỏ, và - mặc dù lực lượng bảo vệ bờ biển vẫn phải đi tuần tra và những công sự bê-tông ngầm dọc bờ biển vẫn được duy trì - suốt dọc bờ biển Jersey lại sáng trưng ánh điện. Điều ấy có nghĩa rằng cả quân Đức lẫn quân Nhật đang phải hứng chịu những thất bại nặng nề và rằng sau gần ba năm kể từ ngày đầu bùng nổ, cuộc chiến của nước Mỹ đang đi tới hồi kết. Điều ấy cũng có nghĩa rằng hai người bạn học chung cao đẳng thân thiết của anh, Jake Lớn Garonzik và Dave Jacobs, sẽ trở về bình an vô sự nếu như họ có thể giữ được nguyên vẹn cơ thể trong những trận đánh còn lại trên đất châu Âu. Anh nghĩ tới bài hát mà Marcia rất thích: *"Em sẽ gặp lại anh ở tất cả những nơi chốn quen thuộc ngày xưa"* Sẽ tới ngày ấy, anh nghĩ, cái ngày mà anh có thể gặp Jake và Dave ở những nơi chốn quen thuộc ngày xưa!

Anh không bao giờ vượt qua được nỗi tủi hổ khi không được ra chiến trường cùng hai người bạn, tất cả chỉ vì anh không thể làm gì để thực hiện được nguyện vọng ấy của mình. Họ cùng nhau lên một chuyến bay, nhảy dù xuống và lao vào cuộc chiến - là những việc anh muốn được làm, chính xác là những việc anh đã được nuôi dưỡng để thực thi. Khoảng sáu tuần trước, vào lúc tờ mờ sáng ngày D^[2], họ cùng đại lực lượng lính dù đã nhảy xuống phía sau phòng tuyến quân Đức ở bán đảo Normandy. Do vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình hai người bạn, anh biết rằng trong cuộc tấn công đó, mặc dù bị thương nhiều lần, họ vẫn sống sót. Theo dõi các bản đồ đánh dấu những bước tiến của quân đồng minh, anh chắc rằng họ đã có một trận đánh ác liệt nhằm chiếm cho được thị trấn Cherbourg thuộc nước Pháp trong những ngày cuối tháng Sáu. Mục đầu tiên Cantor tìm kiếm đọc trên tờ Tin Tức Newark bà ngoại anh mang từ nhà Einneman về mỗi tối sau khi vợ chồng họ đã đọc xong, là bất cứ tin gì có liên quan đến chiến dịch của quân đội Mỹ tại Pháp mà anh có thể tìm thấy. Sau đó, anh đọc đến chuyên mục trên trang nhất của tờ Tin Tức có tiêu đề "Bản tin bại liệt hằng ngày" và nó xuất hiện ngay dưới bảng cảnh báo cách ly được in lặp đi lặp lại mỗi ngày. Bảng ghi: "Ủy ban Y tế thành phố Newark, bang New Jerse. Cấm vào. Cẩn

nhà này có một ca bại liệt. Bất cứ người nào vi phạm những quy tắc và quy định về cách ly và kiểm dịch hoặc ai cố tình di dời, xóa chữ hay che khuất tấm biển này mà không được phép sẽ bị phạt 50 đô-la." Bảng tin bại liệt còn được đọc trên đài phát thanh địa phương, cập nhật cho người dân ở Newark con số ca bệnh và vị trí của mỗi ca bệnh trong thành phố. Trong hè này cho đến giờ, những gì người ta nghe thấy hay đọc được trong các bản tin chưa bao giờ là những điều họ trông mong - rằng dịch bệnh đang trên đà suy yếu - mà toàn những ghi nhận về ca bệnh mới lại tăng lên so với ngày hôm trước. Tác động của những con số dĩ nhiên là làm mọi người nản lòng, hoảng sợ và lo lắng. Vì những con số này không liên quan đến riêng ai, người ta đã quen với chúng qua đài phát thanh hay trên báo chí, như những con số cho biết địa chỉ một ngôi nhà, tuổi tác của một người hay giá của một đôi giày. Chúng là những con số đáng sợ được lập thành biểu đồ ghi nhận sự tiến triển của căn bệnh khủng khiếp trong mười sáu tiểu khu của Newark và có tác động không kém gì những con số tử vong, thương tật và mất tích trong cuộc chiến có thực. Bởi vì đây cũng là một cuộc chiến có thực, một cuộc chiến tàn sát, hủy hoại, thê lương và đáng nguyền rủa, cuộc chiến với những tàn phá của chiến tranh - cuộc chiến nhằm vào trẻ em ở Newark.

ĐÚNG THẾ, anh hoàn toàn có thể bỏ ra vài ngày nghỉ để ra bờ biển. Điều này, thật ra, anh đã lên kế hoạch thực hiện từ đầu hè - khi Marcia đã rời thành phố, đi ra bờ biển vào tất cả những ngày cuối tuần để chơi môn nhảy cầu cho hết ngày và rồi bước dọc những tấm ván lát đường, đến Asbury vào mỗi tối để ăn các món hải sản yêu thích. Tầng hầm chỗ cho thuê võng thật tối tăm, nước từ chiếc vòi hoa sen dùng chung thì rất nóng và trong vải trải cùng khăn mặt có đầy cát, nhưng, đó chỉ là thứ yếu so với trò ném lao, nhảy cầu là những môn thể thao anh mê thích. Hai ngày nhảy cầu sẽ giúp anh rũ bỏ, ít ra là tạm thời, mối bận tâm về lũ học trò bị mắc bệnh và tình trí lại sau cơn cuồng điên của Kenny Blumenfeld và có cơ may giải tỏa khỏi tâm trí anh ý nghĩ hận thù đối với Chúa.

Rồi sau đó, khi bà ngoại đã ra ngoài gặt lán giềng và anh cũng vừa dọn dẹp xong xuôi, đang mặc áo may-ô, quần đùi, vừa ngồi xuống trước bàn chưa kịp uống thêm một cốc nước lạnh, thì Marcia gọi. Bác sĩ Steinberg đã đồng ý chờ để Bucky nói chuyện với Marcia trước khi ông hay bà Steinberg nói bất cứ điều gì với con gái về chuyện đính hôn, nên nàng điện thoại mà không hề biết gì về cuộc nói chuyện ở gian phòng phụ sau nhà buổi tối trước đó. Nàng gọi để nói với anh rằng nàng yêu anh, nàng nhớ anh và để xem anh đã quyết định ra sao về việc đến khu trại để tiếp quản chân quản lý bến tắm từ Irv Schlanger.

"Em phải nói gì với ông Blomback đây anh?" Nàng hỏi. "Nói là anh đồng ý," Bucky bảo, và anh bất ngờ với chính mình về điều vừa đồng ý không kém gì với việc anh hỏi xin phép bác sĩ Steinberg được đính hôn với con gái ông. "Nói với ông ấy rằng anh sẽ đến làm," anh nói. Vậy là anh đã quyết nghe lời khuyên của bà và sẽ đi ra bờ biển vào cuối tuần, sẽ gom góp lại sức lực bản thân để tươi khỏe lại khi quay về với công việc. Nếu Jake và Dave có thể nhảy dù xuống Pháp, vùng bị bọn quốc xã chiếm đóng, vào ngày D và cùng quân đồng minh trụ vững ở vị trí bàn đạp bằng cách tiến đánh Cherbourg, đê bẹp sự chống trả ngoan cố nhất của quân Đức, thì chắc chắn là anh cũng hoàn toàn có thể đối mặt với những nỗi hiểm nguy khi điều hành sân chơi nơi trường Chancellor Avenue vào giữa trận dịch bại liệt.

"Ôi, Bucky," Marcia thốt thức, "Tuyệt trần! Biết anh quá rõ nên em đã vô cùng lo sợ rằng anh sẽ nói rằng không. Ôi, anh sẽ đến, anh sẽ đến Indian Hill!"

"Anh sẽ phải điện thoại cho O'Ga-ra để nói với ông ấy, và ông ấy sẽ phải tìm người thay anh. O'Ga-ra là người phụ trách sân chơi ở văn phòng điều hành. Chắc cũng phải mất vài ngày đấy em ạ."

"Vâng, làm nhanh nhất có thể nhé anh!"

"Anh sẽ phải đích thân nói chuyện trực tiếp với ông Blomback về lương bổng. Anh phải thuê nhà và lo cho bà ngoại."

"Em tin là chuyện lương bổng không thành vấn đề đâu." "Và anh phải nói chuyện với em về chuyện đính hôn," anh nói.

"Cái gì? Anh làm gì?"

"Chúng mình sẽ đính hôn, Marcia ạ. Vì thế mà anh nhận việc này. Ở nhà em tối qua, anh đã xin phép bố em rồi. Anh sẽ đến khu trại và chúng mình sẽ đính hôn." "Chúng mình á?" Nàng thốt lên, và bật cười. "Dù em có là một cô gái dễ bảo thật, nhưng đây có phải là lời cầu hôn theo đúng lệ thường đâu anh?"

"Thế à? Anh đã làm việc này bao giờ đâu? Em có bằng lòng làm vợ anh không?"

"Tất nhiên là có chứ! Ôi lạ Chúa tôi, Bucky, em sung sướng quá!"

"Anh cũng thế," anh đáp, "vô cùng hạnh phúc," và khi ấy, bởi niềm hạnh phúc ấy, anh hầu như đã có thể quên việc phản bội lũ trẻ nơi sân chơi; anh hầu như đã có thể quên niềm oán giận của mình với Chúa về sự khùng bố giết chóc lũ trẻ vô tội ở Weequahic. Nói với Marcia về việc đính hôn của họ, anh đã gần như có thể nhìn nhận sự việc theo cách khác và để mau chóng nắm lấy sự an toàn và tính chất ổn định, vui vẻ của một cuộc đời bình thường trong một thời đại bình thường. Nhưng khi đã gác máy, anh phải đối diện với những quan niệm của bản thân - những quan niệm về sự trung thực và sự kiên cường mà ông ngoại từng khuyến khích, những quan niệm về sự can đảm và đức hy sinh mà anh đồng cảm cùng với Jake và Dave, những quan niệm ông ngoại đã ủng hộ nơi anh thừa thiếu thời để giữ bản thân anh tránh xa thiên hướng lơ lửng của người cha chuyên gạt gẫm - những quan niệm làm người trong anh, chúng đòi hỏi anh phải lập tức quay ngược và trở về làm ở nơi mà anh đã ký hợp đồng cho đến hết mùa hè.

Sao anh có thể làm cái điều mà anh vừa mới làm chứ?

BUỔI SÁNG, anh mang các đồ dùng, dụng cụ cần thiết từ dưới kho lên và với số lượng chưa đến hai mươi đưa tới sân, anh lập nên hai đội bóng mềm. Sau đó anh quay trở lại văn phòng của mình dưới tầng hầm gọi cho O'Ga-ra, báo với ông ta rằng anh sẽ nghỉ việc kể từ cuối tuần để tới làm quản lý bãi tắm tại một khu trại ở Pocono. Sáng hôm ấy, trước khi tới sân chơi, anh đã nghe được tin trên đài phát thanh rằng có hai mươi chín ca bệnh bại liệt mới trong thành phố, trong đó mười sáu ca ở khu Weequahic.

"Cậu là người thứ hai trong sáng nay đấy," O'Ga-ra thốt lên. "Có một cậu Do Thái ở sân chơi trên đại lộ Peshine cũng vừa mới bỏ rơi tôi." O'Ga-ra là một ông già có vẻ ngoài mệt mỏi, tính thẳng ruột ngựa và trong ông có cả hai con người trái ngược, một nhà quản lý lâu năm các sân chơi trong thành phố và một cựu cầu thủ bóng chày can đảm của đội Central High hồi chiến tranh thế giới thứ nhất, lúc ông còn ở đỉnh cao của cuộc đời mình. Cậu ông nói không thô lỗ cho lắm, song nó khiến Bucky áy náy và làm anh cảm thấy có gì đó lươn lẹo, nhạt nhẽo kiểu con nít trong lời lẽ bào chữa cho quyết định của mình. Tính khí cộc cằn của O'Ga-ra không hẳn là không giống như của ông anh, có lẽ bởi nó cũng được định hình trên những đường phố khắc nghiệt ở tiểu khu ba. Ông ngoại anh, đương nhiên, là người cuối cùng anh muốn nghĩ tới trong những lúc anh làm gì đó khác quá xa với con người thực của mình. Anh muốn nghĩ tới Marcia, tới gia đình nhà Steinberg và tới tương lai, nhưng thay vào đó lại là ông ngoại đang lên án anh với chất giọng có pha chút âm điệu Ireland.

"Anh chàng mà cháu tiếp quản công việc tại trại hè đã được gọi nhập ngũ," Bucky đáp. "Thế nên cháu phải tới đó vào thứ Sáu."

"Đây là những gì tôi nhận được khi giao cho cậu một công việc béo bở ngay khi mới ra trường được có một năm đấy hả? Cậu có biết rằng không thể gạt tôi bằng cái trò mèo này không? Cậu có hiểu rằng bỏ tôi trong hoạn nạn vào tháng Bảy như thế này sẽ khiến tôi cạch hẳn cái mặt cậu ra không hả cậu Cancer?"

"Cantor chứ ạ," Bucky chỉnh lại như anh vẫn thường làm mỗi khi họ nói chuyện.

"Tôi không cần biết có bao nhiêu anh chàng sẽ nhập ngũ," O'Ga-ra nói. "Tôi không thích những kẻ bỏ rơi tôi giữa chừng trong hoàn nạn." Và rồi, ông nói thêm, "đặc biệt là những người không nhập ngũ."

"Cháu xin lỗi vì phải rời đi, ông O'Ga-ra. Và," anh nói giọng chói tai hơn dự tính, "cháu rất tiếc vì cháu không nhập ngũ - tiếc hơn nhiều so với ông nghĩ đấy." Để khiến sự việc trở nên tồi tệ hơn, anh nói thêm, "Cháu phải đi, cháu không còn lựa chọn nào khác."

"Cái gì?" O'Ga-ra lại nổi cáu. "Cậu không còn lựa chọn nào khác? Chắc chắn là cậu có một đấy. Cái cậu đang làm được gọi là một lựa chọn đấy. Cậu đang chọn cách chạy trốn khỏi căn bệnh bại liệt. Cậu ký hợp đồng làm việc, và rồi có dịch bại liệt, thì mặc xác công việc, mặc xác lời cam kết, cậu chạy bán sống bán chết. Tất cả những gì cậu đang làm chính là chạy cho xa, cậu Cancer ạ, một cậu chàng lực sĩ vô địch thế giới như cậu. Cậu là một kẻ cơ hội, Cancer. Tôi có thể dùng từ nặng nề hơn, nhưng thế cũng được rồi." Và rồi, đột ngột, ông nhắc lại, "một kẻ cơ hội," như thể từ này là đại diện cho tất cả bản tính hèn hạ có thể nêu bật được tính cách xấu xa nơi một con người.

"Vợ chưa cưới của cháu đang ở trại hè ấy," Bucky đáp, chẳng ăn nhập gì với lời của O'Ga-ra.

"Cậu cũng có vợ chưa cưới ở trại hè ấy khi cậu ký hợp đồng ở Chancellor."

"Không, không, cháu không có," anh vội vàng nói như thể với O'Ga-ra điều ấy sẽ làm nên được sự khác biệt. "Chúng cháu mới đính hôn trong tuần này."

"Được rồi, cậu đã có lý do để giải thích cho mọi chuyện. Giống như anh chàng ở Peshine. Mấy anh chàng Do Thái nhà các cậu ai cũng có lý do lý

trầu. Không, cậu không gốc - nhưng O'Ga-ra cũng không, Cancer nhé. Được rồi, được rồi, tôi sẽ cử người lên đó tiếp nhận công việc của cậu nếu như trong thị trấn này có ai đó phù hợp với vị trí ấy. Trong khi đó, cậu sẽ có dịp được nô giỡn, phơi nắng với cô bạn gái ở cái trại hè dành cho con nít ấy."

Không kém phần nhục nhã so với những gì anh đã hình dung nhưng anh đã nói và sự việc đã kết thúc. Giờ anh chỉ còn phải trải qua ba ngày nữa ở sân chơi và cố làm sao để không bị dính bại liệt.

INDIAN HILL

ANH CHƯA BAO GIỜ đến vùng núi Pocono, hay lên những hạt đồng quê miền Tây Bắc bang New Jersey mạn phía bang Pennsylvania. Ngồi trên tàu hỏa, băng qua những ngọn đồi, các cánh rừng và trang trại rộng lớn khiến anh nghĩ mình đang trong một chuyến du ngoạn xa hơn gấp bội việc di chuyển tới một bang gần kề. Được lướt qua phong cảnh hoàn toàn lạ lẫm đã gây cho anh cảm xúc choáng ngợp - thứ cảm giác anh đã từng có vài lần trước đây khi ngồi trên tàu hỏa - cả khi đi trên tuyến đường xe lửa Jersey ra bờ biển - một tương lai mới và bí ẩn sắp mở ra trước anh. Ngắm nhìn Khe nước sâu Delaware, nơi con sông phân chia hai bang New Jersey và Pennsylvania đột ngột cắt qua ngọn núi chỉ cách điểm dừng của anh ở Stroudsburg khoảng mười lăm phút, càng làm tăng thêm xúc cảm của chuyến đi và khiến anh thêm yên tâm - mặc nhiên thừa nhận mà không cần lý do - rằng không một sự hủy diệt nào khả dĩ vượt được qua tấm lá chắn thiên nhiên vĩ đại đường này để tóm bắt được anh.

Chuyến đi đã ghi dấu lần đầu tiên từ sau cái chết của ông ngoại cách đây ba năm, anh phải để bà ngoại cho người khác săn sóc trong không chỉ mấy ngày cuối tuần, và là lần đầu tiên anh xa thành phố lâu hơn chỉ một, hai đêm. Đây cũng là lần đầu tiên từ nhiều tuần qua, những ý nghĩ về bại liệt không còn chiếm cứ tâm trí anh. Anh vẫn còn thương tiếc hai cậu bé đã chết, anh vẫn còn day dứt bởi ý nghĩ rằng tất cả những cậu bé khác của anh bị căn bệnh liệt bại tấn công, nhưng dù sao đi nữa anh không còn cảm thấy nản lòng trước tình cảnh cấp bách của mỗi tai ương hoặc rằng nếu là một người nào khác có thể đã làm việc của anh một cách tận tụy hơn. Anh đã hết lòng đương đầu với một thử thách khắc nghiệt bằng tất cả sức lực và trí thông minh - cho đến khi quyết định buông bỏ, rời khỏi cái thành phố nóng như thiêu đang oằn mình dưới bệnh dịch và đang rên rỉ những tiếng còi xe cấp cứu không ngừng di chuyển.

Ở ga Stroudsburg, Carl, lái xe của Indian Hill, một người to lớn có khuôn mặt ngây thơ cùng một cái đầu hói và khá rụt rè, đang đợi anh trong chiếc xe đa dụng cũ kỹ của trại. Carl đi ra thị trấn lấy hàng và rồi ghé đón chuyển tàu của Bucky. Khi bắt tay Carl, Bucky chỉ có một ý nghĩ trong đầu: Anh này không mang mầm bại liệt. Anh nhận ra nơi đây khí trời thật mát mẻ. Ngay cả trong nắng, thời tiết cũng mát!

Rời thị trấn với túi hành lý cồng kềnh của Bucky ở khoang sau, họ chạy xe dọc con phố chính xinh đẹp với những ngôi nhà gạch hai hay ba tầng - tầng mặt phố là một dãy cửa hàng còn các văn phòng nằm ở những tầng trên - sau đó rẽ về hướng bắc và bắt đầu chậm rãi bò ngược lên theo những con đường ngoằn ngoèo tiến vào vùng đồi. Họ đi ngang qua những trang trại, anh trông thấy ngựa và bò trên những cánh đồng, thỉnh thoảng anh bắt gặp một người nông dân đang ngồi trên máy kéo. Dọc đường là những tháp tròn chứa thức ăn gia súc, những chuồng nuôi gia súc, các hàng rào dây thép thếp lè tè, những hộp thư miền đồng quê đặt trên cọc gỗ và không thấy bại liệt ở đâu cả. Lên đến đỉnh một con dốc dài, họ ngoặt khỏi con đường trải nhựa, rẽ vào một đường đất hẹp được đánh dấu bằng một cái biển gỗ với dòng chữ khắc TRẠI INDIAN HILL và bên dưới là hình một cái lều nón của người da đỏ trong một vòng lửa - giống như biểu tượng bên sườn chiếc xe. Sau khi xóc nảy từng từng trên các sống trâu chùng dăm cây số đường đất xuyên qua rừng - một đường mòn ngoằn ngoèo lăm ồ gà mà người ta cố tình cứ để như thế - Carl bảo anh vậy, nhằm ngăn xe cộ không phải của trại đi vào Indian Hill - họ đã có mặt tại lối vào khuôn viên trại, một bãi rộng hình ô-van xanh mướt mát. Ấn tượng nơi này rất giống với những gì anh cảm nhận khi bước vào sân vận động Ruppert cùng Jake và Dave để xem đội Các chú gấu Newark đấu lại trận đấu của Chủ Nhật đầu mùa giải và - sau khi bước ra khỏi những ngách tối lờ mờ để vào lối đi sáng sủa dẫn đến dãy ghế ngồi - nhìn ngắm cả khoảng không rộng lớn với thảm cỏ được cắt tía cẩn thận giấu mình ở một nơi xấu xí nhất trong thành phố. Nhưng đó là một sân bóng có tường vây quanh. Còn ở đây là những khoảng

không rộng mở. Ở đây cảnh vật không bị giới hạn và là nơi nung nấu thậm chí còn đẹp hơn cả sân nhà của đội Các chú gấu.

Trên đỉnh một cây cột kim loại được dựng giữa hình ô-van phấp phới lá cờ Mỹ, phía dưới, là lá cờ có biểu tượng khu trại. Gần đó cũng có một túp lều nón của người da đỏ, cao chừng ba mét rưỡi hay bốn mét rưỡi, với những cột đỡ dài thò ra qua lỗ hở trên nóc. Trên đỉnh của tấm bạt phủ màu xám được trang trí bằng hai đường gấp khúc giống như tia sét còn ở gần đây là một đường gợn sóng chắc để tượng trưng cho một dải núi. Ở hai bên lều có hai cây cột tổ đã nứt mục.

Khoảnh đất ô-van xanh mướt đó dốc thoải về phía một cái hồ sáng lấp lánh ánh kim rộng mênh mông. Một bến tắm bằng gỗ chạy dọc bờ, với ba cầu tàu hẹp, làm bằng gỗ cách nhau chừng mười lăm mét, nhô ra hồ hơn ba mươi mét; ở phía cuối là hai cầu tàu có ván nhảy. Đây hẳn là bến tắm dành cho nam mà anh sẽ quản lý. Marcia đã bảo anh rằng nước hồ là của các dòng suối tự nhiên. Suối tự nhiên - nghe cứ như tên một kỳ quan thiên nhiên - lại một cách nói "không bại liệt" khác nữa. Mặc một chiếc áo sơ mi ngắn tay màu trắng, cổ thắt cà-vạt, bước ra khỏi xe, anh cảm nhận được làn không khí mát mẻ hơn hẳn ở Stroudsburg trên đôi tay và khuôn mặt, mặc dù mặt trời khá chói chang. Khoác túi đồ gọn nhẹ của mình trên vai, anh bất chợt thấy vui sướng vì sự tái khởi đầu, cảm giác say mê sung sướng của tái sinh - cảm giác ngập tràn của "Tôi đang sống! Tôi còn sống này!"

Anh đi theo con đường đất dẫn tới một căn nhà nhỏ ghép từ những súc gỗ trông ra hồ, văn phòng của ông Blomback ở trong đó. Carl đã khẳng khái đòi mang giúp Bucky cái túi nặng trĩch của anh đến lán tên là Comanche, nơi anh sẽ ở với những cậu bé lớn nhất khu trại, những cậu bé mười lăm tuổi và người phụ trách của chúng. Mỗi lán trong các khu trại của con trai và con gái đều mang tên một bộ lạc người da đỏ.

Anh gõ cửa và được đón tiếp nồng hậu bởi chủ nhân, một người cao lênh khênh, cổ dài với cục yết hầu to và mấy mớ tóc muối tiêu chải chéo

trên cái hộp sọ rám nắng. Tuổi ông ta chắc phải tầm sáu mươi, song khi mặc quần soóc ka-ki và áo pô-lô trại hè, trông ông vẫn còn cứng cáp và khỏe mạnh. Marcia kể với Bucky rằng ông Blomback góa vợ khi còn trẻ vào năm 1926, ông đã bỏ một chỗ làm có nhiều triển vọng khi đó là chân hiệu phó trường phổ thông trung học West Side ở Newark và mua khu trại bằng tiền gia đình vợ, để lấy chỗ dạy hai cậu con những tri thức của người da đỏ mà ông đã đem lòng yêu thích khi đi dã ngoại vào dịp hè. Hai đứa trẻ giờ đã lớn và đều đang trong quân ngũ, do vậy điều hành khu trại, chỉ đạo nhân viên và viếng thăm các gia đình người Do Thái ở New Jersey và Pennsylvania để tuyển mộ bọn nhỏ cho mùa cắm trại là công việc quanh năm của ông Blomback. Văn phòng đơn sơ của ông - ghép từ những súc gỗ thô ráp giống phía ngoài căn nhà - có năm chiếc mũ thổ dân kết từ lông chim được treo trên các móc trang trí cho bức vách phía sau bàn làm việc; trên các vách còn lại chỉ chít những bức ảnh chụp các trại viên, ngoại trừ một vài kệ chất đầy sách, tất cả, ông Blomback nói, đều có liên quan đến đời sống và tri thức của người da đỏ.

"Đây là cẩm nang," ông nói với Bucky và đưa cho anh một cuốn sách dày có tiêu đề *Cẩm nang về rừng*. "Cuốn này là nguồn cảm hứng của tôi đấy. Cuốn này cũng thế," nói rồi ông đưa cho anh cuốn thứ hai mỏng hơn - *Sổ tay đi rừng của người da đỏ*. Vâng lời, Bucky giở qua các trang của cuốn *Sổ tay đi rừng*, anh thấy những bức họa vẽ bằng bút mực hình các loại nấm, các loài chim chóc và các loại lá của rất nhiều loài cây, anh không nhận ra được bất cứ loài nào. Anh chú mục vào tiêu đề một chương; "Bốn mươi loài chim mỗi cậu bé nên biết," và buộc phải thừa nhận rằng anh, một người đã trưởng thành, không biết được quá hai loài trong số đó.

"Hai cuốn sách này là nguồn cảm hứng cho tất cả các chủ trại hè," ông Blomback bảo anh. "Ernest Thompson Seton đơn thương độc mã khởi đầu trào lưu cắm trại theo kiểu người da đỏ. Một người thầy vĩ đại và có ảnh hưởng lớn. 'Lòng can đảm,' Seton nói, 'là mục tiêu đầu tiên của giáo dục. Chúng ta sống hoang dã để mưu cầu điều này, nói ngắn gọn là tạo dựng

lòng can đảm.' Những cuốn sách tuyệt đối cần thiết. Chúng luôn luôn đưa ra một mẫu người anh hùng lý tưởng. Chúng ghi nhận thổ dân da đỏ là người khởi xướng vĩ đại cho cuộc sống nơi hoang dã, trong những cánh rừng và cách sử dụng những phương pháp của họ mỗi khi hữu dụng. Chúng đưa ra những bài kiểm tra vỡ lòng về sự kiên cường, theo tấm gương của người da đỏ. Chúng chỉ ra cội nguồn sức mạnh là sự tự chủ. 'Vượt trên tất cả,' Seton nói, 'là đức tính anh hùng.'" Bucky gật đầu, đồng ý rằng đó là những vấn đề quan trọng, cho dù anh chưa từng nghe đến cái tên Seton.

"Cứ đến ngày mười bốn tháng Tám hằng năm, khu trại kỷ niệm ngày sinh của Seton bằng một đám rước theo kiểu da đỏ. Chính Ernest Thompson Seton là người khiến kiểu cắm trại trong thế kỷ hai mươi trở thành một trong những thành tựu lớn nhất của nước ta."

Bucky lại gật đầu. "Tôi mong muốn được đọc những cuốn sách này," anh vừa nói vừa đưa trả lại cho ông Blomback. "Có vẻ như chúng là những cuốn sách quan trọng, nhất là đối với việc giáo dục những cậu thiếu niên." "Ở Indian Hill, chúng tôi giáo dục các cậu trai và cả các cô gái. Tôi mong cậu sẽ đọc chúng. Ngay sau khi sắp xếp ổn thỏa, cậu có thể tới và mượn của tôi. Những cuốn sách có một không hai, được xuất bản từ đầu thế kỷ khi mà cả dân tộc dưới sự dẫn dắt của Teddy Roosevelt, đang trở về với cuộc sống ngoài trời. Cậu là người may mắn đấy, anh bạn trẻ," ông nói. "Từ tấm bé, tôi đã quen biết bác sĩ Steinberg và gia đình ông ấy. Nếu bác sĩ Steinberg đã đứng ra bảo đảm cho cậu, với tôi thế là đủ. Tôi sẽ kêu một trong những phụ trách viên đưa cậu đi một vòng quanh khu trại, rồi đích thân tôi sẽ đưa cậu tới thăm quan bến tắm và giới thiệu cậu với mọi người ở đấy. Tất cả bọn họ đã biết trước cậu sẽ tới. Tại bến tắm, chúng tôi có hai mục tiêu: dạy cho bọn trẻ của chúng ta những kỹ năng dưới nước và cách giữ an toàn khi ở dưới nước."

"Tôi đã học những nguyên tắc về hai thứ ấy trong trường Panzer, thưa ông Blomback. Tôi dạy môn thể dục ở trường Chancellor Avenue, an toàn là điều tôi quan tâm đầu tiên." "Các bậc cha mẹ để chúng ta chăm nom con

cái họ trong những tháng hè," ông Blomback nói. "Việc của chúng ta là không để họ thất vọng. Mười tám năm nay, kể từ khi tôi mua khu trại, chưa từng bao giờ có một tai nạn nào tại bến tắm. Không một tai nạn nào cả."

"Ông có thể tin ở tôi, thưa ông, an toàn là trước nhất." "Không có một tai nạn nào," ông Blomback lặp lại một cách nghiêm nghị. "Quản lý bến tắm là một trong những vị trí có trách nhiệm nặng nề nhất tại khu trại. Có thể nói là vị trí có trách nhiệm nặng nhất. Một khu trại có thể bị sụp đổ bởi một tai nạn bất cẩn dưới nước. Khởi cần phải nói, mỗi trại viên phải có một người bạn bơi cùng trình độ. Chúng phải xuống nước và lên bờ cùng nhau. Luôn phải kiểm tra cặp bạn này trước, sau và trong lúc bơi. Bơi một mình có thể dẫn tới những tai nạn chết người."

"Tôi nghĩ mình là một người có tinh thần trách nhiệm, thưa ông. Ông có thể tin cậy tôi trong việc bảo đảm sự an toàn cho mỗi trại viên. Ông cứ yên tâm đi, tôi biết tầm quan trọng của phương thức bạn cùng bơi."

"Được rồi, bữa trưa vẫn còn đang được phục vụ," ông Blomback nói. "Hôm nay có món mì ống sốt phô-mai. Bữa tối là thịt bò nướng. Tối thứ Sáu là tối thịt bò nướng ở Indian Hill, theo khẩu phần hoặc tùy thích. Hãy cùng với tôi tới nhà ăn và chúng tôi sẽ chuẩn bị thứ gì đó cho cậu. Và đây - đây là một cái áo pô-lô của trại. Tháo cà-vạt ra, kể từ giờ không phải đeo nó nữa, và chúng ta đi ăn trưa. Irv Schlanger để lại khăn trải giường, chăn và khăn tắm. Cậu có thể dùng chúng. Thứ Hai là ngày lấy đồ mang đi giặt." Cái áo đưa cho anh giống hệt cái áo ông Blomback đang mặc: trước ngực là tên trại và bên dưới là hình lều của người da đỏ trong một vòng tròn lửa.

Nhà ăn, một căn nhà gỗ lớn không có tường bao, chỉ cách lối đi lát gỗ từ văn phòng làm việc bên hồ của ông Blomback vài bước chân, đang đông kín trại viên, các cô bé và những người phụ trách của mình ngồi tại những chiếc bàn tròn ở một phía của lối đi chính giữa nhà ăn, còn các cậu bé cùng những người trông nom mình ngồi ở bên kia. Ngoài trời đang nắng ấm - mặt trời nơi đây dường như hiền lành và mền khách chứ không gay gắt, một

Mặt Trời Cha chăm bẵm, thần ánh sáng của Đất Mẹ phì nhiêu - mặt hồ lung linh sáng lấp lánh và màu xanh ngút ngàn của vạn vật sinh sôi nảy nở của mùa hè mà kiến thức của anh về chúng cũng chẳng hơn gì đối với các loài chim. Trong nhà ăn tiếng la hét của bọn trẻ vang đi khắp chốn, vẻ huyền ảo khiến anh nhớ lại cảm giác hứng thú biết bao khi được ở bên lũ nhỏ và vì thế mà anh yêu thích công việc lúc trước của mình. Anh hầu như đã quên mất niềm vui sướng ấy trong những tuần gian khó khi phải đứng nhìn mỗi đe dọa trước những gì mà anh không cách nào bảo vệ nổi. Ở đây có những đứa trẻ hạnh phúc, tràn đầy sức sống, không bị một cái ác hay kẻ thù vô hình nào đe dọa - chúng thực ra được che chở khỏi bất hạnh bằng một mối quan tâm kỹ lưỡng của người lớn. Nói một cách độ lượng thì anh đã chấm dứt việc phải chứng kiến một cách bất lực nỗi kinh hoàng đi cùng cái chết và giờ quay trở lại với bầy trẻ vô tư lự tràn trề sức sống. Anh thừa sức hoàn thành công việc ở nơi đây.

Ông Blomback để anh ăn trưa một mình, nói rằng họ sẽ gặp lại khi Bucky ăn xong, ở nhà ăn, chưa ai biết hay để ý xem anh là ai - lũ nhỏ cũng như những người phụ trách đều mãi mê vui vẻ trò chuyện trong khi ăn, bạn cùng lán chuyện trò và cười đùa, ở vài bàn say sưa hát, mặc dù mới ăn sáng cách đó có vài giờ nhưng giống như đã nhiều năm chúng không được gặp nhau vậy. Anh tìm bàn có Marcia, nàng có lẽ vẫn chưa biết anh đã đến. Tối hôm trước trong điện thoại, cả hai đều nghĩ rằng khi anh nhận lán của mình xong xuôi và trên đường ra được bến tắm thì bữa trưa đã kết thúc từ lâu và rằng anh sẽ chỉ đến nhà ăn vào giờ ăn tối.

Khi tìm thấy bàn của nàng, anh vui mừng khôn xiết đến độ phải kiềm chế để không đứng đó và gọi to tên nàng. Sự thật là trong ba ngày cuối ở sân chơi anh đã nghĩ rằng anh sẽ không bao giờ được gặp lại nàng. Từ lúc đồng ý nhận công việc ở Indian Hill, anh đã chắc mẫm rằng mình sẽ gục ngã bởi bại liệt và mất tất cả. Nhưng giờ thì nàng kia, cô gái với đôi mắt đen ấn tượng cùng mái tóc dày, quăn, đen nhánh đã cắt ngắn trong mùa hè - chỉ có ít người có mái tóc đen tự nhiên, và Marcia là một trong số đó. Lúc

họ gặp nhau lần đầu nơi tập hợp giáo viên trong khoa lại để giới thiệu những người mới vào mùa thu năm trước, tóc nàng khi ấy xõa xuống bờ vai đầy quyến rũ. Nàng lôi cuốn anh đến độ trong buổi chiều đầu tiên cách lần ấy không lâu, đứng đối diện với nàng, anh mới có thể nhìn thẳng vào đôi mắt và đủ tự chủ để không bị nàng hút hồn từ xa. Rồi anh nhìn nàng bước đĩnh đạc dẫn đầu đám học sinh ngoan ngoãn của mình đi qua những hành lang tới khu hội trường và anh lại ngất ngây lần nữa. Cả khi bọn nhỏ gọi nàng là Cô Steinberg cũng khiến anh rung động.

Giờ thì trông nàng chói nắng và chiếc áo pô-lô trắng của trại nàng đang mặc, như áo anh, càng làm nổi rõ nước da đen giòn, và nhất là đôi mắt hút hồn anh không chỉ bởi màu đen nhánh mà còn bởi chúng tròn hơn bất cứ đôi mắt nào của ai khác, hai điểm hồng tâm của ước ao với những vòng tròn đồng tâm màu nâu đen. Anh chưa bao giờ thấy nàng xinh đến thế, ngay cả khi nàng giống một trại viên hơn là một cô phụ trách, chỉ cách ăn mặc trang nhã là có chút giống một cô giáo tiểu học, người con gái hai mươi hai tuổi ấy, có vẻ ngoài điềm đạm của một giáo viên đầy kinh nghiệm. Anh để ý thấy cái mũi nhỏ thanh tú của nàng có bôi chút thuốc mỡ màu trắng và bản khoăn không hiểu nàng đang chữa gì, bị cháy nắng hay bị nhiễm độc cây thường xuân. Và rồi anh có ý nghĩ vui vẻ nhất: Đây là thứ mà mình lo ngại ở nơi đây, đó là điều mà mình sẽ cảnh báo lũ trẻ - độc cây thường xuân!

Không cách gì gọi được Marcia ở giữa cái nhà ăn huyền ảo nhường này. Vài lần anh giơ một tay lên, nhưng dù đã giơ cao và vẫy vẫy nhưng nàng vẫn không thấy. Rồi anh nhìn ra mấy cô em gái của Marcia, hai chị em sinh đôi nhà Steinberg, Sheila và Phyllis, đang ngồi cạnh nhau ở cách Marcia vài bàn. Cả hai được mười một tuổi và trông khác hoàn toàn người chị cả, hai khuôn mặt lấm tấm tàn nhang với mái tóc hung đỏ dài và quần búp, chân gầy giơ xương và mũi to giống cha, cả hai đều đã cao gần bằng Marcia. Anh vẫy hai bé, nhưng cả hai đang mải nói chuyện sôi nổi với những cô bé cùng bàn và đều không nhìn thấy anh. Từ lần đầu gặp mặt, anh đã hoàn toàn bị Sheila và Phyllis chinh phục bởi vẻ sôi nổi, sự thông minh,

xúc cảm mãnh liệt của chúng, thậm chí bởi cả dáng điệu vụng về lóng ngóng của tuổi mới lớn đã bắt đầu hiện hữu ở hai chị em. Mình sẽ gắn bó với hai cô bé trong suốt quãng đời còn lại, anh thầm nghĩ, và viễn cảnh ấy khiến anh ngập tràn niềm vui sướng lớn lao. Chúng ta sẽ là thành viên của cùng một gia đình. Cùng lúc, anh nghĩ về Herbie và Alan, những cậu bé đã chết vì nghỉ hè ở Newark, về Sheila và Phyllis, những đứa trẻ hầu như cùng tuổi nhưng tràn trề sinh lực bởi chúng trải qua mùa hè nơi trại Indian Hill. Và rồi, anh nghĩ về Jake và Dave đang chiến đấu với quân Đức ở đâu đó tại Pháp trong khi anh thì thu mình nơi căn nhà ồn ào vui vẻ trong một trại nghỉ hè với tất thảy những đứa trẻ tràn trề nhựa sống này. Anh bị day dứt bởi ý nghĩ vì sao những ngã đường đời phân ly đến thế và vì sao mỗi người chúng ta bất lực đến thế khi phải đối mặt với hoàn cảnh. Vai trò của Chúa ở đâu trong chuyện này? Tại sao người ném một người xuống châu Âu nơi lũ phát-xít chiếm đóng với súng trường trong tay và ấn người khác vào nhà ăn của Indian Hill với một đĩa mì ống sốt phô-mai trước mặt? Tại sao Người lại đặt một đứa trẻ Weequahic vào Newark đầy bại liệt trong mùa hè còn một đứa khác thì ở nơi trú ẩn nguy nga Pocono? Với một người trước kia cho rằng sự chuyên cần và chăm chỉ là lời giải cho mọi khó khăn của mình, giờ thì không thể cắt nghĩa được lý do vì sao những chuyện ấy đã xảy ra và lại xảy ra theo cách đó.

"Anh Bucky!" Hai chị em sinh đôi đã nhìn thấy anh, hét gọi át cả tiếng ồn ào. Chúng đứng cạnh bàn và vẫy tay. "Anh Bucky! Anh đã đến! Hoan hô!"

Anh vẫy tay đáp lại và cặp sinh đôi bắt đầu chỉ trỏ về phía người chị đang ngồi với vẻ phấn kích.

Anh mỉm cười và nói to: "Anh thấy, anh thấy rồi" khi cặp sinh đôi gọi Marcia: "Anh Bucky ở đây này!"

Marcia đứng lên nhìn quanh, nên anh cũng đứng lên, ; cuối cùng nàng thấy anh, và với cả hai bàn tay nàng gửi anh một nụ hôn gió. Anh đã an

toàn. Bại liệt đã không quật ngã được anh.

NGUYỄN BUỔI CHIỀU, anh ở bên tắm, quan sát những người phụ trách - những cậu học sinh trung học ở độ tuổi mười bảy, những anh chàng chưa tới tuổi nhập ngũ - giám sát các trại viên thực hiện trọn vẹn những lần bơi thử và các bài luyện tập. Chẳng có bài tập nào mà không giống với những gì anh đã học trong khóa dạy bơi và nhảy cầu tại trường Panzer. Anh đã từng trông đợi để có một chương trình hoạt động thú vị cũng như một môi trường lý tưởng để làm việc - cả bên tắm không có một chút biểu hiện may may sao nhãng, bên lên xuống, các cầu tàu, những sàn lát ván, và những cầu nhảy đều ở điều kiện tuyệt hảo, còn nước hồ thì trong vắt đến kinh ngạc. Những triền đồi cây cối mọc ken dày chạy dọc suốt bờ hồ. Các lán gỗ dành cho trại viên được dựng trên những ngọn đồi thấp phía kề với hồ, nếu hình dung nhà ăn là thân chim thì một bên cánh của nó là khu trại dành cho nữ và cánh bên kia là khu trại dành cho nam. Cách bờ gần trăm mét là một đảo nhỏ được bao phủ bởi những thân cây mọc nghiêng, vỏ màu trắng. Đây hẳn là hòn đảo mà Marcia đã đề cập với anh rằng hai người họ có thể ra đó để được riêng tư một cách an toàn.

Cô đã tìm được cách gửi lại lời nhắn cho anh tại chỗ cô thư ký văn phòng ông Blomback: "Em không tin nổi vào mắt mình khi thấy chông tương lai của mình ở đây. Em có thể lên ra lúc 9:30. Gặp anh ở bên ngoài nhà ăn nhé. Như bọn trẻ hay nói, "Tớ thích ấy nhiều. M."

Khi các lớp học bơi sau cùng kết thúc và các trại viên trở về lán của mình để chuẩn bị cho bữa tối ngày thứ Sáu và buổi chiếu phim tiếp sau đó, Bucky vẫn một mình ở lại bên tắm, anh hài lòng bởi những giờ làm việc đầu tiên của mình đã trôi qua tốt đẹp và anh hứng khởi khi được bầu bạn với tất cả những đứa trẻ không âu lo, năng động tuyệt vời này. Anh đã ngâm mình dưới nước để quen với những phụ trách và cách họ cùng làm việc, giúp đỡ bọn trẻ học cách bơi và cách thở, do vậy anh không có thời gian để làm một cú nhảy từ bên cầu nhảy mức cao. Nhưng suốt buổi chiều anh đã

nghĩ tới chuyện đó, như thế chỉ đến khi anh nhảy cú đầu tiên ấy, anh mới thực sự là ở đây.

Anh bước ra ngoài, dọc theo cái cầu gỗ hẹp dẫn đến tầng cầu nhảy cao, tháo cặp kính và để nó dưới chân các bậc thang. Rồi, anh mò mẫm trèo lên cầu nhảy. Căng mắt nhìn, anh có thể trông thấy lối đi dẫn mình ra đến mép cầu nhưng ngoài xa hơn, anh gần như không phân biệt được gì nữa. Những triền đồi, rừng cây, hòn đảo màu trắng, ngay cả hồ nước, tất thảy đều biến mất. Anh chỉ có một mình trên cầu nhảy phía bên trên mặt nước và hầu như không nhìn thấy gì. Không khí ẩm áp, cơ thể anh ẩm áp, anh chỉ nghe thấy tiếng quật bóng tennis pốc pốc và thỉnh thoảng là tiếng lách cách của kim loại va phải nhau vọng từ đằng xa nơi mấy trại viên đang chơi trò ném móng ngựa. Khi anh hít vào, không có mùi hôi thối của khu trại lợn Secaucus ở New Jersey. Anh hít căng hai lá phổi làn khí trời trong lành, vô trùng của vùng núi Pocono, rồi chạy lấy đà ba bước, bật nhảy, kiểm soát đến từng ly cả cơ thể trong suốt quãng đường bay mù mịt ấy, nhào xuống nước theo kiểu chim nhận, mắt chỉ chợt thấy ngay trước khi hai cánh tay xuyên ngọt qua mặt hồ, anh lao thẳng đứng vào sâu trong làn nước tinh khiết và lạnh ngắt.

VÀO 5:45 CHIỀU, khi anh và đám con trai cùng lán đang gần tới cửa nhà ăn, thì có hai trại viên tách ra khỏi đám con gái cùng với những phụ trách đang tiến lại và bắt đầu gọi tên anh. Đó là những cô bé nhà Steinberg, cặp sinh đôi giống hệt nhau, kể cả khi đứng sát nhau, anh cũng khó có thể gọi đúng tên từng đứa. "Đây là Sheila! Đây là Phyllis!" Anh la lên khi cả hai lao vào vòng tay anh. "Hai đứa trông tuyệt lắm," anh bảo. "Nhìn xem đen không này. Mà còn lớn nữa. Chết thật, hai đứa cao bằng anh rồi." "Cao hơn chứ!" Chúng hét lên, quấn chặt lấy anh. "Ô, đừng nói thế," Bucky cười phá lên, "xin các cô, chưa cao hơn đâu!" "Anh sắp biểu diễn nhảy cầu hả?" Một cô bé hỏi. "Tới giờ chưa có ai đề nghị anh cả," anh đáp. "Thì chúng em đang đề nghị anh đây! Một buổi biểu diễn nhảy cầu cho cả trại xem! Tất cả những động tác vặn xoắn và nhảy ngược anh làm trên không trung ấy."

Hai cô bé đã thấy anh nhảy cầu vài tháng trước, khi anh được mời đến nhà nghỉ mát mùa hè bên bờ biển của gia đình Steinberg nhân dịp nghỉ lễ Ngày Tưởng niệm, và cả nhà đã cùng đến câu lạc bộ bơi lội nơi gia đình Steinberg là hội viên ở ngoài bãi biển. Đó là lần đầu tiên anh đóng vai một người khách qua đêm của gia đình, và cũng là lần đầu anh gạt bỏ sang bên những mặc cảm về việc một người có xuất thân như mình được trò chuyện với những con người có học như vậy, anh thấy cha mẹ của Marcia hết sức tốt bụng và dễ gần. Anh còn nhớ niềm vui khi dạy hai cô bé sinh đôi những kỹ thuật cơ bản trên cầu nhảy mức thấp, cách giữ thăng bằng và lao đầu xuống. Hai bé lúc đầu còn sợ sệt, nhưng vào cuối buổi chiều hôm ấy, cả hai đã có thể lao xuống từ cầu nhảy. Cũng từ đây, anh là ngôi sao trong mắt hai chị em, và cả hai lúc nào cũng tìm cách giành giật anh với chị cả. Anh bị cả hai, hai cô con gái mà bác sĩ Steinberg khen ngợi gọi là "đôi giọt nước tỏa sáng", chiếm hữu.

"Anh rất nhớ hai đứa," anh bảo chúng. "Anh có ở lại đây đến hết hè không?" Chúng hỏi. "Chắc chắn rồi." "Vì thầy Schlanger đã lên đường nhập ngũ phải không ạ?" "Ừ, đúng thế." "Chị Marcia nói thế, nhưng lúc đầu chúng em tưởng chị đang nằm mơ." "Anh cũng tưởng mình đang mơ, chuyện anh đang ở đây ấy," Bucky đáp lời. "Anh sẽ gặp các em sau nhé," anh nói và để khoe với chúng bạn cùng lán, hai chị em từng đưa rước cổ để hôn anh vào môi một cách khoa trương. Rồi, khi chạy vào lối nhà ăn, chúng kêu lên, cũng không kém phần khoa trương, "Chúng em yêu anh, Bucky!"

Anh ngồi ăn kế cậu phụ trách của lán Comanche, Donald Kaplow, một chàng trai mười bảy tuổi, hồi học trung học rất mê điền kinh và môn ném đĩa. Khi Bucky nói anh chơi môn ném lao, Donald bảo rằng cậu ta đã mang các thiết bị thể thao của mình đến trại, và khi nào có thời gian rồi cậu lại tập luyện kỹ năng ném đĩa của mình ở bãi cỏ sau khu trại dành cho nữ, là nơi tổ chức đám rước theo kiểu da đỏ vào mỗi tháng Tám. Cậu hỏi Bucky có muốn lúc nào đó cùng đi xem và góp ý cho cậu không. "Nhất định, nhất định rồi," Bucky nói.

"Em đã nhìn thấy thầy chiều nay," Donald nói. "Từ hàng hiên căn lán em ở có thể nhìn ra được hồ. Em đã quan sát thầy nhảy cầu. Thầy là vận động viên nhảy cầu à?" "Tôi có thể thực hiện được những động tác nhảy cầu căn bản, nhưng không, tôi không phải là vận động viên." "Em chẳng bao giờ làm chủ được kỹ thuật nhảy của mình. Em cứ mắc đi mắc lại những lỗi ngớ ngẩn."

"Tôi có thể giúp cậu được," Bucky nói.

"Thầy giúp em chứ?"

"Nếu có thời gian tôi nhất định sẽ chỉ."

"Ôi hay quá. Cảm ơn thầy."

"Mình sẽ đi từng động tác một. Cậu giờ có lẽ chỉ cần được sửa vài lỗi là sẽ làm tốt."

"Em sẽ không làm phiền thầy đấy chứ?"

"Không sao. Nếu và khi nào rảnh, tôi sẽ giúp."

"Một lần nữa, cảm ơn thầy, thầy Cantor."

Khi nhìn sang bên dãy bàn ăn của con gái để kiểm Marcia, anh trông thấy một trong hai cô bé nhà Steinberg đang điên cuồng khua tay về phía anh. Anh mỉm cười, vẫy trả rồi nhận ra chưa đến một ngày mà mình đã rũ sạch những ưu tư về bại liệt, chỉ trừ vài phút trước, khi Donald gọi anh nhớ đến Alan Michaels. Mặc dù Donald hơn năm tuổi và đã cao một mét tám mươi, cả hai đều là những chàng trai ưa nhìn có vai rộng, dáng gầy cao, đôi chân khỏe, cùng mong mỏi tìm được một huấn luyện viên giúp họ phát triển kỹ năng thể thao. Những chàng trai như Alan và Donald, hình như cảm thấy ngay tức khắc lòng nhiệt thành hướng dẫn và khả năng truyền thụ những gì họ đang cần từ Bucky, nên đã nhanh chóng gia nhập vào hàng ngũ học trò của anh. Nếu Alan còn sống, cậu bé chắc sẽ khôn lớn trở nên một thanh

niên giống Donald Kaplow. Nếu Alan còn sống, nếu Herbie Steinmark vẫn sống, Bucky chắc sẽ không có mặt ở đây và cái điều quái gở ấy sẽ không xảy ra nơi quê nhà.

ANH VÀ MARCIA bơi thuyền ngang qua hồ - anh chưa từng chèo thuyền bao giờ, nhưng Marcia chỉ cho anh, và sau khi quan sát nàng khua chèo vài cái, anh đã cầm chèo. Họ chậm chậm chìm dần vào màn đêm, khi tới hòn đảo hẹp - xa hơn so với anh hình dung lúc đứng ở bến tắm dành cho nam - họ chèo thuyền vòng sang phía bên kia, ở đó họ kéo chiếc thuyền lên bờ và lôi nó vào phía sau một lùm cây nhỏ. Cả hai hầu như không nói gì với nhau kể từ lúc nắm tay nhau bên ngoài nhà ăn rồi vội vã đi tới bến tắm dành cho các bé gái và lặng lẽ nâng một chiếc thuyền ra khỏi giá.

Trời không trăng, không sao, chỉ có ánh sáng le lói lọt ra từ những căn lán trên sườn đồi phía sau bờ. Bữa tối có món thịt bò nướng - Donald Kaplow với tính háu ăn của một cậu trai mới lớn đã ngẫu nhiên hết lát thịt đỏ sẫm này tới lát thịt đỏ sẫm khác - đã kết thúc, và lúc này, trong sảnh giải trí đang chiếu phim cho những đứa trẻ lớn hơn, do vậy thứ âm thanh duy nhất vọng ra từ khu trại là tiếng loáng thoáng từ các cảnh phim. Ở sát bên nhau, họ nghe thấy bản giao hưởng đơn điệu của lũ ếch, và cứ chừng vài phút, lại nghe thấy một tiếng sấm rền từ phía xa vọi.

Bản nhạc kịch của sấm chẳng hề khiến việc được ở riêng cùng nhau trên đảo đầy cây trong bộ đồ soóc ka-ki và áo pô-lô của trại bớt đi chút ý nghĩa hay tính kích thích vì mớ quần áo ít vải của họ mang lại chút nào. Tay chân để trần, họ đứng trên một khoảnh đất trống nhỏ xíu ở giữa những thân cây, hai người ở gần sát bên nhau đến mức anh có thể trông thấy nàng một cách rõ ràng bất chấp bóng tối. Marcia, cách đây mấy đêm, đã bơi thuyền ra đảo, dùng tay dọn sạch đồng lá rụng từ mùa thu trước, chuẩn bị sẵn sàng một chỗ trống cho chõn hò hẹn của hai người.

Trên đảo, bao quanh họ, là cây cối ken dày đặc, thân chúng không phải chỉ một màu trắng như anh đã thấy lúc anh đứng từ bến tắm nhìn qua mà có

những vết khía màu đen chạy vòng quanh bên ngoài vỏ giống như những vết sẹo do bị roi quất. Bị tàn phá bởi thời tiết hoặc bởi bệnh thực vật, nhiều cây cong vòng hoặc đổ rạp, một số mọc cao vượt lên gần gấp đôi, vài cây thân bị xé làm hai nửa lởm chởm sát xuống tận gốc, một số khác bị gãy lìa. Những cây vẫn còn nguyên vẹn thì khẳng khiu đến mức anh có thể dùng bàn tay nắm quanh thân chúng khá dễ dàng giống như khi anh đùa giỡn siết chặt bắp đùi của Marcia bằng hai bàn tay của anh vậy. Các cành trên cao và những nhánh nhỏ của các cây còn nguyên vẹn rủ xuống khoảng đất trống làm thành một mái vòm kết bằng những chiếc lá mỏng có răng cưa. Đó là một nơi ẩn náu hoàn hảo, một nơi biệt lập, mà họ chỉ dám mơ tưởng trong khi âu yếm điên cuồng trong căn phòng phụ phía trước ở nhà Steinberg, họ đã phải cố kìm nén những âm thanh để nhận biết thể hiện sự hưng phấn, lạc thú và khoái cảm.

"Em gọi những cây này là gì?" Anh hỏi, giơ tay sờ vào một thân cây. Bỗng nhiên anh trở nên ngượng nghịu, cứ như hồi họ được giới thiệu với nhau trong buổi đầu tập trung giữa các giáo viên trong khoa và anh thấy mình di chuyển cứng đờ, vụng về còn nét mặt thì thiếu tự nhiên đến kỳ cục. Nàng đã khiến anh sửng sờ khi đưa bàn tay nhỏ nhắn của mình ra bắt tay anh, và anh ngỡ ngẩn biết bao vì không biết phải làm gì với nó - sức quyến rũ tỏa ra từ hình hài nhỏ nhắn của nàng làm anh thậm chí không thể nghĩ đến chuyện làm sao để tán tỉnh nàng. Cuộc gặp mặt gây lúng túng đến cùng cực ấy đã khiến chàng trai đã được ông ngoại nuôi dưỡng niềm tin rằng không gì không thể làm với sức mạnh bản thân, chỉ có thể lí nhí câu chào trước một cô gái có cân nặng có lẽ chưa tới bốn mươi lăm cân.

"Cây phong," nàng đáp. "Chúng là phong trắng - phong bạc."

"Một vài chỗ bị tróc vỏ." Anh dễ dàng bóc một lớp vỏ mỏng màu bạc ra khỏi gốc cây và đưa cho nàng xem, trong bóng tối, như thể họ là những đứa trẻ trong chuyến đi dã ngoại.

"Người da đồ dùng vỏ cây phong để làm thuyền," nàng nói với anh.

"Tất nhiên rồi. Thuyền vỏ phong. Anh không bao giờ nghĩ đó là tên của một loài cây."

Hai người không nói thêm một tiếng nào nữa trong khi ngồi nghe tiếng được, tiếng mắt của bộ phim lan trên mặt nước, tiếng sấm xa vời cùng tiếng ếch gần bên và tiếng thịch thịch của một thứ gì đó bên kia hồ đập vào bến tắm hay cầu tàu. Nhịp tim của anh trở nên gấp gáp khi anh chợt nghĩ tới khả năng đó là ông Blomback đang tới chỗ họ bằng một chiếc thuyền khác.

"Sao ở đây không có chim chóc gì hết nhỉ?" Cuối cùng anh cũng lên tiếng.

"Có đấy. Ban đêm chim không hót."

"Không hót hay hót?"

"Ôi, Bucky," nàng thì thầm giọng khẩn cầu, "chúng ta nhất thiết phải tiếp tục như thế này sao? cởi đồ em ra, đi anh. Cởi quần áo em ngay nào."

Sau nhiều tuần xa cách, anh cần nàng bảo anh làm thế.

Anh cần cô gái thông minh này nói mọi điều với anh, thật thế, về cuộc đời bên ngoài sân chơi, bãi tập điền kinh và phòng thể dục. Anh cần mọi người trong gia đình nàng chỉ cho anh biết cách sống của một người đàn ông trưởng thành, điều không ai dạy cho anh, kể cả ông ngoại.

Anh lập tức cởi thắt lưng và hàng khuy chiếc quần soóc của nàng rồi tuột nó rơi xuống đất. Cùng lúc, nàng giơ hai tay lên như một đứa trẻ, anh lấy đi cái đèn pin nàng đang mang trên tay rồi nhẹ nhàng tuột chiếc áo pô-lô của nàng qua đầu. Nàng vòng tay cởi áo ngực trong khi anh đã quỳ gối, và lúc ấy với cảm giác kỳ lạ, có phần xấu hổ, anh kéo quần lót nàng xuống và tuột nó qua hai chân.

"Tất em nữa," nàng nói, lúc ấy đã lấy chân lột bỏ đôi giày thể thao của mình. Anh kéo đôi tất ra và nhét chúng vào giày nàng. Đôi tất nàng rất sạch,

trắng và cũng như tất cả trang phục nàng đang mặc, thoang thoảng mùi thuốc tẩy của phòng giặt trong trại.

Không mặc quần áo, trông nàng nhỏ nhắn và mảnh dẻ, dáng người xinh đẹp, đôi chân gọn, đôi cánh tay thanh mảnh, cổ mảnh mai và cặp vú bé, nằm cao trên ngực nàng, với hai núm vú mềm, nhạt màu, không nhô ra. Cơ thể phụ nữ mảnh mai thanh tú trông mong manh như của con trẻ. Nàng rõ ràng trông không giống một người quen chuyện chăn gối, và cũng không quá xa lạ với điều này. Trong một ngày nghỉ hồi cuối thu khi cả nhà nàng đi nghỉ, khoảng bốn giờ chiều thứ Bảy, lúc những tấm rèm cửa trong buồng ngủ của nàng ở đại lộ Goldsmith được kéo xuống, anh đã lấy đi Sự trắng của nàng - và làm mất của chính mình - rồi nàng đã thì thầm: "Bucky, dạy em làm tình đi," như thể trong hai người nàng ít kinh nghiệm hơn. Họ nằm cạnh nhau trên giường rất lâu sau đó - giường của nàng đây, anh thăm nghĩ, có bốn cọc giường được chạm trổ, một tấm ri-đô vải hoa sặc sỡ và một cái váy xếp nếp mà nàng thường mặc đi ngủ từ khi còn bé - trong khi đó, nàng, với giọng nhỏ nhẹ, cứ như thể còn có ai đó cũng đang ở trong căn nhà trống vắng, nói tới sự may mắn khôn tả của mình là không chỉ có một gia đình tuyệt vời mà còn có Bucky để yêu thương nữa. Rồi anh kể với nàng nhiều chuyện hơn bất cứ lần nào trước đây về thời thơ ấu của anh, anh nói về bản thân với nàng dễ dàng hơn với bất cứ cô gái nào anh từng quen biết, hơn bất kỳ ai anh từng biết, tiết lộ mọi chuyện - những chuyện anh thường chỉ giữ cho riêng mình - về điều làm anh hạnh phúc và điều khiến anh buồn. "Anh là con trai của một kẻ ăn cắp," anh tự nhận và thấy mình có thể nói những lời ấy với nàng mà không hề mảy may xấu hổ. "Ông ấy phải đi tù vì ăn cắp tiền. Ông ấy có tiền án. Anh chưa bao giờ gặp ông. Không biết giờ ông ấy sống ở đâu, thậm chí còn sống hay đã chết. Nếu lúc trước ông ấy nuôi anh, cũng không rõ anh có trở thành một tên trộm không nữa? về phần mình, nếu không có ông bà ngoại như thế, không được sống với những hàng xóm láng giềng như thế," anh bảo nàng, "chắc là trước sau gì anh cũng trở nên một kẻ vô tích sự."

Nằm quay mặt vào nhau trên chiếc giường có bốn cọc màn, họ cùng nhau chuyện trò tới khi trời chạng vạng, rồi tối hẳn, đến khi cả hai đã nói về tất cả mọi thứ và thổ lộ tất thảy những gì họ có khả năng mô tả về bản thân với người kia. Và rồi, cứ như thể mình còn làm anh mê muội chưa đủ, Marcia thì thào vào tai anh điều mà nàng vừa mới học. "Thế chỉ có mỗi cách tình tự như vừa rồi thôi à?"

"ANH," MARCIA THÌ THẦM sau khi anh đã cởi hết quần áo nàng. "Giờ thì đến lượt anh."

Anh nhanh chóng cởi bỏ các thứ trên người và để xuống cạnh nàng chỗ rìa khoảng trống của hai người.

"Để em ngắm anh nào. Ôi, tạ ơn Chúa," nàng bảo và òa khóc. Anh vội kéo nàng vào lòng, nhưng vô ích. Nàng vẫn nức nở không sao kìm nén nổi.

"Sao thế em?" Anh hỏi. "Có chuyện gì thế?"

"Em đã nghĩ là anh sắp chết!" Nàng kêu lên. 'Em đã cho là anh sẽ bị liệt và chết! Em không sao ngủ nổi, em sợ quá. Em thường ra đây mỗi khi rảnh rỗi và cầu nguyện Chúa phù hộ để anh luôn khỏe mạnh. Em chưa bao giờ nhiệt thành cầu nguyện cho ai đến thế. 'Xin hãy bảo vệ Bucky!' Em khóc vì hạnh phúc, anh yêu ạ! Hạnh phúc, quá hạnh phúc! Anh đã ở đây rồi! Anh không mắc bệnh! Ôi Bucky, ôm em chặt vào, ôm em chặt hết cỡ vào! Anh đã an toàn rồi."

KHI HAI NGƯỜI quần áo đã tề chỉnh và sẵn sàng quay về trại, thay vì cho rằng những lời đó là do nàng cảm thấy nhẹ nhõm trong lòng và quên chúng đi thì anh lại không thể ngăn được mình nói ra những điều không nên nói về lời cầu nguyện của nàng với Chúa mà anh đã chối bỏ. Anh biết chẳng có lý do gì để khép ngày trọng đại này bằng việc quay trở lại một đề tài quá ư nhạy cảm, nhất là khi anh chưa từng bao giờ nghe thấy nàng nói như thế trước đây và có lẽ sau này cũng không lặp lại. Đó là một đề tài cực kỳ nguy hiểm vào khoảnh khắc này, và không thích hợp, thực tế là giờ này,

lúc này anh đang ở đây rồi. Song anh không thể kiềm chế được bản thân. Anh đã phải vứt bỏ quá nhiều thứ ở Newark để có thể đè nén những cảm xúc của mình - và anh chỉ mới rời Newark và nạn dịch nơi đó có mười hai tiếng đồng hồ.

"Em có thực lòng cho rằng Chúa đáp lại những lời nguyện cầu của em không?" Anh hỏi nàng.

"Em thực sự không thể nào biết được. Nhưng, chẳng phải anh đang ở đây rồi sao? Chẳng phải anh khỏe mạnh đấy sao?"

"Điều ấy chẳng chứng minh được gì cả," anh nói. "Tại sao Chúa không đáp lại lời cầu nguyện của cha mẹ Alan Michaels? Chắc chắn họ đã cầu nguyện. Cha mẹ Herbie Steinmark chắc chắn cũng đã có cầu nguyện. Họ là những con người tốt. Họ là những người Do Thái tử tế. Tại sao Chúa không can thiệp cho họ chứ? Tại sao Người không cứu giúp những đứa con trai của họ chứ?"

"Thật lòng là em không biết," Marcia tuyệt vọng trả lời.

"Anh cũng không biết. Anh không biết tại sao Chúa lại sinh ra căn bệnh bại liệt. Người muốn chứng tỏ điều gì? Rằng chúng ta cần những con người tàn tật trên trái đất ư?" "Chúa không tạo ra bệnh bại liệt," nàng phản đối. "Em nghĩ là không sao?"

"Vâng," nàng cao giọng, "em nghĩ là không."

"Nhưng chẳng phải Chúa tạo ra mọi thứ đấy sao?" "Hai điều này không giống nhau mà."

"Tại sao lại không chứ?"

"Tại sao anh lại tranh cãi với em hả Bucky? Mà chúng mình tranh cãi chuyện gì thế này? Em chỉ có nói rằng em cầu nguyện Chúa bởi vì em lo sợ cho anh. Và bây giờ anh đang ở đây và em ngập tràn hạnh phúc. Vì chuyện

ấy mà anh biến nó thành một cuộc tranh cãi. Tại sao anh lại muốn cãi nhau với em khi mà cả bao nhiêu tuần nay chúng mình không gặp nhau chứ?"

"Anh không muốn cãi cọ" anh nói.

"Thế thì đừng cãi nữa" nàng đáp, giọng hoang mang hơn là giận dữ.

Lúc này tiếng sấm đã ì ầm đều đặn còn ánh chớp thì lóe lên ngay gần đó.

"Chúng ta phải đi thôi," nàng nói. "Chúng ta phải về trong lúc cơn dông vẫn còn chưa tới."

"Nhưng làm sao một người Do Thái có thể cầu nguyện vị chúa mang đến tai ương nhường ấy cho một cộng đồng hàng nghìn hàng vạn người Do Thái?"

"Em không biết! Chính xác là anh đang muốn đưa chuyện này tới đâu?"

Đột nhiên anh thấy sợ phải nói với nàng - sợ rằng nếu anh cứ khăng khăng ép nàng phải hiểu những gì anh đã hiểu, anh sẽ mất nàng và cái gia đình nhỏ trong tương lai của họ. Trước đây họ chưa bao giờ cãi nhau hay mâu thuẫn bất cứ chuyện gì. Chưa bao giờ, dù chỉ một lần, anh cảm thấy chút đối nghịch mảy may nào trong tình yêu với Marcia - hay trong tình yêu nàng dành cho anh về chuyện này - cho nên, đúng ngay lúc ấy, trước khi anh bắt đầu hủy hoại mọi thứ, Bucky đã kịp kiểm chế bản thân.

Họ cùng nhau kéo chiếc thuyền xuống mép hồ, rồi trong một lúc, không nói với nhau lời nào, cả hai cật lực chèo về khu trại và tới nơi trước khi cơn mưa nặng hạt bắt đầu trút xuống.

DONALD KAPLOW và lũ trẻ đang ngủ khi Bucky bước vào lán Comanche, dò dẫm đi dọc lối hẹp giữa những tủ đựng đồ cá nhân. Nhẹ nhàng một cách tối đa, anh thay bộ pyjama, cất gọn quần áo và chui người vào giữa mớ chăn đệm sạch sẽ trước đây từng thuộc về Irv Schlanger trên chiếc giường anh đã dọn hồi sớm. Anh và Marcia đã chia tay không mấy

vui, và anh vẫn cảm thấy buồn từ lúc họ vội vã hôn tạm biệt nhau nơi cập mạn, lúc ấy mỗi người đều sợ rằng có điều gì khác chứ không phải chỉ có Chúa là nguồn cơn của lần cãi nhau đầu tiên này, rồi cả hai hối hả chạy theo hai hướng ngược nhau về lán của mình.

Tiếng mưa bắt đầu rơi lộp bộp trên mái lán trong lúc Bucky nằm nghĩ tới Dave và Jake đang chiến đấu ở Pháp trong cuộc chiến mà anh bị loại ra ngoài. Anh nghĩ về Irv Schlanger, chàng tân binh đã ngã ngay trên chiếc giường này đêm trước khi nhập ngũ. Thời gian trôi đi và một lần nữa dường như tất cả mọi người đều ra trận chỉ trừ anh. Được nằm ngoài trận chiến, được thoát khỏi nơi máu chảy đầu rơi - tất thảy những điều mà ai khác sẽ xem như một cơ may, thì anh lại thấy như tai ương. Ông đã dạy dỗ anh trở thành một chiến binh không biết sợ, đào luyện anh biết nghĩ một cách đầy trách nhiệm, sẵn lòng và phù hợp để bảo vệ lẽ phải, rồi thay vì đương đầu với cơn vận hạn của thế kỷ, một cuộc xung đột mang tầm vóc toàn cầu giữa thiện và ác, anh lại không thể góp phần mình, dù là nhỏ nhất.

Dù sao anh cũng đã có một cuộc chiến của mình, cuộc chiến mà anh được trả lương trên bãi chiến trường là sân chơi của mình, cuộc chiến mà trong đó anh đã bỏ mặc những người lính chỉ vì Marcia và sự an toàn nơi Indian Hill. Nếu anh không thể chiến đấu ở châu Âu hay Thái Bình Dương, anh ít ra cũng có thể ở lại Newark, chiến đấu với nỗi sợ hãi bại liệt kẻ cận kề nhỏ đang trong mỗi hiểm nguy của mình. Thay vào đó anh lại ở đây, khu trại hè nơi đỉnh ngọn núi biệt lập, tách khỏi thế giới năm cuối một con đường đất hẹp, ẩn mình phía sau màn không khí bằng cả rừng cây - và làm gì nơi đó? Chơi bời với lũ trẻ. Và mãn nguyện với điều đó! Rồi khi anh càng thấy mãn nguyện, nỗi nhục nhã càng lớn hơn.

Mặc cho mưa to như xuyên vào mái trại, biển bãi cỏ sân tập và con đường mòn đầy bụi đất thành một bãi sình lầy rộng lớn ngập ngựa nước, mặc cho tiếng sấm vang vọng qua những ngọn núi và ánh chớp lập lòe chiếu xuống khắp khu trại, không một cậu bé nào ở cả hai dãy giường tỉnh giấc. Căn lán ghép gỗ đơn sơ, ẩm cúng - với những lá cờ đuôi nheo sặc sỡ,

những mái chèo được trang trí cầu kỳ, với những tủ đồ cá nhân dán đầy các miếng dính trang trí và những chiếc giường xếp hẹp dưới gầm để giày da, giày thể thao và dép quai hậu thành hàng, với những thành viên cường tráng đang ngủ an lành, đám thiếu niên trai trẻ khỏe khoắn - dường như cách xa cuộc chiến, cũng như anh ở cách xa cuộc chiến của mình, ở đây anh có tình yêu của hai cô em gái vợ tương lai và tình yêu nồng nàn của người vợ tương lai; ở đây anh có một cậu trai như Donald Kaplow hăng hái truy cầu sự chỉ dạy của anh; ở đây anh có một bến tắm tuyệt vời để điều hành và cả tá cậu trai tràn đầy năng lượng để dạy dỗ và động viên; ở đây, vào cuối ngày, anh có cây cầu nhảy mức cao để tập luyện trong bình yên và tĩnh lặng, ở đây anh được chở che an toàn như với một người tị nạn khỏi kẻ giết chóc đang hoành hành chốn quê nhà. Ở đây anh có mọi thứ mà Dave và Jake không có, những đứa trẻ ở sân chơi Chancellor không có và tất cả cư dân ở Newark không có. Nhưng cái anh không còn có nữa là lương tâm trong sạch mà anh cần để sống.

Anh sẽ phải quay trở lại. Ngày mai anh sẽ đón một chuyến tàu rời ga Stroudsburg và ngay khi về tới Newark, anh sẽ liên lạc với O'Ga-ra, nói với ông ta rằng anh muốn tiếp tục công việc ở sân chơi vào ngày thứ Hai. Bởi ủy ban Giải trí đang trong tình trạng thiếu nhân sự do nhập ngũ, nhận lại việc sẽ không gặp phiền toái gì. Trong mắt tất cả mọi người, anh đã rời sân chơi một ngày rưỡi - và không ai có thể nói rằng một ngày rưỡi đi nghỉ ở vùng núi Pocono là cầu thả hay bỏ trốn cả.

Nhưng liệu Marcia sẽ không coi việc quay lại Newark của anh là một đòn đánh hằn hăm vào nàng, nhất là khi buổi tối trên đảo của họ đã kết thúc không vui vẻ gì? Nếu như anh thu xếp đồ đạc và rời khỏi đây vào ngày mai, hậu quả gì sẽ xảy đến cho kế hoạch của hai người? Anh đã có ý định ngay khi có giờ rỗi sẽ vào thị trấn, mang theo năm mươi đô-la rút từ khoản tiết kiệm dành mua bếp lò cho bà ngoại, để mua tặng Marcia một chiếc nhẫn đính hôn trong cửa hàng nữ trang địa phương... Nhưng anh không cần phải lo lắng - không lo lắng về chiếc nhẫn tặng Marcia, không lo lắng về

việc Marcia sẽ hiểu nhầm lý do anh đi, không lo lắng vì đã rời bỏ ông Blomback trong cơn hoạn nạn, không lo lắng vì sẽ làm cho Donald Kaplow và hai cô em sinh đôi nhà Steinberg thất vọng. Anh đã phạm sai lầm nghiêm trọng. Vội vàng hấp tấp, anh đã đầu hàng nỗi khiếp sợ và dưới phép thuật của nó, anh đã phản bội những cậu bé của mình và phản bội chính anh trong khi tất cả những gì anh cần làm là ở lại nơi anh đang ở và thực hiện công việc của mình. Những nỗ lực tình yêu của Marcia nhằm giải thoát anh khỏi Newark đã khiến anh ngu ngốc hủy hoại chính bản thân mình. Những đứa trẻ ở đây sẽ ổn mà không cần đến anh. Đây không phải là vùng chiến. Indian Hill không phải là nơi cần anh.

Bên ngoài, dường như mưa không còn có thể to hơn được nữa, mưa lớn kỷ lục một cách đáng ngạc nhiên và bắt đầu trút ào ào như thác xuống mái lán dốc, ngập tràn các máng xối và quét ngang các ô cửa sổ đóng chặt thành những mảng nước lớn chảy thẳng xuống. Giả sử trời mưa như thế này ở Newark, giả sử như mưa ở đó mấy ngày không dứt, hàng triệu, hàng triệu giọt mưa rơi xối xả xuống những căn nhà, những ngõ nhỏ và những con đường trong thành phố - nó có quét sạch căn bệnh bại liệt đi chăng? Nhưng tại sao anh lại đi suy xét điều gì đã không và không thể xảy ra chứ? Anh phải về nhà! Lòng anh hồi thúc anh nhóm ngay dậy, bỏ hết đồ đạc của mình vào trong cái túi vải thô để sẵn sàng bắt chuyến tàu sáng đầu tiên. Nhưng anh không muốn đánh thức những cậu bé và khiến cho hành động của mình trông giống như thể anh đang gấp rút chạy khỏi đó trong cơn hoảng loạn. Việc anh hồi hả tới đây đã là hành động trong cơn hoảng loạn rồi. Anh sắp rời đi sau khi khôi phục lại lòng can đảm bởi một kinh nghiệm xương máu mà tính thực tế của nó là không thể chối bỏ, nhưng là một kinh nghiệm mà mức độ nguy hiểm không thể so sánh được với những gì đã đe dọa Dave và Jake khi họ chiến đấu để mở rộng bàn đạp của quân đồng minh trên đất Pháp.

Còn về Chúa, thật dễ dàng để nghĩ tới Người một cách tử tế tại một thiên đường như Indian Hill. Đó là một thứ gì đó khác ở Newark - hay ở châu Âu

hay ở Thái Bình Dương - vào mùa hè năm 1944.

SÁNG HÔM SAU, khung cảnh ướt át của đông tố đã mất dạng, mặt trời thật rạng rỡ, thời tiết như cũng tiếp thêm sinh khí, sự vui vẻ phấn chấn của các cậu bé khi bắt đầu một ngày mới không hề có nỗi sợ hãi nào cũng gợi cho anh nhiều suy tư về việc không còn bao giờ được ngủ giữa những vách lán được dán đầy những lá cờ hiệu của cả tá các trường này nữa. Và đánh cược tương lai hai người bằng việc đột ngột rời bỏ Marcia là một điều quá kinh khủng, không thể suy tính được. Đứng từ hàng hiên căn lán nhìn ra mặt hồ phẳng lặng, sáng loáng, anh chìm đắm thật sâu trong những suy nghĩ về khoảng thời gian cuối ngày đầu tiên của mình, rồi anh nhìn về hòn đảo phía xa xa nơi họ đã chèo thuyền ra đó, làm tình dưới vòm lá phong - anh không thể nào gạt bỏ được điều ấy chỉ sau có một ngày. Ý nghĩ ấy thậm chí còn được củng cố thêm anh khi nhìn thấy những ván sàn nơi lối vào căn lán sũng nước, gió đã tạt những hạt nước mưa văng khắp hàng hiên và xuyên qua cánh cửa ngăn - ngay cả dấu vết bình thường ấy của một trận mưa lớn không hiểu sao cũng góp vào quyết định ở lại của anh. Đứng dưới một bầu trời trong xanh phẳng lặng sau cơn dông, những chú chim riu rít bay lượn trên cao, và ở giữa những cậu bé vui vẻ, hồ hởi như thế này, làm sao anh có thể quyết định khác được chứ? Anh không phải là bác sĩ. Anh không phải là y tá. Anh không thể quay trở lại một nơi bí hiểm mà anh hoàn toàn bất lực không thể thay đổi được gì.

Hãy quên Chúa đi, anh tự nhủ. Kể từ khi nào Chúa trở thành mối bận tâm của anh vậy? Và tự nhủ tiếp tục phận sự mới là việc của mình, anh cùng các cậu bé đi ăn sáng, hít căng lồng ngực không khí vùng núi trong lành không hề ô nhiễm. Trong khi thầy trò họ băng qua con đường đồi dốc cỏ mọc đầy, bốc lên từ mặt đất ướt nước mưa, xộc vào mũi anh là một mùi hương nồng của cỏ ướt, một mùi hương anh mới biết đến lần đầu, và dường như nó chứng thực rằng anh, không thể phủ nhận, đang hào hứng với cuộc đời. Anh đã thường xuyên sống trong căn hộ nơi thành thị cùng bà và chưa bao giờ có cảm giác trên làn da thịt mình có sự hòa trộn giữa ấm áp và mát

lạnh của một sáng tháng Bảy nơi vùng núi, cũng như chưa từng biết đến sự ngập tràn cảm xúc mà nó tạo ra. Có gì đó rất phấn chấn khi được cả ngày làm việc trong khoảng không gian bất tận này, có gì đó rất hấp dẫn trong việc cởi bỏ áo quần Marcia trong bóng đêm nơi đảo vắng cách xa mọi người, có gì đó rất xúc động khi được ngủ dưới bầu trời đầy sấm chớp và tỉnh dậy như trong buổi sáng đầu tiên khi các sinh hoạt của loài người được mặt trời rọi chiếu. Tôi ở đây, anh nghĩ, và tôi hạnh phúc - quả đúng như thế thật, anh thấy phấn khởi, ngay cả khi nghe tiếng lép nhép vang lên sau mỗi bước chân của anh đạp trên thảm cỏ đầm nước. Tất cả đều có ở nơi đây! Yên bình! Tình yêu! Sức khỏe! sắc đẹp! Trẻ em! Công việc! Còn chuyện gì khác phải làm ngoài việc ở lại đây kia chứ? Đúng thế, mọi thứ anh trông thấy, anh ngửi thấy, anh nghe thấy là điềm báo trước cho hình bóng hư ảo ấy, niềm hạnh phúc tương lai.

Chiều ấy, có một sự kiện bất thường, nghe nói, chưa từng bao giờ xảy ra ở khu trại. Một đàn bướm khổng lồ bay rợp trời Indian Hill, và trong khoảng thời gian một giờ đồng hồ giữa chiều, người ta nhìn thấy chúng chập choạng sà xuống, đậu trên khắp các sân chơi, đậu kín trên viền những tấm lưới ở sân tennis và túm tụm trên các cụm cây hoa tai mọc rất nhiều nơi rìa đất của khu trại. Có phải chúng đã bị những cơn cuồng phong trong cơn dông đêm cuốn theo? Có phải chúng đã bị lạc đường trong lúc di trú về phương Nam? Nhưng tại sao chúng lại di trú vào mùa hè, sao lại sớm đến thế? Không một ai, kể cả chuyên viên về thiên nhiên, biết lời giải đáp. Chúng nhất tề xuất hiện như thế để ngắm kỹ lưỡng từng lá cỏ, từng bụi cây, từng thân cây, từng cọng dây leo, từng lá dương xỉ, từng ngọn cỏ dại và từng cánh hoa ở khu trại trên đỉnh núi trước khi định hướng lại và tiếp tục hành trình bay của mình đến nơi chúng định đến.

Trong khi anh đứng dưới ánh mặt trời chói chang nơi bến tắm và quan sát những khuôn mặt ngập trong ánh nắng đang nhấp nhô dưới nước, có một con bướm đậu xuống và bắt đầu nhấm nháp trên bờ vai trần của Bucky.

Thật kỳ lạ! Hút chất khoáng từ những giọt mồ hôi của anh! Thật tuyệt vời! Bucky đứng yên không nhúc nhích, liếc mắt theo dõi con bướm cho tới khi nó đập cánh bay lên và đột ngột biến mất.

Sau đó, khi thuật lại sự việc cho các cậu bé trong lán, anh bảo với chúng rằng con bướm đậu trên vai anh trông như được những người da đỏ phác họa và tô vẽ vậy, hai cánh của nó có được trang điểm bằng những hoa văn màu cam và màu đen, trên rìa cánh màu đen là những chấm trắng li ti cực kỳ tỉ mỉ - điều mà anh không nói với đám trẻ, ấy là anh ngạc nhiên vô cùng trước việc con bướm sặc sỡ hút dinh dưỡng từ da thịt anh và khi nó bay đi anh cho phép mình bán tín bán nghi rằng sự kiện này ắt hẳn cũng là một điềm báo cho những ngày tốt đẹp sắp tới.

Không một ai ở Indian Hill e ngại việc đàn bướm che phủ khu trại và làm giảm sự tươi sáng của không gian. Đúng hơn là, mọi người đều cười thích thú trước tất cả sự di chuyển lặng lẽ, sinh động của chúng, các trại viên và những người phụ trách đều hồi hộp như nhau, cùng có cảm giác bị phủ ngập bởi sự mỏng manh không trọng lượng của hăng hà sa số những đôi cánh sặc sỡ dập dờn. Một vài trại viên đua nhau lao ra khỏi lán cầm theo những vợt bắt bướm chúng tự tay kết và những đứa trẻ nhỏ tuổi nhất khu trại cuồn nhiệt chạy đuổi theo những con bướm đang bay tới bay lui, cố gắng tóm lấy chúng bằng hai bàn tay xò rộng. Tất cả mọi người ai cũng sung sướng bởi lẽ ai cũng biết rằng bướm không cắn người, không phải là tác nhân lây truyền bệnh mà là những sinh vật giúp phân tán phấn hoa làm cho hạt mầm cây cỏ phát triển. Còn có thể có điều gì tốt lành hơn thế nữa?

Phải, sân chơi ở Newark đã ở phía sau lưng anh. Anh sẽ không rời khỏi Indian Hill. Ở đó anh chỉ là môi ngon của bại liệt; ở đây anh là thức ăn cho bướm. Tính cách dao động - một nhược điểm tệ hại trước đây anh chưa từng biết đến - chẳng mấy chốc sẽ hủy hoại tính cách quả quyết trước những việc cần phải hoàn thành ở nơi anh.

TỚI THỜI ĐIỂM này của mùa hè, những bé mới tập bơi ở trại dành cho con trai đã thông thạo động tác thở ra dưới nước, nổi úp mặt và ít nhất bơi được kiểu chó; nhiều đứa còn tiến xa hơn, đang ở giai đoạn đầu luyện bơi ngửa và trường sấp, vài đứa mới tập đã nhảy xuống nơi nước sâu và bơi được khoảng sáu mét đến chỗ nước nông của hồ. Anh có năm người phụ tá trong nhóm, và mặc dù họ có vẻ giỏi trông nom lũ con trai ở đủ mọi lứa tuổi cũng như dạy giáo trình bơi dưới sự coi sóc của anh, ngay từ ngày đầu tiên, Bucky vẫn tự mình tìm ra và đưa xuống nước rèn giũa thêm những đứa mà mấy phụ tá kín đáo gọi là "các bao cát", những cậu chàng ít tự tin nhất, học chậm nhất và những cậu chàng thiếu khả năng tự nổi trong nước. Anh đi dọc cầu tàu đến bến tắm nước sâu nơi một anh phụ trách đang dạy những cậu bé lớp lớn nhảy cầu; anh cũng dành thời gian cho lũ nhỏ đang vật lộn học bơi bướm; nhưng thường là anh sẽ quay về với những đứa nhỏ hơn rồi xuống nước với chúng, dạy chúng động tác vươn tay, quạt nước và đạp chân, lấy hai tay nâng chúng và nói vài lời rằng thầy ở ngay đây và chúng sẽ không gặp nguy hiểm khi bị sặc một mồm nước, chứ đừng nói đến việc bị chìm ngấm một mình. Cuối ngày ở bến tắm, đúng y như khi anh bắt đầu ở Panzer hồi trước, không thể có công việc nào sung sướng hơn cho một người đàn ông là dạy một cậu bé một môn thể thao, cùng với những lời chỉ dẫn căn bản, sự an toàn và lòng tự tin rằng tất cả điều này là cần thiết và giúp bé vượt qua nỗi sợ trước điều mới mẻ, dù đó là bơi hay đâm bốt, bóng chày.

Một ngày đầy bận rộn với vô số thứ xảy đến. Trước bữa tối anh nhận nụ hôn mừng đón từ đôi môi ướt át của cặp sinh đôi, chúng đã chờ anh ở bậc thềm cổng vào nhà ăn và rú lên: "Thơm cái nào! Thơm cái nào!" khi anh xuất hiện trong tầm mắt, và sau bữa tối anh đã hứa với Donald Kaplow là sẽ chỉ cho cậu cách nhảy cầu. Rồi, lúc chín giờ ba mươi, đi ra đảo vắng với vợ chưa cưới. Nàng đã để một tin nhắn nữa trong phong bì ở phòng làm việc của ông Blomback. "Nửa nhé. Tìm em. M." Anh đã thu xếp với Carl nhờ cậu chở ra Stroudsburg lúc nào đó trong tuần để mua nhẫn đính hôn cho Marcia.

Khoảng nửa tiếng sau bữa tối, khi đám con trai trong lán đang có hiệp đấu thử trò bóng mềm trên sân, anh và Donald đi xuống bến tắm để Donald biểu diễn kỹ thuật nhảy cầu ván cho Bucky xem. Donald khởi đầu với kiểu nhảy thuận [3](#), một cú nhảy ngược [4](#) và rồi một cú nhảy dao gấp thuận [5](#).

"Tốt lắm!" Bucky bảo cậu. "Tôi không hiểu sao cậu lại nghĩ có gì sai ở những động tác nhảy ấy."

Donald mỉm cười trước lời khen nhưng vẫn hỏi: "Chạy đà của em có đúng không? Động tác bật cao của em đúng chưa?"

"Cậu yên tâm, đúng rồi đấy," Bucky nói. "Cậu biết phải làm gì và cậu làm được. Cậu nhảy chân vuông kiểu mới. Đầu tiên phần thân trên cong vào còn chân giữ nguyên. Rồi phần thân dưới nâng lên trong khi đầu và tay giữ ổn định. Đúng trong từng động tác. Cậu có nhảy được kiểu lộn ngược không [6](#)? Chúng ta cùng xem nào. Cẩn thận cái ván nhảy đấy."

Donald là một vận động viên nhảy cầu bẩm sinh và Bucky không thấy cậu ta mắc một lỗi nào trong cú nhảy lộn ngược đó. Sau cú nhảy, khi Donald nhô lên và đang gạt mớ tóc khỏi mắt, người còn ngâm dưới nước, Bucky gọi cậu ta: "Một cú xoay người mạnh mẽ và đẹp. Cậu có tư thế gập người ôm chân [7](#) đẹp và rất khít. Thời điểm, thăng bằng - mọi thứ đều tuyệt."

Donald leo lên cầu tàu, và khi Bucky ném cho cậu ta một cái khăn tắm, cậu liền lau khô người. "Ở đây có lạnh quá không?" Bucky hỏi "Cậu có lạnh không?"

"Không, không lạnh chút nào," Donald đáp.

Mặt trời vẫn chiếu rọi và bầu trời mênh mông vẫn xanh trong nhưng nhiệt độ đã hạ xuống gần đến mười độ kể từ lúc ăn tối. Thật khó tin là chỉ mấy ngày trước anh và lũ trẻ nơi sân chơi đã phải chịu đựng thời tiết oi bức mà chính nó ấp ủ mầm mống của trận dịch đang hủy diệt thành phố của anh và làm mọi người khiếp sợ. Anh choáng váng nhận ra rằng trên này hết thảy

mọi thứ đã thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp hơn. Giá như ở Newark nhiệt độ có thể hạ xuống thấp như ở đây và giữ ở mức này cho đến hết tháng Bảy và Tám!

"Cậu đang rét run cả người kìa," Bucky bảo. "Mai cũng giờ này hai ta sẽ tiếp tục nhé. Thế được không?"

"Nhưng làm ơn để em tập động tác nhảy lộn xuôi 8 bây giờ đã nhé. Em sẽ nhảy kiểu đó từ cuối cầu nhảy," Donald nói, và cậu ta đứng vào vị trí, hai tay giơ ra trước, khuỷu tay cố định, hơi khuỵu chân. "Đây không phải kiểu nhảy em thạo nhất," cậu nói.

"Hãy tập trung," Bucky hướng dẫn. "Giơ tay lên rồi gập người lại và ôm chặt lấy chân."

Donald đã sẵn sàng, quay mặt ra phía hồ và cậu bật cao, lộn người trên không, và rơi xuống với chân xuống trước, làm nên một cú tiếp nước thẳng đứng kinh điển.

"Em nhảy có sai không?" Donald hỏi ngay khi vừa trôi lên mặt nước. Cậu phải lấy tay che nắng chiều và ánh chói lóa lấp loáng của nó đi qua mặt nước để nhìn Bucky rõ hơn.

"Không," Bucky nói. "Có một giây lát hai tay cậu buông khỏi hai chân, nhưng điều ấy không quan trọng lắm." "Thế ạ? Để em nhảy lại lần nữa," cậu vừa nói vừa bơi sải về phía cầu thang. "Để em làm cho đúng các động tác." "Được, nhà vô địch ạ," Bucky vừa nói vừa cười và gấn cho Donald cái biệt danh mà anh đã được gán hồi còn là một thằng nhóc đường phố có cặp tai nhọn, trước khi ông ngoại bước vào cuộc sống của anh rồi đổi tên cho anh theo nghĩa tốt đẹp. "Một cú nhảy lộn xuôi cuối cùng rồi chúng ta vào thôi."

Lần này, từ lúc bước chân lên ván nhảy, Donald bắt đầu lấy đà như thường lệ, giậm nhảy và hoàn thành cú nhảy một cách thành thạo. Hai bàn

tay cậu dịch chuyển từ cẳng chân lên đến hai bên đầu gối rồi đến hai bên bắp đùi một cách hoàn hảo.

"Tuyệt!" Bucky nói khi cậu nổi lên mặt nước. "Độ cao tuyệt hảo, động tác lộn người xuất sắc. Chính xác và đầy thuyết phục từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc. Tất cả những lỗi mà cậu nói mình phạm phải đâu? Cậu không mắc phải bất cứ một lỗi nào hết."

"Thầy Cantor," Donald phẫn khích nói trong lúc trèo trở lại bến, "để em biểu diễn cho thầy xem động tác xoắn nửa người 9 và dao gấp ngược 10 rồi mình hăng về. Để em hoàn thành chuỗi các động tác ấy đi thầy. Em không lạnh đâu, thật đấy."

"Nhưng tôi thì lạnh," Bucky vừa nói vừa cười, "mà người tôi đã khô và tôi đã mặc áo vào rồi đấy nhé."

"Ôi trời," Donald đáp trả, "đấy là sự khác biệt giữa tuổi mười bảy và hai mươi tư."

"Hai mươi ba," Bucky nói, lại cười phá lên, thật không thể hài lòng hơn thế này - hài lòng với Donald và tính bền bỉ của cậu và tràn đầy mãn nguyện khi biết rằng Marcia và hai cô em sinh đôi chỉ ở cách đó vài bước chân. Điều ấy gần như thể họ đã là một gia đình. Như thế Donald, chỉ nhỏ hơn anh sáu tuổi, là con trai của anh và Marcia, có vẻ phi lý quá, Donald mà lại là cháu trai của cặp sinh đôi kia. "Này," anh nói, "nhiệt độ đang hạ từng phút. Chúng ta còn có cả mấy tháng hè trước mặt để luyện tập ở đây cơ mà." Và anh quảng cho Donald cái áo lạnh dài tay để mặc và cẩn thận, anh bắt cậu quấn khăn ngang thân người ướt nhẹp của cậu.

Chậm chạp leo lên dốc về lán, Donald nói: "Em muốn gia nhập không lực của hải quân lúc được mười tám tuổi. Bạn thân của em đã vào đó từ một năm trước rồi. Chúng em viết thư cho nhau suốt. Nó kể em nghe về việc huấn luyện. Gian khổ lắm. Nhưng em muốn ra chiến trường trước khi chiến tranh kết thúc. Em muốn bay chiến đấu với bọn Nhật. Em đã muốn làm thế

kể từ sau trận Trân Châu Cảng. Chiến tranh bùng nổ khi em mười bốn tuổi, đủ lớn để biết chuyện gì đang diễn ra và để muốn làm gì đó có ích. Em muốn ở trong quân ngũ khi bọn Nhật đầu hàng. Ngày ấy mới tuyệt làm sao."

"Tôi hy vọng cậu sẽ có cơ hội ấy," Bucky bảo.

"Điều gì khiến thầy không ở trong quân ngũ thế, thầy Cantor?"

"Thị lực của tôi. Cái này này." Anh gõ gõ móng tay vào mắt kính. "Tôi có hai người bạn thân đang chiến đấu ở Pháp. Họ nhảy dù xuống bãi biển Normandy vào ngày D. Tôi ước gì mình có thể ở đó cùng với họ."

"Em theo dõi chiến sự trên Thái Bình Dương," Donald nói. "Trận chiến ở châu Âu bây giờ diễn biến nhanh lắm. Đây là khởi đầu ngày tàn của bọn Đức. Nhưng ở Thái Bình Dương, vẫn còn nhiều trận phải chiến đấu. Tháng trước, ở quần đảo Mariana, chúng ta đã phá hủy một trăm bốn mươi máy bay Nhật trong hai ngày. Thử hình dung được ở đấy trong hai ngày đó mà xem."

"Còn rất nhiều trận đánh ở cả hai mặt trận," Bucky nói với cậu. "Cậu sẽ không bị lỡ dịp đâu."

Khi họ leo lên đến các bậc thang dẫn đến khu lán Comanche, Donald hỏi: "Thầy có thể xem những động tác nhảy cầu còn lại vào tối mai, sau bữa tối, được không ạ?"

"Chắc chắn là được chứ."

"Cảm ơn thầy Cantor đã dành cho em suốt ngần ấy thời gian."

Và trên hàng hiên của lán, Donald hơi ngập ngừng chìa tay ra bắt tay anh - một nghi thức trang trọng hơi bất ngờ với mục đích bày tỏ sự biết ơn. Mới có một buổi ở cầu nhảy mà anh và cậu ta đã như những người bạn lâu năm, mặc dù trong lúc đứng đó cùng Donald vào cuối một ngày mùa hè

tuyệt đẹp, trong Bucky vẫn nhói nhói nghĩ về tất cả những cậu bé mà anh đã bỏ rơi ở sân chơi. Dù đã cố gắng để cảm thấy hân hoan trước mọi thứ nơi đây, anh vẫn chưa thể chiến thắng hoàn toàn mặc cảm về hành động không thể tha thứ của mình là buông bỏ cái nơi mà anh không còn được kính trọng nữa.

TRONG KHOẢNG THỜI GIAN từ lúc chia tay Donald đến khi sửa soạn đi gặp Marcia, anh tới trạm điện thoại phía sau văn phòng khu trại để gọi cho bà. Có lẽ anh sẽ không nói chuyện được với bà vì hẳn bà đang ngồi trong chiếc ghế bành rộng ở ngoài trời nói chuyện với nhà Einneman và nhà Fisher, song ngẫu nhiên sao dù được dự báo rằng trời sẽ nóng trở lại vào ngày hôm sau, thành phố cũng đã trở mát trong suốt hai mươi tư giờ nên giờ bà có thể ngồi trong căn hộ của gia đình để nghe chương trình ưa thích trên đài phát thanh với các cửa sổ mở rộng và chiếc quạt điện chạy vù vù. Bà hỏi anh khỏe không, Marcia cùng cặp sinh đôi thế nào, và khi anh báo với bà rằng mình và Marcia chuẩn bị đính hôn, bà bảo: "Bà không biết nên cười hay khóc, Eugene của bà ạ."

"Cười chứ bà," anh nói, phá lên cười.

"Ừ, bà hạnh phúc thay cho cháu, cháu yêu," bà bảo, "nhưng bà ước gì mẹ cháu còn sống để nhìn thấy điều này. Bà chỉ ước là nó còn sống để thấy cậu con trai mình đã nên người ra sao. Bà ước gì ông cũng ở đây. Ông sẽ vui mừng xiết bao vì chàng trai của ông. Thật đáng tự hào, ái nữ của bác sĩ Steinberg cơ đấy."

"Cháu ước gì ông cũng có mặt, bà ngoại ạ. Ở đây cháu vẫn nghĩ về ông," Bucky nói. "Hôm qua cháu đã nghĩ đến ông trong lúc lao từ cầu nhảy mức cao xuống. Cháu nhớ ông đã dạy cháu bơi như thế nào ở Y [11](#). Lúc ấy cháu khoảng sáu tuổi. Ông ném cháu xuống bể và thế là dạy bơi đấy. Bà khỏe không bà? Nhà Einneman trông nom cho bà có tốt không?"

"Tất nhiên là tốt. Cháu đừng lo về bà. Nhà Einneman rất nhiệt tình, và bà dù sao cũng có thể tự lo liệu được. Eugene, bà phải nói chuyện này với cháu. Có thêm mười ba ca bại liệt mới ở khu Weequahic. Bảy mươi chín trên toàn thành phố chỉ trong ngày hôm qua. Mười chín chết. Báo cáo tổng hợp. Và có thêm ca mắc bại liệt mới ở sân chơi Chancellor. Selma Shankman điện thoại cho bà. Cô ấy báo tên mấy thằng bé và bà đã ghi lại."

"Đứa nào thế bà?"

"Để bà đi lấy kính. Để bà đi lấy tờ giấy ấy đã," bà đáp. Mấy người phụ trách đang xếp hàng bên ngoài trạm điện thoại để chờ được gọi điện, và anh ra dấu cho họ qua tấm kính rằng anh sẽ chỉ nói vài phút nữa thôi. Cũng trong khi ấy, anh chờ đợi để nghe những cái tên mà lòng lo lắng. Sao trẻ lại bị liệt, anh thầm nghĩ. Sao một căn bệnh lại khiến lũ nhỏ tàn tật? Sao lại hủy hoại những đứa trẻ không ai thay thế nổi? Chúng là những đứa bé tuyệt vời nhất trên đời. "Eugene ơ?"

"Dạ cháu đây."

"Rồi. Tên đây. Mấy thằng bé phải vào viện. Billy Schizer và Erwin Frankel. Và một đứa chết."

"Đứa nào chết ạ?"

"Một cậu bé tên là Ronald Graubard. Nó bị ốm và chết chỉ trong một đêm. Cháu biết nó chứ?"

"Cháu biết, bà ạ, vâng. Cháu biết nó ở sân chơi và ở trường. Cháu biết tất cả đám chúng nó. Ronnie đã chết. Cháu không sao tin nổi."

"Bà tiếc là phải nói cho cháu biết," bà ngoại anh nói, "nhưng bà nghĩ, bởi vì cháu đã gần gũi với tất cả những cậu bé ấy, cháu sẽ muốn biết tin."

"Bà nói phải ạ. Tất nhiên là cháu muốn được biết." "Trong thành phố có những người đang kêu gọi cách ly khu Weequahic. Văn phòng ông thị trưởng có bài nói chuyện về một lệnh cách ly," bà bảo anh.

"Một lệnh cách ly toàn bộ khu Weequahic hả bà?"

"Ừ. Đặt rào chắn để không ai có thể đi vào hay ra. Họ sẽ cấm tuyến xe buýt Irvington và Hillside và rồi chặn ở đại lộ Hawthorne và ở đại lộ Elizabeth. Trên báo tối nay đã đăng thế. Họ thậm chí còn in cả một cái bản đồ." "Nhưng ở đó cả hàng chục ngàn người, những người đang có công ăn

việc làm và phải đi đến nơi làm việc. Họ không thể nhốt mọi người lại như thế chứ phải không ạ?" "Tình hình tệ lắm rồi Eugene. Mọi người phần nộ lắm. Người ta hoảng loạn. Tất cả đều lo sợ cho lũ trẻ của họ. Tạ ơn Chúa là cháu đang ở xa. Các tài xế xe buýt tuyến số tám và số mười bốn tuyên bố rằng họ sẽ không lái xe vào khu Weequahic cho tới khi phát cho họ mặt nạ bảo vệ. Vài người còn nói dù có thế nào họ cũng sẽ không lái vào. Bưu chính không muốn phát thư đến đây. Những người lái xe tải chở hàng tới các cửa hiệu, các quầy tạp hóa, tới các cây xăng, và những nơi khác cũng không muốn vào. Người lạ lái xe qua thì kéo hết cửa kính xe lên mặc cho trời bên ngoài có nóng ra sao đi nữa. Những kẻ bài Do Thái thì nói là bởi người Do Thái mà bại liệt lan rộng ở đó. Bởi tất cả người Do Thái - nên Weequahic trở thành trung tâm của chứng liệt bại và bởi thế người Do Thái phải bị cách ly. Có kẻ nói như thế họ nghĩ rằng cách tốt nhất để tiêu diệt dịch bại liệt là đốt bỏ Weequahic cùng tất cả người Do Thái bên trong. Có vô số sự bất mãn xuất phát từ những thứ điên khùng mà người ta đang nói ra khi sợ hãi... Bởi lòng sợ hãi và nỗi hận thù của họ. Bà sinh ra ở thành phố này, và cả đời bà chưa từng thấy chuyện như thế bao giờ. Cứ như thế mọi thứ, mọi nơi đang sụp đổ vậy."

"Dạ vâng, chuyện tệ hại quá," anh nói, bỏ nốt đồng xu cuối cùng vào máy.

"Này Eugene, ôi - bà suýt quên mất. Họ sẽ đóng cửa các sân chơi. Vào ngày mai. Không chỉ Chancellor mà tất cả trên toàn thành phố."

"Họ ạ? Nhưng ông thị trường đã được tham vấn là duy trì mở cửa mà."

"Báo tối nay nói thế. Tất cả các điểm tập trung trẻ em sẽ phải đóng cửa. Nó đang ở ngay trước mặt bà đây. Các rạp chiếu phim sẽ cấm trẻ em dưới mười sáu tuổi. Bể bơi thành phố cũng sẽ đóng cửa. Các mục sư sẽ đóng cửa lớp học giáo lý. Báo nói vậy đấy. Các trường học có lẽ sẽ không khai giảng đúng ngày nếu tình hình cứ thế này. Bà đọc cho cháu nghe đoạn mở đầu nhé: 'Có khả năng rằng các trường công

"Nhưng mà báo có nói cụ thể gì về các sân chơi không hả bà?"

"Không. Chỉ có một danh sách những nơi ông thị trưởng sẽ cho đóng cửa."

Vậy là nếu anh ở lại Newark thêm vài ngày nữa, anh sẽ không bao giờ phải bỏ việc. Thay vào đó anh sẽ được cho nghỉ, tùy ý làm những gì mình muốn và đi đến những nơi mình thích. Giá như ở lại, anh sẽ không bao giờ phải điện thoại cho O'Ga-ra và phải lãnh những lời nặng nề của ông ta. Giá như ở lại, anh sẽ không bao giờ phải bỏ lũ trẻ mà đi, không phải ngoái lại và dẫn vật về hành vi không thể bào chữa được của mình.

"Đây. Nhan đề đây. 'Số liệu các ca bại liệt trong ngày trên toàn thành phố. Thị trưởng đóng cửa các địa điểm.' Liệu bà có phải gửi cháu bài này không? Bà cắt nó ra nhé?" "Thôi, thôi. Bà ơi, có mấy người phụ trách đang phải đợi để gọi điện, với lại cháu không còn tiền xu nữa rồi. Cháu phải đi đây. Tạm biệt bà nhé."

MARCIA ĐANG ĐỢI anh cạnh lối vào nhà ăn, cả hai đều mặc áo len dày hòng chống chọi với cái lạnh bất thường, và cùng nhau, họ lên xuống bến tắm, lấy thuyền và khởi hành băng ngang hồ, xuyên qua lớp sương mù đang dâng cao, âm thanh duy nhất vang lên trong không gian tĩnh mịch ấy là tiếng oàm oạp mỗi khi mái chèo nhúng xuống nước. Đến đảo, họ chèo men tới rìa bên kia, kéo lê xuống lên bờ. Marcia đã mang theo một cái chăn. Anh phụ nàng rũ nó ra và trải xuống khoảng đất trống.

"Có chuyện gì thế anh?" Nàng hỏi. "Chuyện nghiêm trọng hả?"

"Bà ngoại vừa báo tin cho anh. Sau một đêm, có bảy mươi chín ca bệnh mới ở Newark, ba mươi ở Weequahic, ba ở sân chơi. Hai ca nhập viện và một ca tử vong. Ronnie Graubard. Một cậu bé nhanh nhẹn, nhỏ người, sáng sủa, rất sắc sảo, nó đã chết."

Marcia nắm tay anh. "Em không biết phải nói sao, Bucky. Thật là khủng khiếp."

Anh ngồi xuống tấm chăn và nàng ngồi cạnh anh. "Anh cũng không biết phải nói gì," anh nói với nàng.

"Giờ chẳng phải lúc đóng cửa sân chơi sao?" Nàng hỏi. "Ừ. Họ đã đóng cửa nó rồi. Họ đã đóng cửa tất cả các sân chơi."

"Khi nào thế?"

"Kể từ ngày mai. Ông thị trưởng sẽ cho đóng cửa hết, bà anh bảo thế."

"Ôi, đấy không phải là việc tốt nhất cần phải làm sao? Lẽ ra ông ấy phải làm như thế từ lâu rồi."

"Lẽ ra anh phải ở lại đó, Marcia. Cho tới khi nào sân chơi còn mở cửa, lẽ ra anh không nên rời đi."

"Nhưng nó chỉ mở thêm có một ngày sau khi anh tới đây mà."

"Anh bỏ đi. Chẳng nói được gì nữa. Sự thật là sự thật. Anh đã bỏ đi."

Anh kéo nàng sát lại phía mình. "Đây," anh nói. "Năm đây với anh," rồi anh siết chặt cơ thể nàng vào người mình. Họ ôm nhau, không nói lời nào. Anh không biết hay không nghĩ ra được chuyện gì để nói nữa. Anh đã bỏ đi trong khi tất cả những cậu bé của anh ở lại và giờ đây có thêm hai đứa trẻ nữa bị ốm và một đứa chết.

"Anh đã thường xuyên nghĩ tới chuyện này kể từ lúc anh tới đây phải không? Việc anh bỏ đi ấy?"

"Nếu ở Newark, anh sẽ tới dự đám tang của Ronnie. Nếu ở Newark, anh sẽ tới thăm gia đình cậu bé. Nhưng anh lại đang ở đây."

"Anh vẫn có thể tới thăm họ khi anh quay về mà." "Không giống nhau."

"Nhưng cho dù có ở lại đi nữa thì anh có thể làm được gì chứ?"

"Vấn đề không phải ở chỗ làm gì - mà là phải có mặt ở đó! Lẽ ra lúc này anh nên ở đó, Marcia! Thế mà anh lại đang ở trên đỉnh núi, ở giữa hồ!"

Họ ôm nhau và im lặng. Phải cỡ mười lăm phút đã trôi qua. Tất cả những gì Bucky có thể nghĩ tới chỉ là tên của đám trẻ, tất cả những gì anh có thể trông thấy là khuôn mặt của chúng: Billy Schizer. Ronald Graubard. Danny Kopferman. Myron Kopferman. Alan Michaels. Erwin Frankel. Herbie Steinmark. Leo Feinswog. Paul Lippman. Arnie Mesnikoff. Tất cả những gì anh có thể nghĩ tới chỉ là cuộc chiến ở Newark và những cậu bé mà anh đã bỏ rơi.

Phải mất mười lăm phút nữa trôi qua, họ vẫn không nói lời nào. Marcia phá vỡ sự im lặng, nàng khẽ khàng nói với anh. "Những vì sao thật ấn tượng. Anh không bao giờ nhìn thấy những vì sao như thế này ở nhà đâu. Em dám cá đây là lần đầu tiên anh mới thấy một bầu trời đêm đầy sao như thế này."

Anh lặng thinh.

"Nhìn kìa," nàng nói, "khi những cái lá lay động, ánh sao sẽ lọt qua vòm cây. Và mặt trời," ngừng một chút, nàng nói tiếp, "hồi chập tối, anh có trông thấy mặt trời lúc bắt đầu lặn không? Dường như nó ở rất gần với khu trại. Như một cái chiêng và anh có thể vươn người, đập tay được vào nó. Tất cả ở trên đây thật là rộng lớn," nàng nói, vẫn tiếp tục một cách vô hiệu, gắng giúp anh thoát khỏi những cảm giác không đáng có, "và chúng ta thì bé nhỏ." Phải rồi, anh nghĩ, và có thứ còn bé nhỏ hơn chúng ta. Loài vi-rút hủy hoại mọi thứ.

"Nghe kìa anh," Marcia nói. "Suyt, anh nghe thấy không?" Có một buổi sinh hoạt tại sảnh giải trí hồi đầu giờ tối, các trại viên ở lại để dọn dẹp chắc đã đặt một đĩa nhạc vào máy quay đĩa cho có bầu có bạn trong lúc chúng thu gom các vỏ chai sô-đa và quét nhà, những đứa trẻ còn lại cùng với người phụ trách của mình đã trở về lán sửa soạn đi ngủ. Vọng qua mặt hồ tối đen tĩnh lặng là bản nhạc mùa hè yêu thích của Marcia. Đó là bài hát

phát ra từ máy hát tự động trong quán Syd's vào cái ngày Bucky tới nhà Alan chia buồn, cũng là ngày anh được anh chàng phục vụ quầy Yushy cho biết tin Herbie đã chết.

"Rồi em sẽ gặp lại anh," Marcia dịu dàng hát anh nghe, "ở tất cả những nơi chốn quen thuộc ngày xưa Và nàng nhóm dậy, lôi anh đứng lên cùng với mình, kiên quyết không để cho tinh thần của anh suy sụp thêm nữa - và không biết phải làm gì khác - nàng kéo anh vào các bước nhảy.

"Đó là điều mà trái tim em ôm ấp, " nàng hát, má kề sát ngực anh, "suốt ngày dài..." Và giọng nàng vang lên một cách quyến rũ lúc ngân từ "dài."

Làm theo ý nàng, anh âu yếm ôm nàng trong vòng tay và dìu đi chậm chậm theo nhạc quanh khoảng rừng trống họ đã tạo ra cho riêng mình, anh nhớ tới cái đêm trước ngày nàng lên đường tới Indian Hill hồi cuối tháng Sáu, đêm ấy họ đã nhảy cùng nhau giống như thế này theo tiếng nhạc phát ra từ ra-đi-ô nơi phòng phụ nhà nàng. Đêm đó họ chỉ quan tâm đến việc Marcia sẽ phải đi xa suốt cả mùa hè.

"Trong quán cà-phê nhỏ ấy, " nàng hát, giọng nàng mỏng và khê, "vườn hoa bên kia đường..."

Ở trên đảo, giữa khu rừng nhỏ toàn thân phong nghiêng ngả, như Marcia đã giải thích, chúng như vậy do phải hứng chịu thời tiết mùa đông khắc nghiệt ở vùng núi Pocono, hai người họ ôm chặt nhau bằng những cánh tay không bị liệt, cùng nhau lắc lư theo điệu nhạc trên những đôi chân không bị liệt, áp sát hai thân người không bại liệt với nhau và lúc này họ chỉ có thể nghe loáng thoáng lời bài hát - "... tất cả mọi thứ đều sáng ngời và rực rỡ... nghĩ tới anh... khi đêm mới tới... sẽ gặp lại anh" - trước khi tiếng hát im bật. Có ai đó bên kia hồ đã nhắc cần máy quay đĩa lên rồi tắt máy, các bóng đèn trong sảnh giải trí đồng loạt tắt và họ nghe thấy tiếng đám trẻ chào nhau: "Ngủ ngon! Ngủ ngon nhé!" Và rồi ánh đèn pin nhấp nháy, từ sàn khiêu vũ trên đảo, anh và Marcia trông thấy ánh đèn lập lòe đây đó khi mỗi đứa

trẻ - an toàn, khỏe mạnh, không sợ hãi, không thương tật - theo lối mòn trở về các căn lán.

"Chúng ta có nhau," Marcia thì thầm, tháo cặp kính của anh ra và hôn tới tấp lên khuôn mặt anh. "Cho dù có chuyện gì xảy ra trên đời này đi nữa, chúng ta vẫn có được tình yêu của nhau. Bucky, em hứa, em sẽ luôn hát cho anh nghe, yêu thương anh và dù có chuyện gì đi nữa, em sẽ luôn ở bên cạnh anh."

"Ừ," anh nói với nàng, "chúng ta vẫn có được tình yêu của nhau." Nhưng điều ấy có tạo nên khác biệt gì, anh nghĩ, với Billy, Erwin và Ronnie? Điều ấy có tạo nên khác biệt gì với gia đình của chúng? Ôm hôn và nhảy như những thiếu niên tương tự, phớt lờ mọi chuyện - điều ấy có thể làm được gì cho ai không?

VỀ TỚI LÁN CỦA MÌNH - tất cả đang ngủ như chết sau một ngày dài hoạt động - anh thấy một mẫu giấy của Donald trên giường, ghi: "Gọi cho bà." Điện thoại cho bà? Nhưng anh vừa nói chuyện với bà có mấy tiếng đồng hồ trước mà. Anh vội vã ra cửa và chạy xuống trạm điện thoại, lòng tự hỏi không rõ có chuyện gì với bà và thậm chí lẽ ra anh không bao giờ được bỏ bà lại một mình để đến khu trại. Tất nhiên là bà không thể tự lo cho mình, bà hay tức ngực mỗi khi cố mang đồ lên cầu thang. Anh đã bỏ bà lại một thân một mình và giờ có chuyện gì đó đã xảy đến.

"Bà ơi, cháu Eugene đây. Có chuyện gì thế? Bà có khỏe không ạ?"

"Bà khỏe. Có tin mới. Nên bà phải gọi đến trại. Bà không muốn báo cho cháu, nhưng bà nghĩ cháu muốn biết ngay tức thì. Không phải tin vui đâu, Eugene. Nếu không bà đã không gọi điện thoại đường dài như thế. Thật là tai họa. Bà Garozik vừa điện thoại báo từ thành phố Elizabeth vài phút trước. Muốn nói chuyện với cháu."

"Jake," Bucky nói.

"Ừ," bà nói. "Jake chết rồi."

"Sao? Thế là thế nào?"

"Trong khi làm nhiệm vụ ở Pháp."

"Cháu không tin. Nó là đứa không thể chết. Nó vững chãi như thành đồng. Nó cao một mét chín mươi và nặng cả tạ. Nó tràn trề sinh lực. Nó không thể chết được!" "Tiếc rằng đó lại là sự thật, cháu yêu. Mẹ nó nói nó bị giết trong khi chiến đấu. Ở một thị trấn giờ bà cũng không nhớ tên. Lẽ ra bà phải viết ra. Eileen đang ở đó với gia đình." Bà nhắc đến Eileen một lần nữa khiến anh choáng váng. Jake đã gặp Eileen McCurdy ở trường trung học, và cô trở thành người yêu Jake trong suốt những năm cậu ta học ở Panzer. Cặp này sẽ làm đám cưới và định cư ở Elizabeth ngay khi cậu giải ngũ trở về.

"Thằng bé to cao và với tư cách tốt nhường ấy," bà anh vẫn đang nói. "Jake là một trong những cậu bé khá nhất mà cháu kết bạn. Giờ bà có thể nhìn thấy nó, đang ngồi ăn ở ngay trong cái bếp này buổi đầu tiên cháu đưa nó về nhà ta ăn tối. Có cả Dave nữa. Jake nó lúc ấy đòi ăn ‘Món Do Thái.’ Nó đã ăn mười sáu cái bánh khoai tây rán." "Nó thế đấy. Vâng, cháu còn nhớ mà. Và mấy bà cháu mình cười vui, tất cả chúng ta cười sảng khoái." Lúc này nước mắt đang ròng ròng trên khuôn mặt Bucky. "Dù gì thì Dave cũng còn sống. Dave Jacob còn sống."

"Bà cũng không thể nói chắc, cháu yêu. Không sao biết chắc chắn được. Bà cũng cho là thế. Bà mong là thế. Bà chưa nghe thấy gì nữa. Nhưng theo tin tức tối nay, chiến sự ở Pháp không thuận lợi. Đài nói có rất nhiều người chết. Đánh nhau với quân Đức ác liệt ghê lắm. Nhiều người chết và nhiều người bị thương."

"Cháu không thể mất cả hai thằng bạn được," Bucky yếu ớt đáp, và sau khi treo máy, anh không về lán mà đi xuống bến tắm. Ở đó, dù có đợt không khí lạnh mới tràn về, anh vẫn ngồi trên cầu nháy, nhìn đăm đăm vào khoảng tối, thầm lặp đi lặp lại những biệt hiệu danh tiếng của Jake trên trang thể thao của báo trường - Võ sĩ Jake, Jake Lớn, Jake miền núi... Không thể hình

dung Jake chết, anh bèn tưởng tượng bản thân mình chết, cách này chả giúp được gì, dầu sao cũng khiến anh thôi khóc.

Khoảng nửa đêm, anh quay xuống cầu tàu, nhưng thay vì lên đồi về khu lán, anh quay ngược lại và một lần nữa theo lối đi lát gỗ tới cầu nhảy. Anh cứ tiếp tục bước như vậy cho tới khi ánh hừng đông bắt đầu rọi chiếu mặt hồ, và anh nhớ vào lúc tờ mờ sáng giống thế này, một người thân đã qua đời khác của anh, ông ngoại, sẽ thường uống một tách trà nóng - mùa đông thì pha thêm một chút rượu schnapps - trước khi đi chợ Phố Mulberry mua hàng hóa cho ngày hôm đó. Khi được nghỉ học, thỉnh thoảng Bucky cũng đi cùng ông.

Anh vẫn phải cố sức kìm nén để quay trở lại lán trước khi có người thức dậy, trước lúc lũ chim trên cây bắt đầu cất tiếng hót. Bình minh đã lên trên khu trại Indian Hill. Chẳng mấy chốc nơi đó sẽ rì rầm những giọng nói non nớt vọng ra từ các căn lán và rồi tiếng la hét vui tươi sẽ cất lên.

MỖI TUẦN một lần, Đêm hội da đỏ được tổ chức tách riêng cho trại nam và trại nữ. Vào lúc tám giờ tối, tất cả các cậu bé cùng tới khu đất rộng thoáng dang cao hơn mặt hồ và ngồi thành một vòng tròn quanh đồng lửa trại, ở ngay tâm vòng tròn là một cái hõm đất được lát bằng những viên đá phẳng. Những khúc gỗ được xếp thành các lớp ngang rồi dọc xen kẽ theo kiểu lán-gỗ [12](#), càng lên trên càng nhỏ dần, thành một đồng gỗ cao khoảng gần một mét tính từ hai khúc gỗ lớn và nặng ở dưới cùng. Chắn quanh là một vòng các hòn cuội nhỏ đủ kiểu. Cách rào chắn bằng đá cuội này chừng hai mét rưỡi đến ba mét là những băng ghế dành cho trại viên xếp thành hình tròn. Đó là những khúc gỗ bổ đôi, được gác lên các bệ đá, mặt phẳng hướng lên trên, tạo thành bốn vòng tròn đồng tâm và chia ra ba khu vực. Dây ghế cuối cùng cách bờ rừng khoảng sáu mét. Ông Blomback gọi cách sắp xếp ấy là Vòng tròn bộ tộc và buổi họp mặt hằng tuần ở khu đất đó là Đại hội bộ tộc.

Ở rìa Vòng tròn bộ tộc là một cái lều nón rộng hơn và được trang trí công phu hơn so với cái lều dựng tại lối vào khu trại. Đó là Lều bộ tộc,

giăng trên đỉnh là những dải băng màu đỏ, xanh lá cây, vàng, xanh sẫm, đen, tất cả các dải băng ấy đều có đường viền phía dưới là hai màu đỏ và đen. Còn có một cây cột tổ, đỉnh được khắc chạm đầu một con đại bàng và phía dưới, nhô ra hai cánh chim dang rộng, cứng chắc. Đen, trắng và đỏ là ba sắc màu chủ đạo của cây cột tổ, trong đó trắng và đỏ là hai màu tượng trưng cho hai phe thường thi đấu đối kháng ở trại. Cây cột tổ cao khoảng bốn mét rưỡi, bất cứ ai ở dưới thuyền trên mặt hồ ngẩng đầu lên đều có thể trông thấy, ở hướng tây, bên kia hồ, nơi những cô bé đang tổ chức Đêm da đỏ của trại mình, mặt trời bắt đầu lặn và Đại hội bộ tộc sẽ kết thúc đúng vào lúc bóng đêm bao trùm tất cả khu trại. Chỉ còn nghe loáng thoáng tiếng lách cách dọn dẹp bếp sau bữa tối vọng ra từ nhà ăn, lúc này dưới đáy hồ là màn trình diễn sắc màu của bầu trời, một khối nham thạch hòa quyện màu vàng sẫm và hồng nhạt với màu đỏ thẫm như máu, báo hiệu một ngày đang dần kết thúc. Một buổi chiều mùa hè đa sắc màu đang trôi chậm chậm trên Indian Hill, một món quà hấp dẫn của vị thần đường chân trời, nếu quả có một vị thần như thế trong đền thờ của người da đỏ.

Các cậu bé và những người phụ trách chúng - tối ấy ai cũng là một "chiến binh da đỏ" - đến dự Đại hội bộ tộc trong những bộ trang phục hầu hết được làm thủ công. Ai cũng buộc một dải băng có đính hạt trên đầu, mặc quần áo dài có rua kiểu người da đỏ - thực ra, áo là áo sơ-mi, quần là quần bó được đính thêm tua rua dọc theo hai đường may bên ngoài, và đi giày đan của thổ dân, một vài đôi được cắt từ da thuộc trong các cửa hàng đồ thủ công và phần lớn là giày da mềm được gắn hạt và đính rua nơi mắt cá chân như giày đan. Rất nhiều cậu bé gắn lông chim - nhổ từ bộ lông chim chúng tìm thấy trong rừng - trên dải băng đeo quanh đầu, có một số đứa buộc quanh bắp tay mình, phía trên khuỷu tay khoảng dăm phân, dải băng có đính hạt và nhiều đứa mang theo những mái chèo có sơn các biểu tượng bằng ba màu đỏ, đen và trắng như trên cây cột tổ. Những đứa khác quàng cung trên vai - những cái cung không có tên - mượn từ lều cung nỏ, và một vài đứa mang theo những cái trống mô phỏng kiểu trống của thổ dân, mặt trống được căng bằng da dê và dùi trống được gắn hạt thủ công

chỗ tay cầm. Có vài ba đứa thì cầm lục lạc trong tay, đó là những ống bơ đựng bột nở làm bánh bở đầy đá cuội bên trong. Mấy cậu bé trại viên nhỏ tuổi nhất lấy chân quấn quanh người giả làm váy người da đỏ, sẵn tiện giúp cho chúng được ấm khi nhiệt độ hạ lúc trời về tối.

Bộ trang phục thổ dân da đỏ của Bucky được giáo viên phụ trách đồ thủ công giúp gom góp mà thành. Cũng giống như mọi người, anh lấy bột cao trét lên mặt cho làn da thẫm lại giống màu da người da đỏ, và trên hai má anh vẽ hai vạch chéo khác màu nhau - "mặt nạ chiến đấu" - một bên màu đen vẽ bằng than và bên kia màu đỏ vẽ bằng son môi. Anh ngồi cạnh Donald Kaplow, còn các cậu bé khác trong lán Comanche thì ngồi dọc theo trên những ghế băng xa hơn. Ở chỗ nào cũng như chỗ nào, các cậu bé nói chuyện ồn ào và đùa giỡn cho tới khi có hai trại viên từ dưới hàng ghế mang theo hai cái trống da dê bước đến chỗ vòng đá cuội bao quanh đồng gỗ lửa trại, hai cậu đứng đối diện nhau, bắt đầu trình trọng đập mạnh vào mặt trống trong khi những ai mang lục lạc thì lắc, mỗi người một nhịp điệu, không ai giống ai.

Rồi tất cả xoay người nhìn về phía chiếc lều nón. Từ trong ô cửa ô-van, ông Blomback bước ra, đầu đội một cái mũ thổ dân gắn đầy những cọng lông chim màu trắng có chỏm nâu, đuôi mũ ở phía sau dài xuống tận dưới thắt lưng. Áo dài quần bó ông mặc, và ngay cả đôi giày đanh ông mang đều được trang sức một cách tỉ mỉ kỹ lưỡng bằng những tua rua da dê, những dải băng đính hạt, và những búi tóc dài trông giống như của tóc đàn ông nhưng gần như chắc chắn đó là những sợi tóc của phụ nữ được mua từ cửa hàng bán đồ rẻ tiền. Một tay ông cầm một cây gậy - "Gậy chiến tranh của tù trưởng Blomback vĩ đại đấy", Donald thầm thì - trên gắn rất nhiều lông chim, và trong tay kia là cây tấu hòa bình, một ống gỗ dài, cuối ống có gắn nõ làm bằng đất sét và dọc thân tấu có buộc những cọng lông chim.

Tất cả các trại viên đều đứng trong lúc ông Blomback từ căn lều bước ra, ông đi từng bước chậm rãi cho tới khi ra đến chính giữa Vòng tròn bộ tộc. Tiếng trống, tiếng lục lạc ngừng cả lại và mọi người ngồi xuống.

Ông Blomback đưa cây gậy chiến tranh và cây tẩu hòa bình cho hai tay trống, rồi khoanh hai tay trước ngực vẻ rất kịch, ông đưa mắt một vòng nhìn các trại viên đang ngồi xung quanh. Bọt cao được trét dày tuy không che được hoàn toàn vết hằn nhô cao của ông, nhưng trông ông giống một tù trưởng thực sự đến kinh ngạc. Đã hàng bao nhiêu năm qua, ông chào các chiến binh theo kiểu của thổ dân da đỏ - đưa cánh tay phải lên cao, lòng bàn tay hướng về phía trước - và các chiến binh sẽ cùng nhau đáp lại bằng cách đồng thanh gầm lên một tiếng "Hừm!" Nhưng kiểu chào này đã phải hủy bỏ do sự ra đời của Đức quốc xã, với bọn chúng, cử chỉ này có nghĩa là "Hiel Hitler!"

"Khi con vượn người đầu tiên đứng thẳng trên hai chân và bước đi," Ông Blomback cất lời, "- đó là con người! Sự kiện vĩ đại này được biểu tượng hóa và đánh dấu bằng việc nhóm lên đống lửa đầu tiên."

Donald quay về phía Bucky thì thào: "Tuần nào bọn em cũng phải nghe bài này. Lũ nhỏ chả hiểu gì. Em đồn rằng cũng không tệ hơn những gì diễn ra trong giáo đường." "Hàng triệu năm qua," ông Blomback nói tiếp, "loài người đã quan niệm ngọn lửa phúc lành này là cứu cánh và là biểu tượng của ánh sáng, ấm áp, chở che, đoàn kết, bộ tộc." Ông ngừng lời bởi tiếng ồn động cơ một chiếc máy bay đang bay qua khu trại. Hồi này máy bay thường qua đây bất kể giờ giấc. Từ khi chiến tranh bùng nổ, một căn cứ không quân đã được mở cách đó chừng hơn một trăm cây số về phía bắc, và Indian Hill nằm trên đường bay của nó.

"Tất thảy những điều thiêng liêng theo quan niệm cổ đại" Ông Blomback nói, "về tổ ấm, cuộc sống gia đình, cội nguồn được đặt ở tâm điểm vùng sáng của ngọn lửa, và sợi dây gia đình bền chắc tự nó sẽ yếu đi cùng với sự tàn lụi của ngọn lửa gia đình. Chỉ có ngọn lửa thiêng nhóm bằng củi cổ xưa mới có khả năng đánh đúng và làm rung lên sợi dây ký ức nguyên sơ. Người bạn cùng nhóm lửa chiếm được cảm tình của em, và cùng cắm trại với nhau trong yên bình - cùng có niềm cảm khái trước cảnh mặt trời sớm mai, ánh chiều, những vì sao, vầng trăng, bão tố, cảnh hoàng

hôn, bóng tối đêm đen - mỗi đồng cảm của các em là sự gắn kết bền vững của một tập thể, tuy nhiên cuộc đời bên ngoài của các em vẫn riêng tư.

Ông dang hai tay hướng về phía đám đông, và các trại viên đồng thanh đáp lại tạo thành một dòng hợp âm: "Anh lửa trại là tâm điểm của mọi cộng đồng cổ xưa. Chúng ta sẽ không lãng quên phép màu của nó."

Đội trống lúc này bắt đầu gõ nhịp trống thổ dân, và Donald thì thào với Bucky: "Một sử gia về người da đỏ. Seton gì đó. Đây là người ông ấy tôn thờ. Những lời đó là của ông này. Ông Blomback dùng cùng tên thổ dân với Seton: Sói đen. Ông ấy không nhận thấy tất cả những thứ đó chả có ý nghĩa gì."

Kế đó, một người mang mặt nạ hình một con chim mỏ to ở hàng đầu tiến tới đồng củi đã được chuẩn bị sẵn để châm lửa đốt. Anh ta cúi đầu chào ông Blomback và rồi hướng về phía các trại viên.

"Meetah Kola nayhoon-po omnicheeyay nee-chopi. "

"Đó là pháp sư của bọn em," Donald thì thào. "Tên anh ấy là Barry Feinberg."

"Hãy lắng nghe, những người bạn của tôi," pháp sư tiếp tục, dịch câu thổ ngữ mới nói sang tiếng Anh. "Chúng ta sắp sửa tập hợp thành một bộ tộc."

Một cậu bé đứng ở đầu hàng bước lên phía trước vài bước, cầm trong tay vài miếng gỗ, một miếng hình cây cung, một miếng khác hình cây gậy dài khoảng ba mươi phân có một đầu vót nhọn, và vài mẫu nữa nhỏ hơn. Cậu đặt tất cả xuống đất cạnh người pháp sư.

"Bây giờ chúng ta sẽ đốt đồng lửa bộ tộc," pháp sư nói, "theo cách của những đứa trẻ miền đồng rừng, chứ không phải cách của người da trắng, nghĩa là - giống như Wakonda tự tay nhóm đồng lửa của mình - bằng cách chà xát hai cái cây vào nhau trong một cơn dông, nào hãy bước tới gần đồng lửa thiêng được tạo nên từ cây rừng đây."

Pháp sư quỳ xuống, nhiều trại viên đứng dậy quan sát cách anh ta dùng cây cung và cây gậy dài, vót nhọn cùng các mẫu gỗ nhỏ cố đánh lửa.

Donald thì thào nói với Bucky: "Công đoạn này cũng mất một lúc đấy."

"Liệu nó có cháy không?" Bucky thì thầm hỏi.

"Thủ lĩnh Sói đen có thể làm trong ba mươi một giây. Với các trại viên thì khó khăn hơn. Đôi khi họ phải chịu thua và làm theo cách của đám người da trắng vô dụng là đánh một que diêm."

Một số trại viên đứng lên ghế băng để nhìn cho rõ hơn. Sau vài phút, ông Blomback lẳng lặng bước tới bên pháp sư, làm điệu bộ, vừa nói, vừa kín đáo chỉ dẫn cho anh ta.

Tất cả phải chờ thêm mấy phút nữa rồi tiếng hò reo vang lên giữa đám trại viên, lúc đầu chỉ là làn khói nhẹ và rồi một chấm lửa, khi pháp sư hà hơi thổi, nó bùng lên thành ngọn lửa nhỏ trong mớ bụi nhùi lá gỗ thông khô và vụn bào vỏ cây phong. Rồi khúc gỗ dưới cùng bén lửa và các trại viên đồng thanh hát: "Ánh lửa, ánh lửa, ánh lửa, bùng lên! Những ngọn lửa, những ngọn lửa, những ngọn lửa, quay tròn! Làn khói, làn khói, làn khói, bốc lên!"

Khi ấy, cùng tiếng trống nhuộm màu tang tóc theo nhịp to-nhỏ-nhỏ-nhỏ phát ra từ hai cái trống thổ dân, cuộc nhảy múa bắt đầu: người Mohawk vừa nhảy vừa ngậm rắn trong mồm, người Seneca đóng giả tuần lộc, người Oneida với điệu nhảy chó kéo xe, người Hopis nhảy múa cầu mưa theo điệu con bò, người Sioux với vũ điệu giậm cỏ. Trong một điệu nhảy những chiến binh da đỏ hăng hái bật nhảy lên cao, trong một điệu khác họ bước đi nhón gót xen kẽ nhảy lò cò theo kiểu cứ một bước đi thì nhảy lò cò hai lần, ở điệu nhảy thứ ba họ mang những nhánh gạc tuần lộc dang trước, làm từ những cành cây cong queo gắn vào nhau. Đôi khi họ hú hét như bầy sói rồi có lúc họ lại sủa ăng ăng như đàn chó, và vào lúc cuối, khi trời tối hẳn và chỉ có ánh sáng của đồng lửa rọi chiếu vòng tròn người, hai mươi trại viên, ai cũng trang bị một cây chùy và đeo chuỗi tràng hạt có xen kẽ những vuốt thú, tập

hợp trong ánh lửa để đi săn tìm Mishi-Mokwa, biệt hiệu Gấu lớn 13. Vào vai Mishi-Mokwa là cậu bé to cao nhất trại, nằm ở giường đối diện Bucky bên kia lối đi giữa lán, Jerome Hochberger. Cả người quần trong một chiếc áo choàng lông cũ kỹ của mẹ một trại viên khác, Jerome còn kéo chiếc áo trùm lên trên đầu cậu ta.

"Ta là Mishi-Mokwa không hề biết sợ đây," từ trong chiếc áo Jerome phát ra tiếng gầm gừ. "Ta, là gấu xám núi vĩ đại, là chúa tể của tất cả thảo nguyên miền tây đây."

Người cầm đầu của đám săn lùng cũng từ lán của Bucky, Shelly Schreiber. Trong tiếng trống âm ỉ phía sau và ánh lửa lấp loáng trên gương mặt sơn phết của mình, Shelly nói: "Đây là những chiến binh tinh nhuệ của chúng ta. Chúng tôi đang săn tìm Mishi-Mokwa, hãn ta là Gấu lớn của những rặng núi, hãn cướp phá vùng biên cương của chúng ta. Chúng tôi chắc chắn sẽ tìm ra và tiêu diệt hãn."

Tới đây nhiều đứa trẻ bắt đầu hô: "Diệt hãn! Diệt hãn! Diệt Mishi-Mokwa!"

Những chiến binh săn lùng hú vang hiệu lệnh xung phong, rồi nhảy múa như thể họ là những con gấu đứng bằng hai chân sau. Rồi cả toán bắt đầu đánh hơi trên mặt đất tìm kiếm dấu vết Gấu lớn để lại. Khi họ tìm thấy ông ta, Gấu lớn gầm lên dữ dội và ngân dài, khiến cho các cậu bé đang ngồi gần đó hét toáng vì hoảng sợ.

"Này, hỡi Mishi-Mokwa," thủ lĩnh toán săn lùng đồng dục, "bọn ta đã tìm thấy ngươi. Nếu như ngươi không lộ mặt ra trước khi ta đếm đến một trăm, đi đến đâu ta cũng sẽ rêu rao rằng ngươi là kẻ hèn nhất."

Bất thành linh, Gấu lớn nhảy xổ tới trước mặt những người săn tìm, và trong tiếng reo hò mừng rỡ của các trại viên, toán săn tìm bắt đầu dùng gậy chiến tranh được bọc vải thô nện ông ta túi bụi, không thương xót. Khi Gấu lớn nằm sõng soài trên mặt đất trong chiếc áo khoác lông thú, những chiến

binh da đỏ nhảy múa xung quanh Mishi-Mokwa, từng người lần lượt nắm lấy bàn chân to lớn không còn sự sống của ông ta và hét lớn: "Hâu! Hâu! Hâu!" Tiếng reo hò cổ vũ của các trại viên vẫn tiếp tục đầy phấn khích, vô cùng thích thú khi chính mình được ở giữa người sát hại và kẻ bị sát hại.

Tiếp theo, hai người phụ trách, một nhỏ người và một cao lớn, trong vai Lông vũ ngắn và Lông vũ dài, kể một loạt những câu chuyện cổ tích về loài vật khiến cho mấy đứa trẻ nhỏ giả vờ sợ hét toáng lên, và rồi ông Blomback, tháo cái mũ của mình ra, đặt nó xuống bên cạnh cây tẩu hòa bình và cây gậy chiến tranh, bắt nhịp cho các cậu bé hát bài hát quen thuộc của khu trại trong khoảng hai mươi phút, bằng cách ấy ông đưa lũ trẻ trở lại trạng thái bình thường sau sự kích động của vở kịch về người da đỏ. Sau khi hát xong, ông nói: "Và đây là những tin tức quan trọng về cuộc chiến trong tuần qua. Đây là những gì diễn ra ở một nơi xa thật xa Indian Hill. Ở Ý, quân đội Anh phá vỡ phòng tuyến trên sông Arno và đã vào đến Florence. Trên Thái Bình Dương, quân đội Mỹ đột kích và giành lại được đảo Guam. Thủ tướng Tojo

"Ê! Ê, Tojo!" Một nhóm các cậu trai lớn tuổi hét lớn.

"Toji, thủ tướng Nhật," ông Blomback tiếp tục, "bị hất cẳng khỏi chức vụ lãnh đạo quân đội Nhật. Ở Anh, Thủ tướng Churchill -"

"Hây, Churchill!"

" - tiên đoán rằng cuộc chiến chống lại quân Đức có thể kết thúc sớm hơn dự kiến. Và ở ngay đây, ở thành phố Chicago, bang Illinois, như nhiều người trong số các bạn đây đã biết, Tổng thống Roosevelt được Đại hội toàn quốc của đảng Dân chủ đề cử giữ tiếp vai trò tổng thống nhiệm kỳ thứ tư."

Quá nửa số trại viên đứng thẳng người dậy, hét vánh: "Hoan hô! Hoan hô Tổng thống Roosevelt!" trong khi một đứa gõ diên cuồng chiếc trống thổ dân còn một đứa khác khua lục lạc.

"Và bây giờ," ông Blomback nói tiếp sau khi mọi âm thanh đã lắng xuống, "ghi nhớ rằng các quân đoàn Mỹ đang chiến đấu ở châu Âu và trên Thái Bình Dương, ghi nhớ rằng tất cả các em, cũng như tôi, đều có người thân đang phục vụ trong quân ngũ, bài hát trước khi kết thúc buổi lửa trại này sẽ là *"câu Chúa phù hộ cho nước Mỹ."* Chúng ta dành tặng bài hát này cho tất cả những ai đêm nay đang ở ngoài xa kia, chiến đấu cho đất nước mình." Sau khi hát xong bài *"câu Chúa phù hộ cho nước Mỹ"*, các cậu bé dang hai tay có gắn tua rua trên áo, khoác lên vai nhau, rồi một hàng các trại viên cùng nhau đứng lắc lư theo một hướng trong khi hàng phía trước và hàng phía sau - theo hướng ngược lại, chúng hát bài *"Cho tới ngày chúng ta gặp lại nhau,"* một bài hát vui về tình bạn mang lại sự gắn bó cho mỗi Đêm hội da đỏ. Trong Đêm hội da đỏ cuối cùng kết thúc mùa nghỉ, nhiều trại viên trở về nhà trong nước mắt.

Trong lúc ấy, chỉ riêng mình Bucky rơi nước mắt khi hát bài *"Câu Chúa phù hộ cho nước Mỹ"*, ký ức về người bạn thân hồi học cao đẳng không rời khỏi tâm trí anh kể từ lúc anh nghe được tin báo tử của cậu bạn trên chiến trường Pháp. Bucky đã cố hết sức dự trọn buổi lễ diễn ra quanh đồng lửa trại cũng như lắng nghe những lời thầm thì chen ngang của Donald ngồi bên cạnh, nhưng tất cả suy nghĩ của anh chỉ xoay quanh cái chết của Jake, cuộc đời của Jake và tất cả những sự kiện có thể xảy ra trong đời Jake nếu bạn anh còn sống. Trong lúc các cậu bé săn đuổi Gấu lớn, Bucky nhớ tới hôm giao lưu giữa các sinh viên cao đẳng trên toàn bang mùa xuân năm 1941, lần ấy Jake không chỉ lập kỷ lục của trường Panzer mà còn là kỷ lục của tất cả các trường cao đẳng trên đất Mỹ với thành tích đẩy tạ được 17.14 mét. Làm sao cậu đẩy xa được đến thế - một phóng viên tờ Star-Ledger của thành phố Newark đã hỏi Jake. Cười toét miệng - rồi liếc nhanh về phía Bucky và chiếc cúp có gắn hình một vận động viên đẩy tạ nhỏ xíu bằng đồng ở trên đỉnh, vào thời điểm quả tạ vừa rời khỏi tay - Jake trả lời anh ta. "Dễ mà," cậu nói kèm theo một cái nháy mắt. "Vai trái nhô cao, vai phải nhô cao hơn, khuỷu tay phải cao hơn nữa, và bàn tay phải là cao nhất. Tư

thế là vậy. Cứ theo như thế mà làm còn quá tạ sẽ tự bay." Dễ dàng. Mọi thứ với Jake đều dễ dàng.

Chắc chắn cậu ấy sẽ tham dự môn đẩy tạ trong Thế vận hội Olympic, sẽ cưới Eileen ngay khi trở về nhà, sẽ kiếm được việc là huấn luyện viên trong trường đại học... với tất cả tài năng đó, có thứ gì có thể ngăn được cậu ấy chứ?

Ngồi quanh đống lửa trại Dưới những vì sao sáng,

Đêm nay chúng ta gặp gỡ nhau trong tình bè bạn.

Ngồi quanh gần những tán cây xào xạc Giữ gìn những ký ức quý báu của chúng ta.

Và như thế, trước khi nhắm mắt chìm vào trong giấc ngủ Hãy trịnh trọng hứa với nhau rằng chúng ta sẽ giữ cho Tình bạn ở Indian Hill thật sâu đậm,

Cho tới ngày chúng ta gặp lại nhau.

Sau khi hát xong bài ca chia tay, các trại viên bắt cặp làm quen và kết bạn với nhau rồi từ các hàng ghế đang ngồi, chúng theo chân các phụ trách viên của mình tới vây quanh đống lửa trại đã được hai người phụ trách trẻ tuổi dập tắt. Khi ánh đèn pin lấp loáng đưa chân các cậu bé trở về lán mất hút trong rừng cây tối thẫm, bỗng một hiệu lệnh xung phong được phát ra từ chỗ các trại viên vừa rời gót, và một số ít các cậu bé nhỏ tuổi choàng chăn quanh mình vẫn còn ngây ngất bởi những câu thần chú bên ngọn lửa sáng rực hò hét phấn khích "Hâu! Hâu! Hâu!" Có một vài đứa tự dùng đèn pin chiếu hắt từ cằm trở lên trong lúc làm điệu bộ nhăn nhó và trợn trừng mắt tạo ra những khuôn mặt yêu quái để hù dọa nhau lần cuối cùng trước khi Đêm hội da đỏ kết thúc. Một giờ đồng hồ gần kết trong Đêm hội mang đến những tiếng cười lớn và tiếng khúc khích của đám trẻ đội lại từ lán này qua lán khác, ngay cả khi mọi người đều đã ngủ, mùi gỗ cháy vẫn lan tỏa, tràn ngập khắp khu trại.

SAU SÁU NGÀY YÊN BÌNH tiếp theo - những ngày đẹp nhất từ trước đến giờ ở khu trại, ánh nắng tháng Bảy tràn ngập khắp nơi, sáu ngày hạ chí tuyệt đẹp ở khu trại hè trên núi này, ngày nào cũng đẹp như ngày nào - rạng sáng ngày thứ Bảy, vào lúc ba giờ sáng, ở trong lán Comanche, có tiếng chân lê bước nặng nề đi vào nhà vệ sinh. Giường Bucky nằm ở cuối dãy, ngay cạnh nhà vệ sinh, và khi anh tỉnh giấc thì nghe có tiếng người đang nôn ọe trong đó. Anh với tay lấy cặp kính của mình dưới gầm giường và nhìn dọc lối đi giữa nhà để xem đó là ai. Giường trống là của Donald. Anh ngồi dậy và ghé sát cánh cửa nhà vệ sinh, khẽ nói: "Bucky đây. Cậu cần gì không?"

Donald yếu ớt đáp: "Em ăn phải cái gì rồi. Chắc sẽ khỏe thôi." Nhưng ngay sau đó cậu ta lại ọe tiếp, và Bucky, trong bộ pyjama cứ ở đứng cuối giường của mình để chờ Donald ra khỏi phòng vệ sinh.

Gary Weisberg, nằm ở giường sát với Donald, đã tỉnh, trông thấy Bucky đang ngồi, chống khuỷu tay nhồm dậy thì thào: "Có chuyện gì thế ạ?"

"Donald. Bị đau bụng. Cứ ngủ đi."

Sau cùng Donald cũng bước ra và Bucky một tay đỡ khuỷu còn tay kia quàng qua hông dìu cậu về giường. Anh đắp chăn và bắt mạch cho cậu.

"Bình thường," Bucky nói nhỏ. "Cậu thấy trong người. thế nào?"

Mắt nhắm nghiền, Donald đáp. "Nôn hết ra rồi. Lạnh quá."

Bucky để tay lên trán Donald thấy hâm hấp sốt. "Cậu có muốn tôi đưa tới trạm xá không? Sốt và lạnh. Có lẽ cậu phải gặp y tá."

"Em sẽ khỏe mà," Donald nói giọng yếu ớt. "Chỉ cần ngủ."

Nhưng đến buổi sáng, Donald yếu tới độ không thể bước ra khỏi giường để đánh răng, Bucky lại đặt tay lên trán cậu và bảo: "Tôi sẽ đưa cậu đến bệnh xá."

"Chắc là cảm cúm," Donald bảo. "Nhảy cầu khi trời lạnh." Cậu ta cố mỉm cười. "Không thể đổ tại là không được nhắc."

"Cũng có thể vì lạnh. Nhưng cậu vẫn đang sốt và giờ cậu phải nằm ở bệnh xá. Có thấy đau không? Có chỗ nào đau không?"

"Đầu."

"Đau lắm à?"

"Cũng đau."

Các cậu bé trong lán đã đi ăn sáng mà không có Donald và Bucky. Khởi mắt thì giờ để Donald thay quần áo, Bucky khoác vội chiếc áo choàng tằm ra ngoài bộ pyjama của cậu tính dìu cậu đi dép lê xuống bệnh xá nhỏ ở gần lối vào khu trại hè. Một trong số hai y tá của Indian Hill chắc đang trực ở đó.

"Để tôi đỡ cậu dậy nhé," Bucky bảo.

"Em tự đứng dậy được mà," Donald nói. Nhưng khi cậu cố đứng, thì không nổi, và rồi đột ngột, cậu ngã ngửa xuống giường.

"Chân em," cậu thốt lên.

"Chân nào? Cả hai chân à?"

"Chân phải của em. Cứ như bị liệt ấy."

"Mọi người sẽ đưa cậu đến bệnh viện."

"Tại sao em không đi được thế này?" Giọng Donald đột nhiên run run sợ hãi. "Sao em không cử động được chân?" "Tôi không rõ," Bucky bảo cậu ta. "Nhưng bác sĩ sẽ tìm ra nguyên nhân và giúp cậu đi lại được trên đôi chân của mình. Cậu cứ chờ mà xem. Cố gắng bình tĩnh. Tôi đi gọi một chiếc xe cấp cứu."

Anh chạy hết tốc lực xuống đồi tới văn phòng của ông Blomback, thăm nghĩ, Alan, Herbie, Ronnie, Jake - còn chưa đủ sao? Giờ là cả Donald ư?

Giám đốc khu trại đang ở nhà ăn dùng bữa sáng với các trại viên và những người phụ trách. Bucky chuyển sang đi bộ khi anh bước vào nhà ăn và nhìn thấy ông Blomback ngồi trên chiếc ghế quen thuộc ở chiếc bàn trung tâm. Đây là một trong những buổi sáng yêu thích của các trại viên - nhà bếp làm món bánh kẹp và có thể ngửi thấy mùi của những dòng si-rô gồ thích chảy tràn trên đĩa ăn các trại viên. "Thưa ông Blomback," anh nói nhỏ, "ông có thể ra ngoài một chút không? Có chuyện khẩn."

Ông Blomback đứng dậy và hai người cùng đi ra khỏi cửa rồi bước thêm vài bước trước khi Bucky nói. "Tôi nghĩ rằng Donald bị mắc bại liệt. Tôi đã để cậu ấy nằm ở trên giường. Một chân bị liệt bại. Cậu ấy đau đầu. Sốt và dậy nôn mửa hồi đêm. Tốt nhất là chúng ta gọi xe cấp cứu," "Không, xe cứu thương sẽ làm náo động tất cả mọi người. Để tôi đưa cậu ấy tới bệnh viện bằng xe riêng của tôi. Cậu có chắc đó là bệnh bại liệt không?"

"Chân phải của cậu ấy bị liệt," Bucky đáp. "Cậu ấy không đứng dậy được. Cậu ấy đau đầu. Có đủ các triệu chứng. Nghe không giống bệnh bại liệt sao?"

Bucky chạy ngược lên đồi trong lúc ông Blomback đi lấy xe, lái theo sau rồi đậu bên ngoài căn lán. Lấy một cái chăn quấn quanh người Donald, Bucky cùng với ông Blomback, mỗi người giữ một bên, giúp cậu rời khỏi giường, ra ngoài hàng hiên trông xuống hồ. Trong khoảng thời gian Bucky rời khỏi lán, chân trái chưa bị liệt của Donald đã yếu hẳn đi, vì thế cả hai chân cậu lê thõng phía sau khi Bucky và ông Blomback xốc cậu xuống cầu thang đưa vào trong xe.

"Đừng kể với ai vội," ông Blomback nói với Bucky. "Chúng ta không muốn đám trẻ hoảng loạn. Chúng ta không muốn các phụ trách viên hoảng loạn. Bây giờ tôi sẽ đưa cậu ấy đến bệnh viện. Ở đó tôi sẽ điện thoại cho gia đình cậu ấy."

Khi Bukcy nhìn Donald đang nằm dài trên băng ghế sau trong xe, mắt nhắm nghiền và bắt đầu phải cố hết sức để hít thở được, anh nhớ tới tối thứ Hai bên hồ, cậu đã nhảy cầu thậm chí còn tự tin hơn, gọn gàng hơn và lấy thăng bằng tốt hơn so với tối trước; anh nhớ lại vẻ khỏe mạnh, cường tráng của cậu, anh nhớ sau khi Donald hoàn tất bài nhảy cầu, mình đã chỉ dẫn thêm cho cậu kiểu nhảy chim nhận trong nửa giờ nữa ra sao. Rồi anh nhớ tới từng cú nhảy Donald đã thực hiện mỗi lúc mỗi hoàn hảo hơn.

Bucky gõ nhẹ vào cửa kính xe và Donald mở mắt. "Cậu sẽ chóng khỏe thôi," Bucky nói trong lúc ông Blomback bắt đầu rời bánh. Bucky chạy theo xe, tiếp tục nói với Donald, "chúng ta sẽ lại nhảy cầu sau vài ngày nữa," dù cho cậu bé đã yếu đi trông thấy và ánh mắt của cậu trông thật khủng khiếp - hai con mắt của cậu trong cơn sốt quét qua gương mặt Bucky, nháo nhác kiếm tìm một thần dược không ai có cả.

May mắn thay, các trại viên vẫn còn đang ăn sáng và Bucky chạy ngược lên các bậc thang căn lán, gắng hết sức dọn dẹp gọn gàng giường của Donald. Rồi anh bước ra ngoài hàng hiên nhìn xuống hồ, ở đó những người phụ tá của anh chắc hẳn sắp tập hợp rồi, và anh tự hỏi: Ngoài mình ra thì còn ai mang căn bệnh bại liệt đến đây nữa chứ?

Các cậu bé trong lán được thông báo rằng Donald phải tới bệnh viện vì đau bụng và sẽ ở đó cho tới khi bình phục. Thực tế, kết quả chọc dò tủy sống ở bệnh viện đã xác nhận Donald Kaplow bị mắc bệnh bại liệt, ông Blomback cũng đã thông báo với cha mẹ cậu và họ sẽ khởi hành từ nhà ở Hazelton tới Stroudsburg. Bucky dành trọn ngày hôm ấy của mình ở bên tắm, làm việc với những người phụ trách, ở dưới nước hướng dẫn cho những đứa nhỏ tuổi và đến cầu nhảy sửa các động tác sai cho đám lớn tuổi hơn - bọn này đang mê mẩn môn nhảy cầu và nếu được phép, suốt cả ngày dài chúng sẽ chẳng chơi môn nào khác. Sau khi kết thúc ngày làm việc và các trại viên đã trở về lán thay quần áo sẵn để đi ăn tối, anh gỡ mắt kính ra và leo lên cầu nhảy tầm cao, rồi trong nửa giờ, anh tập trung nhảy mọi kiểu khó mà mình biết. Xong xuôi, anh lên bờ và lấy kính đeo, vẫn không sao

giải tỏa khỏi tâm trí những điều vừa xảy đến - tốc độ diễn biến của nó và nỗi ám ảnh chính mình là thủ phạm. Cả nỗi ám ảnh rằng dịch bại liệt bùng phát nơi sân chơi Chancellor cũng khởi nguồn từ chính anh. Đột nhiên, anh nghe thấy một tiếng hét inh tai. Đó là tiếng hét của người phụ nữ ở bên dưới nhà Michaels, khiếp hãi rằng con của bà sẽ mắc bại liệt và chết. Có điều, lúc ấy anh không chỉ nghe thấy tiếng hét - bản thân anh đã là tiếng hét đó.

TỐI HÔM ẤY họ lại chèo thuyền ra đảo. Marcia vẫn chưa hay biết chuyện Donald bị bệnh. Ông Blomback dự định sẽ thông báo toàn trại vào bữa sáng ngày hôm sau, cùng với sự có mặt của bác sĩ Huntley, bác sĩ của trại từ Stroudsburg đến, ông này vẫn thường xuyên được gọi đến trại và cùng với các y tá của trại chữa trị những ca nặng hơn các ca thông thường như vẩy nến, chốc lở, đau mắt đỏ, ngộ độc thường xuyên, cùng lắm là gãy xương. Dù ông Blomback đã dự đoán sẽ có một số phụ huynh đến đón con em rời trại ngay tức thì, ông vẫn hy vọng bác sĩ Huntley giúp giảm thiểu được nỗi hoang mang, hạn chế bớt sự hoảng loạn, và ông sẽ có thể duy trì trại hoạt động bình thường đến cuối mùa. Ông đã bảo Bucky như vậy khi từ bệnh viện quay về và nhắc anh đừng nói gì mà cứ để ông thông báo. Tình trạng của Donald trở nên xấu hơn. Các cơn đau ở bắp thịt và khớp dày vò cậu và có lẽ phải cần máy thở để giúp cậu có thể hô hấp được. Cha mẹ cậu đã tới, nhưng lúc đó Donald đã bị cách ly, và do nguy cơ lây nhiễm, họ chưa được gặp con. Các bác sĩ đã giải thích cho ông Blomback tốc độ chuyển biến mau chóng từ các triệu chứng giống như cúm ở Donald thành tình trạng nguy hiểm đến tính mạng của bệnh bại liệt.

Bucky đã thuật lại tỉ mỉ những điều này với Marcia ngay khi họ tới đảo.

Nàng nghe như nuốt từng lời. Nàng ngồi trên tấm chăn và đưa hai tay che mặt. Bucky đi đi lại lại xung quanh, không sao kể nốt cho nàng nghe đoạn cuối được. Nghe chuyện của Donald đã đủ nặng nề với nàng lắm rồi không cần phải kể tiếp ngay chuyện của anh nữa.

"Em phải điện thoại cho bố em" là câu đầu tiên nàng mở lời. "Em phải gọi cho ông mới được."

"Sao không để ông Blomback thông báo cho cả trại đã?" "Ông ấy lẽ ra phải thông báo rồi chứ. Anh không thể ngồi chờ khi xung quanh có chuyện thế này."

"Em nghĩ ông ấy phải giải tán trại hả?"

"Thế nên em mới muốn hỏi bố. Thật kinh khủng. Bọn trẻ nơi lán của anh ra sao?"

"Tối giờ chúng có vẻ vẫn khỏe."

"Còn anh thế nào?" Nàng hỏi.

"Anh thấy khỏe," anh nói. "Anh phải nói với em, anh đã hai lần làm việc với Donald ở ngoài hồ vài ngày trước. Anh đã giúp cậu ấy hoàn thiện kỹ thuật nhảy cầu. Lúc đó cậu ấy khỏe hơn bao giờ hết."

"Lúc đó là khi nào thế anh?"

"Khoảng một tuần trước. Sau bữa tối. Anh để cậu ấy nhảy cầu xuống nước lạnh. Có lẽ đó là một sai lầm. Một sai lầm tệ hại."

"Ôi Bucky, đó không phải lỗi của anh. Chuyện này quả là kinh khủng. Em sợ cho anh. Em sợ cho mấy đứa em em. Em sợ cho bọn nhỏ nơi khu trại. Em sợ cho chính bản thân mình. Một ca nhiễm không đơn thuần chỉ là một ca ở cái nơi trại hè đông đúc trẻ nhỏ sống chung đống như thế này. Nó giống như một que diêm cháy trong đống củi khô. Một ca nhiễm ở đây nguy hiểm gấp cả một trăm lần ở thành phố."

Nàng vẫn ngồi còn anh tiếp tục bước đi. Anh sợ không dám đến gần nàng bởi anh sợ làm nàng lây nhiễm, nếu thực sự anh vẫn còn chưa lây cho nàng, nếu anh chưa khiến tất cả mọi người nơi đây nhiễm bệnh! Lũ trẻ nhỏ ở hồ! Những phụ tá của anh nơi bến tắm! Hai chị em sinh đôi anh vẫn hôn

mỗi tối nơi nhà ăn! Tâm trạng rối bời, anh bỏ kính để dụi mắt đầy lo âu, và khi ấy dưới ánh trăng hàng cây phong bao quanh hai người trông giống như muôn vàn bóng hình méo mó dị dạng - hòn đảo tình nhân của họ bỗng tràn ngập những bóng ma các nạn nhân của bệnh bại liệt.

"Chúng mình phải về thôi," Marcia nói. "Em phải gọi cho bố."

"Anh đã nói với ông Blomback rằng sẽ không nói cho bất kỳ ai rồi mà."

"Em mặc kệ. Em phải có trách nhiệm với hai đứa em em, chỉ điều đó thôi cũng đã đủ rồi. Em phải kể cho bố em chuyện xảy ra rồi hỏi bố xem phải làm sao. Em sợ lắm, Bucky. Em thấy sợ vô cùng. Trước đây chuyện cứ như thể bệnh bại liệt sẽ không để ý đến những đứa trẻ sống ở trong rừng - nó không tìm được bọn trẻ ở đây. Em đã nghĩ nếu lũ nhỏ cứ ở lại trại và đừng có đi đâu thì sẽ không việc gì. Làm thế nào mà nó có thể lùng bắt cả những đứa ở đây thế này cơ chứ?"

Anh không thể nói với nàng. Nàng quá khiếp sợ nên anh không thể nói cho nàng được. Và anh cũng quá bối rối bởi sự nghiêm trọng của tất cả mọi điều nên không sao nói với nàng được. Sự nghiêm trọng của những điều đã xảy ra. Sự nghiêm trọng của những việc anh đã làm.

Marcia đứng dậy và gấp chăn, họ kéo chiếc thuyền xuống nước rồi chèo về khu trại. Suýt soát mười giờ thì họ cập bến. Những người phụ trách đang cho trại viên của mình đi ngủ. Đèn trong văn phòng ông Blomback vẫn còn sáng, nhưng dường như không còn ai trong khu trại nữa. Không có ai đứng xếp hàng trước trạm điện thoại, dù rằng ngày mai đây, ngay khi câu chuyện về Donald được thông báo, ở đó sẽ có một hàng người dài và cuộc sống nơi khu trại sẽ ngoặt hẳn sang một hướng mới.

Marica kéo kín cánh cửa xếp của trạm điện thoại để không ai tình cờ có mặt gần đó có thể nghe được, còn Bucky đứng cạnh trạm, cố đoán những lời bác sĩ Steinberg nói dựa trên phản ứng của nàng. Marica hạ giọng nên Bucky đứng ngoài chỉ nghe thấy những tiếng côn trùng kêu vo ve, gọi anh

nhớ lại buổi tối trò chuyện thân mật ở Newark khi anh ngồi trong căn phòng phụ sau nhà bác sĩ Steinberg cùng ông ăn trái đào thơm ngọt đó.

Vẻ lo lắng của nàng dường như dịu bớt ngay khi nghe thấy giọng bố ở đầu dây bên kia, và chỉ sau một vài phút, nàng ngồi xuống cái ghế nhỏ đặt bên trong trạm để tiếp tục trò chuyện với bố. Bucky cứ đinh ninh trưa hôm ấy anh đi cùng Carl ra Stroudsburg để mua nhẫn đính hôn cho Marcia. Giờ đây việc đính hôn đã bị quên lãng. Lúc này trong tâm trí Marcia chỉ còn có căn bệnh bại liệt, cũng giống như tâm trạng anh suốt cả mùa hè này. Không phải là anh trốn khỏi bại liệt, và không phải vì nó đã theo chân anh tới vùng núi Pocono mà bởi anh đã mang nó tới Pocono cùng với mình. Bằng cách nào, Marcia hỏi, mà bệnh bại liệt đã truy lùng ra được chúng ta ở đây? Thông qua sự lây bệnh từ người mới tới, người yêu của nàng! Nhớ tới tất cả những cậu bé đã nhiễm bại liệt trong lúc anh còn đang làm việc ở Chancellor hồi đầu mùa hè, nhớ tới cảnh tượng to tiếng trên sân bóng vào buổi chiều mọi người phải ngăn Kenny Blumenfeld lại không cho hành hung Horace, Bucky cho rằng người mà lẽ ra Kenny muốn giết vì là tác nhân làm lây lan căn bệnh bại liệt không phải là "ông khờ" - mà chính là người quản lý sân chơi mới đúng.

Marcia mở cửa và từ trong trạm điện thoại bước ra. Lời của bố đã giúp nàng bình tâm lại, nàng vòng tay ôm Bucky và nói: "Em sợ cho mấy đứa em gái em. Em biết anh sẽ ổn, anh mạnh mẽ và cường tráng, nhưng em lo lắng xiết bao cho hai con bé."

"Bố em nói gì thế?" Anh hỏi, vừa nói vừa quay đầu qua hướng khác để không phả hơi thở của mình vào mặt nàng.

"Bố em nói sẽ điện thoại cho Bill Blomback nhưng có vẻ như ông Blomback đã làm tất cả những gì cần phải làm rồi. Bố nói ta không phải sơ tán hai trăm năm mươi đứa trẻ chỉ vì một ca bại liệt. Bố nói bọn trẻ nên tiếp tục hoạt động như bình thường. Bố nghĩ sẽ có rất nhiều bậc cha mẹ vì hoảng hốt mà đưa con mình rời khỏi trại. Nhưng em không được hoảng hốt

hay làm cho hai đứa nhỏ nhà em sợ hãi. Bố hỏi về anh. Em nói anh vững như bàn thạch.Ồ, Bucky này, em thấy khá hơn rồi. Bố mẹ em cuối tuần này sẽ lên đây thay vì đi ra bờ biển đấy. Họ muốn đích thân trấn an các cô con gái của mình."

"Tốt quá," anh nói, và khi chia tay, mặc dù tay ôm nàng thật chặt song anh cố tình chỉ hôn lên tóc thay vì hôn môi, như thể lần này biết đâu việc ấy sẽ làm thay đổi được gì đó.

SÁNG HÔM SAU, khi bữa ăn kết thúc, ông Blomback rung chiếc chuông thường dùng để báo hiệu những thông báo của ông đến toàn thể trại. Các trại viên liền im tiếng khi ông đứng lên. "Chào tất cả các bạn, các chàng trai và các cô gái, tôi có một thông điệp hệ trọng muốn báo cho các bạn trong buổi sáng hôm nay," ông nói, vẻ điềm tĩnh, giọng ông không biểu hiện chút hoảng hốt nào. "Đó là về sức khỏe của một phụ trách viên của chúng ta. Donald Kaplow ở lán Comanche. Cách đây hai đêm Donald đã bị ốm và sáng hôm qua khi tỉnh dậy thì sốt cao. Thầy Cantor đã nhanh chóng báo cho tôi về tình trạng của Donald, và tôi đã quyết định chuyển cậu ấy đến bệnh viện Stroudsburg. Ở đó, họ đã xét nghiệm và xác định rằng Donald đã nhiễm bại liệt. Cha mẹ cậu ấy đã tới bệnh viện rồi và đang ở đó với cậu. Cậu đang được các y bác sĩ bệnh viện điều trị và chăm nom. Bác sĩ Huntley, bác sĩ của trại đang có mặt ở đây, và ông muốn nói vài lời với các bạn."

Đội ngũ phụ trách viên và các trại viên, đương nhiên, giật mình nhận thấy tất cả mọi thứ ở khu trại vừa đột nhiên biến đổi - mọi điều trên đời vừa đổi khác - và mọi người im lặng chờ đợi để nghe xem bác sĩ sẽ nói gì với họ. Là một người đàn ông trung niên có bộ dạng chải chuốt, Huntley đã là bác sĩ của khu trại từ những ngày đầu. Ở ông toát lên một vẻ dịu dàng và đáng tin chưa kể đến cặp kính không gọng, mái tóc bạc thưa mỏng và khuôn mặt chất phác tái lại càng tôn thêm phong thái ấy. Ông ăn vận không giống bất kỳ ai ở trại, một bộ com-lê, áo sơ-mi trắng, cà-vạt và giày sẫm màu.

"Chào mọi người. Xin tự giới thiệu với những ai còn chưa biết, tôi là bác sĩ Huntley. Tôi biết là nếu và khi nào bất cứ ai trong số các bạn cảm thấy không được khỏe, bạn sẽ nói với người phụ trách của mình và người đó sẽ thu xếp để bạn gặp cô Rudko hay cô Southworth, những y tá của trại và nếu thấy cần, bạn gặp tôi. Vâng, tôi muốn khuyến khích các bạn tiếp tục tuân thủ cách thức đó trong những ngày và những tuần tới. Bất cứ dấu hiệu ốm mệt nào, ngay lập tức báo cho người phụ trách của mình, như là các bạn vẫn luôn làm thế. Nếu bạn đau họng, nếu bạn bị cứng cổ, nếu bạn bị nôn mửa, hãy báo cho người phụ trách. Nếu bạn đau đầu, nếu bạn nghĩ mình bị sốt, hãy báo cho người phụ trách. Nói chung nếu bạn cảm thấy không được khỏe, hãy báo cho người phụ trách. Người phụ trách sẽ đưa bạn tới y tá, họ sẽ chăm nom bạn và họ sẽ thông báo với tôi. Bởi vì tôi muốn tất cả các bạn khỏe mạnh để có thể vui chơi trong những tuần còn lại của mùa hè."

Sau khi nói xong mấy câu điềm đạm ấy, bác sĩ Huntley ngồi xuống và ông Blomback lại đứng lên. "Tôi muốn tất cả trại viên biết rằng trong sáng nay tôi sẽ điện thoại tới nhà từng em để báo về việc triển khai này. Đồng thời, tôi muốn gặp các tổng phụ trách ở văn phòng ngay sau bữa sáng. Với tất cả những người khác," ông nói, "đến đây đã xong. Chương trình của ngày hôm nay không thay đổi. Hoạt động như thường lệ. Hãy ra ngoài trời và vui chơi -hôm nay lại là một ngày đẹp trời nữa."

Marcia cùng với ba tổng phụ trách khác vội vã tới văn phòng của ông Blomback, và Bucky, thay vì đi xuống bến tắm, điều anh tâm niệm sẽ làm sau khi rời nhà ăn, lại bất chợt thấy mình chạy đuổi theo bác sĩ Huntley trước khi ông bước lên chiếc ô-tô của ông, đang đậu ở cột cờ, để lái về thị trấn.

Chạy phía sau ông, anh nghe thấy tiếng gọi tên mình. "Bucky! Chờ chút! Chờ chúng em với!" Đó là cặp sinh đôi nhà Steinberg, đang đua nhau đuổi theo anh. "Chờ đã!" "Các em, anh phải gặp bác sĩ Huntley."

"Bucky," một cô bé vừa nói, vừa nắm tay anh, "chúng em phải làm sao?"

"Các em đã nghe ông Blomback nói rồi đấy. Cứ tiếp tục hoạt động như thường ngày."

"Nhưng bệnh bại liệt " Khi hai cô bé cố gắng vươn tay ôm ngang người anh và ghì sát vào bộ ngực rộng của anh để được an lòng, ngay lập tức anh quay người đi vì sợ sẽ phả hơi thở của mình vào hai khuôn mặt giống nhau như đúc cùng đang hoang mang sợ hãi ấy.

"Đừng lo lắng gì về bệnh bại liệt cả," anh nói. "Không có gì đáng để lo lắng cả, Sheila, Phyllis, anh phải chạy đi đây - hệ trọng lắm," rồi anh để hai cô bé đứng đó, vẫn chưa hết hoảng sợ, co ro cúm rúm với nhau.

"Nhưng chúng em cần anh!" một trong hai đứa hét với theo anh. "Chị Marcia đang ở chỗ ông Blomback!"

"Chiều nay!" Anh hét đáp lại. "Anh hứa! Anh sẽ sớm gặp lại hai em!"

Bác sĩ Huntley đã mở cửa xe và vừa ngồi vào trong thì Bucky bắt kịp ông. "Bác sĩ Huntley, tôi phải nói chuyện với ông. Tôi là người phụ trách bến tắm trong trại dành cho nam. Bucky Cantor."

"Ừm. Bill Blomback có nhắc đến cậu."

"Bác sĩ Huntley, tôi có chuyện cần phải nói với ông. Tôi từ Newark đến đây vào thứ Sáu tuần rồi. Ở Newark, tôi làm việc tại một sân chơi khu Weequahic, vùng dịch bại liệt. Donald Kaplow và tôi có làm việc chung với nhau hai tối ở bến tắm sau giờ ăn. Ngày nào, chúng tôi cũng ngồi cạnh nhau lúc ăn trưa. Trong lán, chúng tôi luôn đi cạnh nhau. Trong Đêm hội da đỏ, tôi cũng ngồi cạnh cậu ấy. Giờ đây, cậu ấy bị mắc bại liệt. Bác sĩ, có phải tôi là người mang lại căn bệnh này cho cậu ấy không? Tôi có mang nó tới cho những người khác không? Có thể nào có trường hợp ấy xảy ra không?"

Lúc này, bác sĩ Huntley đã bước ra khỏi xe để nghe cho rõ câu chuyện đầy căng thẳng của một thanh niên trông cực kỳ cường tráng. "Cậu cảm thấy trong người thế nào?" Ông hỏi Bucky.

"Tôi thấy khỏe."

"Tốt, khả năng cậu là người khỏe mang trùng khá thấp. Mặc dù, khả năng ấy có thể xảy ra, nhưng nó rất, rất hiếm thấy. Thường gặp nhất, giai đoạn người mang mầm bệnh chính là lúc người ấy đang phải khám chữa bệnh. Nhưng cậu đừng có căng thẳng," bác sĩ nói, "để tuyệt đối chắc chắn, chúng tôi sẽ đưa cậu đi chọc dò tủy sống và rút ra một ít dịch tủy mang đi phân tích xét nghiệm. Những biến đổi nhất định trong dịch tủy là biểu hiện của mầm bại liệt. Chúng tôi sẽ tiến hành ngay lập tức, trong sáng nay, để cho cậu an tâm. Cậu có thể lên xe cùng với tôi tới bệnh viện và sau đó chúng tôi sẽ gọi Carl tới đưa cậu trở lại đây."

Bucky chạy thật nhanh xuống bến nói với các phụ tá rằng anh sẽ vắng mặt buổi sáng hôm ấy và cắt đặt một người phụ trách lớn tuổi thay anh cho tới khi anh quay trở lại, rồi anh tới chỗ bác sĩ Huntley đang chờ anh trong xe để đi tới Stroudsburg. Giá mà đợt xét nghiệm này chứng tỏ được rằng anh không phải là người chịu trách nhiệm! Giá mà anh được chứng minh là vô tội! Thế thì, khi cuộc kiểm tra ở bệnh viện hoàn tất và mọi thứ được chứng nhận là ổn, trên đường về, anh có thể dừng chân ở cửa hàng trang sức tại Stroudsburg để mua tặng Marcia chiếc nhẫn đính hôn. Anh hy vọng mình có đủ tiền để mua một chiếc nhẫn thật.

Cuối ngày hôm ấy, ô-tô bắt đầu tới đón các trại viên về nhà. Xe đến nườm nượp liên tục cho tới tận tối khuya và sang cả ngày hôm sau, trong vòng bốn mươi tám giờ kể từ lúc ông Blomback thông báo trước toàn trại sau bữa sáng rằng có một người phụ trách trẻ bị mắc bệnh bại liệt, đã có hơn một trăm trong số hai trăm năm mươi trại viên được cha mẹ tới đón về. Ngày hôm sau, thêm hai cậu bé nữa trong lán của Bucky - một trong hai cậu là Jerome Hochberger, cậu trai lớn mặc áo choàng lông thú, người đã vào vai Gấu lớn trong Đêm hội da đỏ - được chẩn đoán là bị nhiễm bệnh bại liệt và toàn bộ khu trại ngay lập tức ngừng hoạt động. Thêm chín trại viên khác ở Indian Hill đổ bệnh và phải nhập viện vì bệnh bại liệt khi về tới nhà, trong đó có Sheila, em gái của Marcia.

GẶP LẠI

CHÚNG TÔI KHÔNG BAO GIỜ còn gặp lại thầy Cantor ở khu cộng đồng người Do Thái nữa. Xét nghiệm chọc dò tủy sống tại bệnh viện Stroudsburg đã đổi chiều cho kết quả dương tính, và mặc dù không có triệu chứng bị mắc bệnh trong hầu như suốt bốn mươi tám tiếng sau đó, thầy vẫn bị đưa ngay vào khoa lâm, nơi không cho người ngoài thăm viếng. Cuối cùng căn bệnh cũng bùng phát - đầu nhức như búa bổ, suy nhược đến kiệt quệ, buồn nôn ghê gớm, sốt li bì, đau nhức cơ bắp khôn tả, và rồi trong bốn mươi tám giờ tiếp theo là chứng tê liệt. Thầy phải nằm ở khoa lâm ba tuần cho đến khi không cần phải thông tiểu và tiêu, rồi được chuyển lên tầng trên và bắt đầu điều trị bằng liệu pháp quần nóng ở tay và chân, những bộ phận bị thương tổn ngay từ đầu. Thầy phải trải qua bốn đợt quần nóng mỗi ngày, kéo dài tổng cộng từ bốn đến sáu tiếng. Thật may mắn là các cơ hô hấp không bị tổn thương, nên thầy chưa bao giờ phải chui vào máy trợ thở, một cảnh tượng khiến thầy khiếm hãi hơn bất cứ điều gì khác. Và khi được biết Donald Kaplow cũng đang phải nằm trong cùng bệnh viện, chỉ còn sống thoi thóp trong một máy trợ thở, lòng thầy ngập tràn nỗi khiếm hãi và niềm xót thương. Donald vận động viên nhảy cầu, Donald vận động viên ném đĩa, Donald phi công hải quân tương lai, giờ không còn sử dụng được những lá phổi và các chi của mình nữa!

Sau cùng thầy Cantor được chuyển tới Viện y học Kenny [14](#) ở Philadelphia bằng xe cứu thương, ở đó, vào thời điểm ấy của mùa hè, bệnh dịch nơi đây cũng tệ hại như ở Newark và các khoa của bệnh viện chật cứng bệnh nhân đến độ thầy đã rất may mắn mới có được một giường. Ở đây, những đợt trị liệu quần nóng lại tiếp diễn nhằm hồi phục các chức năng cơ cánh tay, chân và cơ lưng nhưng cùng với đó cũng là sự kéo dài đầy đau đớn bởi cơ bắp đã bị co quắp, vắn xoắn. Thầy mất mười bốn tháng trong Viện y học Kenny để bình phục, dần dần phục hồi được các chức năng nơi cánh tay phải và một phần của đôi chân, dù vậy vẫn có phần dưới xương sống bị xoắn cần được chữa trị dăm năm sau đó nữa bằng phẫu thuật nối

ghép xương và gắn những lông kim loại vào đốt sống. Trải qua sáu tháng trên giường với toàn thân băng kín sau những ca mổ cùng sự chăm nom không kể ngày đêm của bà ngoại, thầy mới hồi phục. Thầy vẫn phải ở trong Viện y học Kenny khi tổng thống Roosevelt đột ngột qua đời, vào tháng Tư năm 1945 và cả nước để tang. Thầy vẫn ở đó khi quân Đức bị đánh bại phải đầu hàng vào tháng Năm, khi những quả bom nguyên tử được ném xuống Hiroshima và Nagasaki vào tháng Tám, cả khi quân Nhật đầu hàng quân đồng minh vài ngày sau đó. Chiến tranh thế giới thứ hai chấm dứt, Dave, người bạn thân của thầy đã bình yên vô sự trở về nhà từ mặt trận châu Âu, nước Mỹ hân hoan, vậy mà thầy vẫn còn nằm viện, thân thể bị biến dạng và tàn phế.

Ở Viện y học Kenny, thầy là một trong số rất ít bệnh nhân không phải nằm liệt giường. Vài tuần sau khi đến đó, thầy đã ngồi trong một chiếc xe lăn và cũng dùng nó khi trở về lại Newark. Ở đây thầy tiếp tục được điều trị ngoại trú và ngày qua ngày, hồi phục được tất cả chức năng cơ của chân phải. Chi phí điều trị cho thầy vô cùng tốn kém, nhiều ngàn đô la, nhưng tất cả đều được Viện y học Kenny và tổ chức từ thiện March of Dimes chi trả.

Thầy không bao giờ còn quay lại dạy thể dục ở Chancellor, trông coi sân chơi hay thực hiện ước mơ huấn luyện điền kinh ở Weequahic nữa. Thầy đã bỏ hẳn ngành giáo dục, và sau vài khởi đầu kém may mắn - thoát tiên là bán hàng thuê cho cửa hàng tạp hóa ở đại lộ Avon vốn từng thuộc sở hữu của ông bà thầy và rồi, vì tàn tật không thể kiếm được việc gì khác, thầy làm chân bảo dưỡng và sửa chữa xe hơi tại cây xăng trên đại lộ Springfield, ở đây thầy trông hoàn toàn khác biệt với những người thợ thô lỗ khác và khách hàng thỉnh thoảng gọi thầy là Chân thọt - cuối cùng thầy tham dự thi tuyển công chức. Vì điểm thi cao và đã tốt nghiệp cao đẳng, thầy tìm được một chân văn phòng ở bưu điện khu trung tâm với mức lương nhà nước đủ trang trải cho cuộc sống hai bà cháu.

Tôi bất ngờ gặp thầy năm 1971, nhiều năm sau khi tôi tốt nghiệp trường kiến trúc và mở văn phòng ở một tòa nhà nằm chếch bên kia phố phía đối

diện với bưu điện trung tâm Newark. Chúng tôi có lẽ đã chạm mặt nhau cả trăm lần trên phố Broad cho đến ngày tôi nhận ra thầy.

Tôi là một trong những chú bé nơi sân chơi hồi mùa hè năm 1944 ấy, tôi mắc bại liệt và gắn liền với chiếc xe lăn cả một năm trời trước khi trải qua một đợt trị liệu kéo dài giúp tôi có thể tự di chuyển bằng nạng và một cây gậy chống, cùng với hai chân phải đeo nẹp cho tới tận bây giờ. Khoảng mười năm trước, sau khi học việc ở một công ty kiến trúc trong thành phố, tôi cùng một kỹ sư cơ khí - cũng như tôi, anh này bị mắc bại liệt khi còn nhỏ - mở một công ty. Đó là công ty chuyên tư vấn và làm dịch vụ cải tạo kết cấu để những người ngồi xe lăn có thể sử dụng, lĩnh vực của chúng tôi bao gồm từ xây thêm những phòng phụ cho các ngôi nhà hiện hữu đến lắp đặt những chỗ vịn tay, hạ thấp các thanh treo đồ trong tủ, và chuyển vị trí các công tắc đèn. Chúng tôi thiết kế và lắp đặt đường dốc, các thang máy nâng xe lăn, chúng tôi mở rộng các cửa, chúng tôi cải tạo phòng tắm, phòng ngủ và bếp - mọi thứ giúp ích cho cuộc sống của những người phải ngồi xe lăn như anh bạn đối tác kỹ sư cơ khí kia. Người ngồi xe lăn có thể đòi hỏi những sửa đổi rất tốn kém đối với ngôi nhà, nhưng chúng tôi cố gắng tối đa để giữ đúng mức chi phí đã ước tính ban đầu và để giữ giá thấp. Cùng với chất lượng công việc, đây là phần quan trọng đóng góp cho thành công của chúng tôi. Phần còn lại là sự may mắn về địa điểm và thời gian, chúng tôi là nơi duy nhất cung cấp dịch vụ loại này ở khu đông đúc phía bắc New Jersey vào đúng thời điểm bắt đầu có sự quan tâm nghiêm túc về nhu cầu của một thiểu số những người khuyết tật.

Có lúc bạn may mắn và có lúc thì không. Bất kỳ bản tiểu sử nào cũng là cơ duyên, và, bắt đầu từ việc được hoài thai, cơ duyên - ông vua của ngẫu nhiên - là tất thắng. Cơ duyên là điều tôi tin thầy Cantor muốn nói khi thầy chỉ trích thứ thầy gọi là Chúa.

Tay trái của thầy Cantor bị teo và không còn dùng được nữa, tổn thương ở các cơ chân trái khiến thầy bước tập tễnh. Những năm trở lại đây, cái chân này ngày càng yếu, cả phần ống chân lẫn phần đùi và sau gần ba mươi năm

phục hồi, đây là lần đầu tiên thầy thấy đau nhức toàn bộ chân. Bởi thế, sau khi thăm khám bác sĩ và và dẫm lần lui tới cửa hàng bán thiết bị chỉnh hình của bệnh viện, thầy đã đeo một bộ nẹp trong ống quần để hỗ trợ chân trái. Nó không làm giảm đau nhức được là bao, nhưng khi dùng với một cây gậy thì giúp cho thầy lấy được thăng bằng và bước đi vững chắc. Tuy vậy, nếu tình hình cứ tiếp tục xấu đi - cũng như ở nhiều bệnh nhân bại liệt còn sống sót trong những năm cuối đời thường phải chịu đựng cái gọi là hội chứng hậu bại liệt - có lẽ không còn bao lâu nữa, thầy bảo, rồi tôi sẽ phải ngồi lại xe lăn.

Chúng tôi bất chợt gặp lại nhau vào buổi trưa một ngày mùa xuân năm 1971 trên phố Broad náo nhiệt, ở một địa điểm nằm khoảng giữa nơi làm việc của hai người. Tôi là người nhận ra thầy trước, dù giờ thầy đã để ria và, ở cái tuổi năm mươi, mái tóc một thời đen nhánh không còn cắt kiểu đầu nhà binh, mà giờ là một mớ bạc trắng - bộ ria cũng trắng. Và thầy dĩ nhiên cũng không còn bước đi kiểu nhón gót của vận động viên điền kinh nữa. Những nét góc cạnh trên khuôn mặt đã phồng vì thân thể đã béo lên, vì thế thầy không còn điểm gì gây ấn tượng mạnh như hồi xưa khi cái đầu với làn da ngăm đen như được chế tác theo các quy định nghiêm ngặt nhất của hình học phẳng - đầu của một chàng thanh niên cương quyết, không hề nao núng. Khuôn mặt thuở xưa giờ bị chôn vùi bên trong một khuôn mặt khác, khuôn mặt phàm tục, bộ mặt mà một người ẩn dật thường thấy khi hờ hững liếc nhìn về già nua của mình trong gương. Không còn chút dấu vết gì của chàng thanh niên rắn rỏi, những cơ bắp giờ đã chảy xệ còn sự gọn ghẽ nay đã xộc xệch. Giờ thầy đơn giản là một người đầy đà.

Lúc ấy tôi ba mươi chín tuổi, thấp, phức phịch, râu ria lởm chớm trông không còn mấy giống cậu bé yếu ớt hồi xưa nữa. Khi tôi nhận ra thầy ngoài phố, tôi mừng rỡ gọi với theo: "Thầy Cantor! Thầy Cantor! Em là Arnold Mesnikoff. Ở sân chơi Chancellor này. Alan Michaels hồi ấy là bạn thân nhất của em. Nó ngồi cạnh em suốt thời đi học." Dù không bao giờ lãng quên Alan, tôi đã không thốt to tên cậu ấy trong biết bao năm kể từ khi cậu

chết, hồi thập niên mà những mối nguy cơ lớn nhất trên trái đất là chiến tranh, bom nguyên tử, và bệnh bại liệt.

Sau buổi gặp đầu trên phố nhiều xúc cảm ấy, chúng tôi bắt đầu cùng ăn trưa mỗi tuần một lần ở tiệm ăn gần đó, và vì thế tôi được nghe chuyện của thầy. Thì ra tôi là người đầu tiên được thầy kể lại toàn bộ câu chuyện, từ đầu đến cuối, hầu như không bỏ sót điều gì bởi sau mỗi tuần thầy càng trở nên thân thiết tin cậy nơi tôi hơn. Tôi đã cố gắng tối đa để chăm chú lắng nghe và tham gia vào câu chuyện trong khi thầy tìm lời nhằm thuật lại ký ức về phần đời tươi đẹp ấy. Dường như, thầy không thấy vui cũng chẳng buồn khi kể lại mọi chuyện - chỉ là tâm sự rĩ rả những điều bấy lâu thầy không sao kiểm soát nổi, chẳng thể chôn vùi cũng như giải tỏa, giống như một kẻ bị lưu đày đau đớn thăm lại quê quán cũ, chốn chôn nhau cắt rốn thương yêu, nơi phạm tội trước kia của mình. Hồi ở sân chơi, hai thầy trò chúng tôi không thật gần gũi - tôi kém môn điền kinh, là cậu bé nhút nhát, ít nói, mảnh khảnh. Nhưng trên thực tế tôi là một trong những cậu bé la cà nơi sân chơi Chancellor trong mùa hè kinh hoàng ấy - vì tôi là bạn thân nhất của cậu học trò thầy quý nhất ở sân chơi và giống như Alan và thầy, cũng bị mắc bại liệt - nên thầy đã chia sẻ rất thẳng thắn khiến cho tôi, thánh giả mà trước đó thầy chưa từng quen biết trong vai một người trưởng thành, thánh giả giờ đang truyền cho thầy lòng tự tin cũng như, hồi còn bé, tôi và các bạn khác đã được thầy truyền cảm hứng.

Nhìn chung, thầy bộc lộ sai lầm không sửa của bản thân khi nói hết những điều đã giữ trong lòng nhiều năm, không chỉ về việc bị tàn tật về mặt thể chất do bại liệt mà còn thoái chí không kém bởi nỗi hổ thẹn dai dẳng. Thầy là sự đối lập hoàn hảo với hình mẫu nạn nhân bại liệt vĩ đại nhất nước Mỹ, FDR, căn bệnh không dẫn Bucky đến thành công mà tới thất bại. Bại liệt và những hệ quả của nó đã gây tổn thương vĩnh viễn đến lòng tự tin của một đấng nam nhi, và thầy đã từ bỏ hoàn toàn phẩm chất quý báu này trong mọi mặt của cuộc đời mình. Thầy gần như quan niệm bản thân là một kẻ phi giới tính - giống như một lọ mực đã cạn - một cách tự lượng gây sốc với

một chàng trai sống trong một kỷ nguyên xung đột và tranh chấp mang tính quốc gia khi đàn ông là những thành trì bất khả chiến bại của gia đình và tổ quốc. Khi tôi nói với thầy rằng tôi có một vợ và hai con, thầy đáp từ khi bị tàn phế thầy chưa bao giờ hẹn hò với ai và cứ ở vậy tới giờ. Thầy không bao giờ có thể cho ai ngoài bác sĩ hay bà ngoại, lúc bà còn sống, nhìn thấy cánh tay và cái chân bị teo tóp của mình. Bà là người đã tận tụy chăm sóc thầy sau khi thầy rời Viện y học Kenny, bà là người, dù những cơn đau ngực đã được chẩn đoán là bị bệnh tim nghiêm trọng, cứ vào mỗi chiều Chủ Nhật lại rất đều đặn bắt tàu hỏa từ Newark lên Philadelphia thăm thầy suốt thời gian mười bốn tháng điều trị ở đó.

Giờ bà mất đã lâu, nhưng đến tận khi thầy bất ngờ bị mắc kẹt giữa cuộc bạo động năm 1967 ở Newark [15](#) - khi ấy một ngôi nhà phía cuối phố bị thiêu rụi và hàng tràng đạn được bắn đi từ nóc nhà kế bên - thì thầy vẫn sống trong căn hộ nhỏ không thang máy ở khu tập thể trên đường Barclay gần Avon. Thầy đã những muốn ra xem tiếng máy bay vọng từ chỗ nào phía ngoài những bậc cầu thang - cây cầu thang thầy đã có thời thích bước ba bậc một - và rồi, bất kể vào mùa nào, bất chấp nó có đóng băng hay trơn trượt ra sao đi nữa, thầy vẫn cần mẫn lên xuống để sinh sống trong căn hộ trên tầng ba, nơi đã một thời có tình yêu thương vô bờ bến của bà và nơi gợi nhớ lại rõ ràng nhất giọng nói hiền từ không bao giờ gắt gỏng ấy. Dù vậy, nhất là khi không còn ai thân thích trên đời, thầy có thể - và thường thường, dù không hề cố ý, trong lúc leo từng bước lên nhà vào cuối mỗi ngày làm việc - vẽ nên trong trí não hình ảnh hiển hiện của người bà đang quỳ rạp lau chùi cầu thang mỗi tuần một lần bằng chiếc bàn chải thô cứng và một xô nước đầy bọt hay đang nấu ăn cho gia đình nhỏ bé của họ trên chiếc lò than. Đó là hình ảnh cao quý nhất trong lòng thầy về người phụ nữ.

Và không bao giờ, không một lần nào kể từ khi rời trại Indian Hill vào tháng Bảy năm 1944, thầy quay trở lại Weequahic hay ghé thăm sân tập thể thao, chỗ thầy đã dạy trong ngôi trường Chancellor Avenue hay đến sân chơi Chancellor.

"Vì sao lại không ạ?" tôi hỏi.

"Sao tôi phải trở lại? Tôi là Mary thương hàn 16 của sân chơi Chancellor. Tôi là kẻ mang bệnh bại liệt đến sân chơi. Tôi là kẻ mang bệnh bại liệt đến Indian Hill."

Nhận định của thầy về vai trò của bản thân khiến tôi chấn động. Tôi không hề được chuẩn bị trước phán xét nghiệt ngã này.

"Thầy ấy hả? Chẳng hề có bằng cứ nào rằng đó là thầy."

"Cũng chẳng hề có bằng cứ nào rằng đó không phải là tôi," thầy nói bằng cái lối đã dùng trong gần trọn cuộc đối thoại lúc ăn trưa giữa hai thầy trò, hoặc là tránh nhìn vào mặt tôi mà nhìn vào điểm vô hình xa xôi nào đó hoặc là nhìn xuống thức ăn trong đĩa. Có vẻ như thầy không muốn tôi, hay có lẽ bất kỳ ai, nhìn vào sâu đôi mắt mình.

"Nhưng thầy cũng mắc bại liệt," tôi nói với thầy. "Cũng như hết thầy bọn em đã không may mắc bại liệt sớm mười một năm trước khi vắc-xin ra đời. Những tiến bộ phi thường của y học thế kỷ hai mươi hơi chậm cho chúng ta. Những mùa hè của trẻ thơ ngày nay tuyệt nhiên không còn chút lo âu gì như hồi trước nữa. Bóng đen của căn bệnh bại liệt đã hoàn toàn biến mất. Không còn ai trần trụi, không có kháng thể bại liệt như chúng ta khi ấy. Nhưng riêng trường hợp của thầy, nhiều khả năng là thầy nhiễm bại liệt từ Donald Kaplow hơn là thầy lây cho anh ấy."

"Còn Sheila, một trong hai cô bé sinh đôi nhà Steinberg thì sao - cô bé lây từ ai? Nghĩ mà xem, giờ đã quá muộn để đào xới hết thầy chuyện này lên," thầy nói, thật kỳ quặc, bởi chính thầy đã xới gần như hết thầy mọi thứ với tôi rồi đấy thôi. "Chuyện gì đã xảy ra thì cũng đã xảy ra rồi," thầy bảo. "Bất cứ gì tôi làm, tôi cũng đã làm rồi. Điều gì không làm, tôi không để tâm."

"Nhưng cứ cho rằng thầy là nguồn phát tán đi chẳng nữa thì cũng chẳng ai ngờ được chuyện ấy. Nhất định là thầy đã không sống trong ngăn ấy năm để

tự hành hạ bản thân, tự khinh miệt mình vì những thứ mình không gây ra đấy chứ? Đó là một một bản án quá sức nghiệt ngã."

Câu chuyện dừng lại trong chốc lát, trong khi thầy thả hồn mình về một chốn xa xăm nào, rất có thể đó là năm 1944.

"Tôi đã sống chung với điều gì trong suốt gần ấy năm ư," thầy nói, "đó là Marcia Steinberg, nếu cậu muốn biết sự thật. Tôi đã cắt đứt với rất nhiều thứ, nhưng tôi không bao giờ có thể làm thế với nàng. Trong tất cả những năm qua, vô số lần tôi tưởng đã nhận ra nàng trên phố." "Như hình ảnh của cô ở tuổi hai mươi hai chứ ạ?" Thầy gật đầu, và rồi, bổ sung vào điều vừa tiết lộ, thầy nói: "Ngày Chủ Nhật, tôi quyết không nghĩ tới nàng, tuy nhiên đó lại là điều tôi làm suốt ngày hôm đó. Và mọi nỗ lực chối bỏ của tôi chẳng hề mang lại điều gì."

Có những người đã bị quên lãng ở thời điểm bạn chối bỏ họ; đó không phải là trường hợp của thầy Cantor với Marcia. Ký ức về Marcia còn mãi.

Dùng bàn tay lạnh lặn, thầy lấy trong túi áo khoác ra một phong bì và đưa nó cho tôi. Nó được gửi cho Eugene Cantor số 17 đường Barclay và dấu bưu điện tại Stroudsburg, ngày 2 tháng 7 năm 1944.

"Xem đi," thầy bảo. "Tôi mang đi cho cậu xem. Tôi nhận được nó khi nàng mới rời khỏi trại hè vài ngày."

Lá thư tôi lấy từ phong bì ra được viết theo kiểu chữ Palmer [17](#) trên một tờ giấy khổ nhỏ, màu xanh nhạt, nét chữ bay bướm tuyệt đẹp. Trên đó viết:

Mãi yêu anh mãi yêu anh mãi yêu anh mãi yêu anh mãi yêu anh

Mãi yêu anh mãi yêu anh mãi yêu anh mãi yêu anh mãi yêu anh

Mãi yêu anh mãi yêu anh mãi yêu anh mãi yêu anh mãi yêu anh

Mãi yêu anh mãi yêu anh mãi yêu anh mãi yêu anh mãi yêu anh

Cứ như thế cho đến hết trang và sang cả nửa mặt giấy bên kia, chúng còn được lặp lại theo một đường gióng vô hình thẳng từ trên xuống. Cuối thư là chữ ký, chỉ một chữ cái viết tắt tên cô, M, một chữ viết hoa, cao, rất đẹp có một vòng cong nhỏ, tiếp theo là nét sổ thẳng "(giống như trong từ Mãi)."

Tôi đút tờ giấy vào phong bì và đưa trả nó cho thầy.

"Một cô gái hai mươi hai tuổi viết thư cho người yêu đầu tiên. Lúc nhận được thư này chắc thầy vui lắm."

"Tôi nhận được thư khi đi làm về. Tôi đã giữ nó trong túi suốt bữa tối. Tôi mang nó theo lên giường. Trong lúc ngủ tôi vẫn cầm nó trong tay. Rồi tôi tỉnh dậy khi nghe thấy tiếng chuông điện thoại. Bà tôi ngủ ở phía bên kia lối đi. Bà cũng bị đánh thức. 'Không biết ai lại điện thoại vào giờ này nhỉ?' Tôi đi vào bếp để nghe máy. Lúc đó đồng hồ đã chỉ quá nửa đêm vài phút. Marcia gọi từ trạm điện thoại sau văn phòng ông Blomback. Nàng đã đi nằm trong lán, nhưng không sao ngủ được, nên trở dậy và mặc đồ rồi lần mò trong đêm để gọi cho tôi. Nàng muốn biết tôi đã nhận được thư chưa. Tôi nói nhận rồi. Tôi nói tôi là của nàng cả thảy hai trăm mười tám lần - nàng có thể tin chắc như vậy. Tôi nói tôi sẽ mãi là của nàng. Rồi nàng bảo tôi rằng nàng muốn hát ru cho người yêu của mình ngủ. Lúc ấy tôi đang ở bên bàn ăn, mặc bộ đồ lót ngồi trong bóng tối và đầm ìa mồ hôi vì nóng. Đó lại là một ngày nóng bức ghê gớm nữa, và trời vẫn không hề dịu mát dù đã nửa đêm. Ánh đèn ở các căn hộ bên kia đường đã tắt. Tôi nghĩ chắc cả dãy phố chẳng ai còn thức cả."

"Thế cô có hát cho thầy nghe không?"

"Một bài hát ru. Tôi không biết bài ấy, nhưng đó là một bài hát ru. Nàng hát rất, rất êm ái. Và cứ thế, nàng hát qua điện thoại cho đến hết bài. Có lẽ bài hát ấy nàng nhớ từ khi còn bé tí."

"Vậy là thầy đã say mê cả giọng hát êm ái của cô nữa."

"Tôi như ngây dại bởi niềm hạnh phúc ngập tràn. Lúc đó tôi xúc động quá nên đã thì thào trong điện thoại: 'Em thật sự tuyệt vời như thế này sao?' Tôi không thể tin lại có một cô gái như vậy ở ngoài đời. Tôi là chàng trai may mắn nhất thế gian. Và sao lại không cho được. Cậu hiểu tôi chứ? Với tất cả tình yêu thương của nàng, làm sao tôi có thể không cho là thế?"

"Rồi thầy đã đánh mất cô," tôi nói. "Thầy đã mất cô ra sao? Thầy vẫn chưa kể em nghe chuyện đó."

"Không, tôi không đánh mất. Tôi không để Marcia gặp mình. Chuyện xảy ra như vậy đấy. Xem nào, hình như tôi đã nói đủ rồi." Đột nhiên, thầy lúng túng vì xấu hổ là đã tỏ ra ủy mị quá, mặt thầy đỏ bừng. "Ma xui quỷ khiến thế nào mà tôi lại đem chuyện này ra kể. Cái lá thư. Bởi tìm thấy cái thư đó. Lẽ ra tôi không bao giờ được lục kiếm lại lá thư ấy mới phải."

Chống khuỷu tay xuống bàn, thầy gục bộ mặt đỏ gay vào bàn tay lạnh lặn và dùng mấy đầu ngón tay xoa lên mí mắt nhắm nghiền. Chúng tôi đã đi đến phần khó khăn nhất trong câu chuyện.

"Chuyện cắt đứt với cô Marcia xảy ra ra sao?" tôi hỏi.

"Khi nàng xuống Stroudsburg để đến bệnh viện, lúc tôi đã không còn bị cách ly, tôi nhờ người ta bảo nàng về đi. Nàng để lại mẫu giấy nhắn tôi rằng cô em của nàng chỉ bị nhẹ, là một ca thể không liệt và chỉ sau ba tuần đã hồi phục hoàn toàn. Tôi yên tâm khi nghe được thế, nhưng vẫn không muốn nối lại mối quan hệ với nhà bên ấy. Marcia cố gặp tôi lần thứ hai khi tôi được chuyển xuống Philadelphia. Lần đó tôi để nàng gặp. Chúng tôi đã cãi nhau to lớn. Tôi không biết nàng có thể giận dữ đến thế - trước đó tôi chưa bao giờ thấy nàng tỏ vẻ tức giận với bất kỳ ai. Sau đó, nàng không bao giờ quay lại. Chúng tôi không bao giờ liên hệ lại nữa. Cha nàng đã cố gắng gọi điện thoại lúc tôi ở Philadelphia, nhưng tôi không nghe máy. Còn dạo tôi đang làm ở cây xăng Esso trên đại lộ Springfield, thật bất ngờ khi một hôm ông ghé vào đó mua xăng. Ông chắc đã phải đi xa lắm để mua xăng ở đó."

"Ông cụ đến đó vì cô sao? Để cố kéo thầy về à?"

"Tôi không biết nữa. Có lẽ thế. Tôi để người khác ra đổ xăng. Còn tôi lần đi. Tôi biết mình không xứng với bác sĩ Steinberg. Tôi không biết chuyện gì xảy đến với con gái ông. Tôi chả muốn biết. Dù cô ấy đi lấy ai đi nữa, hãy để hai vợ chồng và những đứa con của họ hạnh phúc và tận hưởng sự khỏe mạnh. Hãy cùng hy vọng Chúa trời nhân từ của họ sẽ ban phát tất thảy điều ấy trước khi đâm lưỡi dao của mình vào lưng họ."

Đó là một lời tuyên bố cay nghiệt gây chú ý của một người từng là Bucky Cantor khi xưa và trong thoáng chốc, thầy có vẻ vừa tự làm hồn mình xáo động khi nói những lời này.

"Tôi nợ nàng sự tự do của nàng," cuối cùng thầy thốt lên, "và tôi đã trao nó lại cho nàng. Tôi không muốn người con gái ấy cảm thấy bị kẹt lại với tôi. Tôi không muốn hủy hoại cuộc đời nàng. Nàng đâu thể yêu một kẻ tàn phế, và nàng không nên bị ám bởi một người như thế."

"Chẳng phải việc này tùy vào quyết định của cô hay sao?" Tôi hỏi. "Một người đàn ông có tật đôi khi lại rất hấp dẫn đối với một tốp phụ nữ nào đó. Em có kinh nghiệm chuyện này."

"Cậu nghĩ mà xem, Marcia là một cô gái xinh xắn, ngây thơ, được cha mẹ tử tế, đầy trách nhiệm nuôi nấng tới nơi tới chốn, họ đã dạy dỗ nàng và những người em nàng phải lịch sự và hảo tâm," Bucky nói. "Nàng là một cô giáo dạy lớp Một trẻ trung, ngây thơ. Một cô nàng mảnh mai, thậm chí thấp hơn tôi cả gang tay. Những thứ đó không thể khiến nàng trở nên thông minh hơn tôi - nàng khi ấy vẫn còn không biết phải làm sao để thoát ra khỏi mớ bòng bong quanh mình. Nên tôi đã giúp nàng. Tôi chỉ làm những gì buộc phải làm."

"Thầy chắc đã nghĩ về chuyện này nhiều lắm," tôi nói. "Tất cả ý kiến của thầy đều nói lên điều đó."

Thầy mỉm cười, nụ cười hiếm hoi trong suốt những buổi trò chuyện giữa chúng tôi, nụ cười hết như một cái cau mày, biểu thị một sự mệt mỏi hơn là mừng vui. Ở thầy không thấy nét hân hoan phấn chấn nào. Giờ nó đã biến mất, dù trước đây, cùng với nghị lực và tính siêng năng, đó là đặc điểm chính nơi thầy. Và, đương nhiên, cả tố chất điền kinh cũng đã hoàn toàn mất dạng. Điều này không phải chỉ bởi giờ đây một cánh tay và một bên chân không còn dùng được nữa. Bản tính xưa của thầy, tất thấy nét đặc trưng không thể thiếu sẽ đập ngay vào mắt bạn ở khoảnh khắc đầu tiên gặp thầy, dường như đã bị lột bỏ đi mất rồi, chúng đã biến thành những mảnh vụn nhỏ bay đi khỏi người thầy như thể miếng vỏ mỏng mà thầy lột từ thân cây phong trong cái đêm đầu tiên cùng Marcia trên hòn đảo giữa hồ ở Indian Hill. Chúng tôi gặp nhau một ngày mỗi tuần vào bữa trưa trong vài tháng và không lần nào thầy tỏ ra phấn chấn, kể cả lúc nói câu: "Nàng thích bài hát này, 'Rồi em sẽ gặp lại anh' - Tôi cũng sẽ không bao giờ có thể quên bài ấy. ủy mị, dở dẩn thật đấy, nhưng dù sao có lẽ tôi sẽ còn nhớ chừng nào còn sống. Tôi không biết sẽ ra sao nếu tôi phải nghe lại bài hát ấy lần nữa." "Thầy sẽ khóc òa mất."

"Có lẽ thế."

"Thầy có quyền khóc mà," tôi nói. "Bất cứ ai cũng sẽ đau khổ, sau khi phải từ bỏ một tình nhân đích thực như thế." "Ôi, anh bạn cũ nơi sân chơi của tôi ời," thầy thốt lên, nhiều xúc cảm hơn cách thầy nói khi trước. "Tôi không bao giờ nghĩ cảnh chia tay với nàng sẽ ra sao. chưa bao giờ." "Khi cô nổi nóng với thầy - cái lần cô đến Philadelphia gặp thầy -"

"Sau đó tôi không còn gặp lại nàng nữa."

"Thầy đã nói rồi. Nhưng chuyện khi ấy ra sao?"

Lúc ấy tôi còn phải ngồi xe lăn, thầy kể, đó là một ngày thứ Bảy đẹp trời giữa tháng Mười, trời vẫn còn đủ ấm để người ta có thể đi ra bên ngoài và nàng có thể ngồi trên chiếc ghế băng nơi bãi cỏ phía trước Viện y học Kenny, dưới những tán cây lá đã chuyển màu và bắt đầu rụng, nhưng trời

cũng không còn đủ ấm áp nên trận dịch bại liệt ở các bang miền đông bắc chưa bị xua tan và tàn lụi hoàn toàn. Bucky đã không gặp hay nói chuyện với nàng được gần ba tháng, nên Marcia không hay biết gì về mức độ tàn tật của anh. Rồi cũng có sự liên lạc, không phải giữa Bucky và Marcia mà giữa Bucky và bố nàng. Bác sĩ Steinberg đã viết thư nói rằng anh cần cho phép Marcia thăm mình và để cô trực tiếp nói ý nghĩ của mình với anh. "Marcia và gia đình," bác sĩ Steinberg viết, "xứng đáng để được cháu đối xử tốt hơn thế này." Nhận được một bức thư được viết tay trên tờ giấy in riêng cho bệnh viện từ một người là bác sĩ, Bucky, đương nhiên, không thể từ chối, thế nên ngày giờ cuộc thăm viếng đã được định, để rồi trận cãi vã gần như ngay lập tức nổ ra khi nàng đến, lúc anh nhận ra tóc nàng đã để dài hơn so với lần gặp cuối, điều này khiến nàng trông nữ tính hơn hồi ở trại và trở nên xinh xắn hơn lúc nào hết. Nàng đi găng và đội mũ, trông hệt như một cô giáo chính hiệu, người đã khiến anh lần đầu đắm đuối.

Miệng thì tuyên bố rằng dù nàng có nói gì anh cũng không đổi ý, nhưng anh lại ước ao được đưa bàn tay lành lặn chạm vào khuôn mặt nàng biết bao. Thay vì thế, anh dùng cánh tay ấy nắm lấy cổ cánh tay bị liệt bại và nâng nó lên ngang tầm mắt nàng. "Nhìn xem," anh nói. "Giờ anh trông như thế này đây."

Nàng không nói gì, nhưng cũng không hề chớp mắt. Không, anh bảo nàng, anh không còn xứng làm một người chồng, một người cha và nếu nàng không nghĩ như thế thì đó là một sự vô trách nhiệm.

"Vô trách nhiệm với bản thân em sao?" Nàng khóc.

"Cố trở thành một nữ anh hùng cao quý. Đúng thế."

"Anh đang nói gì vậy? Em chẳng định trở thành ai khác ngoài người yêu anh, muốn lấy anh và trở thành vợ anh." Rồi chủ động vào đề theo cách mà chắc nàng đã nghĩ kỹ lúc trên tàu hỏa đến thăm anh. "Bucky, điều này không có gì phức tạp, thật thế," nàng bảo anh. "Em không phải là người phức tạp. Anh có nhớ không? Có nhớ em đã nói gì với anh trong cái đêm

trước khi em rời trại hồi tháng Sáu không? ‘Chúng mình sẽ bên nhau trọn đời.’ Phải, nhất định chúng mình sẽ thế. Không gì có thể thay đổi điều đó. Em chỉ là một cô gái bình thường mong muốn được hạnh phúc. Anh làm em hạnh phúc. Anh đã luôn làm thế. Sao giờ anh lại không?"

"Bởi vì cái đêm trước khi em rời trại đã qua lâu rồi. Bởi vì anh không còn là người mà em đã yêu nữa. Em tự lừa dối bản thân nếu em nghĩ rằng đó vẫn là anh lúc này. Em chỉ đang làm điều mà lương tâm em mách bảo rằng đó là đúng - anh hiểu mà."

"Anh chẳng hiểu gì hết! Anh đang nói những lời vô nghĩa! Anh đang cố tỏ ra cao thượng bằng cách từ chối nói chuyện với em và từ chối gặp em. Bằng cách bảo em hãy đi đi để mặc anh một mình. Ôi Bucky, anh mù quáng quá rồi!" "Marcia, hãy lấy một người không bị tàn tật, một người khỏe mạnh, một người xứng đáng, một người có hết thảy những phẩm chất của người cha sau này. Em có thể có bất cứ ai, một luật sư, một bác sĩ - ai đó cũng thông minh như em và cũng có học như em. Đó là điều em và gia đình em xứng đáng có được. Và đó là điều em phải làm."

"Anh đang chọc tức em nên mới nói với em thế này! Từ trước tới giờ em chưa bao giờ gặp điều gì khiến em bực bội như những điều anh đang làm ngay lúc này! Em chưa bao giờ biết người nào khác ngoài trừ anh thấy dễ chịu khi chê trách bản thân mình đến thế!"

"Không phải anh làm thế đâu. Thế là hoàn toàn sai với những gì anh đang nói. Anh chỉ đột nhiên nhận ra những hậu quả của điều đã xảy ra còn em thì không. Em sẽ không nhận ra. Nghe anh này: mọi thứ đã không còn giống như hồi trước mùa hè. Nhìn anh đây. Mọi thứ không thể khác biệt hơn được nữa. Em nhìn đi."

"Xin anh thôi đi. Em đã nhìn tay anh và em mặc kệ." "Thế thì nhìn chân anh," anh bảo, kéo ống quần pyjama lên.

"Thôi đi, em xin anh đấy! Anh nghĩ rằng cơ thể anh bị biến dạng, nhưng cái thực sự biến dạng là trí não của anh!" "Lại một lý do thích đáng nữa để cứu em thoát khỏi anh. Phần lớn phụ nữ sẽ vui mừng nếu một kẻ tàn phế tình nguyện rời khỏi cuộc đời họ."

"Vậy thì em không nằm trong số phần lớn ấy! Và anh không chỉ là một người tàn phế! Bucky, anh lúc nào cũng thế này. Anh không bao giờ nhìn nhận mọi sự theo đúng trật tự của chúng - không bao giờ! Anh luôn nhận trách nhiệm về mình trong khi anh chẳng hề có lỗi. Chỉ một trong hai khả năng hoặc là Chúa tội tệ, người phải chịu trách nhiệm; hoặc là Bucky Cantor tệ hại, người phải chịu trách nhiệm, trong khi thực ra, trách nhiệm không nằm ở cả hai người. Thái độ của anh đối với Chúa - nó chưa chín chắn, nó chỉ thuần túy là gốc gác." "

"Này, Chúa của em không phải là thứ anh mê, nên đừng có đưa ông ta vào câu chuyện. Ông ta quá tầm thường đối với anh. Ông ta dành quá nhiều thời gian cho việc giết trẻ con."

"Đây cũng lại là điều vô nghĩa lý nữa! Đừng chỉ vì mắc bại liệt mà anh có quyền ăn nói lung tung. Anh chẳng biết Chúa là gì hết! Chả ai biết hay có thể nhận thức được! Anh đang tỏ ra ngu như lừa mà anh đâu phải là lừa. Anh nói năng bất cần - mà anh đâu có phải vậy. Anh đang tỏ ra điên khùng - mà anh có điên đâu. Anh không bao giờ điên cả. Đầu óc anh hoàn toàn tỉnh táo. Tỉnh táo và lành mạnh, khỏe khoắn và minh mẫn. Nhưng còn việc này! Chối bỏ tình yêu của em dành cho anh, chối bỏ gia đình em - Em từ chối không tham gia vào cái trò điên rồ đó!"

Lúc này sự ương bướng cũng sụp đổ, và úp mặt vào hai tay, nàng bắt đầu nức nở. Các bệnh nhân đang tiếp khách ở những ghế băng gần bên hay đang được đẩy đi trên xe lăn dọc con đường lát gạch phía trước viện không biết chuyện gì mà chỉ thấy một cô gái trẻ, mảnh mai, xinh xắn, ăn vận đẹp ngời kề một bệnh nhân trên một chiếc xe lăn, rõ ràng đang bị nỗi khổ đau cuốn đi.

"Anh khiến em hoàn toàn rối trí," cô nói qua hàng nước mắt. "Giá như anh được gọi nhập ngũ, có thể anh sẽ - ôi, em không biết anh sẽ ra sao nữa. Có thể anh sẽ là một người lính và vượt qua tất cả mọi chuyện - bất kể là chuyện gì. Anh không tin rằng chính anh là người em yêu, dù cho anh có bị mắc hay không căn bệnh bại liệt sao? Anh không hiểu rằng kết cục tồi tệ nhất với hai ta là để anh rời bỏ em sao? Em không thể chịu đựng nổi việc mất anh - những điều này liệu có tác động được tới anh không? Bucky, cuộc đời anh sẽ dễ chịu hơn rất nhiều nếu anh cứ để mọi sự như nó vốn thế. Em sẽ thuyết phục anh rằng chúng ta phải cùng nhau bước tiếp bằng cách nào đây? Vì Chúa, đừng lo cho em. Hãy làm những gì chúng ta đã bàn - cưới em đi!"

Nhưng anh không hề nhúc nhích, mặc cho nàng khóc bao lâu đi nữa và mặc cho vẻ chân thành của tiếng khóc than làm anh như đứt từng khúc ruột. "Cưới em đi," nàng bảo, và anh chỉ có thể đáp. "Anh sẽ không làm thế với em," rồi nàng chỉ có thể đáp. "Anh không làm gì em cả - Em chịu trách nhiệm với những quyết định của mình!" Nhưng anh không đổi ý, cả khi có cơ hội cuối cùng để làm một người đàn ông bình thường là giữ cho mình cô gái trẻ đoan trang anh nhất mực yêu thương, người đã không hề đắn đo chọn lựa một người tàn tật làm bạn đời của mình. Cách duy nhất để giữ gìn chút phẩm giá còn sót lại là phải chối bỏ bản thân khỏi tất cả những gì anh hằng ao ước - lẽ ra anh phải bị nàng thuyết phục làm theo ý nàng, bởi nếu không, anh sẽ mất tất cả. Điều quan trọng nhất là, nếu nàng vẫn chưa sẵn sàng tế nhị buông bỏ việc anh đang từ chối mình, nếu nàng vẫn còn quá bầu vịu vào mối tình ngây thơ của mình - và nghe lời người cha câu nệ đạo đức của mình - đến khi nhìn thấy sự thật trần trụi cho mình, nàng sẽ thấy hoàn toàn hụt hẫng so với việc có một gia đình và mái nhà của riêng mình, cùng lũ trẻ vui tươi và một người chồng lành lặn. Rồi, ngày đó sẽ đến, và không xa nữa đâu, khi ấy nàng sẽ cảm kích việc anh đã tàn nhẫn từ chối nàng - khi ấy nàng nhận ra cuộc đời mà anh dành cho mình tốt hơn biết bao vì không còn bóng dáng anh trong đó.

KHI THẦY KỂ XONG CÂU CHUYỆN về lần gặp gỡ cuối cùng với Marcia, tôi hỏi: "Thầy đã đau đớn ra sao sau tất cả những chuyện ấy?"

"Chúa đã giết mẹ tôi khi sinh nở. Chúa đã cho tôi một người cha ăn cắp. Khi tôi mới ngoài hai mươi, Chúa cho tôi bệnh bại liệt để đến lượt mình, tôi lại truyền cho ít nhất là mấy tá trẻ, có lẽ còn nhiều hơn - bao gồm cả em của Marcia, bao gồm cả cậu, gần như chắc chắn thế. Gồm cả Donald Kaplow. Cậu ta chết trong máy trợ thở ở bệnh viện Stroudsburg vào tháng Tám năm 1944. Tôi phải đau đớn ra sao? Cậu nói đi." Thầy bày tỏ những điều này một cách chua cay, với cùng giọng điệu giống như khi tuyên bố rằng Chúa của Marcia một ngày nào đó sẽ phản lại cô và cũng sẽ thọc một dao vào lưng cô.

"Mục đích của em không phải là," tôi đáp, "đổ lỗi một ai đó, một nạn nhân nào đó của bại liệt, dù là trẻ hay già bởi không ai có thể vượt qua nỗi đau của sự tàn phế vĩnh viễn. Tất nhiên cũng có những cảm giác nản lòng trước sự dai dẳng này. Nhưng tới lúc nào đó phải làm một điều gì đó khác đi chứ. Thầy nói đến Chúa. Thầy vẫn còn tin vào vị Chúa mà thầy chối bỏ chứ?"

"Ừ. Chắc phải có ai đó đã tạo lập nên nơi này chứ." "Chúa - kẻ tội đồ vĩ đại," tôi nói. "Dù sao nếu quả Chúa có lỗi, thì thầy không thể cũng là người có lỗi được." "Thôi được, đó là bí ẩn của y học. Tôi là một bí ẩn của y học," thầy Bucky nói với vẻ phân vân. Phải chăng ý thầy rằng có lẽ đây là một bí ẩn của thần học? Đây phải chăng là quan niệm phổ thông của thuyết ngộ đạo với một đấng toàn năng xấu xa, độc ác? Thánh thần phải chăng là kẻ thù của chúng ta? Phải thừa nhận rằng những bằng cứ thầy rút ra từ cuộc sống không hề ít. Chỉ có cái ác mới có thể tạo ra bệnh bại liệt. Chỉ có cái ác mới tạo ra Horace. Chỉ có cái ác mới gây nên chiến tranh thế giới thứ hai. Gộp tất cả những điều này với nhau thì cái ác thắng thế. Cái ác chính là đấng toàn năng. Quan niệm của thầy Cantor về đức Chúa, như tôi hiểu, là một Đấng toàn năng mà bản chất và động cơ được biện giải không phải từ

những bằng chứng đáng ngờ trong kinh sách mà từ những bằng chứng lịch sử không thể chối cãi, lượm lặt được trong cả quãng đời tồn tại trên hành tinh này vào giữa thế kỷ hai mươi. Quan niệm của thầy về Chúa là một đấng toàn năng hiện hữu hợp nhất không phải từ ba cá thể trong một theo thuyết Chúa ba ngôi của Thiên Chúa giáo, mà từ hai - một kẻ bệnh hoạn và một thiên tài xấu xa độc ác.

Theo suy nghĩ vô thần của tôi, lý giải Chúa theo cách đó cũng không lỗ bịch hơn việc trao lòng tin cho các đấng thần linh đang phù trợ hàng tỷ người khác; về phần cuộc nổi loạn của thầy Cantor chống lại Người, với tôi, nó lỗ bịch đơn giản bởi không cần làm thế. Coi bệnh dịch bại liệt trong đám nhỏ ở khu Weequahic và ở trại Indian Hill chỉ là một tai họa là điều thầy không sao chấp nhận được. Thầy cần phải biến tai họa đó thành tội lỗi. Thầy phải tìm kiếm một quy luật tự thân cho điều đã xảy đến. Đã có một dịch bệnh và thầy cần một lý do cho nó. Thầy phải hỏi tại sao. Tại sao? Tại sao? Coi sự kiện đó là vô mục đích, ngẫu nhiên, vô lý, và chỉ là bi kịch không sao khiến thầy thỏa mãn. Coi đó chỉ là sự sản sinh lan truyền của vi-rút không khiến thầy hài lòng. Thay vào đó thầy - kẻ tuần nạn này, kẻ điên đại của nguyên cố này - tìm kiếm một cách tuyệt vọng cho một nguyên nhân sâu xa hơn - là ở Chúa hoặc ở chính bản thân mình, theo một cách thần bí, theo một cách bí ẩn, trong một mối liên minh ma quỷ với nhau hay chỉ là kẻ hủy diệt đơn lẻ. Tôi phải nói rằng mặc dù tôi rất cảm thông với những nỗi đau buồn chông chênh đã khiến đời thầy tàn lụi, nhưng đây không gì khác hơn là sự ngạo mạn ngu ngốc, không phải là sự ngạo mạn của ý chí hay tham vọng mà là sự ngạo mạn của trí tưởng tượng, của sự cảm nhận ngây ngô về tôn giáo. Chúng ta đã từng nghe toàn bộ điều này trước kia và bây giờ đã nghe đủ rồi, kể cả nghe từ những người hết sức tốt như thầy Cantor.

"Còn cậu, Arnie?" Thầy hỏi tôi. "Cậu không thấy đau xót à ? "

"Em mắc bệnh từ khi còn bé. Lúc đó em mới mười hai tuổi, bằng khoảng một nửa tuổi thầy. Em đã nằm viện gần một năm. Em là đứa lớn

nhất trong khoa nhi khi ấy," tôi nói, "xung quanh là bọn nhỏ la hét và khóc lóc đòi người nhà - từ sáng đến đêm lũ nhỏ ấy tìm kiếm vô vọng một khuôn mặt quen thuộc với chúng. Không chỉ chúng có cảm giác cô đơn. Có vô số nỗi sợ hãi và sự tuyệt vọng ở quanh đây. Và vô số nỗi đau xót lớn lên cùng với một đôi chân hư bại. Trong nhiều năm cứ tới đêm em nằm trên giường thì thầm nói chuyện với các chi của mình, 'Cử động đi! Cử động nào!' Em lỡ mất một năm học ở trường, nên khi quay lại em cũng mất lớp và lũ bạn cũ học cùng, ở trường trung học em cũng có vài lần đau khổ. Bọn con gái thì thương hại còn lũ con trai thì xa lánh em. Em thường ngồi ưu tư ở ngoài đường biên sân bóng. Cuộc đời bên lề khiến em có một thời niên thiếu đau buồn. Em những muốn bước đi giống như tất cả mọi người khác. Nhìn chúng bạn còn lành lặn đang chơi bóng sau giờ học, em muốn hét lên, 'tôi cũng có quyền được chạy mà!' Em thường xuyên bị dẫn dắt bởi ý nghĩ rằng thật dễ biết bao để mọi chuyện có thể xoay theo hướng khác. Có một dạo em không muốn đi học chút nào - em không muốn suốt cả ngày dài phải thấy thân hình lũ bạn cùng trang lứa và tất cả những thứ chúng có thể thực hiện. Điều em muốn là thứ nhỏ nhất nhất trên đời: được giống như mọi người. Thầy biết cái cảm giác đó mà," tôi nói với thầy. "Tôi sẽ không bao giờ là thằng tôi khi xưa nữa. Thay vào đó tôi sẽ thế này cho đến hết đời. Tôi sẽ không bao giờ còn biết đến niềm vui sống nữa rồi."

Bucky gật đầu. Thầy - người đã có một thời ngắn ngủi đứng trên cầu nhảy mức cao ở Indian Hill, đã từng là chàng trai hạnh phúc nhất trên trái đất, người đã từng được nghe Marcia Steinberg âu yếm hát ru cho ngủ qua điện thoại đường dài trong cái nóng bức kinh người của mùa hè chết chóc đó - thầy đã hiểu những lời tôi vừa kể một cách rất dễ dàng.

Rồi tôi kể cho thầy nghe về một người bạn cùng phòng hồi học dự bị đại học năm thứ hai. "Khi tới trường Đại học Rutgers," tôi kể, "em cùng một bạn mắc bại liệt người Do Thái được phân chung phòng trong một ký túc xá của những sinh viên khỏe mạnh. Đây là cách ghép cặp các sinh viên kiểu Nô-ê hồi bấy giờ. Thế chất cậu ấy kém em xa. Bị biến dạng thể thảm. Tên

cậu là Pomerantz. Một sinh viên ưu tú, ở trung học được đại diện phát biểu cho toàn thể học sinh, một thiên tài bẩm sinh, vậy mà em không thể chịu nổi cậu ta. Cậu đã làm em phát điên. Không sao khiến cậu ấy im tiếng. Không thể kiềm chế nổi những khát khao cháy bỏng về một Pomerantz trước khi bị bại liệt. Không thể lẫn tránh, dù chỉ một ngày, về sự bất công đã xảy đến cho cậu. Cứ thế và cứ thế một cách ma quỷ. ‘Lúc đầu cậu sẽ nhận ra cuộc đời một thẳng tắn phé là thế nào,’ cậu ấy bảo em. ‘Đó là giai đoạn một. Khi đã bình phục, cậu phải cố làm những việc vất vả tối thiểu để khỏi bị suy sụp tinh thần. Đó là giai đoạn hai. Sau đó, cậu phải vật lộn để khỏi là con số không nhưng theo kinh nghiệm xương máu dài lâu cho thấy đó chính là thứ cậu sẽ trở thành. Và rồi, nếu may mắn, sau năm trăm giai đoạn nữa, ở tuổi bảy mươi, cậu thấy mình cuối cùng đã có thể nói thành thật, "Ôi, tôi đã vượt qua tất cả - tôi đã không cho phép cuộc đời rời bỏ tôi hoàn toàn." Đó là lúc cậu chết. Pomerantz đã đạt thành tích xuất sắc ở lớp dự bị, dễ dàng lọt vào trường y, và rồi cậu ấy chết - cậu ấy tự tử ở trường ngay trong năm học đầu."

"Tôi không thể bảo," thầy Cantor bảo tôi, "rằng tôi chưa từng bị ý tưởng ấy hút hồn."

"Em cũng có nghĩ đến điều đó," tôi nói. "Nhưng rồi em không quá bê bối như Pomerantz. Và rồi em may mắn, vô cùng may mắn: trong năm cuối đại học em gặp vợ em. Và dần dần bại liệt biến mất chỉ còn lại niềm vui sướng, và em dứt bỏ được cái ngưỡng cản của số mệnh. Em nhận ra hồi năm 1944 ở Weequahic em đã sống qua được thảm kịch cộng đồng trong cả một mùa hè dài dằng dặc nên cũng chẳng việc gì phải làm một người bị quan suốt cả cuộc đời. Vợ em là bạn đồng hành dịu dàng, vui tươi trong suốt mười tám năm nay. Cô ấy rất có ý nghĩa đối với em. Rồi khi có con và được làm cha, ta sẽ bắt đầu quên đi cánh tay đã hỏng."

"Tôi tin chắc là thế. Cậu trông có vẻ mãn nguyện nhỉ." "Giờ thầy sống ở đâu?" Tôi hỏi.

"Tôi chuyển đến bắc Newark, ở gần công viên Branch Brook. Đồ đạc ở chỗ của bà ngoại tôi cũ và ọp ẹp quá nên tôi cũng không màng giữ lại nữa. Ra ngoài một sáng thứ Bảy và mang về một cái giường mới tinh, sô-pha, ghế, đèn, tất tần tạt. Giờ tôi có một chỗ ở khá tiện nghi."

"Thầy làm sao để hòa nhập với mọi người?"

"Tôi không phải là người quảng giao Arnie ạ. Tôi đi xem phim. Thứ Bảy tôi đi xuống Ironbound ăn món Bồ Đào Nha. Tôi thích ngồi trong công viên những khi đẹp trời. Tôi xem ti-vi. Tôi theo dõi chương trình thời sự." Tôi hình dung thầy làm những việc đó thui thủi một mình, giống như một anh chàng nhà quê si tình, cố sao cho trong ngày Chủ Nhật không mõi mòn nghĩ về Marcia Steinberg và trong những ngày còn lại thì không phải hình dung đã gặp cô, vẫn ở tuổi hai mươi hai, đang dạo bước trên những con phố trung tâm. Bất kỳ ai khi nhớ về chàng Bucky khi xưa cũng sẽ dự đoán rằng chàng sẽ có đủ sức mạnh để chinh phục những thử thách cao hơn thế. Và rồi tôi nghĩ đến bản thân mình, khi không có gia đình, người thân và tự hỏi liệu tôi có thể làm được gì tốt hơn hay cũng chỉ đến thế. Phim ảnh rồi công việc và Chủ Nhật đi ăn quán - tôi thấy sao mà cô đơn ảm đạm quá.

"Thầy có xem thể thao không?"

Thầy lắc mạnh đầu như thể tôi vừa tra hỏi một đứa bé rằng có phải cháu vừa nghịch diêm không.

"Em hiểu," tôi nói. "Khi lũ nhỏ nhà em còn bé tí thì em không thể cùng chúng chạy quanh sân, rồi khi chúng lớn hơn và học đi xe đạp thì em không thể đi cùng với chúng, chuyện với em là thế đấy. Thầy cố kiềm chế cảm xúc của mình nhưng thật không dễ chút nào."

"Tôi thậm chí còn không xem các trang tin thể thao trên báo. Tôi không muốn nhìn thấy chúng nữa."

"Thầy có bao giờ còn gặp Dave bạn của thầy sau khi anh ấy giải ngũ không?"

"Cậu ấy kiếm được việc làm trong hệ thống trường ở khu Englewood. Rồi mang theo vợ và các con dời lên đó. Không, tôi không gặp cậu ấy nữa." Rồi thầy chìm vào im lặng, và điều đó không gì rõ ràng hơn là mặc cho những lời tuyên bố khắc kỷ rằng không sống với những gì mình không có, thầy đã tuyệt nhiên không sao quen được sự mất mát to lớn đến thế, và rằng hai mươi bảy năm sau, thầy vẫn còn tự vấn về tất cả những gì đã và đã không xảy ra, luôn cố gắng tối đa để không nghĩ đến vô số điều - trong số đó, là chuyện nếu còn dạy tới giờ, chắc thầy sẽ là người đứng đầu bộ môn điền kinh ở trường trung học Weequahic.

"Tôi muốn giúp bọn trẻ và khiến chúng mạnh khỏe," cuối cùng thầy nói, "vậy mà thay vào đó tôi lại khiến chúng thương tật vĩnh viễn." Đây là ý nghĩ đã biến mấy thập niên của thầy thành sự âm thầm chịu đựng, chàng Bucky của ngày xưa tuyệt nhiên không hề đáng phải chịu đựng nỗi dày vò như vậy. Lúc này nhìn thầy như thể đã từng sống trên trái đất này suốt cả bảy ngàn năm tui hổ. Tôi nắm lấy bàn tay còn lạnh lặn của thầy - bàn tay mà các cơ còn hoạt động bình thường nhưng không còn rắn chắc và khỏe khoắn nữa, bàn tay không còn cứng chắc mà chỉ như một khúc thịt mềm - rồi nói, "Bại liệt làm hại bọn trẻ. Thầy không phải là thủ phạm. Thầy chả liên quan gì đến chuyện dịch lây lan hết như Horace cũng không liên quan vậy. Thầy cũng chỉ là một nạn nhân như bất kỳ ai trong số chúng em mà thôi."

"Không phải vậy đâu, Arnie. Tôi nhớ có một tối Bill Blomback kể cho lũ trẻ về những người thổ dân da đỏ, về lòng tin của họ vào sự hiện hữu của một con quỷ, nó đang giương cung bắn về phía họ một mũi tên vô hình, mũi tên ấy chắc chắn sẽ mang tới bệnh tật cho họ -"

"Đừng thầy ạ," tôi phản đối. "Làm ơn đừng nghĩ theo hướng đó. Đây chỉ là câu chuyện bên đấm lửa trại mà thầy Cantor, một chuyện dành cho trẻ em thôi. Trong chuyện chắc hẳn có cả một pháp sư xua đuổi những linh hồn ma quỷ. Thầy không phải con quỷ của người da đỏ. Thầy cũng chả phải là mũi tên đó nữa, khốn kiếp thật - thầy đâu phải người mang đến tật nguyên và

chết chóc. Thầy không bao giờ là thủ phạm cả - Thầy -không được chấp nhận giả thuyết ấy - em nhắc lại: thầy hoàn toàn vô tội."

Và rồi, với vẻ phẫn nộ - như thể tôi có thể khiến thầy thay đổi chỉ nhờ vào một khát khao rằng phải khiến thầy thay đổi; như thế, sau từng ấy tiếng đồng hồ nói chuyện lúc ăn trưa, giờ tôi có thể khiến thầy nhìn nhận bản thân không chỉ sở hữu những khiếm khuyết và bắt đầu thanh trừ mặc cảm tội lỗi nơi thầy; như thế tôi hoàn toàn có thể làm sống lại chút gì còn vương sót lại của người quản lý sân chơi trẻ trung, không khoan nhượng hồi xưa, người chỉ có một mình, đã đứng ra ngăn chặn cả chục tên côn đồ người Ý định dọa nạt chúng tôi với lời lẽ đe dọa mang bệnh bại liệt lây truyền cho người Do Thái - tôi nói, "Đừng đối nghịch với bản thân. Thế giới này đã quá đủ khắc nghiệt rồi. Đừng làm mọi sự xấu thêm bằng việc hiến tế bản thân thầy."

Nhưng thật khó lòng cứu giúp một con người chính trực đã bị hủy hoại. Việc thầy chỉ có mỗi mình, trong cả quãng thời gian dài chỉ dùng cách nghĩ của riêng mình về mọi điều - và đã mất mọi điều mà thầy khao khát được có - khiến tôi không thể khu trục cách lý giải về sự kiện bi thảm trong cuộc đời thầy hoặc thay đổi mối liên hệ của thầy với chúng. Thầy Cantor không phải là một con người tài năng - nếu thế thầy hẳn đã không làm giáo viên dạy thể dục cho bọn nhỏ và cũng chưa từng nhàn rỗi, thành thơi. Nói chung thầy là người kém hài hước, ăn nói tương đối rành mạch và gần như không có chút dí dỏm nào, người cả đời chẳng bao giờ châm biếm hay mỉa mai, người hiếm khi nói đùa một câu hay chế nhạo ai đó - kiểu người thay vì quan trọng hóa chức trách của mình thì lại được phú cho một chút sức mạnh tinh thần, và bởi thế nên thầy đã phải trả giá đắt khi gán cho câu chuyện mình cái ý nghĩa tiêu cực nhất, điều này càng lúc càng thêm mãnh liệt và làm gia tăng một cách ác hại nỗi bất hạnh của đời thầy. Sự tàn phá mà cả hai nơi, sân chơi Chancellor và trại Indian Hill, phải gánh chịu với thầy dường như không phải là một điều vô lý ác độc của thiên nhiên mà là một tội ác tày trời của bản thân, nó cướp đi tất cả những gì thầy đã từng có và phá nát cuộc đời

thầy. Cảm giác tội lỗi ở người như thầy Cantor có thể mang về ngớ ngẩn nhưng, trong thực tế, là không thể tránh khỏi. Một người như vậy giống như đã bị kết án. Không gì anh ta làm có thể thỏa mãn ý tưởng đó của bản thân. Anh ta không bao giờ biết bốn phận của mình dừng ở đâu cả. Anh không bao giờ tin ở những giới hạn của anh bởi vì, lòng tốt bẩm sinh lạnh lùng sẽ không bao giờ cho phép anh ta gạt bỏ bản thân khỏi nỗi khổ đau của những người khác, anh ta sẽ không bao giờ chấp nhận một cách vô tư rằng mình có bất kỳ một hạn chế nào. Thắng lợi to lớn nhất của một người như vậy là giải phóng người mình yêu khỏi việc lấy một người chồng tàn tật, và thái độ anh hùng của anh ta là từ chối ước muốn lớn lao nhất của mình bằng cách từ bỏ cô.

Mặc dù có lẽ nếu thầy không lần trốn thử thách ở nơi sân chơi, có lẽ nếu như thầy không bỏ rơi bọn trẻ ở Chancellor chỉ vài ngày trước khi thành phố đóng cửa sân chơi và đưa cả bọn về nhà - và cũng có lẽ, nếu người bạn thân thiết nhất của thầy không hy sinh trong cuộc chiến - thầy hẳn sẽ không quá vội vàng trách móc bản thân về tấn thảm kịch ấy đến vậy và có thể đã không trở thành một trong những người tự dẫn vật bản thân suốt đời. Có lẽ nếu thầy cứ tiếp tục lưu lại Newark và bám trụ lại lâu hơn cùng những người dân Do Thái ở Weequahic trong một thách thức chung trước căn bệnh bại liệt và cho dù có chuyện gì xảy ra với mình đi chăng nữa, vẫn kiên cường đến cùng, cho tới khi bệnh dịch chấm dứt...

Hay có thể thầy đã nhìn nhận câu chuyện theo cách của mình mà không còn để tâm đến vai trò của bản thân trong đó ra sao nữa, và với tất cả những gì tôi biết - với tất cả những hiểu biết khoa học về các trận dịch bệnh - có lẽ đúng là như thế. Có thể ở đây không phải là thầy sai. Có thể đúng là thầy không bị niềm tin mù quáng đánh lừa. Có thể khẳng định của thầy không hề cường điệu hóa và thầy không hề kết luận sai. Có thể thầy chính là mũi tên vô hình đó.

VÀ LÚC ĐÓ, ở cái tuổi hai mươi ba, đối với tất cả bọn con trai chúng tôi, thầy là hình ảnh mẫu mực và đáng kính nhất chúng tôi được biết, một

thanh niên quả quyết, khoan dung, tốt bụng, công bằng, điềm đạm, hòa nhã, đầy sinh lực, vạm vỡ - vừa là đồng đội vừa là chỉ huy. Và không gì chói sáng hơn hình ảnh trong buổi chiều gần cuối tháng Sáu, trước khi trận dịch năm 1944 lan chiếm khắp thành phố - trước khi cơ thể và cuộc đời của nhiều đứa trong chúng tôi thay đổi hoàn toàn - chiều ấy tất cả chúng tôi xếp hàng đi sau thầy từ sân chơi tới bãi đất lớn bên kia phố dưới chân một con dốc ngắn. Đó là nơi đội bóng trường trung học thường dùng để tập thể lực và luyện tập và là nơi thầy sẽ chỉ cho chúng tôi cách phóng lao. Mặc đồ ngắn bó sát người, quần soóc vải xa-tanh, áo sát nách, đi giày đinh, tay phải cầm lỏng ngọn lao, thầy dẫn đầu cả nhóm.

Khi chúng tôi tới nơi, bãi đất vắng tanh và thầy Cantor bảo chúng tôi tập trung ở đường biên phía đại lộ Chancellor, ở đó thầy cho từng đứa xem cây lao và được tự tay cầm nó, một thanh kim loại mảnh nặng khoảng gần một cân và dài chừng hai mét sáu. Thầy chỉ cho chúng tôi xem các cách khác nhau để cầm phần cán được quấn thừng và cách thầy ưa dùng hơn cả. Rồi thầy giải thích đôi điều về nguồn gốc của cây lao, thứ vũ khí đã xuất hiện trong các xã hội nguyên thủy, trước khi phát minh ra cung và tên, và việc ném lao để săn bắn, rồi cho tới hội thi Olympic đầu tiên vào thế kỷ thứ tám trước công nguyên tại Hy Lạp. Vận động viên phóng lao đầu tiên được nhắc đến là Hercules, chiến binh vĩ đại và là người chuyên giết quái vật, thầy Cantor bảo, đó là con trai của vị thần đứng đầu các vị thần Hy Lạp cổ, Zeus, và cũng là người mạnh nhất trên trái đất. Bài học kết thúc, thầy nói bây giờ thầy sẽ làm nóng người, và chúng tôi ngắm nhìn thầy khởi động khoảng hai mươi phút, vài đứa ở bên đường biên đang cố bắt chước động tác của thầy. Điều quan trọng là, thầy bảo - trong lúc đang ở tư thế hai chân dang rộng trên mặt đất - lúc nào cũng phải khởi động các cơ ở háng trước bởi chúng dễ bị kéo căng. Thầy dùng cây lao như một dụng cụ tập trong nhiều động tác, giữ nó thẳng bằng trong khi vận người và xoay người, mang nó như một cái ách ngang cổ lúc quỳ, ngồi xổm hoặc nhảy lên và rồi trong khi đứng, thầy uốn cong người rồi xoay phần thân trên. Thầy vừa chông cây chuối vừa đi bằng hai tay thành một vòng tròn rộng, vài đứa bọn tôi cũng cố

thử làm theo; và khi miệng chỉ cách mặt đất có vài phân, thầy giải thích cho chúng tôi rằng thầy chõng cây chuối thay cho tập với tạ để khởi động phần thân trên. Cuối cùng thầy kết thúc bài tập bằng cách gập hẳn thân người ra trước rồi lại uốn thân người về sau trong khi vẫn giữ gót chân cố định trên mặt đất. Khi thầy nói sẽ chạy nước rút hai lần quanh bãi đất, chúng tôi cũng chạy theo, cố hết sức mới theo kịp thầy nhưng giả vờ như đang khởi động cho cú ném lao. Rồi, trong vài phút, thầy tập chạy dọc theo một đường thẳng vô hình tay giơ cao ngọn lao, ngang và thẳng nhưng không phóng.

Khi đã sẵn sàng, thầy nhắc chúng tôi là cần phải chú ý vào những điểm gì, bắt đầu từ cách thầy chạy và bật bước dài rồi kết thúc với cú phóng. Không cầm lao, thầy biểu diễn tất cả động tác kiểu phim quay chậm, mô tả như thật. "Không có gì thần kỳ đâu các em, nhưng nó cũng không phải chuyện dễ làm. Tuy thế, nếu các em thường xuyên thực hành," thầy nói, "tích cực và rèn luyện siêng năng - nếu đều đặn luyện tập những điều sau, thứ nhất là giữ thẳng bằng, thứ hai là kỹ năng di chuyển và thứ ba là độ mềm dẻo - nếu em kiên trì với chế độ kiểm soát trọng lượng, và nếu phóng lao thật sự quan trọng với các em, tôi đảm bảo với các em rằng thành quả rồi sẽ tới. Mọi thứ trong thể thao đều đòi hỏi quyết tâm. Có ba điều phải luôn tâm niệm: xác định mục tiêu, toàn tâm toàn ý, và kỷ luật tập luyện rồi các em sẽ đạt được thành công.

Như thường lệ, rất cẩn trọng, thầy bảo chúng tôi rằng vì lý do an toàn không ai được lao ra ngoài sân; chúng tôi chỉ được nhìn từ chỗ đang đứng. Thầy nhắc điều này hai lần. Không thể nào nghiêm túc hơn thế, nghiêm túc chính là cách thầy thể hiện trách nhiệm của mình với công việc.

Rồi thầy phóng mạnh ngọn lao. Có thể nhìn thấy từng cơ bắp của thầy phồng căng khi thầy buông tay cho cây lao bay vào khoảng không. Thầy rút lên nho nhỏ bởi gắng sức (sau này cả đám chúng tôi cũng bắt chước kêu theo), một tiếng kêu bản năng - tiếng kêu nguyên thủy khi lâm trận, biểu lộ một nỗ lực tột độ. Ngay lúc ngọn lao rời tay, thầy nhảy nhíp để lấy lại thăng bằng và để không ngã đè lên cái vạch cấm mà thầy đã dùng giày vạch trên

lớp đất bụi. Rồi thầy dõ theo ngọn lao trong suốt thời gian nó vạch một quỹ đạo trên không, quét nên một cung tròn trên sân tập. Không có đứa nào trong chúng tôi trước giờ được tận mắt xem một tiết mục diễn kinh đẹp để đến vậy. Ngọn lao bay đi, qua vạch bốn mươi lăm mét giữa sân rồi lao tiếp sang phần sân bên kia, khi nó hạ thấp độ cao và tiếp đất, cán của nó rung lên bần bật và đầu mũi bọc kim loại xiên ngọt xuống đất bởi dư lực của cú bay.

Chúng tôi reo hò ầm ĩ rồi vỗ tay tán thưởng. Quỹ đạo bay của ngọn lao đều bắt nguồn từ các cơ bắp dẻo dai của thầy Cantor. Các cơ bắp trên khắp cơ thể của thầy - từ hai bàn chân, đôi chân, cặp hông, thân người, hai cánh tay, cho đến đôi vai, thậm chí cả gốc cổ ngấn và dày dặn - đã đồng thời tạo nên uy lực cho cú phóng. Cứ như thể người quản lý sân chơi của chúng tôi đã biến thành một người đàn ông nguyên thủy, đang lùng kiếm thức ăn trên các cánh đồng cỏ, thuần phục đời sống hoang dã bằng sức mạnh của đôi tay mình. Chưa bao giờ chúng tôi kính phục ai nhiều như thế. Qua thầy, đám trẻ chúng tôi đã bỏ lại sau lưng câu chuyện nhỏ nhặt về cộng đồng Do Thái nhỏ nhoi và bước vào truyền thuyết lịch sử về giống nòi cổ xưa của mình.

Chiều ấy thầy thực hiện nhiều lần các màn phóng lao, lần nào cũng gọn gàng và đầy uy lực, mỗi cú phóng đều kèm theo một tiếng hét và tiếng gừ trong họng; và lần nào, điều khiến chúng tôi phấn khích là, lần ném sau đều tiếp đất xa hơn lần ném trước vài mét. Chạy đà cùng cây lao giơ trên cao, cánh tay cầm lao đưa sâu ra đằng sau, rồi vung mạnh ra phía trước và buông cho ngọn lao bay đi tạo nên một đòn tấn công sấm sét - trong mắt chúng tôi thầy dường như bất khả chiến bại.

HẾT

CHÚ THÍCH

1. Nguyên văn: Memorial Day - là thứ Hai cuối cùng của tháng Năm để tưởng nhớ những người đã hy sinh trong cuộc Nội chiến Mỹ (1861-1865). (Tất cả chú thích trong sách là của người dịch)

2. D-Day (Designated Day) là ngày 6/6/1944 khi lực lượng đồng minh trong đó có quân Mỹ đổ bộ lên miền bắc nước Pháp bắt đầu tham gia giải phóng châu Âu khỏi sự chiếm đóng của phe phát-xít.

3. Nguyên văn: Front dive. Tư thế nhảy cầu mà người nhảy đứng ở mép ván, hướng mặt về phía nước và nhảy xuống.

4. Nguyên văn: Back dive. Tư thế mà người nhảy đứng ở mép ván, quay lưng lại phía nước, bật lên và nhảy xuống.

5. Nguyên văn: Front jackknife. Người nhảy chạy đà tới mép cầu, bật cao, ở trên không giữ cho chân vuông góc với thân hoặc hai tay ôm gối sát vào thân.

6. Nguyên văn: Back somersault. Người nhảy quay lưng lại mặt nước. Bật cao, xoay người trên không và tiếp nước.

7. Nguyên văn: Tuck. Tư thế lộn người trên không với chân co lại và được hai tay vòng ôm chặt.

8. Nguyên văn: Forward somersault. Người nhảy hướng mặt về phía hồ, bật cao, xoay người trên không trước khi tiếp nước.

9. Nguyên văn: Half twist. Khi ở trên không thân người của vận động viên xoay 90° so với phương khi đứng trên cầu.

10. Nguyên văn: Back jackknife. Là động tác lao xuống nước trong tư thế cong người ở phần hông, chân duỗi thẳng.

11. Y là viết tắt của YMCA (Young men's Christian Assosiation - Hiệp hội thanh niên Cơ đốc giáo) có cơ sở ở nhiều nước trên thế giới với mục tiêu đào tạo thanh thiếu niên trở thành những con người lành mạnh.

12. Nguyên văn: log-cabin. Các súc gỗ được xếp một lớp ngang, rồi một lớp dọc và cứ thế. Gỗ to ở dưới, các lớp trên bé dần. Trên cùng là lớp mỏng để bắt lửa. Khi cháy, lửa sẽ cháy ở trên đỉnh và theo thời gian, cháy dần xuống dưới.

13. Mishi-Mokwa (1825-1888): Thủ lĩnh thổ dân da đỏ nổi danh với những cuộc bạo loạn ở miền tây bắc Canada vào thế kỷ XIX.

14. Elizabeth Kenny (1880-1952) là một nữ y tá người Úc đã đề xuất phương pháp vật lý trị liệu cho các bệnh nhân bại liệt. Đầu những năm 1940, một số cơ sở y tế điều trị bệnh nhân bại liệt với phương pháp của bà và cũng mang tên của bà được lập ra ở Mỹ.

15. Cuộc bạo động diễn ra trong sáu ngày từ ngày 12 đến ngày 17-7-1967 do người Mỹ gốc Phi gây ra ở Newark khiến 26 người chết và hàng trăm người khác bị thương.

16. Mary thương hàn là biệt danh của Mary Mallon (1869-1938) - trường hợp đầu tiên ở Mỹ được xác định là người lây truyền bệnh thương hàn nhưng không hề có triệu chứng bị bệnh (danh từ chuyên môn là người lành mang trùng).

17. Austin Palmer là người đề xướng và cổ xúy một lối viết chữ đẹp hồi cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Sau này trở thành lối viết phổ biến ở Mỹ.

Chia sẻ ebook: <http://www.downloadsach.com>

Follow us on Facebook: <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>